

bamboo
Robot



Automation CATALOG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠCH VIỆT CNC

Website

www.machviet.com

Email

machviet.hn@gmail.com

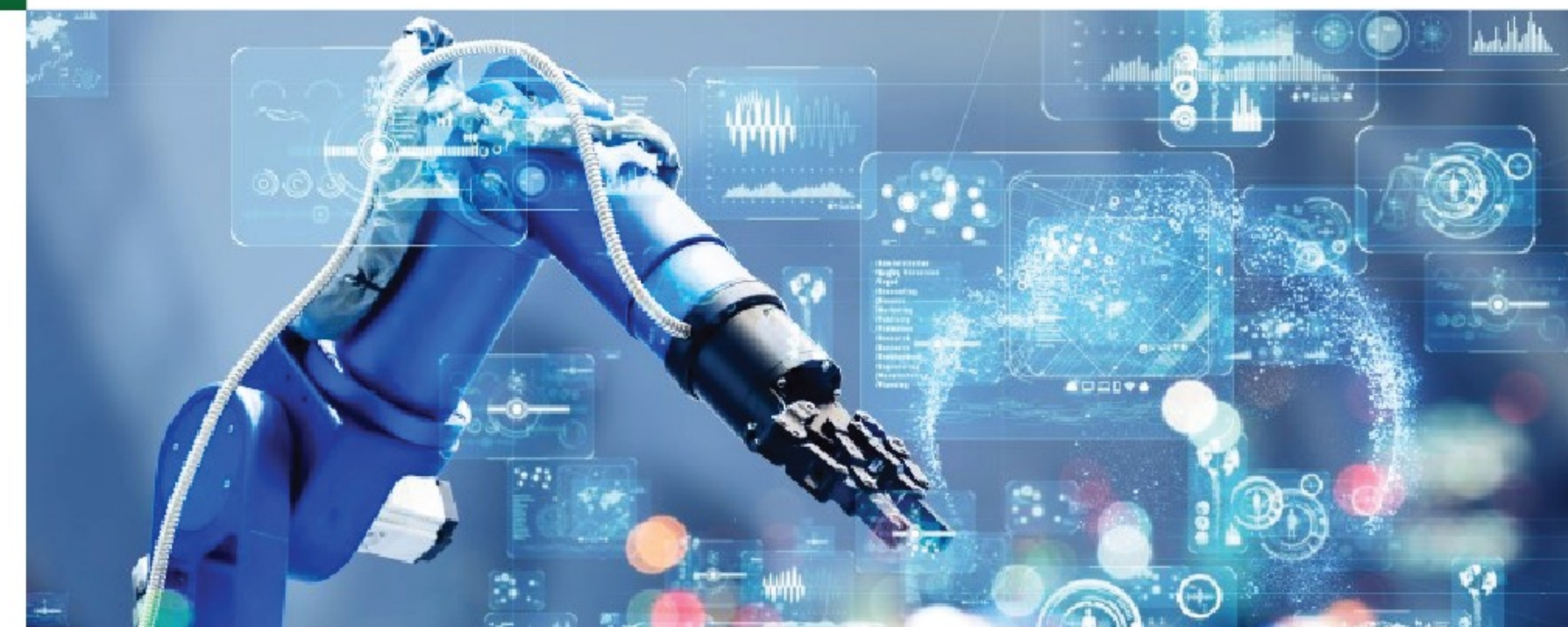
Địa chỉ kho

Số 95/68 Giáp Hải, Bát Tràng, Hà Nội



MỤC LỤC

LT9905-B-6	Trang 04
LT750-B-6	Trang 06
LT950-A-6	Trang 08
LT1000-C-6	Trang 10
LT1500-C-6	Trang 12
LT1500-D-6	Trang 14
LT1850-D-6	Trang 16
LT1850-3C-6	Trang 18
LT2100-C-6	Trang 20
LT2100-E-6	Trang 22
LT2100-ED-6	Trang 24
LT2300-3C-6	Trang 26
LT2950-3C-6	Trang 28
LM1000-E-6	Trang 30
LM1400-3C-6	Trang 32
LM1850-3C-6	Trang 34
LBG1000-B-4	Trang 36
LB1500-C-4	Trang 38
LB1850-3C-4	Trang 40
LB2100-F-4	Trang 42
LB2300-E-4	Trang 44
LP1500-B-6	Trang 46
LP1950-B-6	Trang 48
LH1500-C-6	Trang 50
LH2100-C-6	Trang 52
LHZ1450-C-6	Trang 54
LHZ1500-C-6	Trang 56
LHZ2000-C-6	Trang 58
BC900	Trang 60
Bc900 PRO	Trang 62
BC1600-D-6	Trang 64
LS450-B-4	Trang 66
LS600-B-4	Trang 68
LS800-B-4	Trang 70
LT1500-B-7	Trang 72
LP1500-B-9	Trang 74
LP950-A-6	Trang 76
BWJ-E/BWJ-F	Trang 78



Bamboo Robot

Giới thiệu

Mạch Việt, một doanh nghiệp tiên phong với hơn một thập kỷ kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thiết bị, linh kiện CNC cùng các giải pháp tự động hóa tại Việt Nam, tự hào giới thiệu thương hiệu mới Bamboo Robot. Đây là kết quả của quá trình nghiên cứu và phát triển không ngừng nghỉ, kết hợp cùng các đối tác chiến lược, nhằm mang đến những giải pháp tự động hóa tiên tiến, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất trong các nhà máy tại Việt Nam.

Bamboo Robot là thương hiệu được Mạch Việt phát triển với mục tiêu thúc đẩy tự động hóa sản xuất trong các nhà máy tại Việt Nam, mang lại hiệu quả vượt trội với chi phí hợp lý. Thương hiệu này được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa công nghệ tiên tiến và sự am hiểu sâu sắc về nhu cầu của thị trường nội địa.

Tầm nhìn

Bamboo Robot không chỉ là một thương hiệu sản phẩm, mà còn là biểu tượng cho sự sáng tạo và khát vọng đưa ngành công nghiệp tự động hóa Việt Nam vươn tầm thế giới. Chúng tôi tin rằng, với Bamboo Robot, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội tiếp cận những giải pháp công nghệ tiên tiến, giúp tăng cường năng suất, giảm chi phí và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

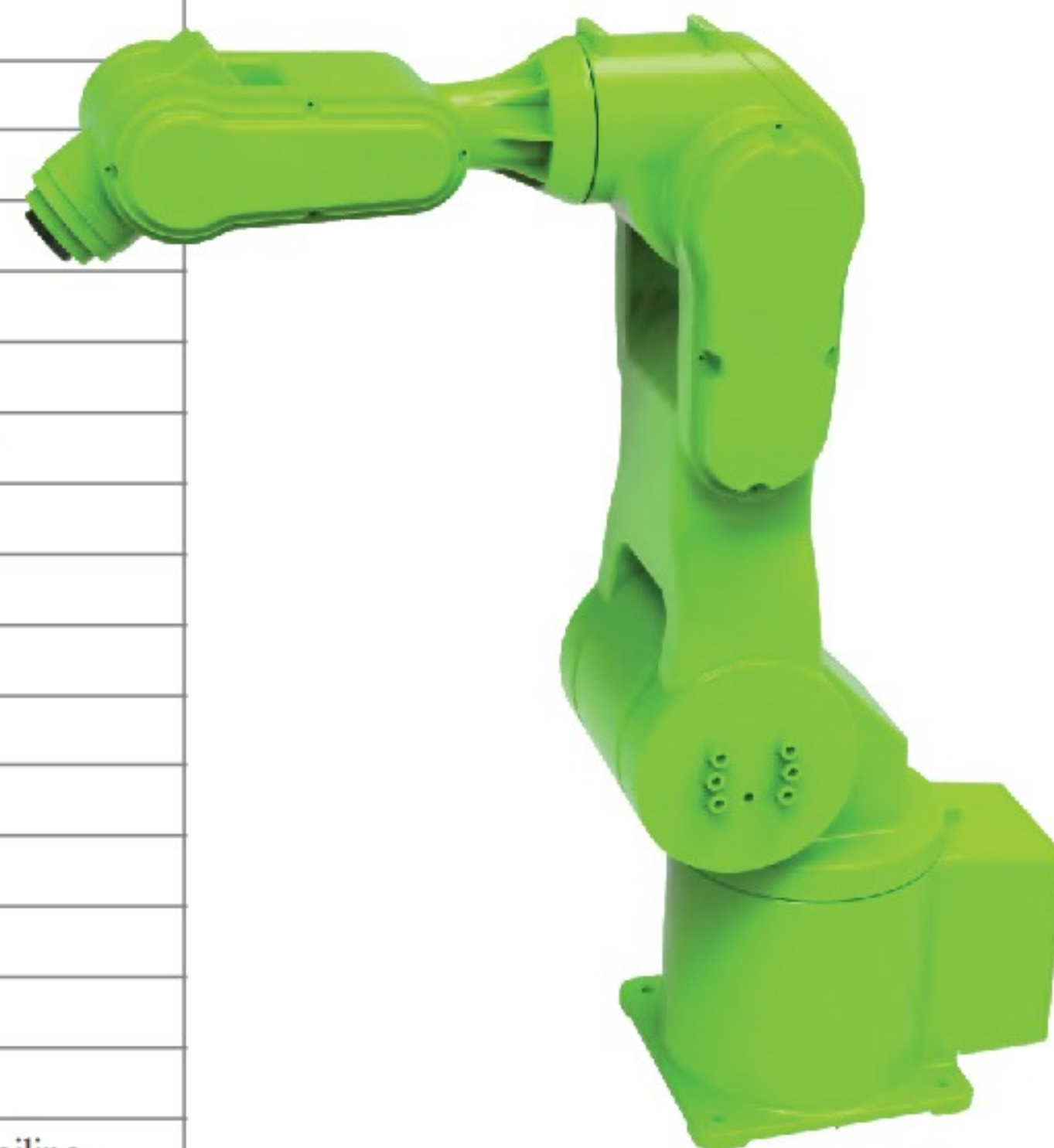
ROBOT ĐA DỤNG

bamboo
Robot

LT9905-B-6

Thông số kỹ thuật

Payload		6KG
Reach		990mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-70°
	Axis 3	+70°/-80°
	Axis 4	+178°/-140°
	Axis 5	+30°/-205°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	225°/sec
	Axis 2	225°/sec
	Axis 3	225°/sec
	Axis 4	225°/sec
	Axis 5	225°/sec
	Axis 6	225°/sec
Weight		≈55kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

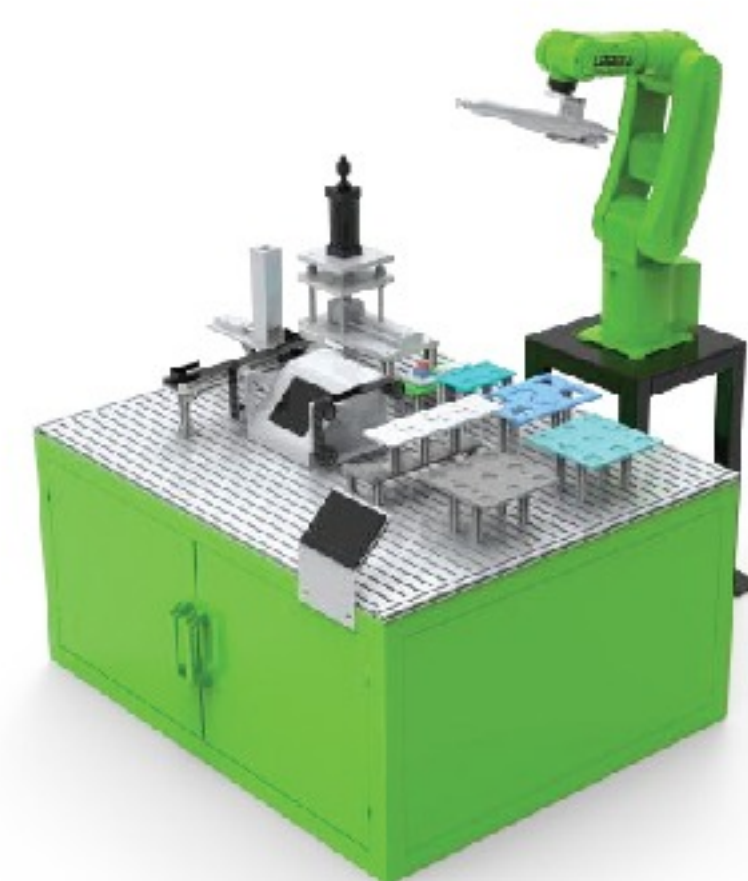


Ứng dụng

Xử lý vật liệu, chuyển giao linh kiện, quản lý máy móc, thử nghiệm, dán keo, lắp ráp

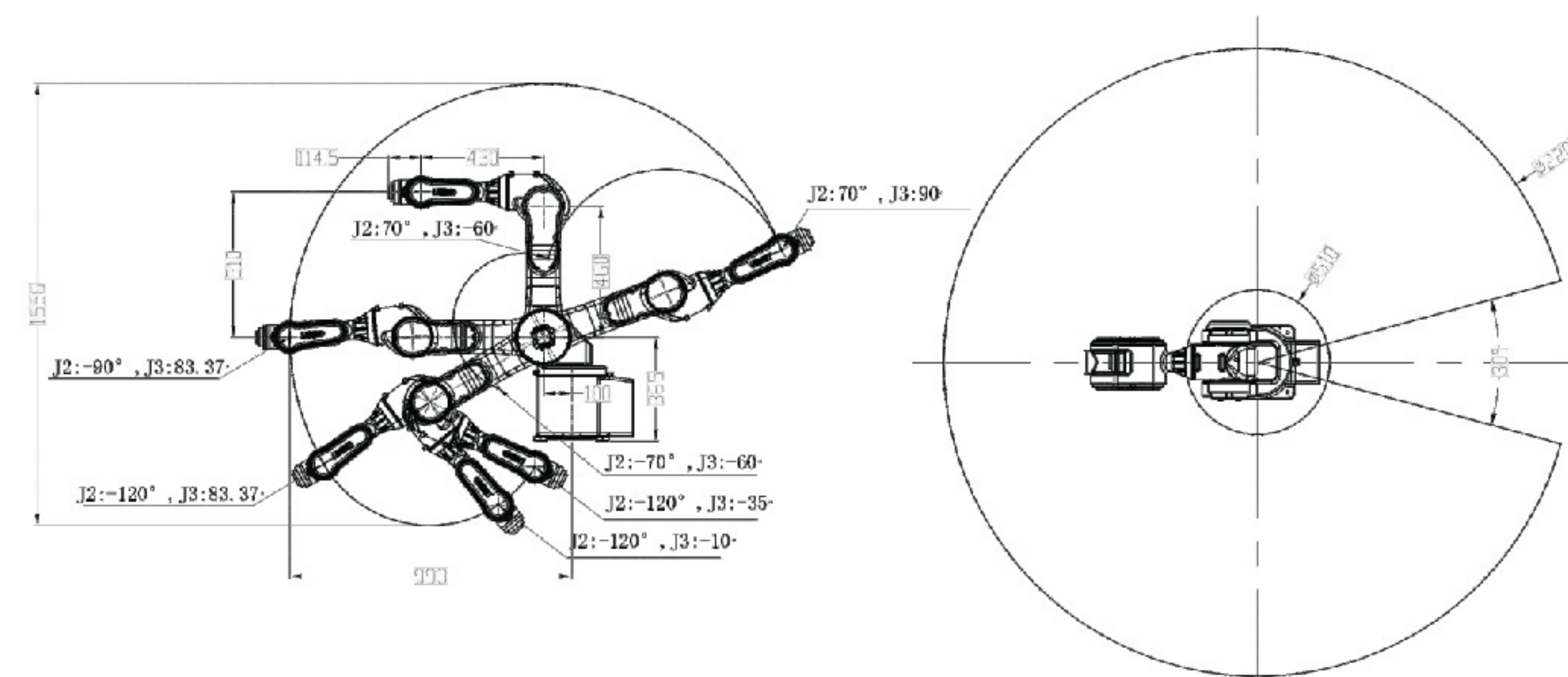
Đây là một robot để bàn nhỏ gọn với chu kỳ làm việc ngắn, hoạt động đáng tin cậy và hiệu suất chi phí cao. Nó được sử dụng rộng rãi cho nhiều nền tảng giảng dạy thực nghiệm và các khóa học sửa chữa, tháo lắp của sinh viên. Hình minh họa một nền tảng giảng dạy thực nghiệm của khách hàng, thực hiện phân loại và định vị vật liệu kết hợp với nhận dạng hình ảnh máy tính.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

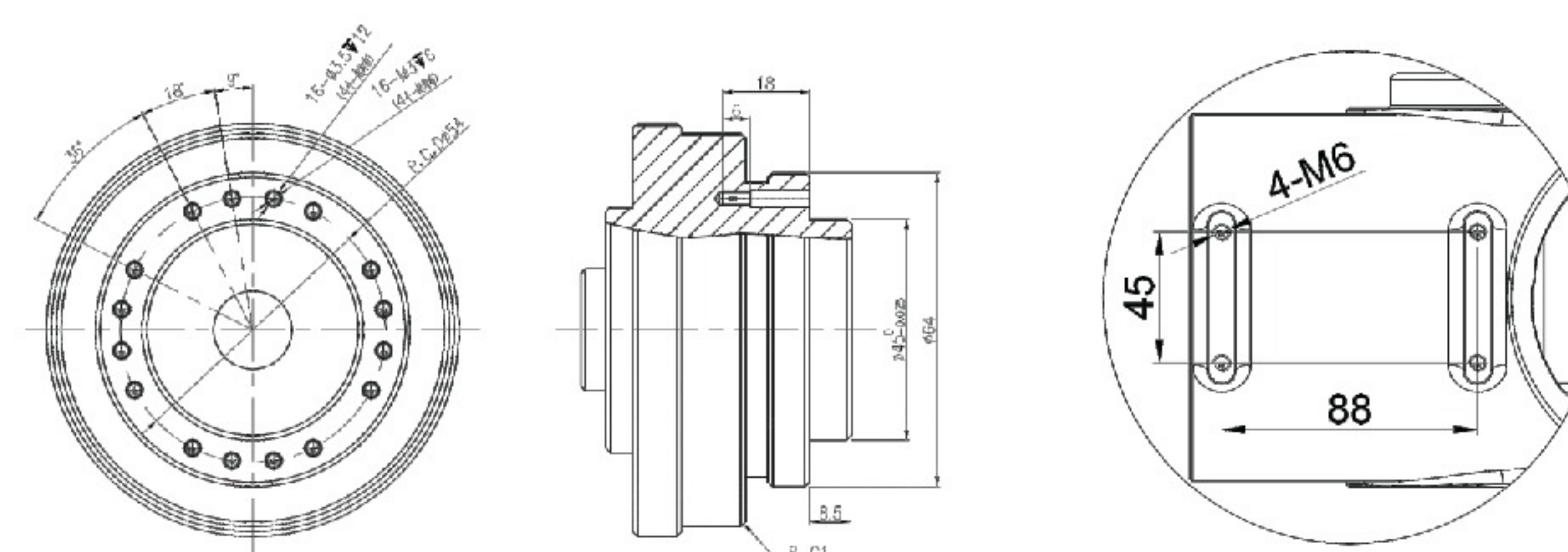


Bamboo Robot

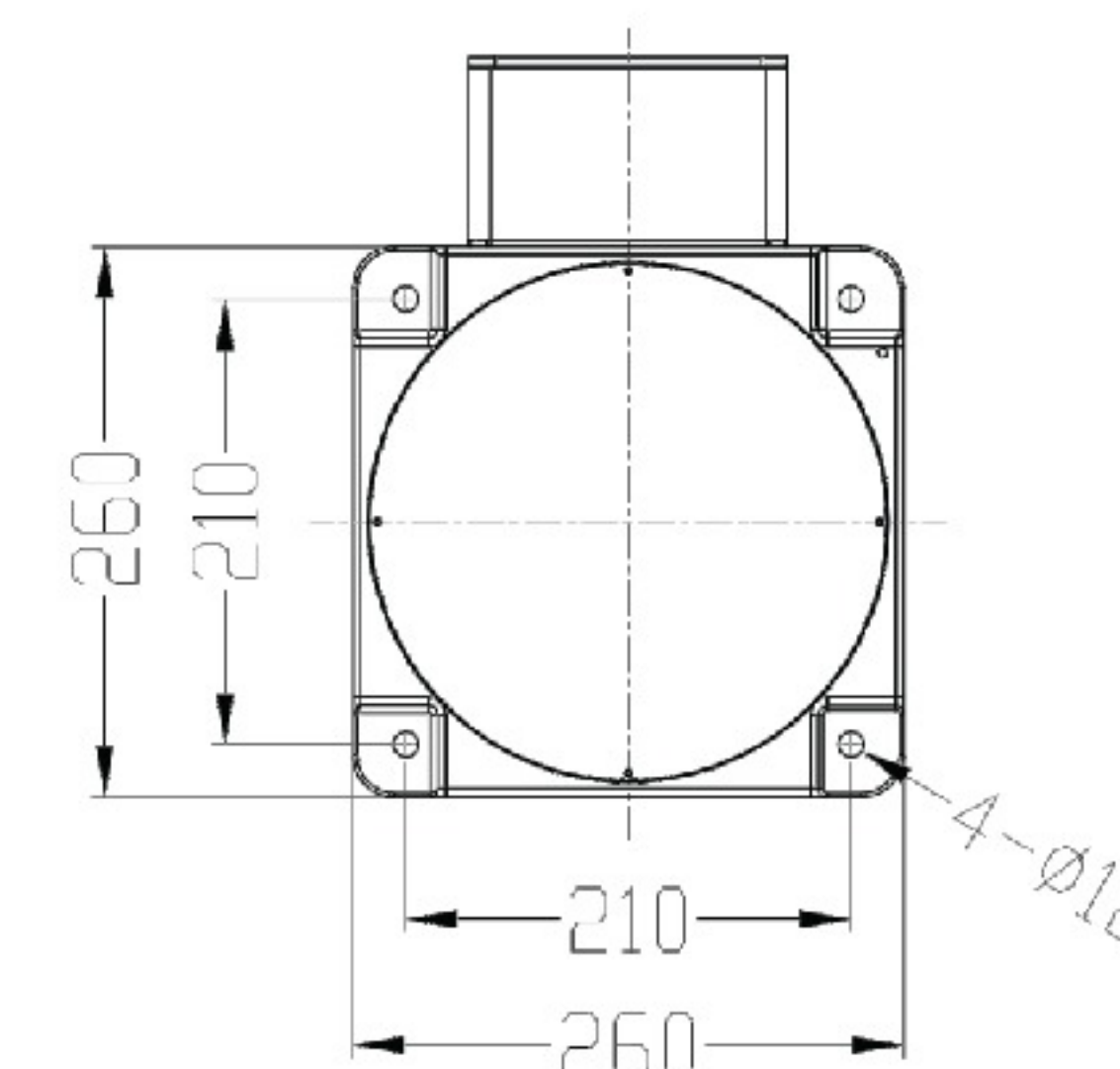
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG

bamboo
Robot

LT750-B-6

Thông số kỹ thuật

Payload		6KG
Reach		750mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-70°
	Axis 3	+75°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	222°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		~ 85kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5℃~45℃



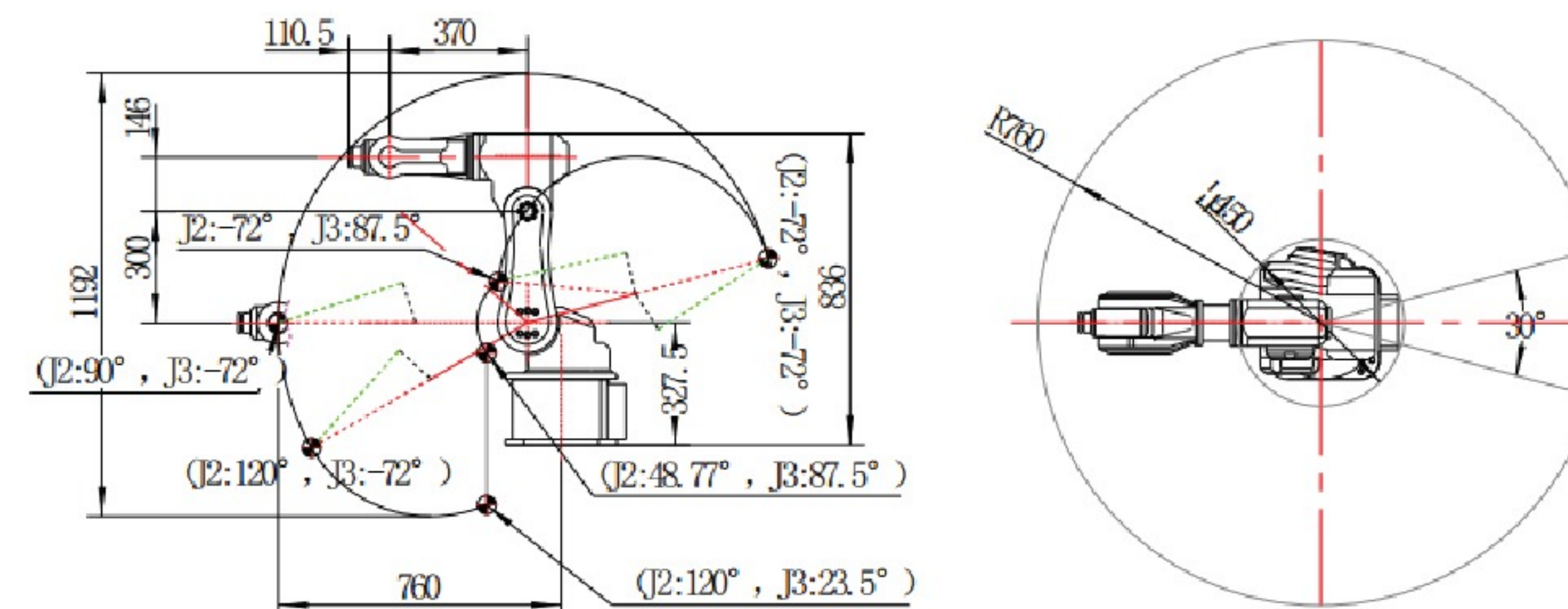
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, chuyển giao linh kiện, quản lý máy móc, thử nghiệm, dán keo, lắp ráp

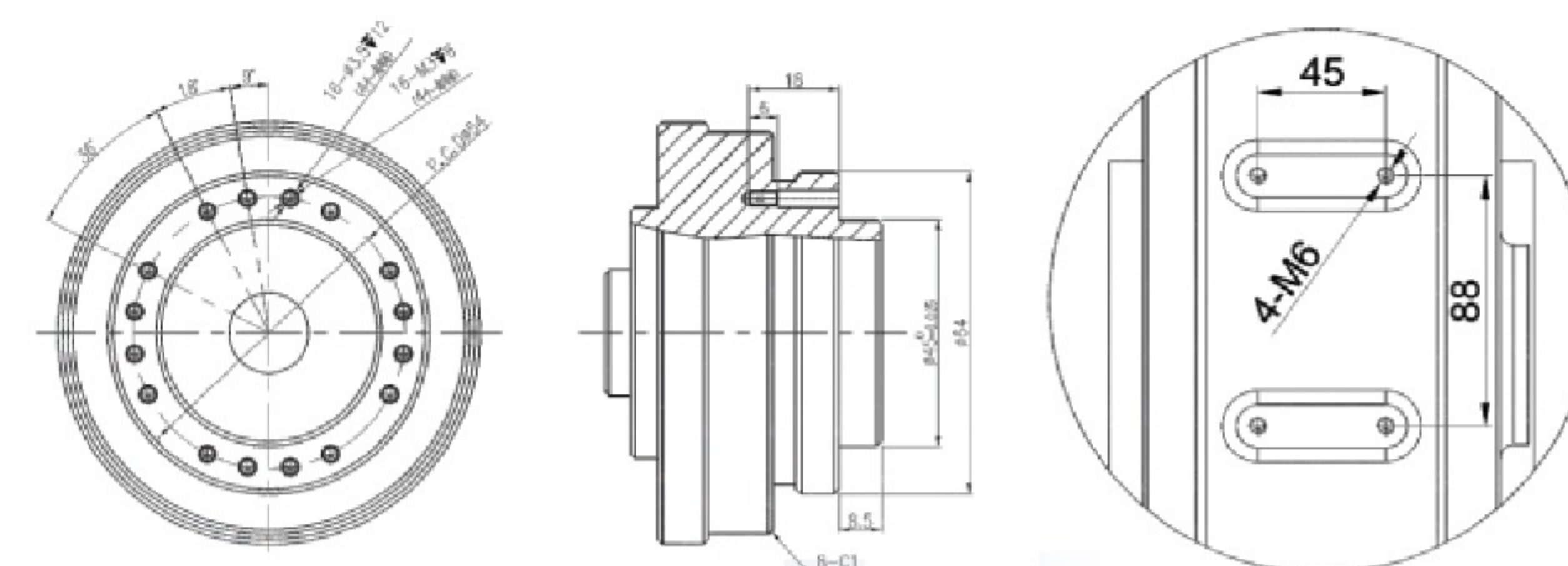
Đây là một robot để bàn nhỏ gọn với chu kỳ làm việc ngắn, hoạt động đáng tin cậy và hiệu suất chi phí cao. Nó được sử dụng rộng rãi cho nhiều nền tảng giảng dạy thực nghiệm và các khóa học sửa chữa, tháo lắp của sinh viên.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

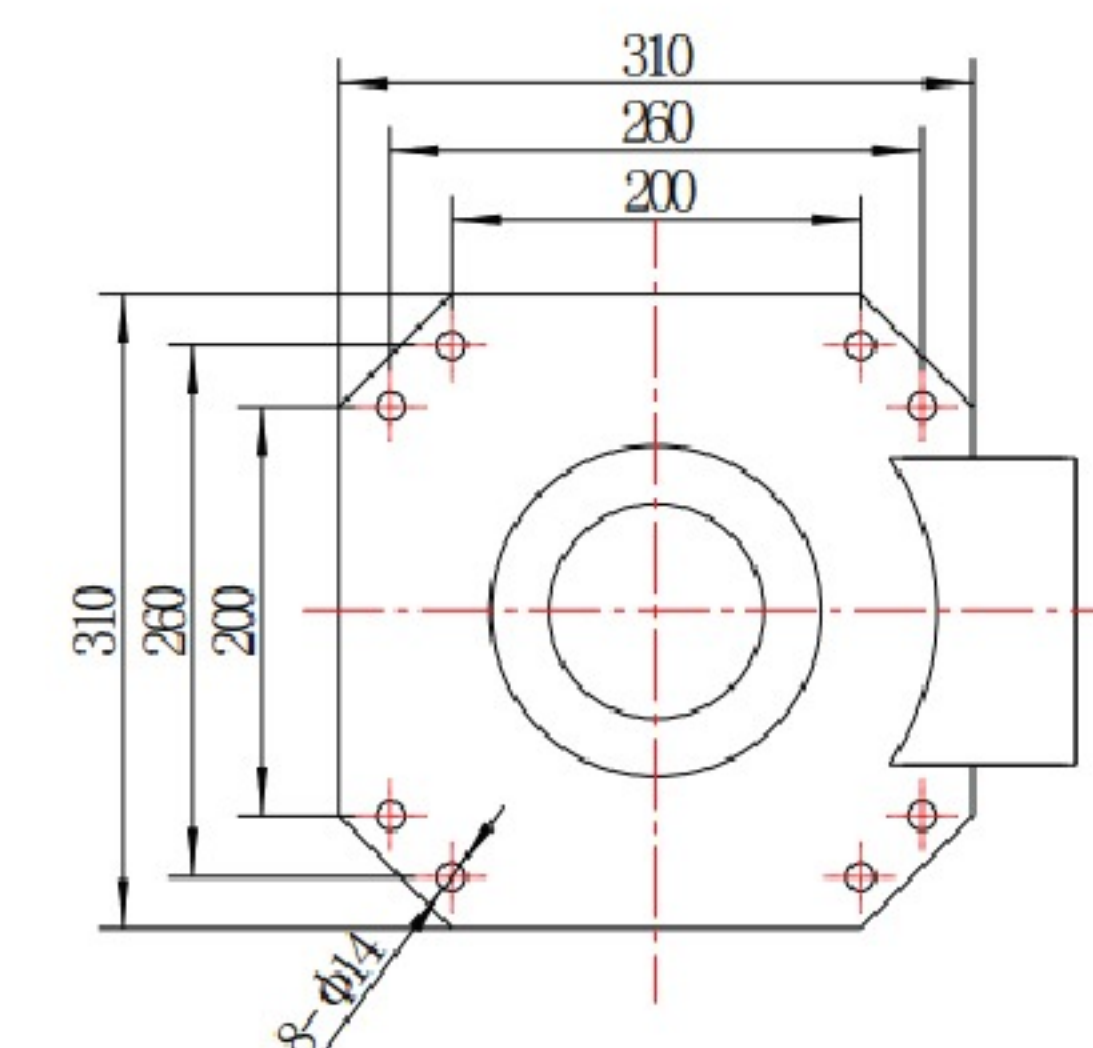
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



LT950-A-6

▶ Thông số kỹ thuật

Payload		6KG
Reach		950mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-70°
	Axis 3	+75°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈86kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

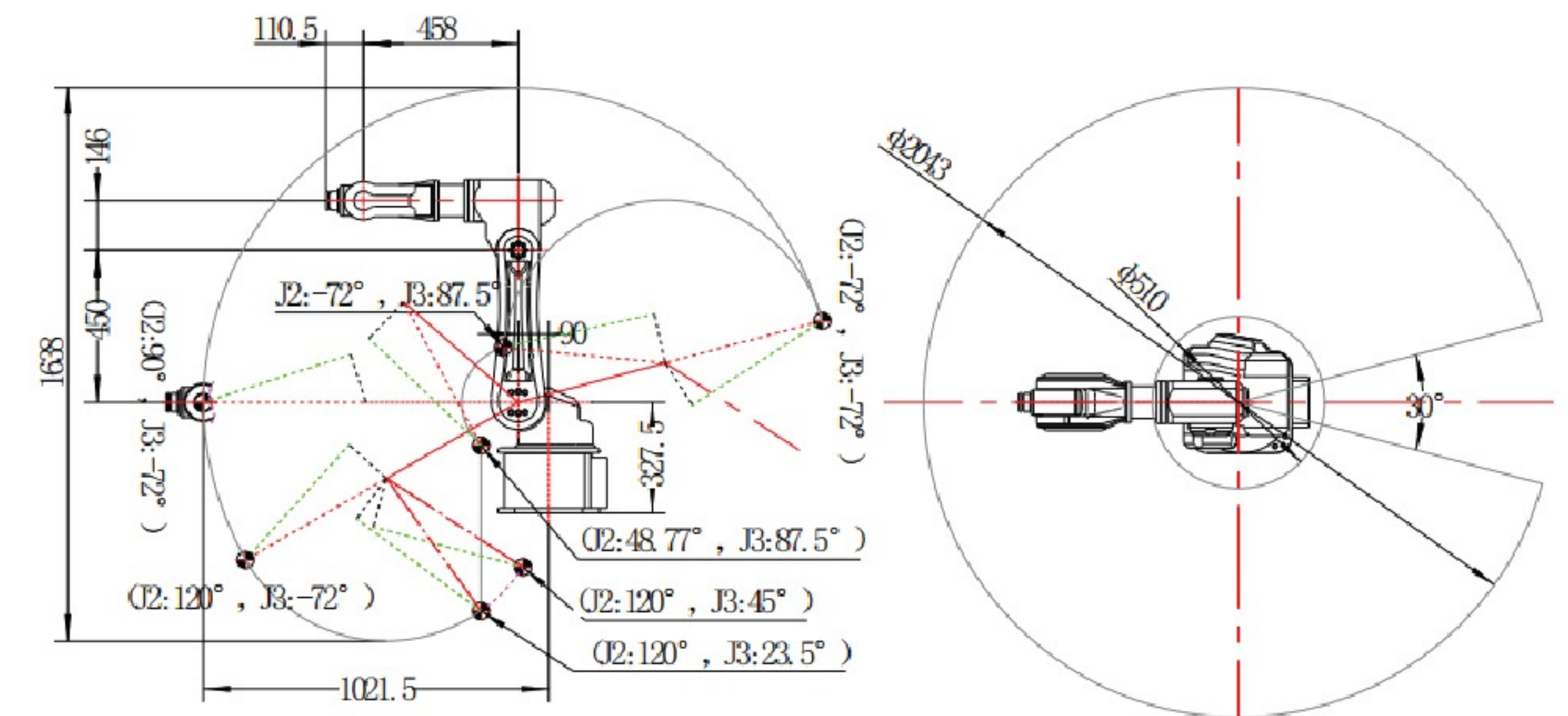

Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

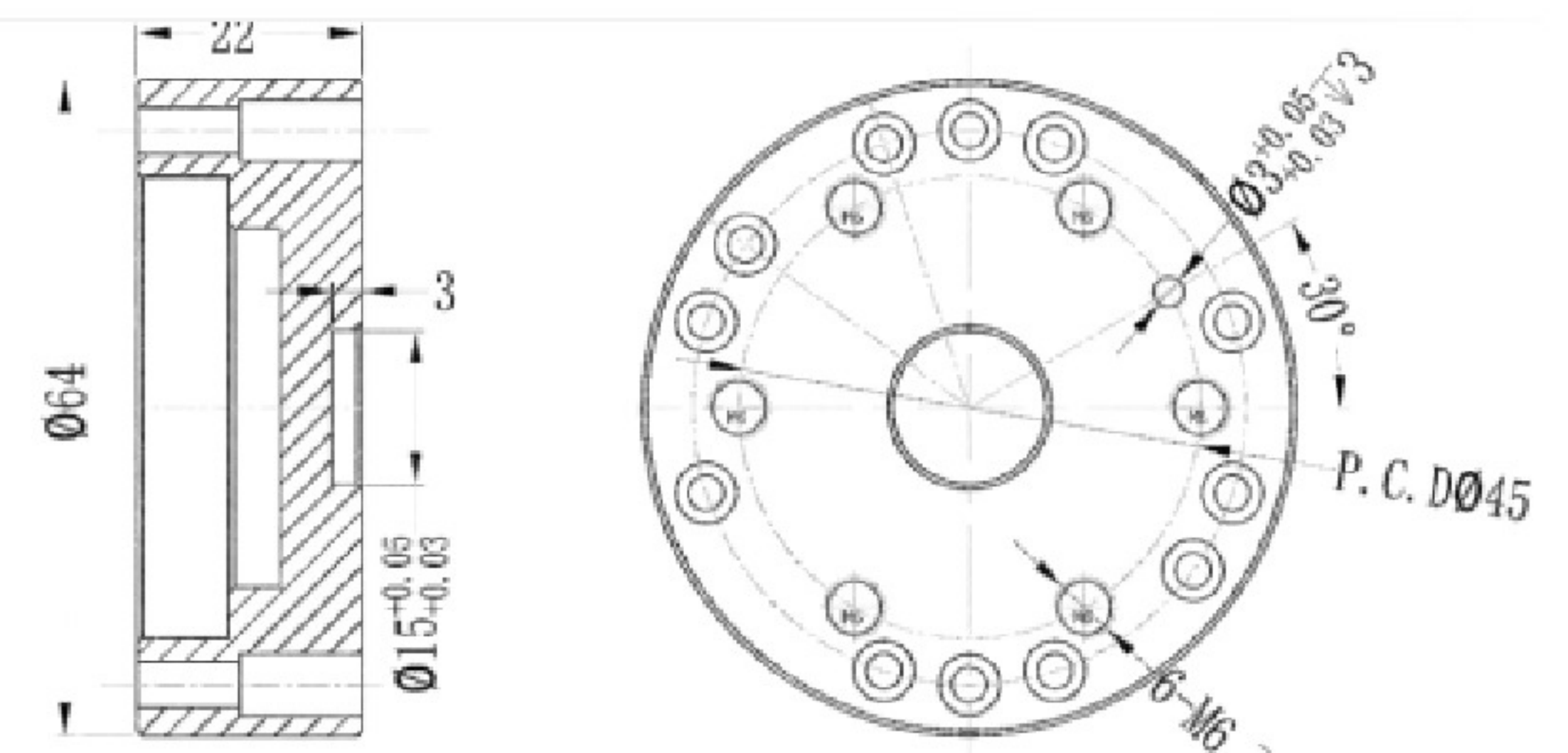
Đây là robot nhỏ gọn, chu kỳ làm việc ngắn, vận hành đáng tin cậy và hiệu suất chi phí cao. Robot đã được thử nghiệm trong các ứng dụng công nghiệp trước đây, với hiệu suất vượt trội, giá trị gia tăng cao và khả năng hoàn vốn đầu tư nhanh, giúp bạn cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

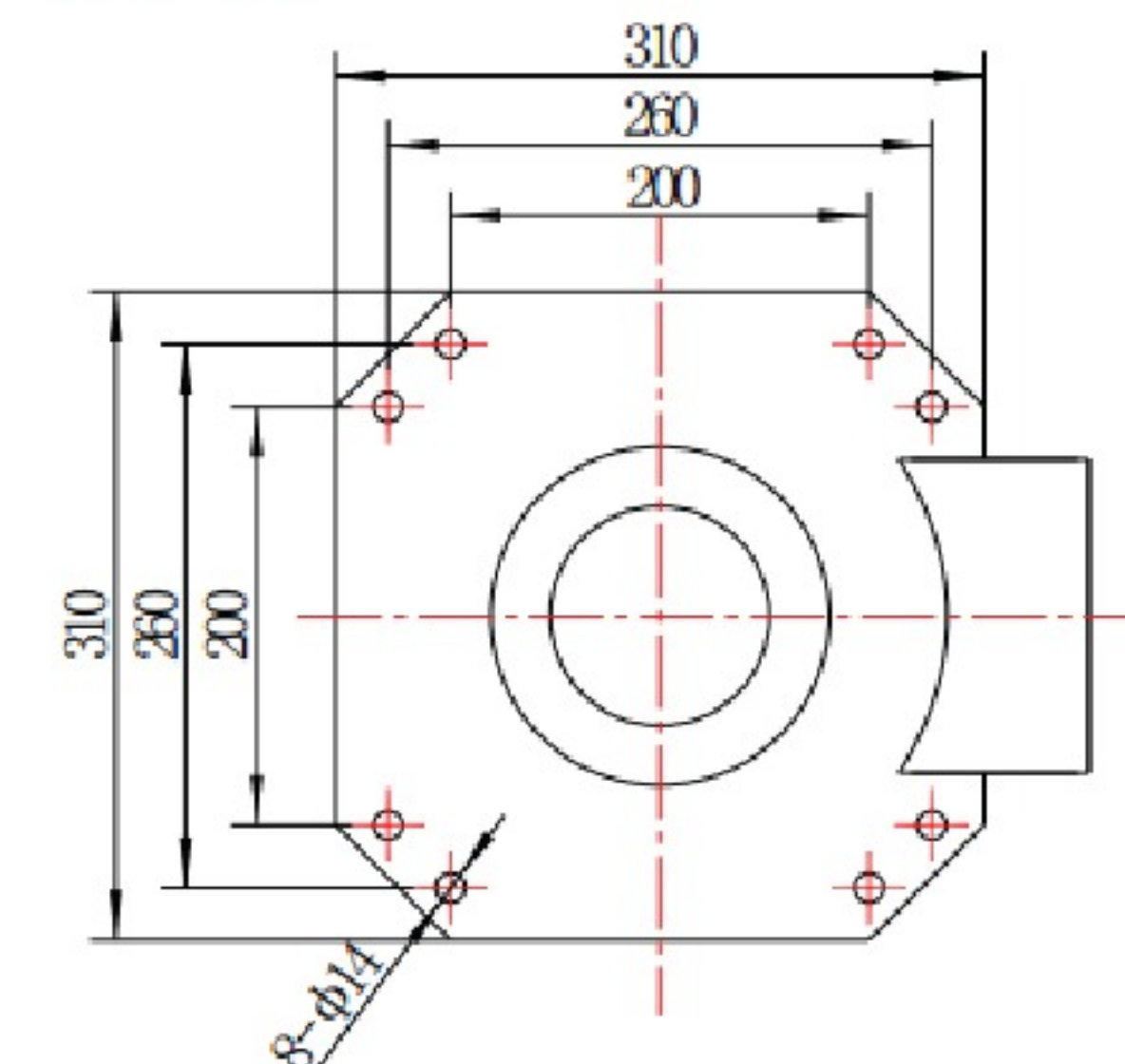
Phạm vi chuyển động



 Kích thước lắp ghép



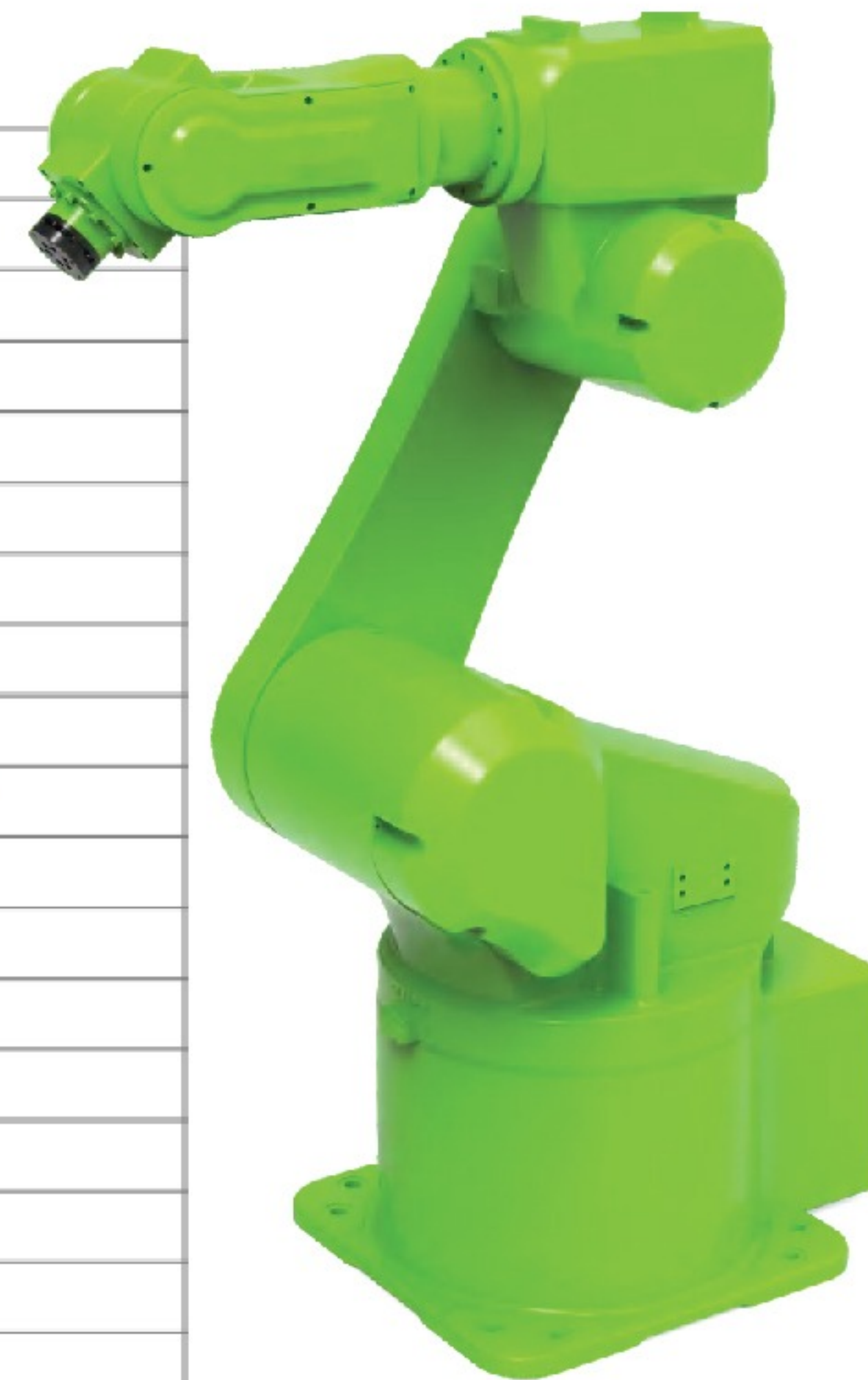
 Kích thước chân đế



LT 1000-C-6

▶ Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		1000mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		$\pm 0.03\text{mm}$
Max. motion range	Axis 1	$\pm 165^\circ$
	Axis 2	$+88^\circ/-80^\circ$
	Axis 3	$+60^\circ/-80^\circ$
	Axis 4	$\pm 160^\circ$
	Axis 5	$+30^\circ/-240^\circ$
	Axis 6	$\pm 360^\circ$
Max. speed	Axis 1	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 2	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 3	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 4	$222^\circ/\text{sec}$
	Axis 5	$222^\circ/\text{sec}$
	Axis 6	$222^\circ/\text{sec}$
Weight		$\approx 130\text{kg}$
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		$5^\circ\text{C} \sim 45^\circ\text{C}$

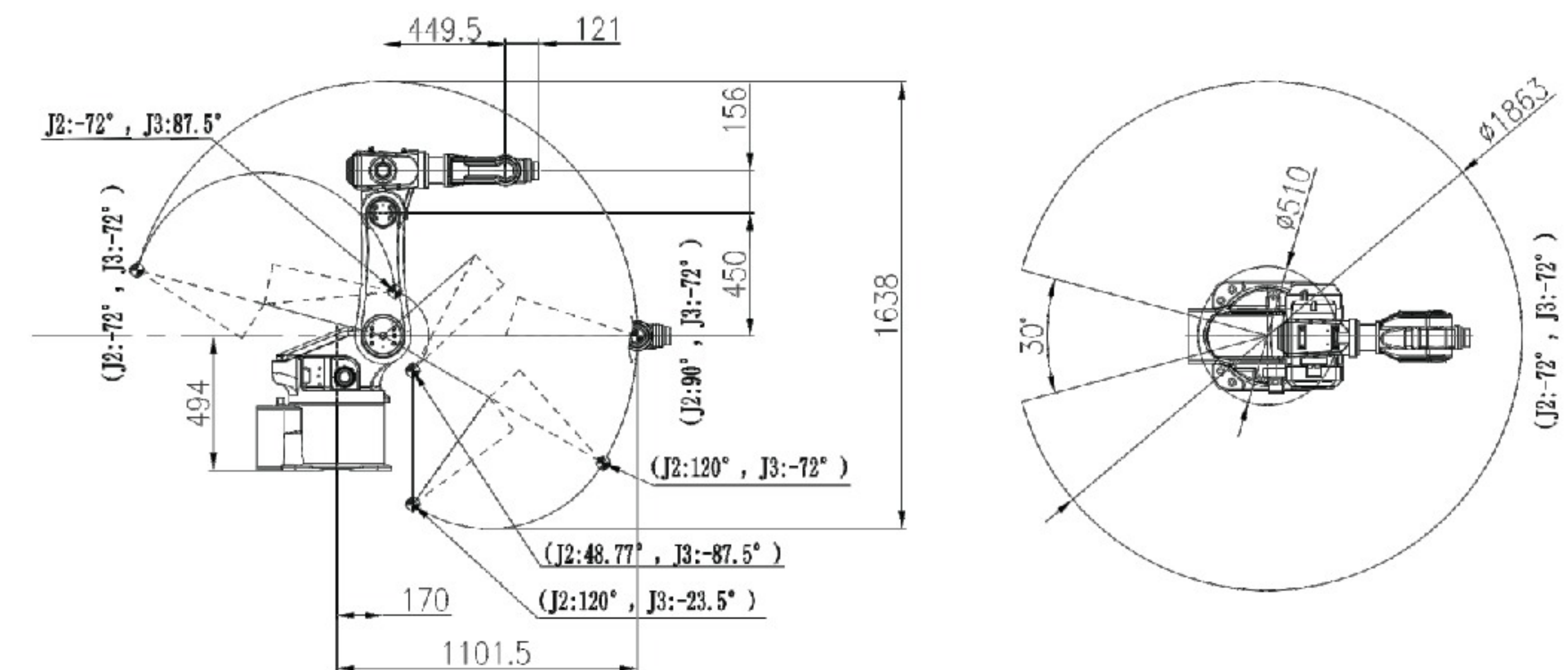

Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

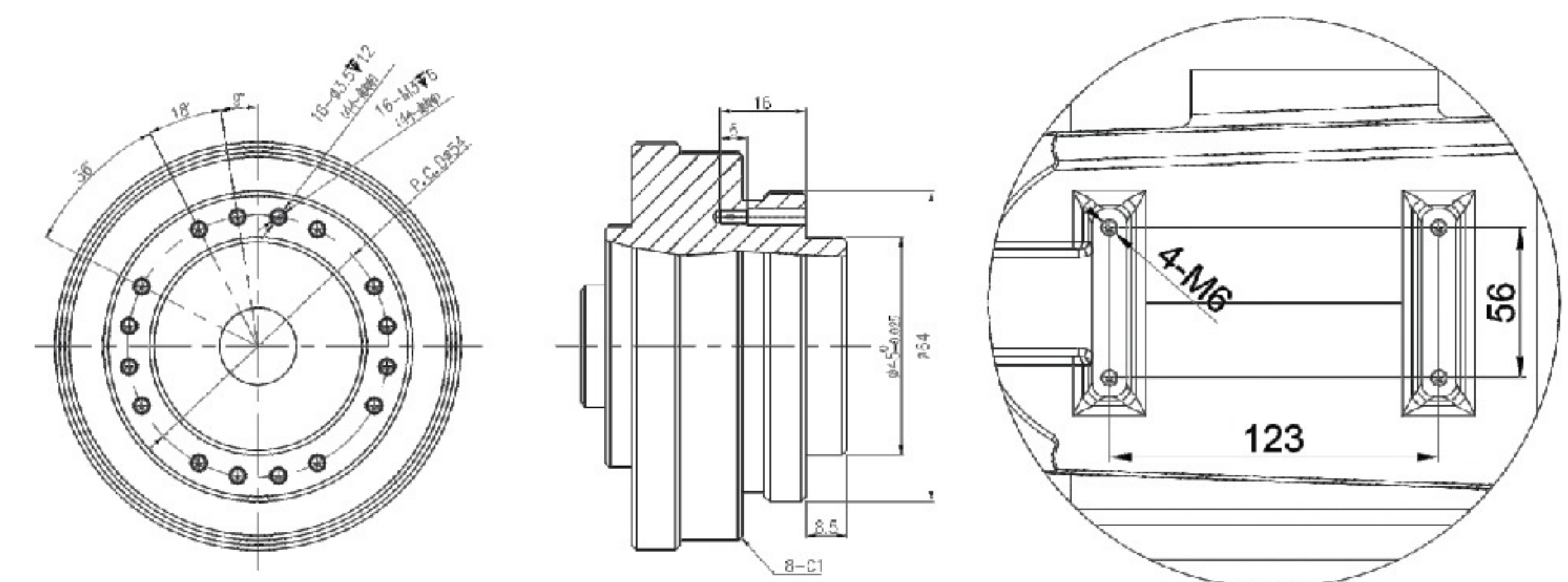
Kết hợp với dây chuyền sản xuất, một robot có thể quản lý hai máy NC đối diện nhau, nhờ đó giảm đáng kể chi phí nhân công và thời gian, đồng thời nâng cao năng suất cho khách hàng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

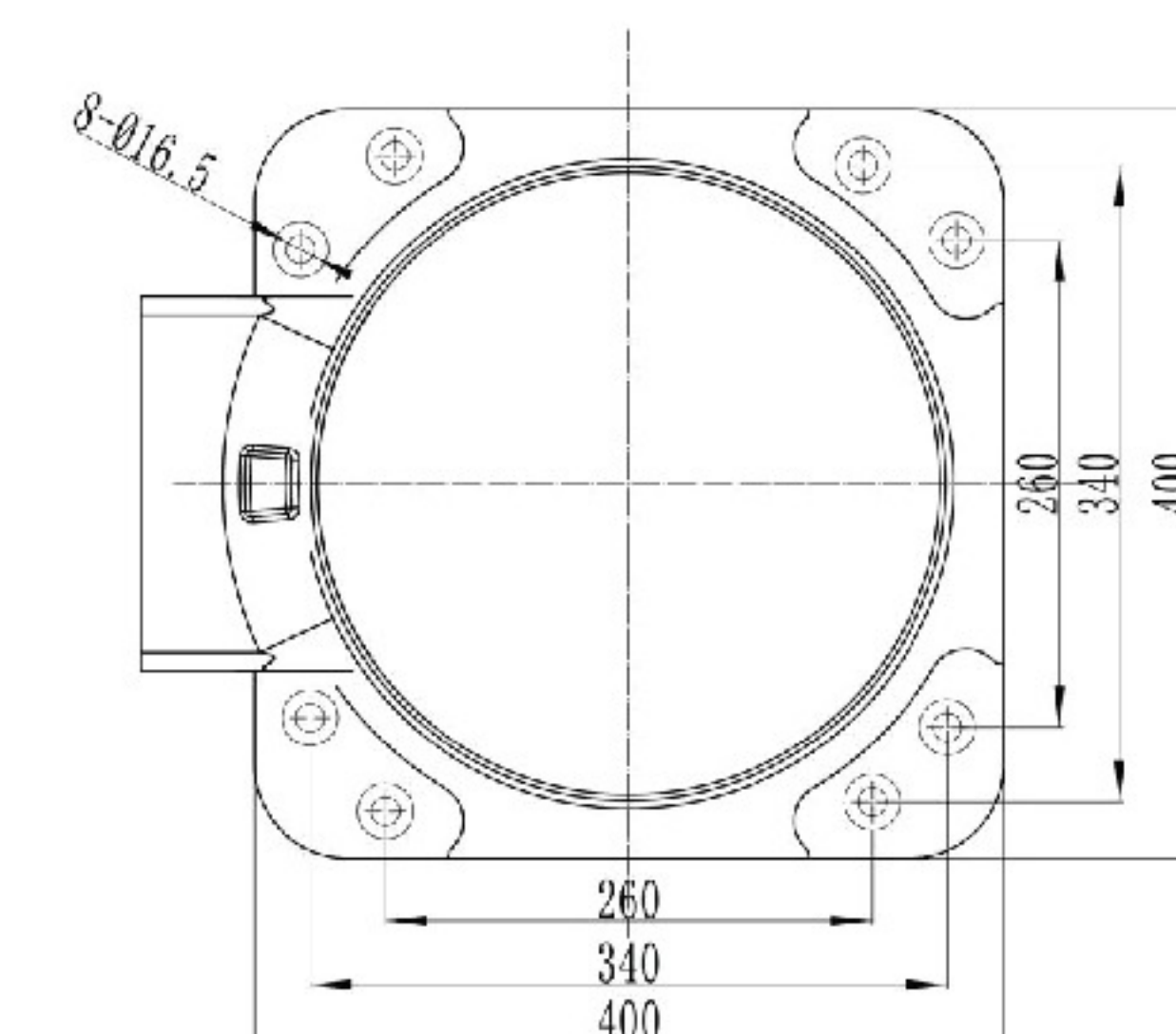
▶ Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



 Kích thước chân đế



LT1500-C-6

Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		1500mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-55°
	Axis 3	+88°/-85°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-215°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈150kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



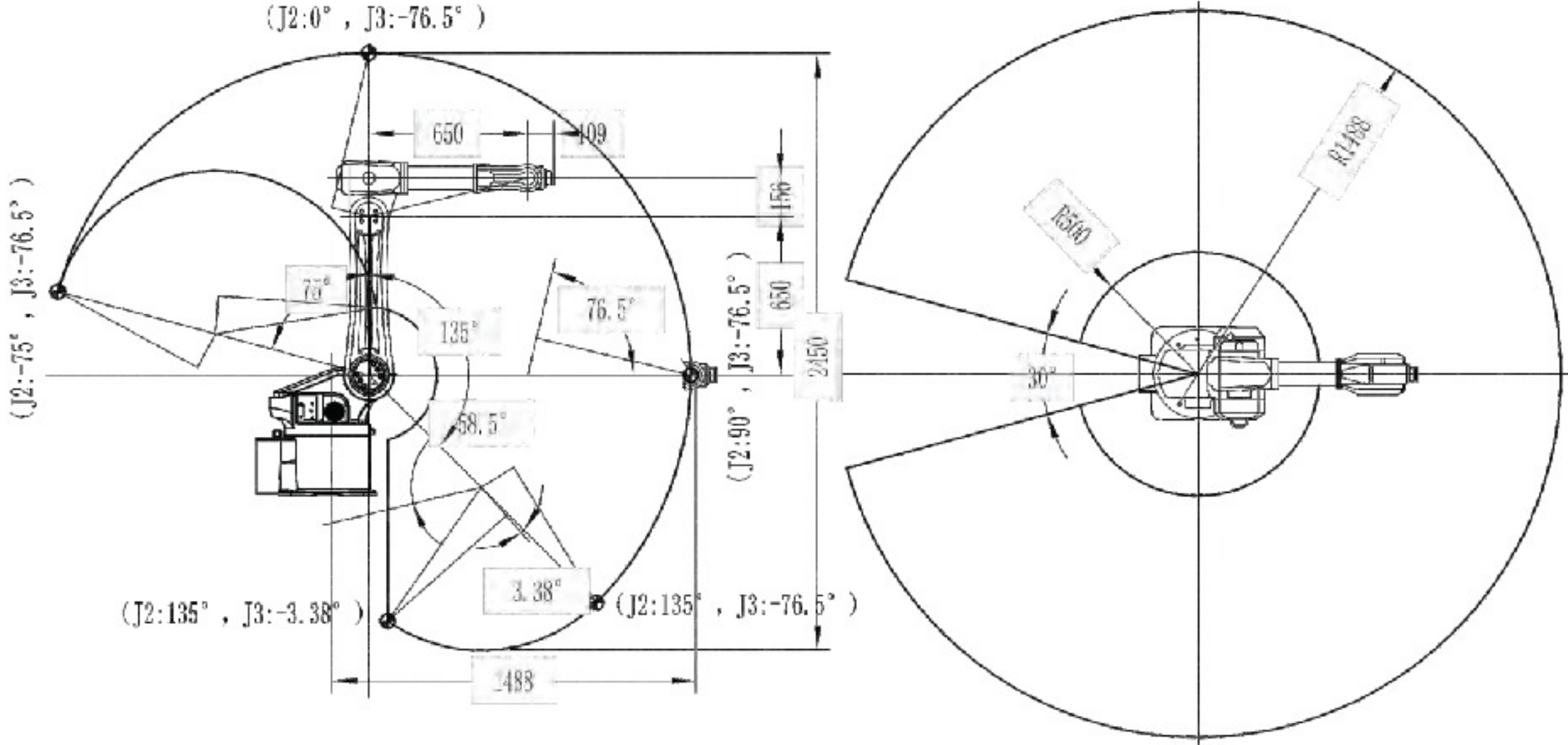
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

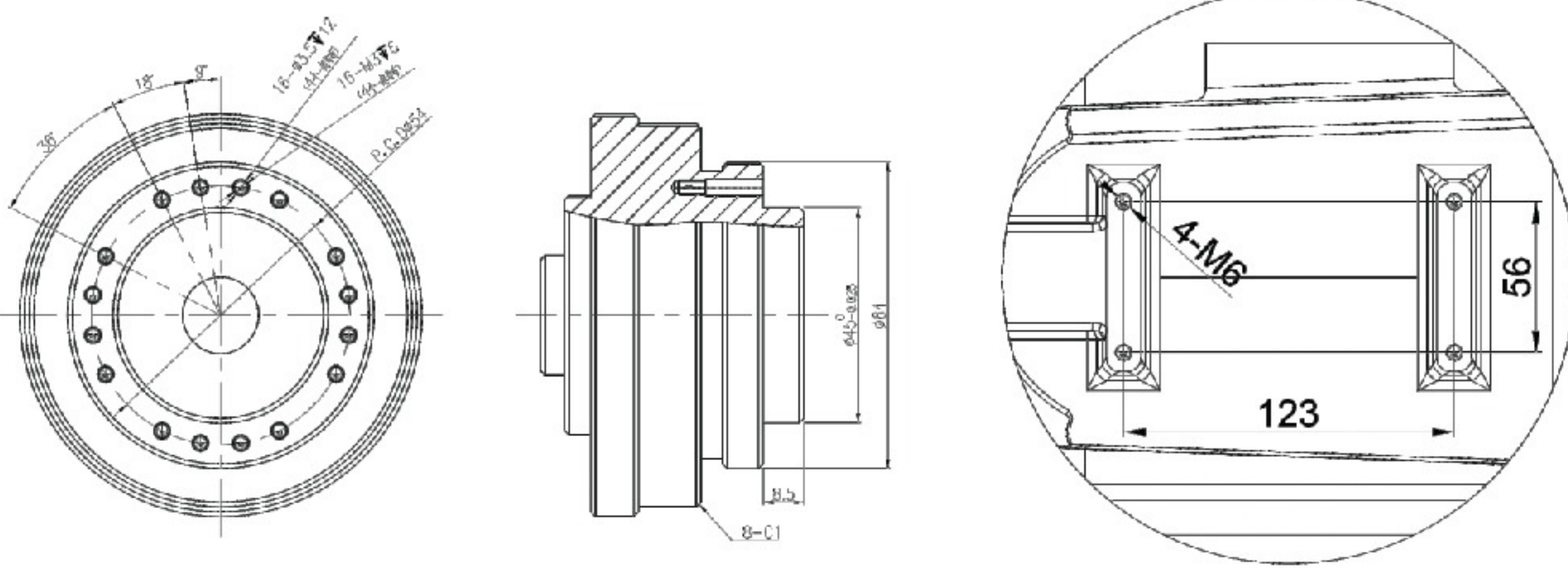
Kết hợp với dây chuyền sản xuất, một robot có thể quản lý hai máy NC đối diện nhau, nhờ đó giảm đáng kể chi phí nhân công và thời gian, đồng thời nâng cao năng suất cho khách hàng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

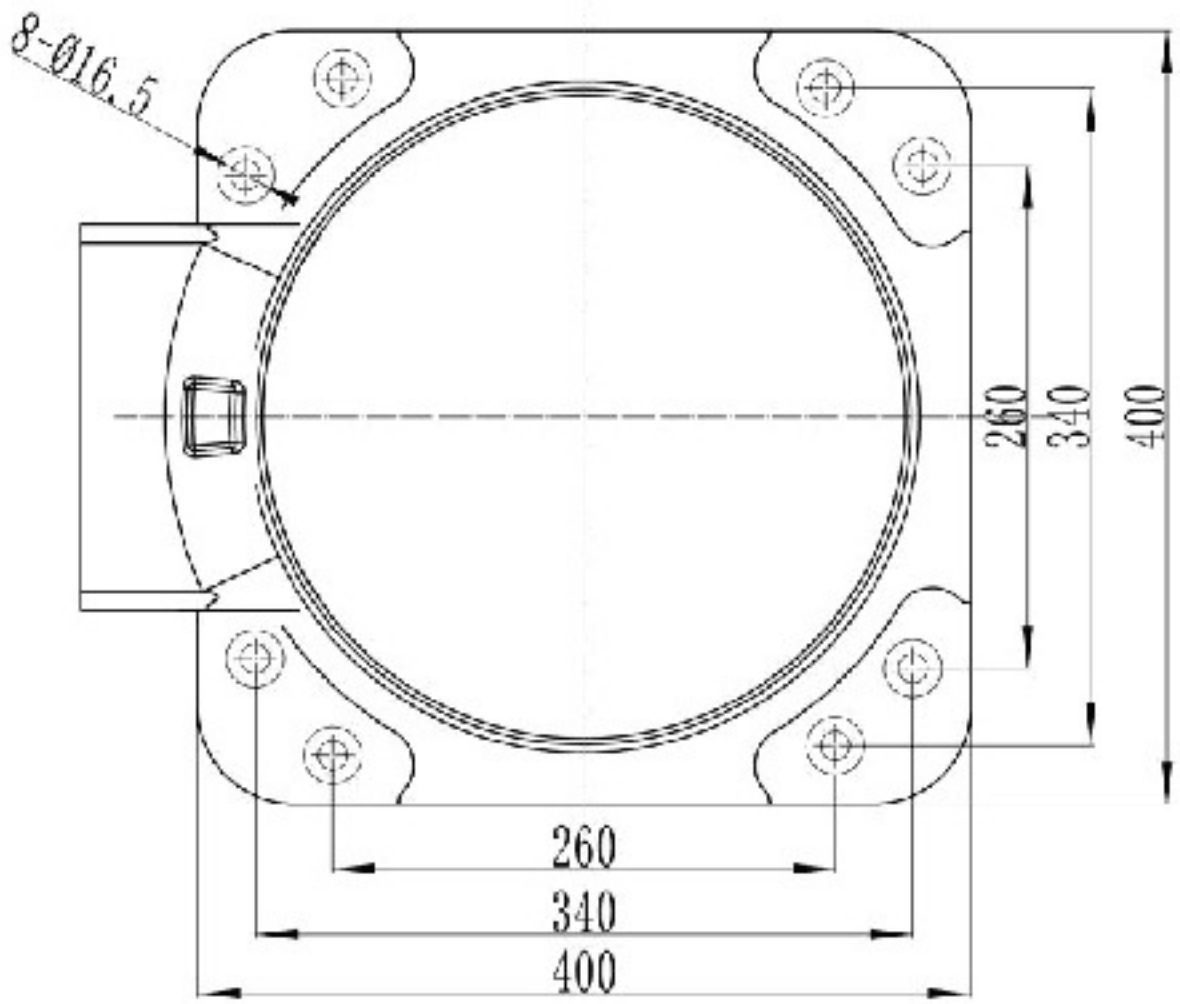
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG

LT 1500-D-6

▶ Thông số kỹ thuật



Payload		20KG
Reach		1500mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-55°
	Axis 3	+88°/-85°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-215°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈150kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

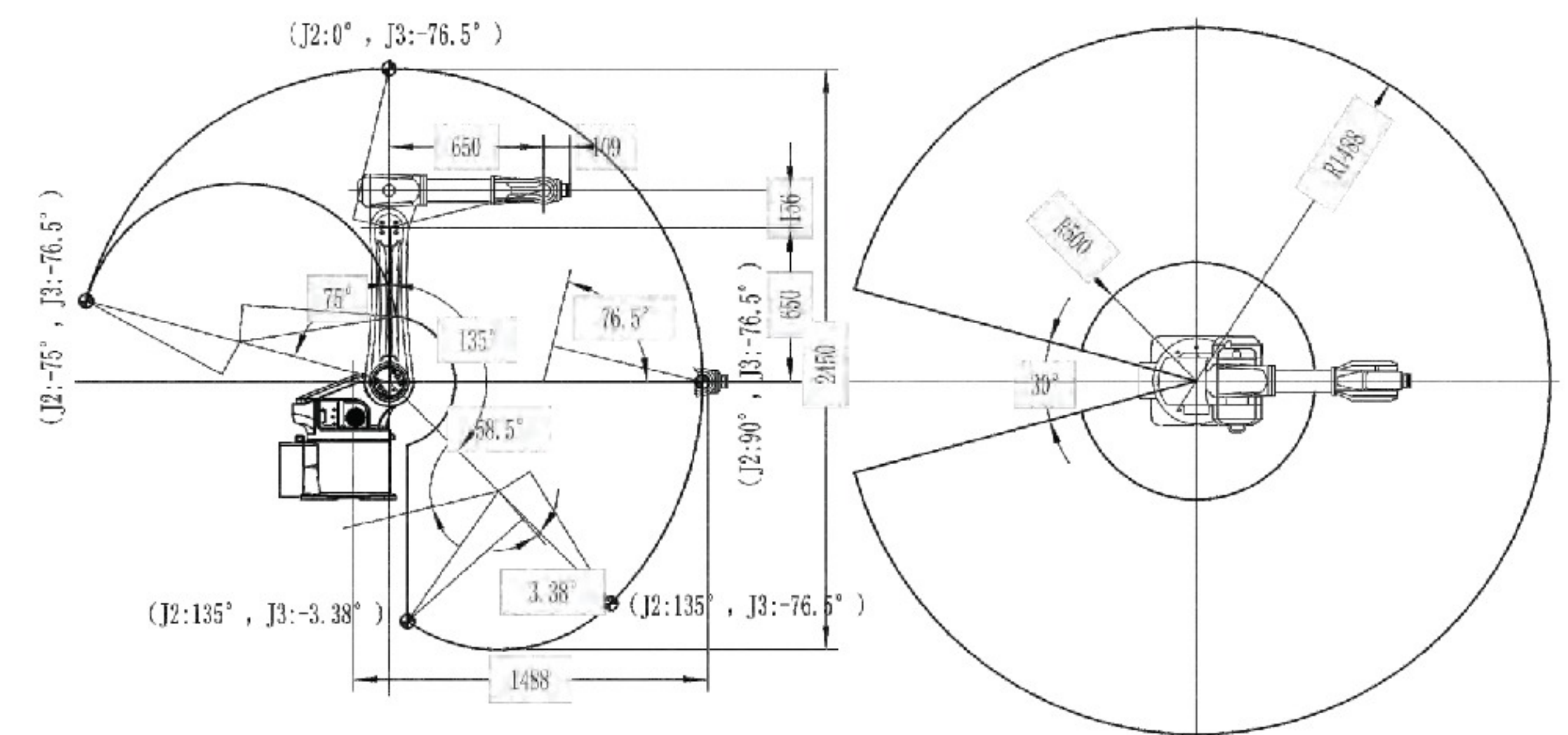
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

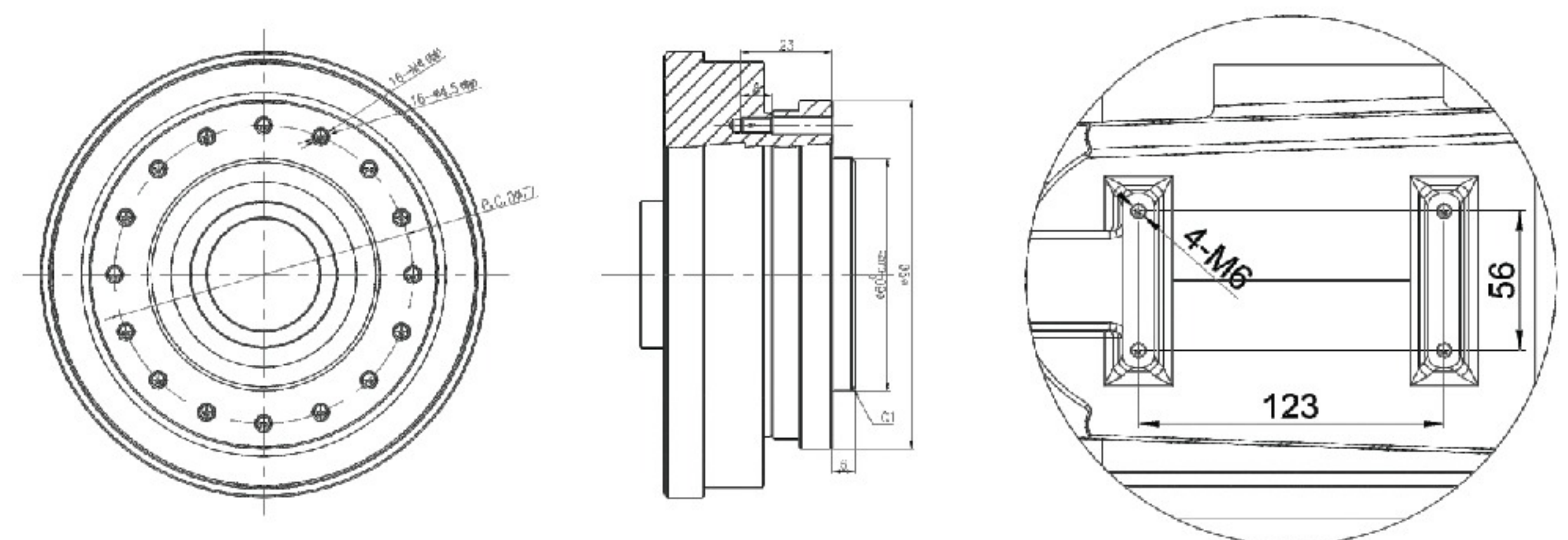
Nhiều cánh tay robot kết hợp với dây chuyền lắp ráp có thể tiết kiệm đáng kể chi phí nhân công và thời gian, cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất của khách hàng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

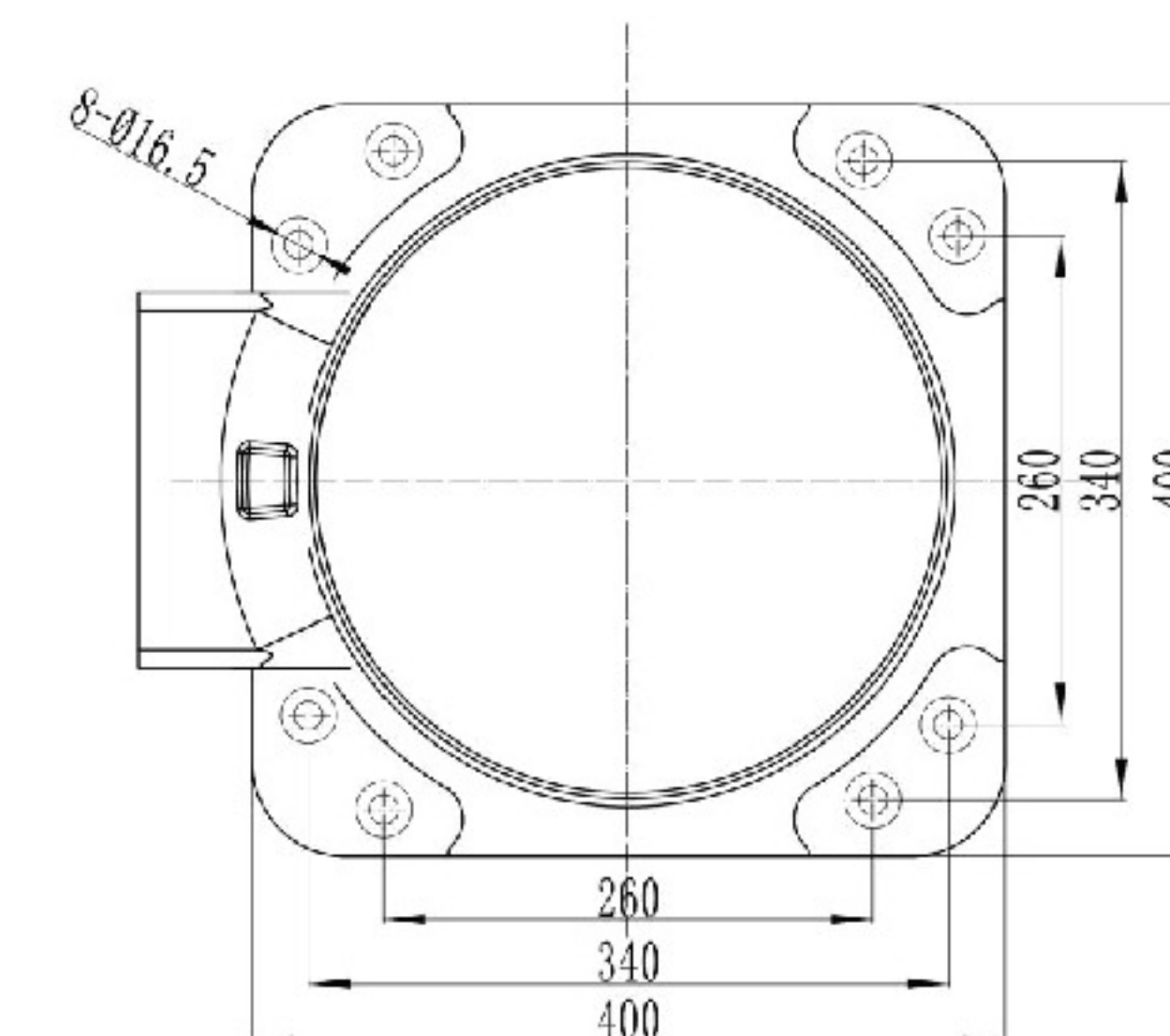
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



 Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG

bamboo
Robot

LT1850-D-6

Thông số kỹ thuật

Payload		20KG
Reach		1850mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-60°
	Axis 3	+60°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈250kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



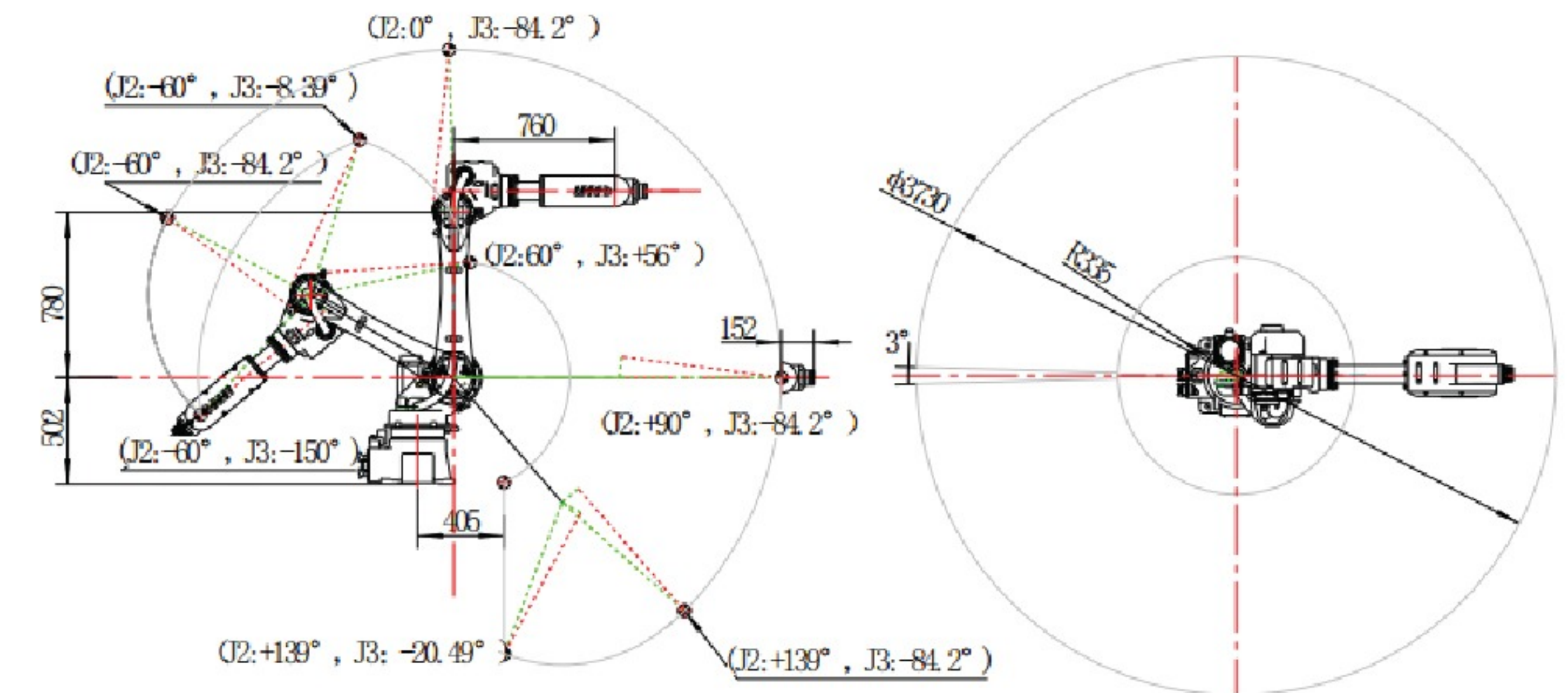
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

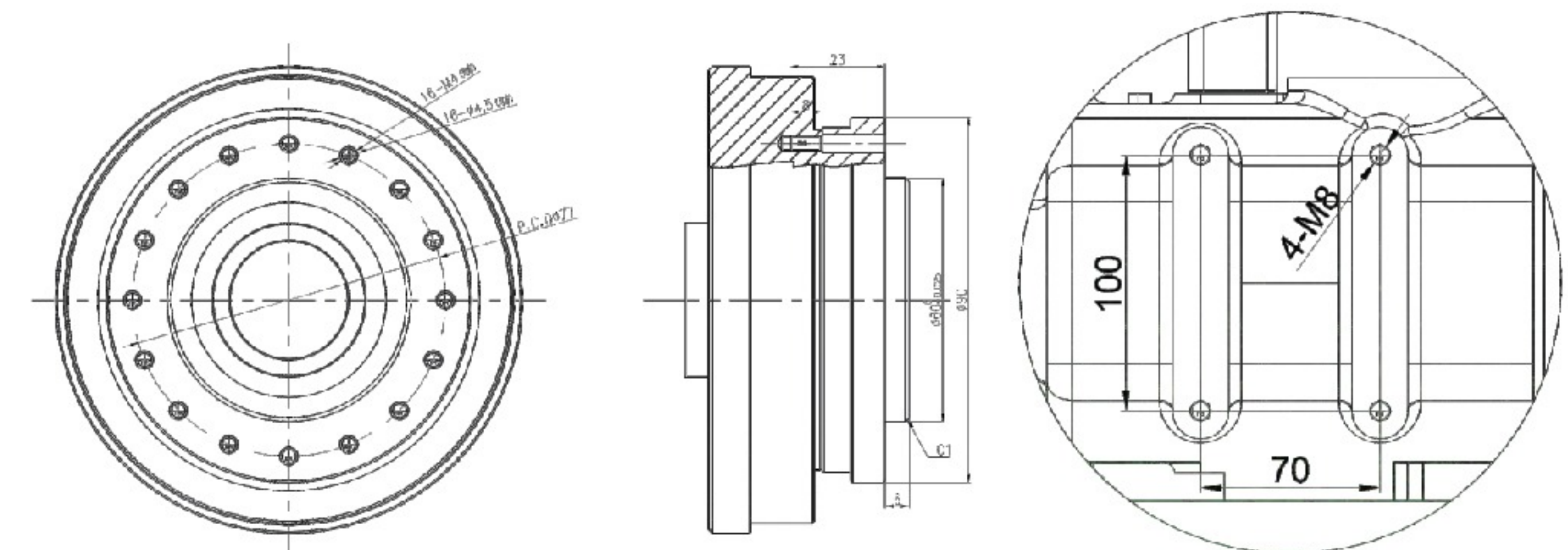
Robot này có tải trọng 20 kg và được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng xử lý, sơn, nạp và dỡ hàng cho máy công cụ, siết vít, lắp ráp bề mặt và các ứng dụng khác. Một robot 6 trục có thể hoạt động độc lập và hiệu quả trong các quy trình sản xuất dạng tế bào.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

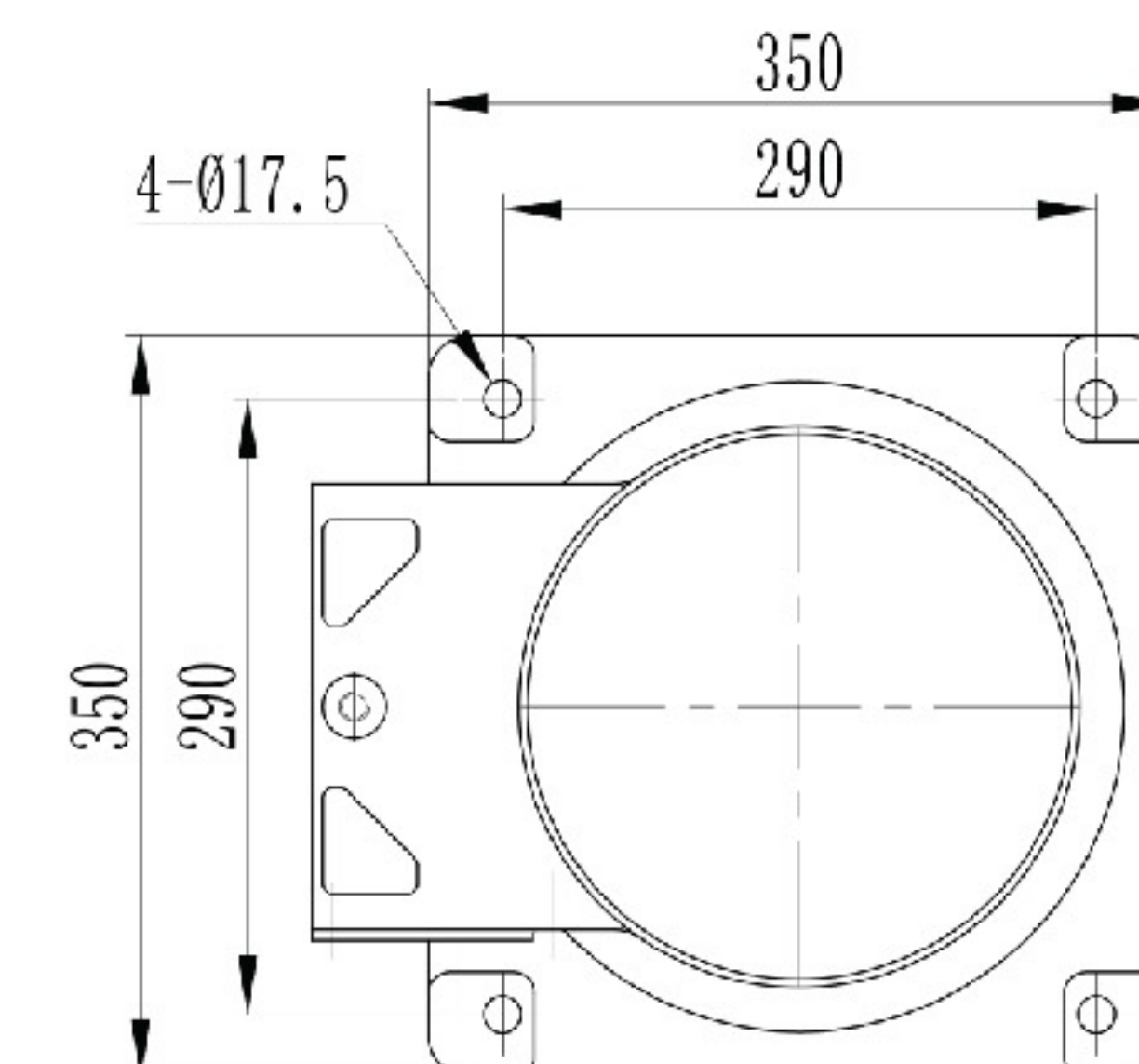
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG



Bamboo Robot

LT1850-3C-6

Thông số kỹ thuật

Payload		30KG
Reach		1850mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-60°
	Axis 3	+60°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈250kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



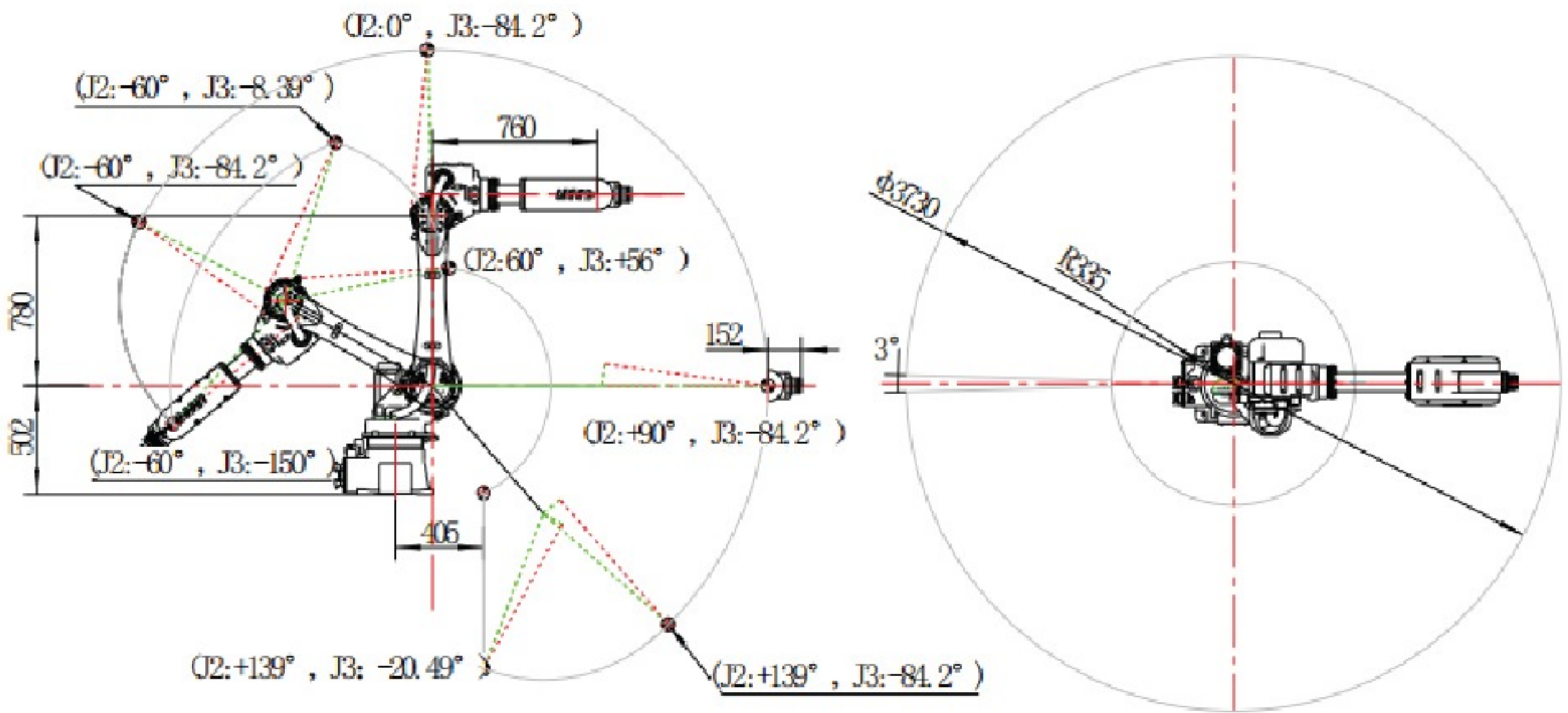
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

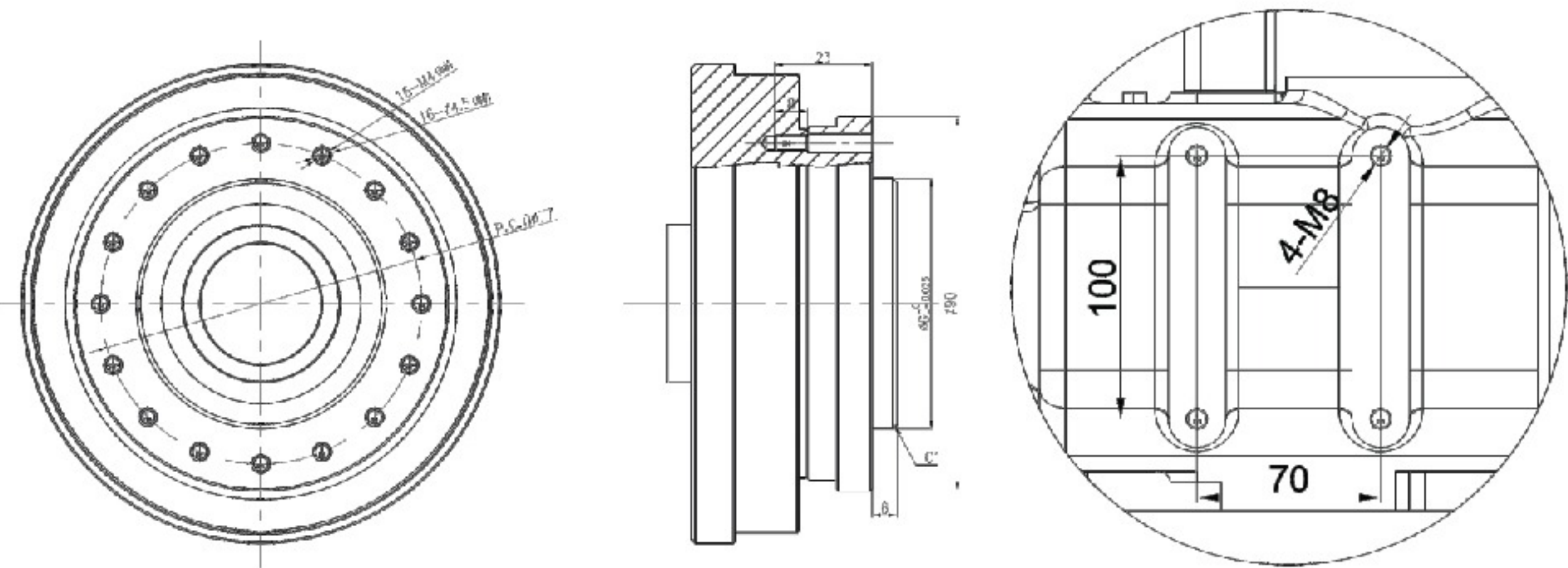
Robot này có tải trọng 20 kg và được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng xử lý, sơn, nạp và dỡ hàng cho máy công cụ, siết vít, lắp ráp bề mặt và các ứng dụng khác. Một robot 6 trục có thể hoạt động độc lập và hiệu quả trong các quy trình sản xuất dạng tế bào.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

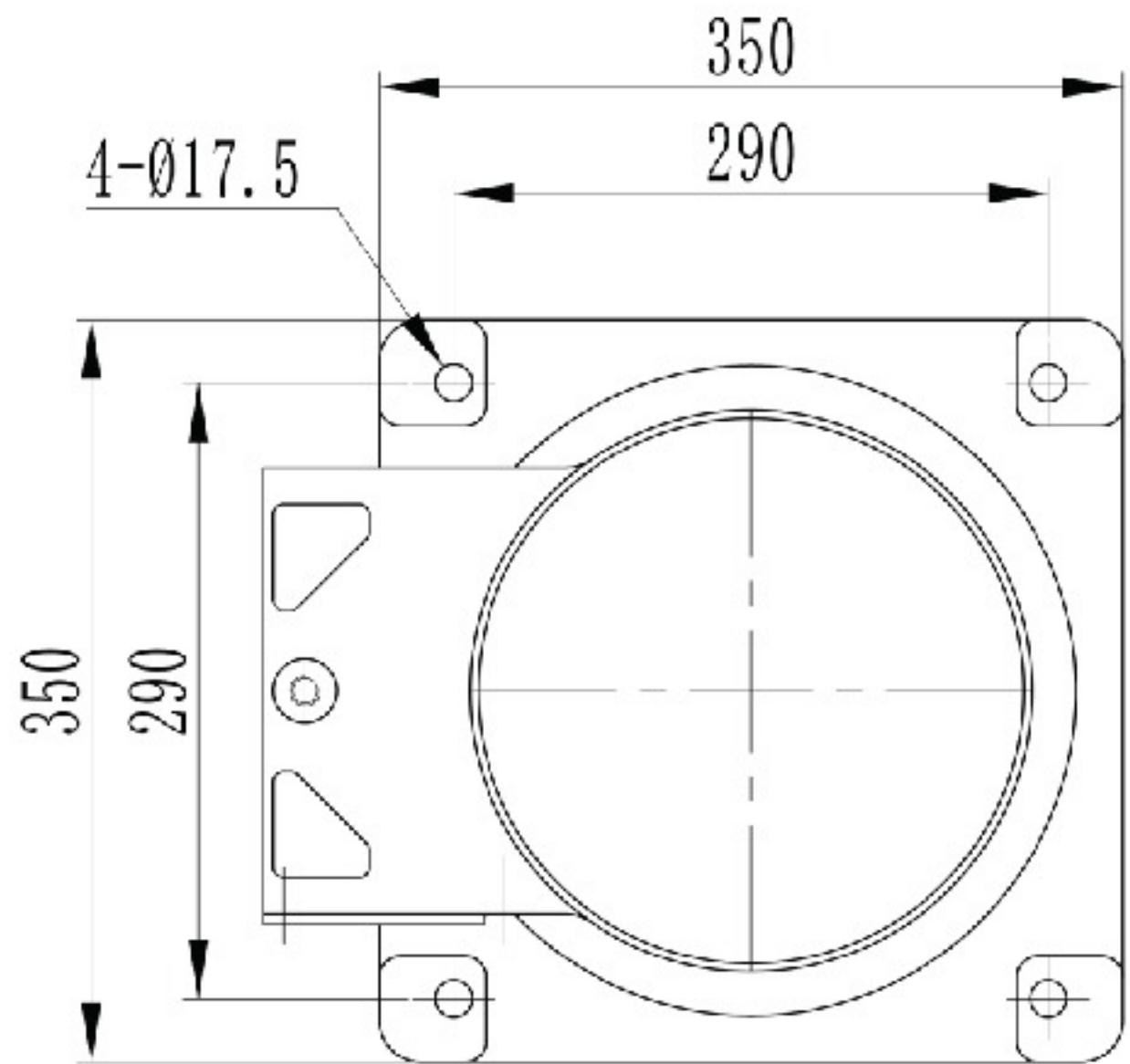
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG



Bamboo Robot

LT2100-C-6

Thông số kỹ thuật



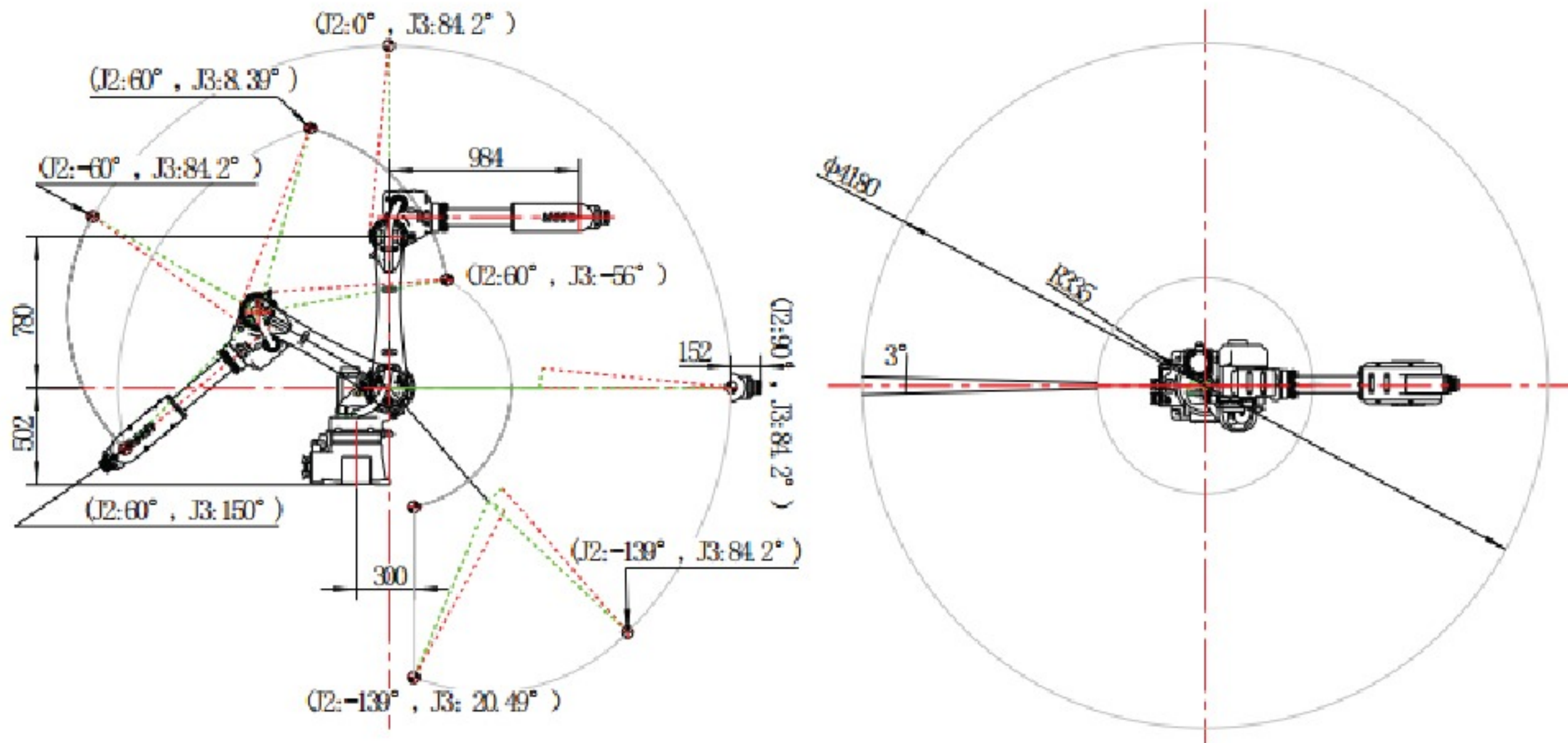
Payload		10KG
Reach		2100mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+60°/-50°
	Axis 3	+60°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈255kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

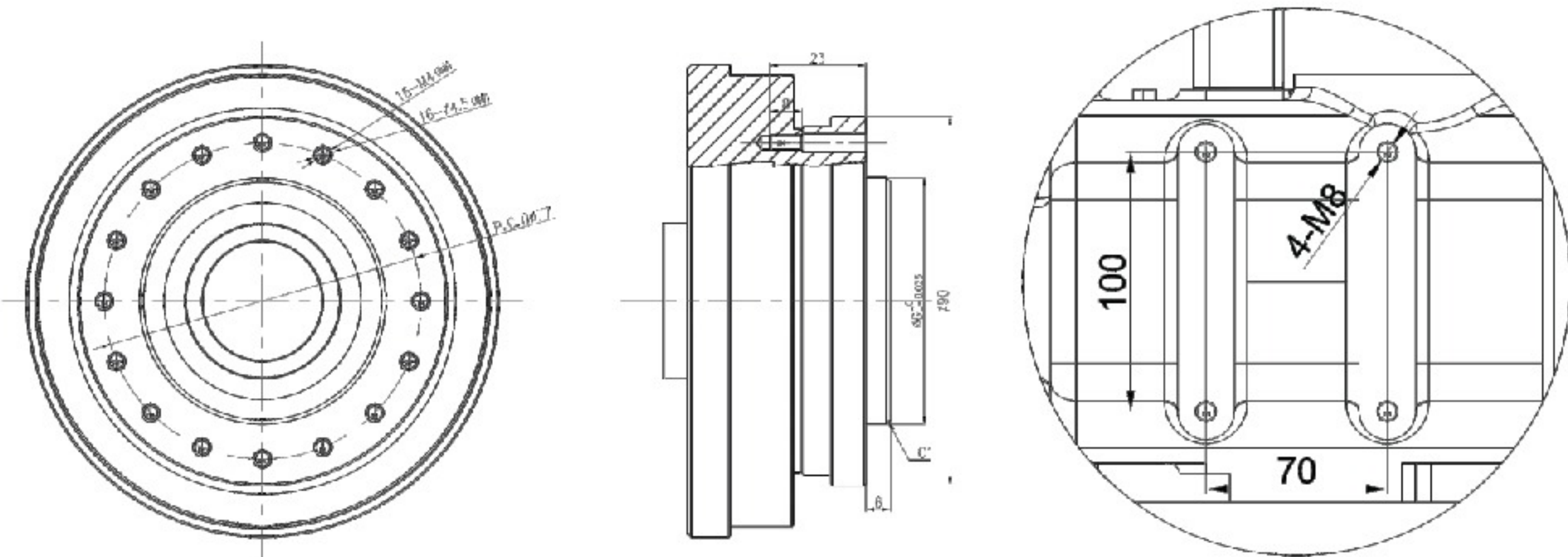
Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, hàn điện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói, thử nghiệm, loại bỏ ba via, mài, dán, lắp ráp, phun

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

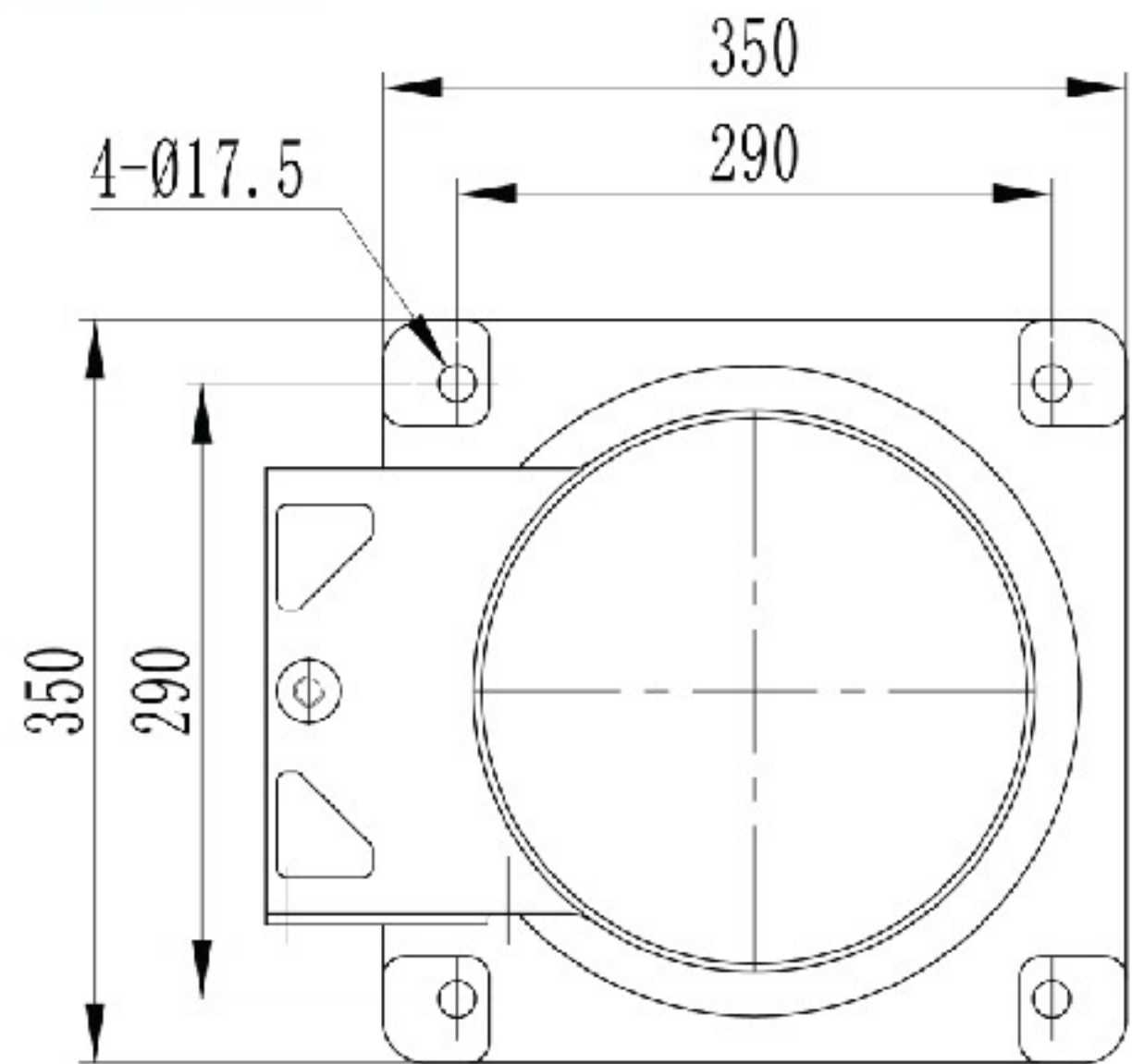
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG



Bamboo Robot

LT2100-E-6

Thông số kỹ thuật



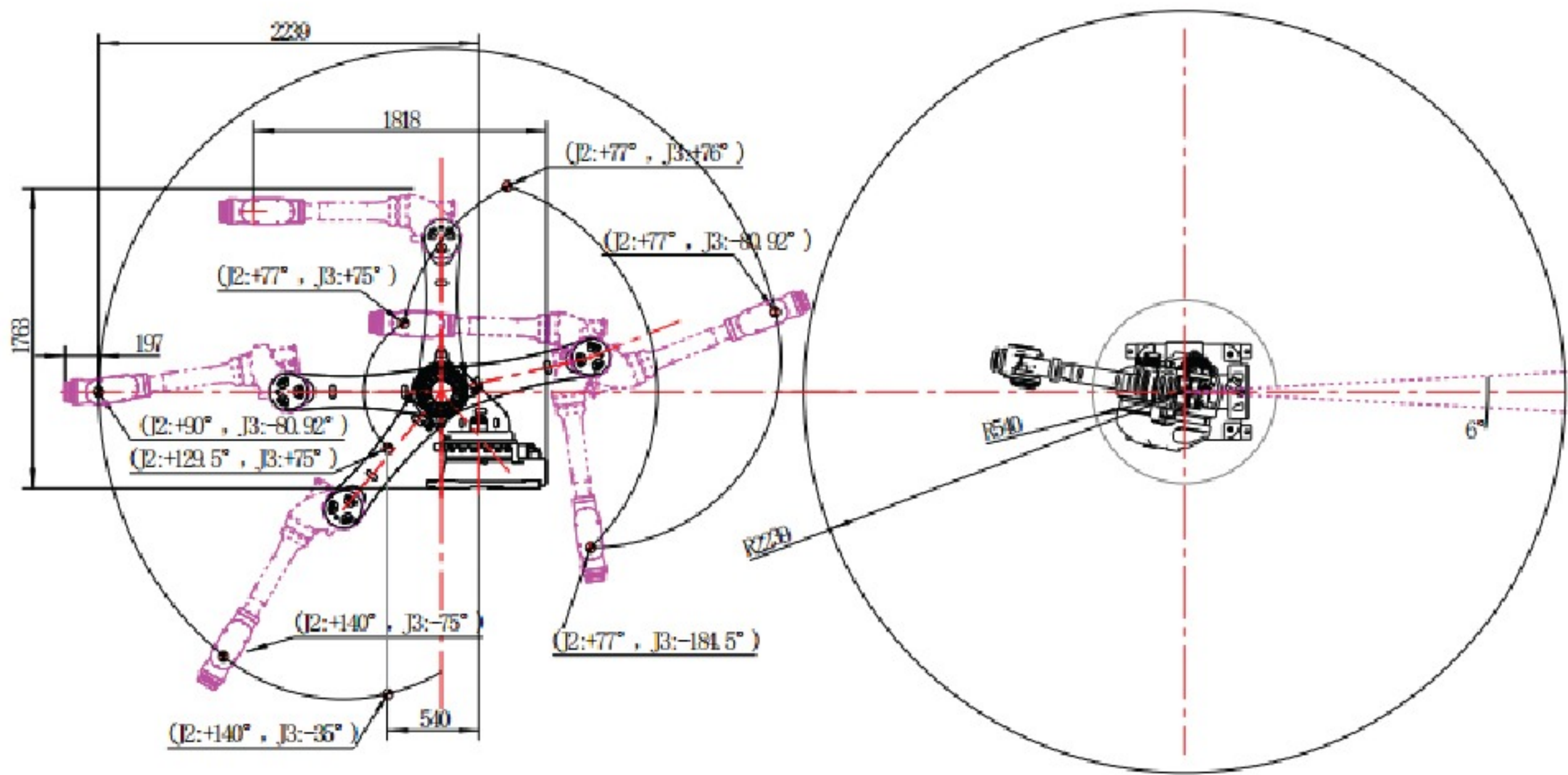
Payload		50kg
Reach		2100mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-80°
	Axis 3	+60°/-60°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+20°/-190°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈750kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

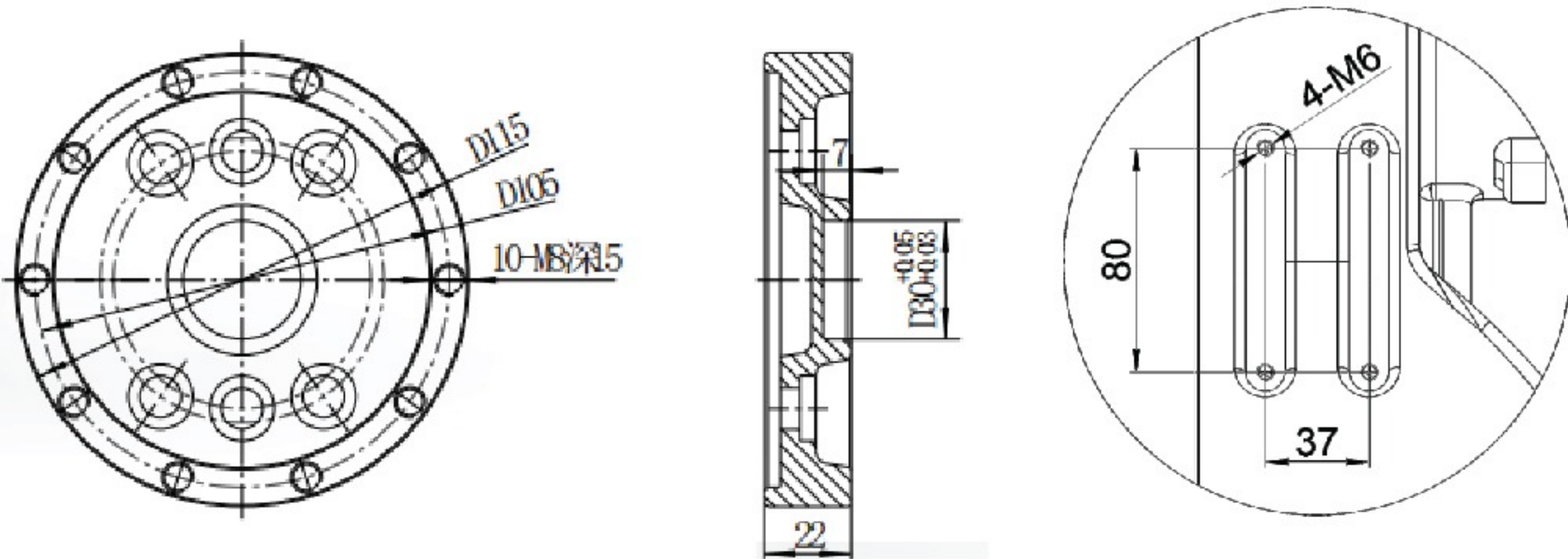
Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavia, cắt

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

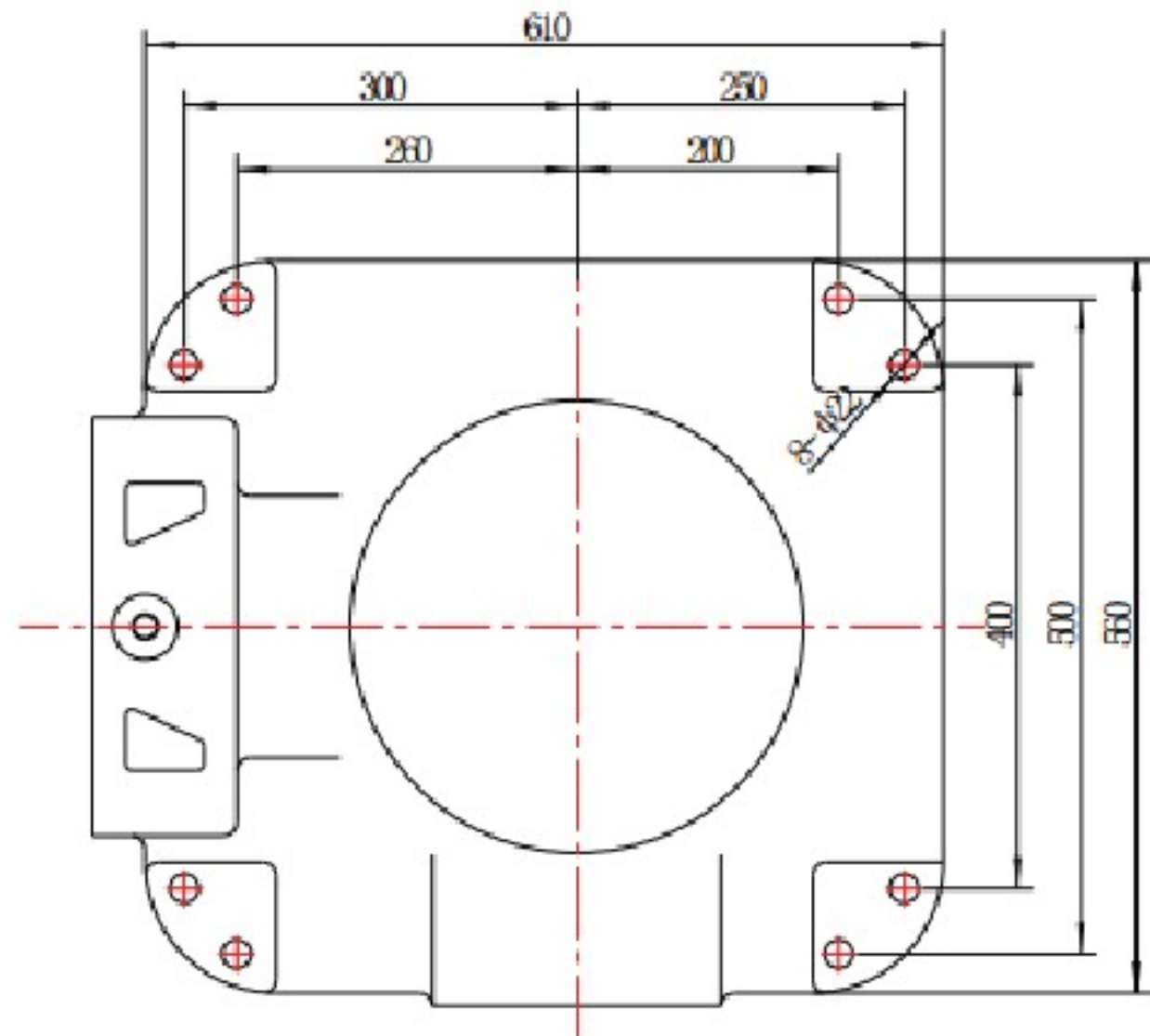
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG

bamboo
Robot

LT2100-ED-6

Thông số kỹ thuật



Payload		70kg
Reach		2100mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-80°
	Axis 3	+60°/-60°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+20°/-190°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈750kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

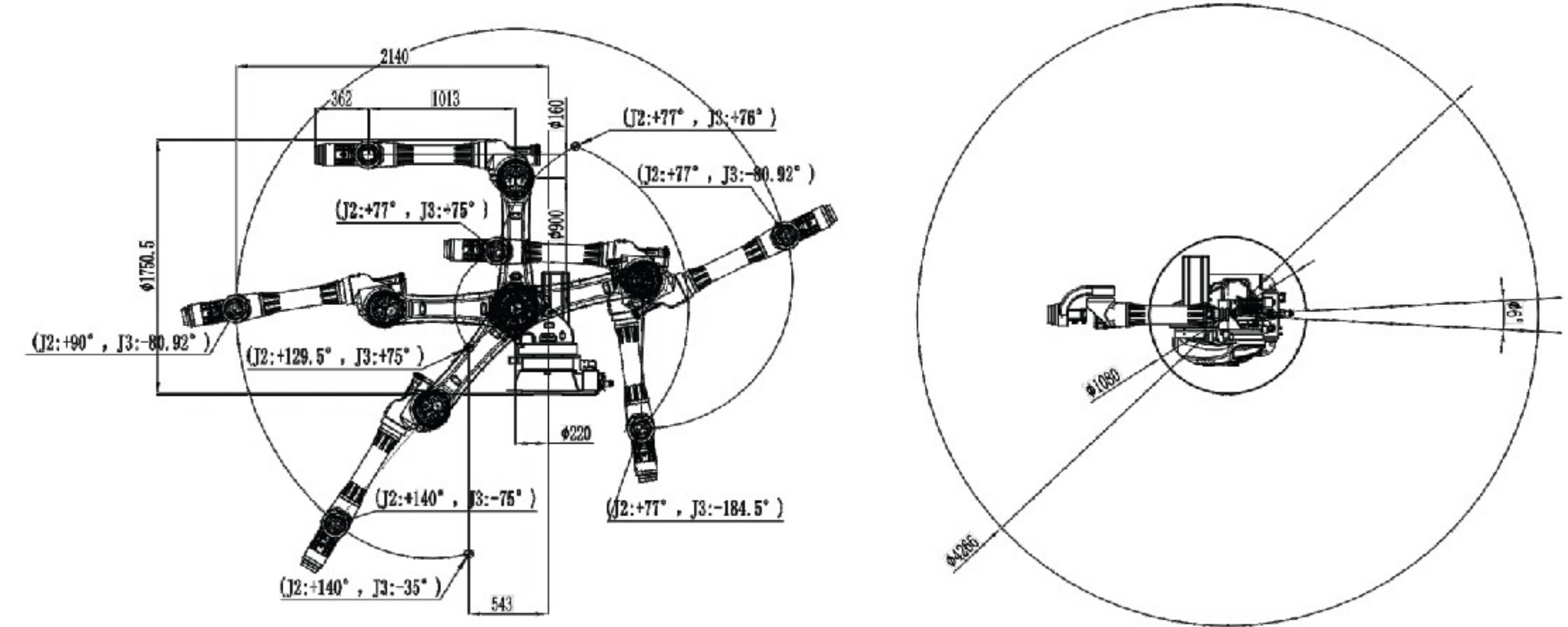
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavaria, cắt

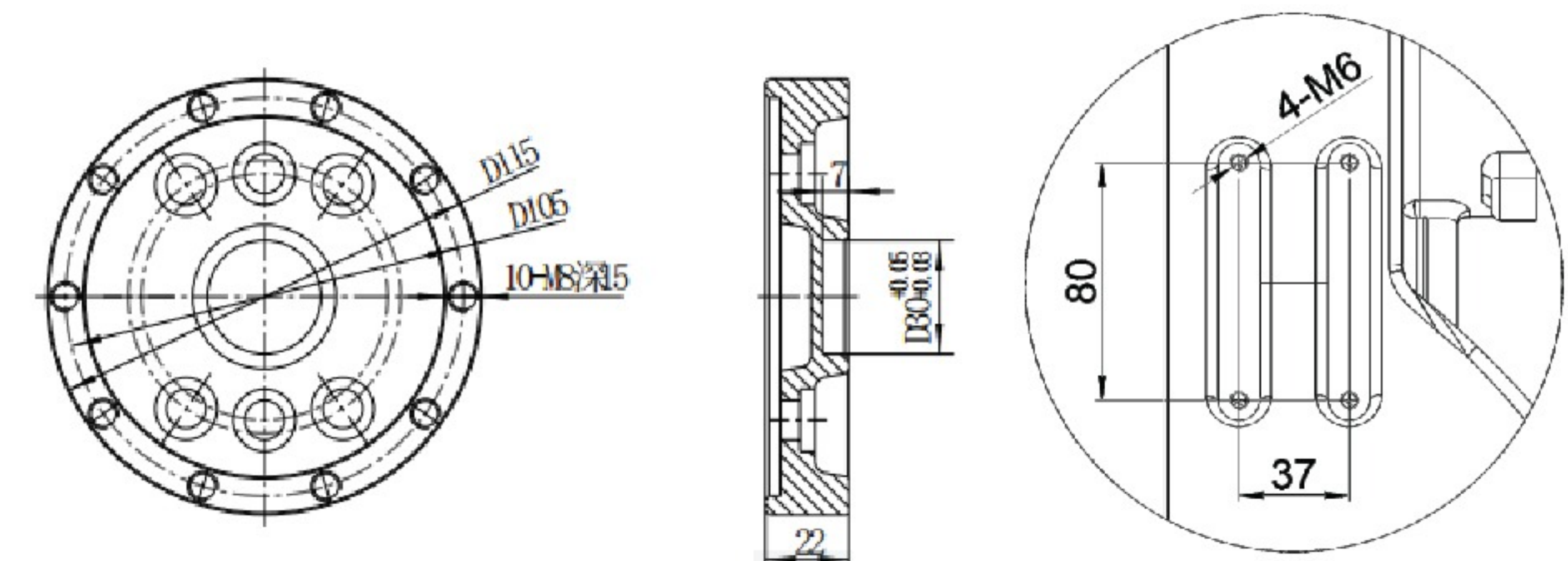
Robot này có tải trọng 50kg, là robot sáu trục có tải trọng lớn nhất.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

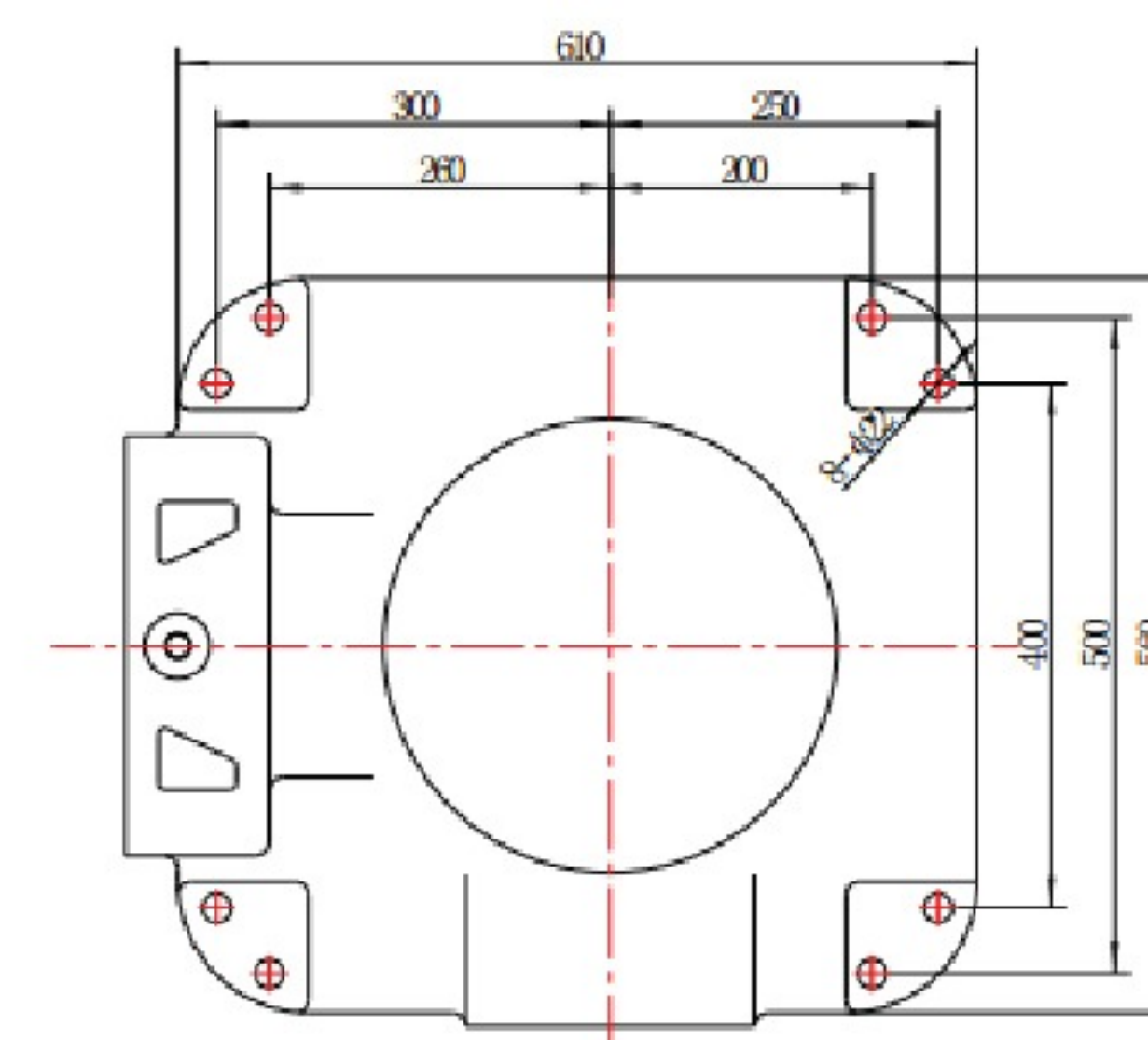
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT ĐA DỤNG



Bamboo Robot

LT2300-3C-6

Thông số kỹ thuật



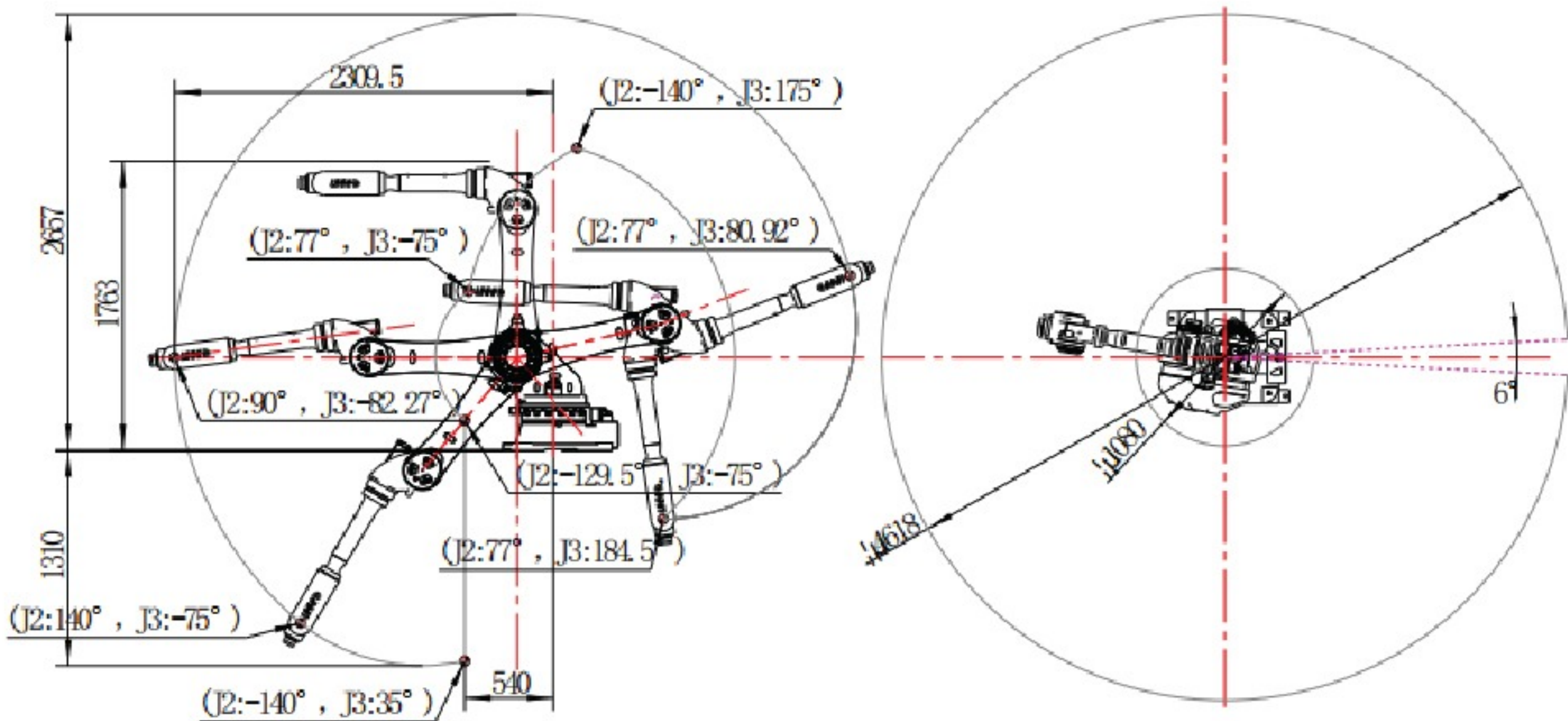
Payload		30kg
Reach		2300mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-80°
	Axis 3	+53°/-60°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	180°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈700kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

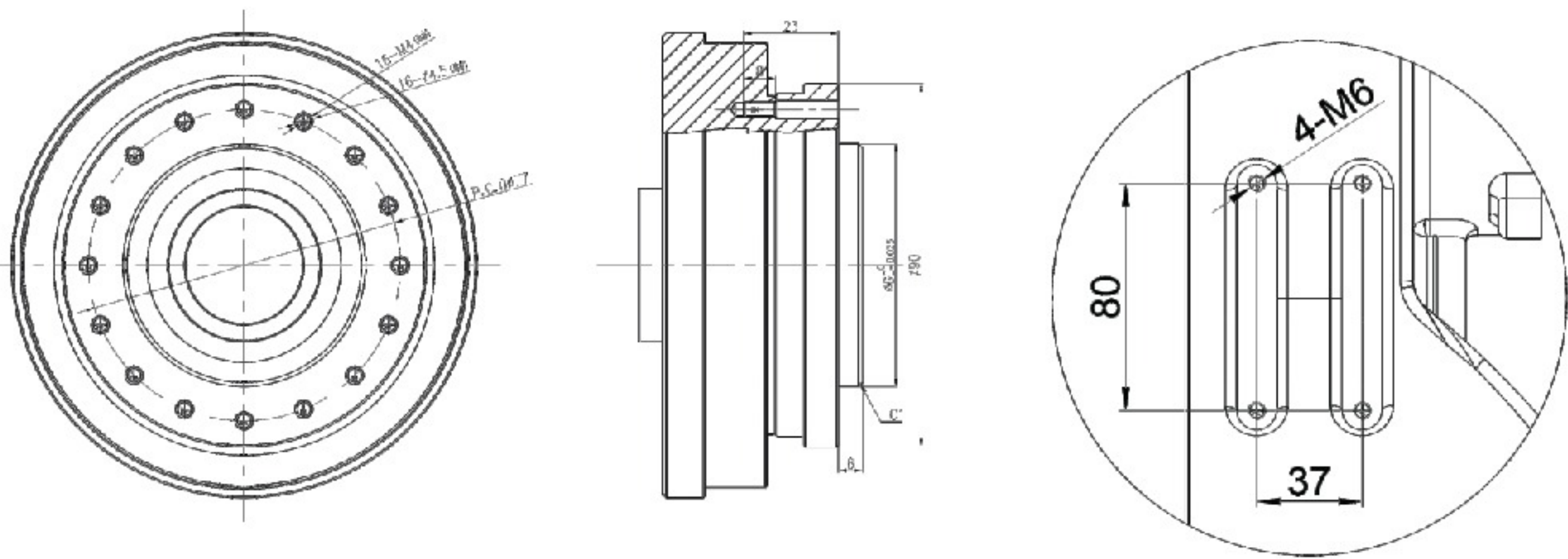
Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavia, cắt

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

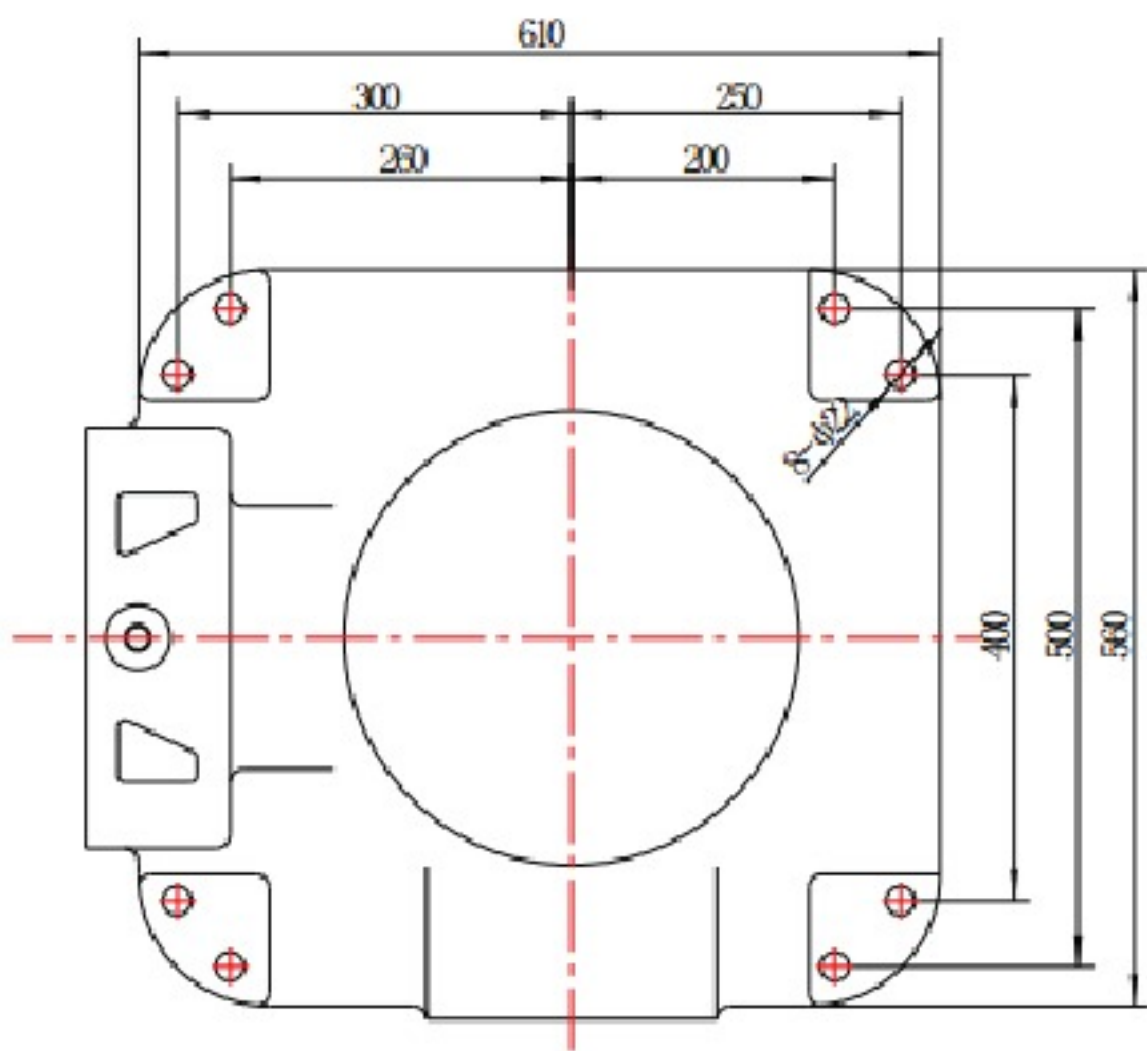
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép

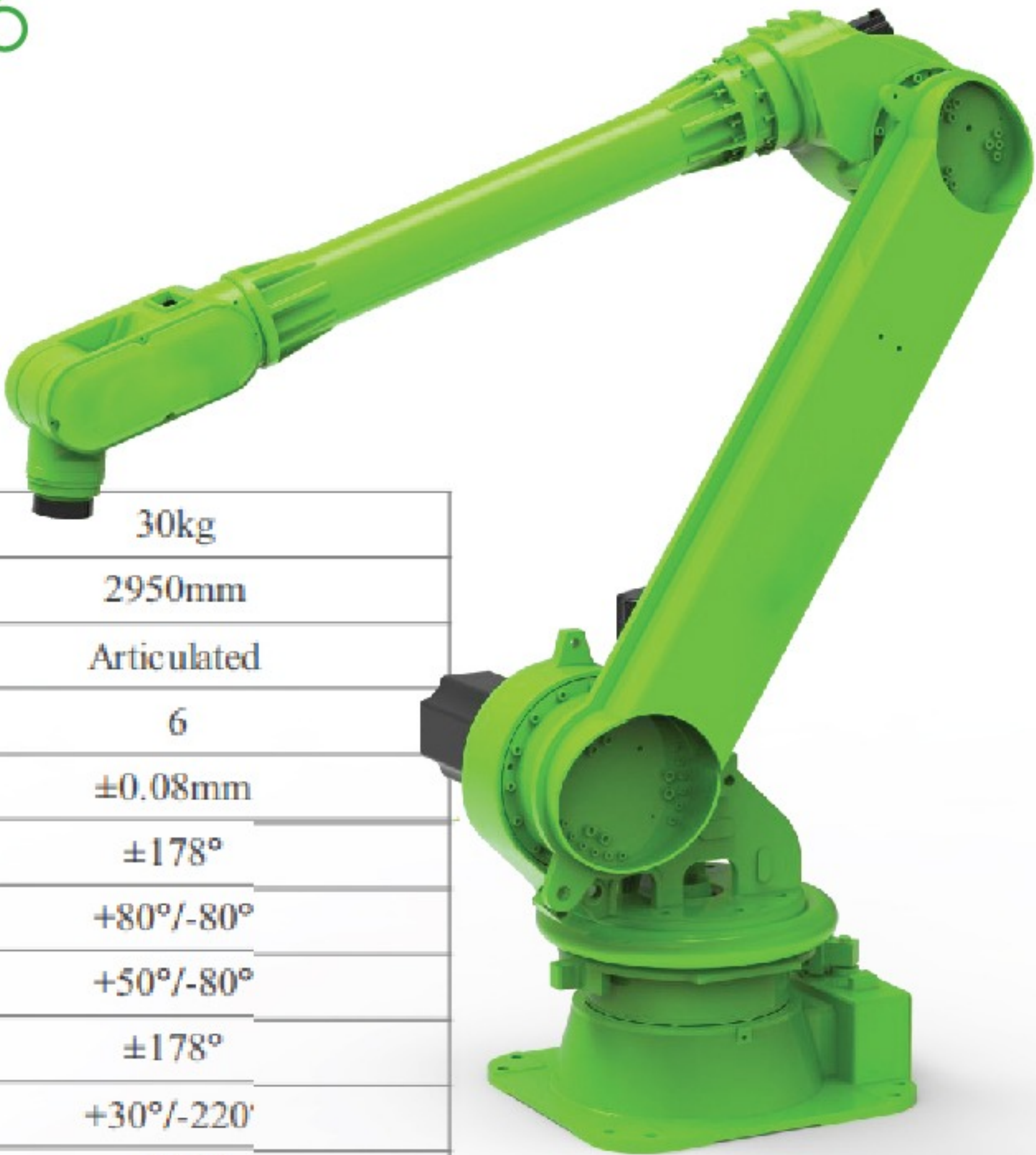


Kích thước chân đế



LT2950-3C-6

Thông số kỹ thuật



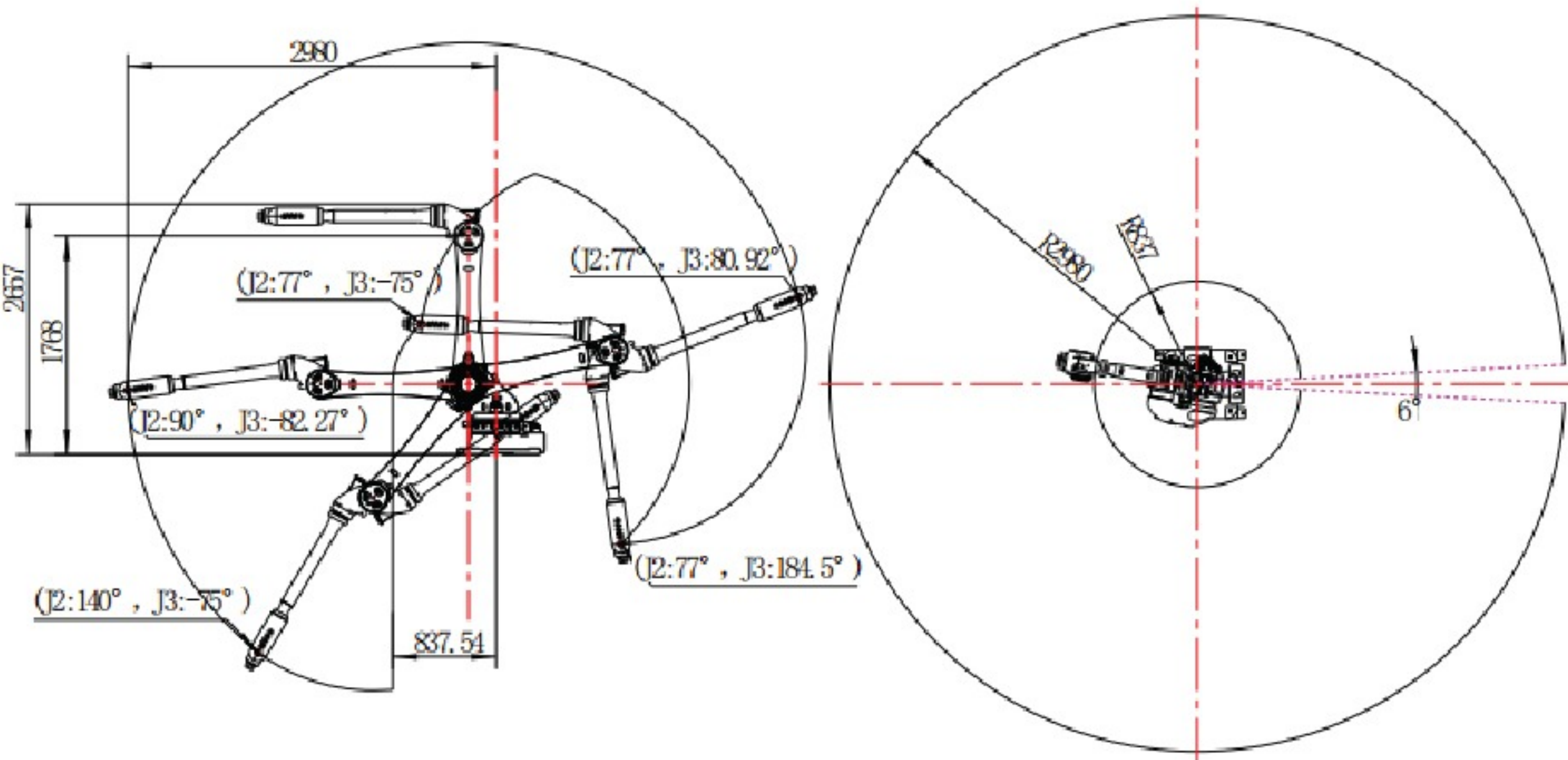
Payload		30kg
Reach		2950mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+80°/-80°
	Axis 3	+50°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	180°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	222°/sec
Weight		≈700kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

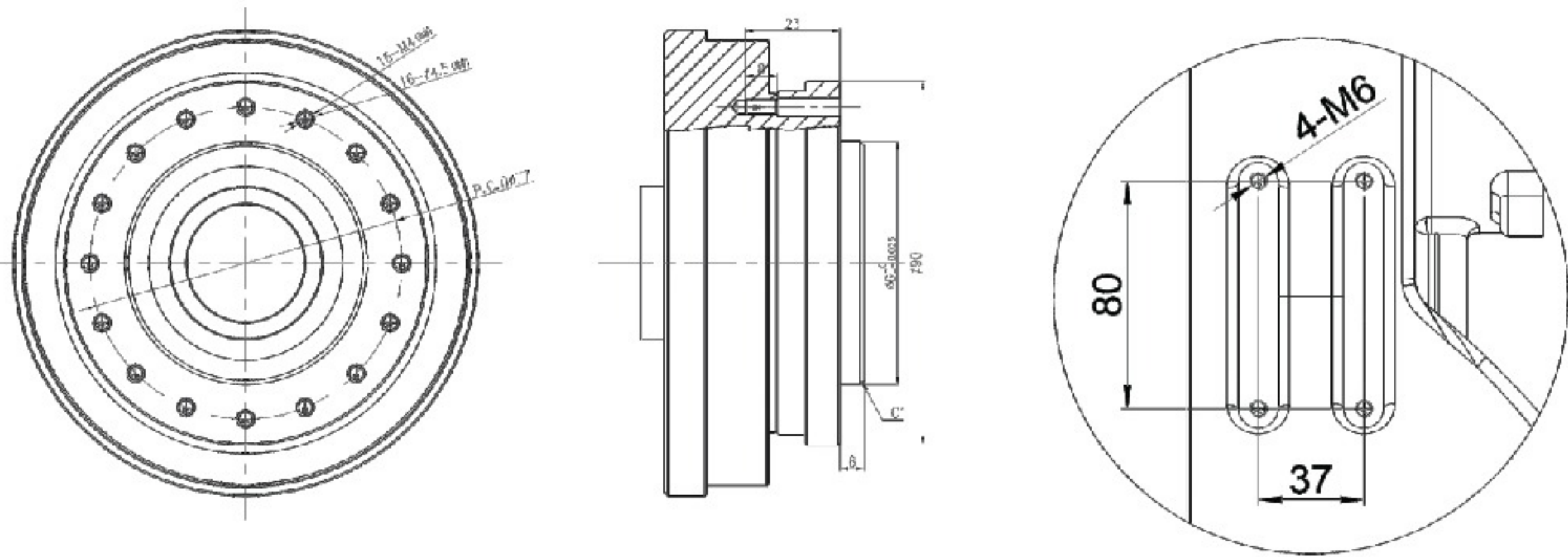
Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavia, cắt

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

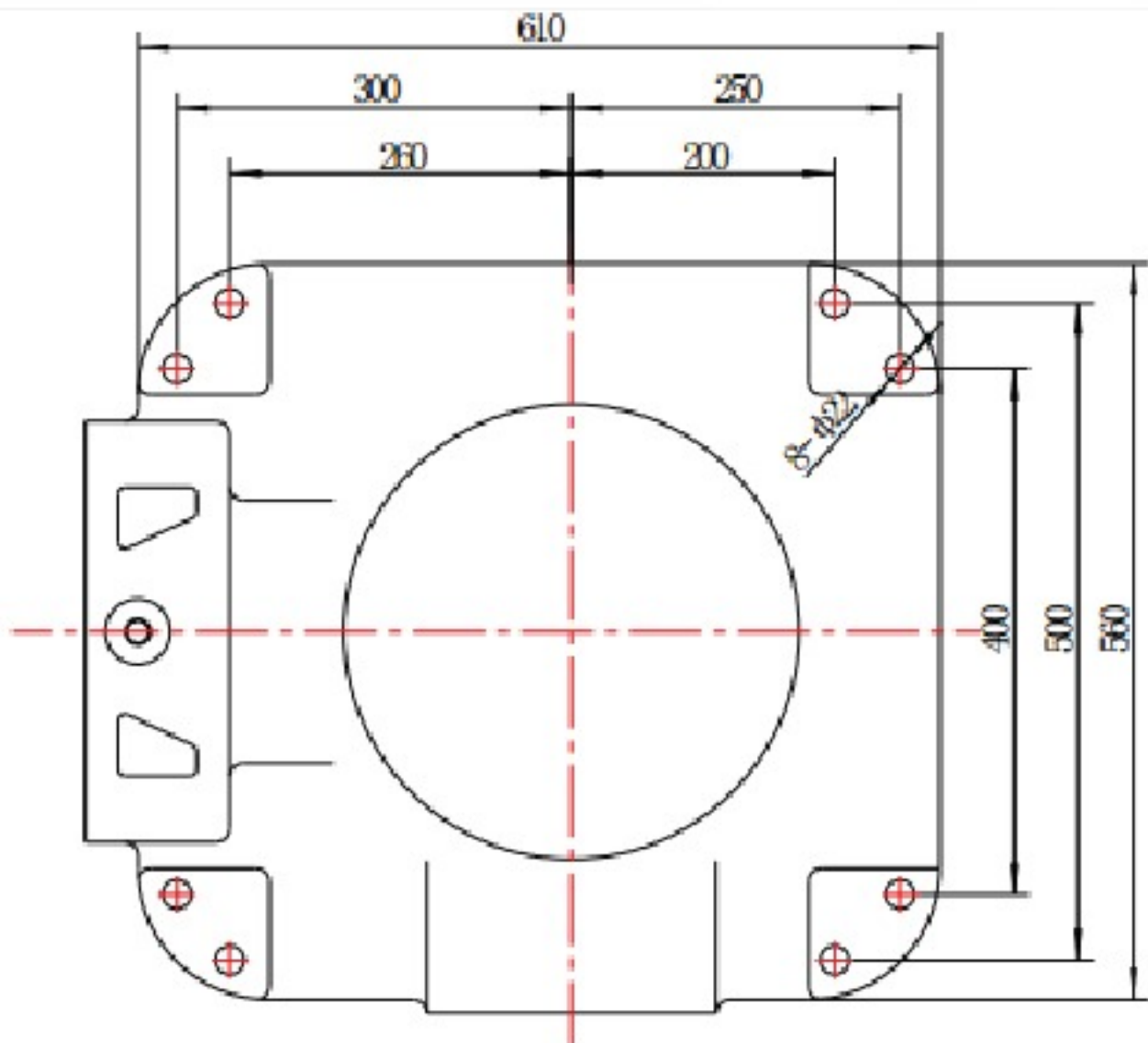
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



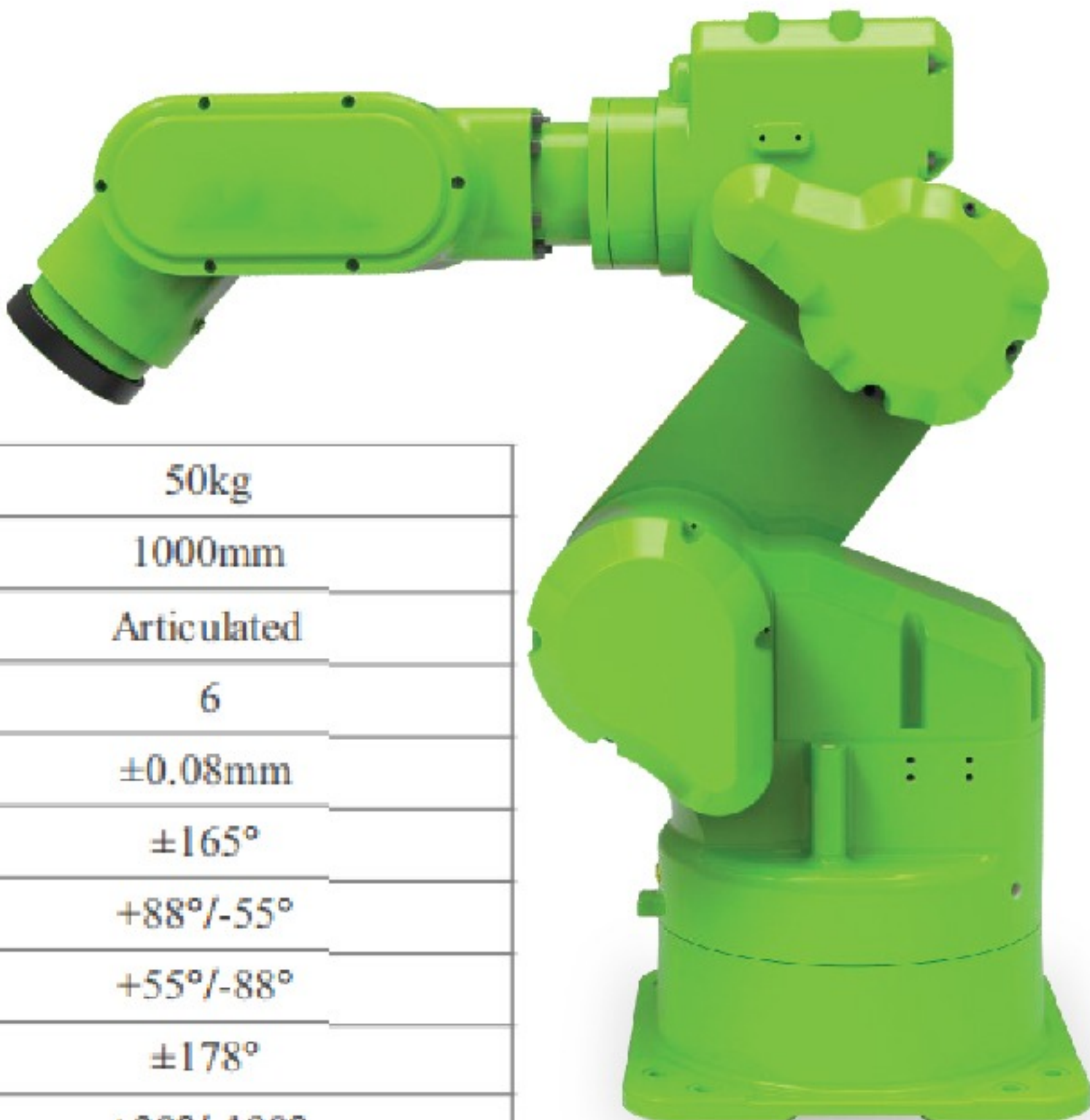
ROBOT NGHIỀN



Bamboo Robot

LM1000-E-6

Thông số kỹ thuật



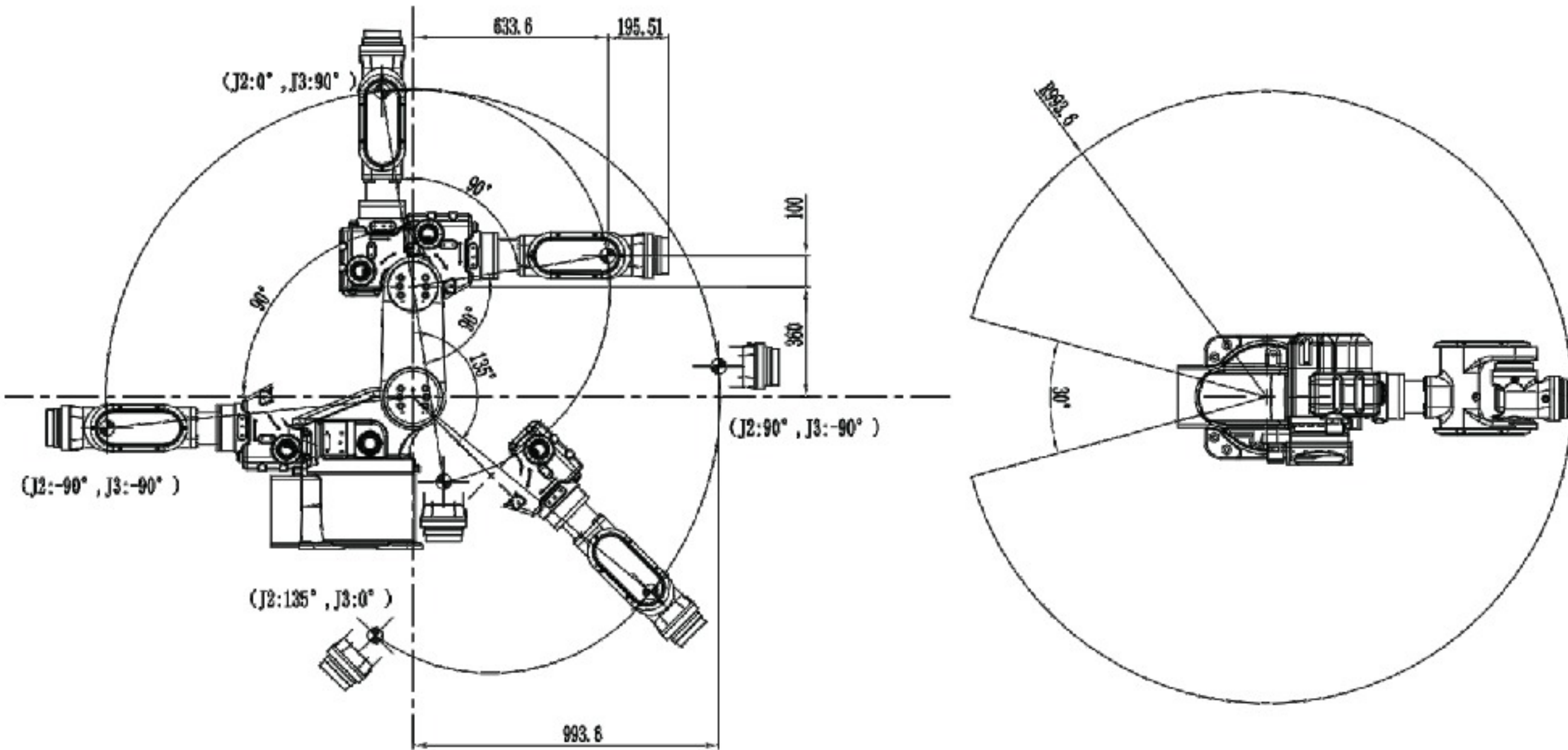
Payload		50kg
Reach		1000mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-55°
	Axis 3	+55°/-88°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+20°/-190°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	148°/sec
	Axis 6	148°/sec
Weight		≈180kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

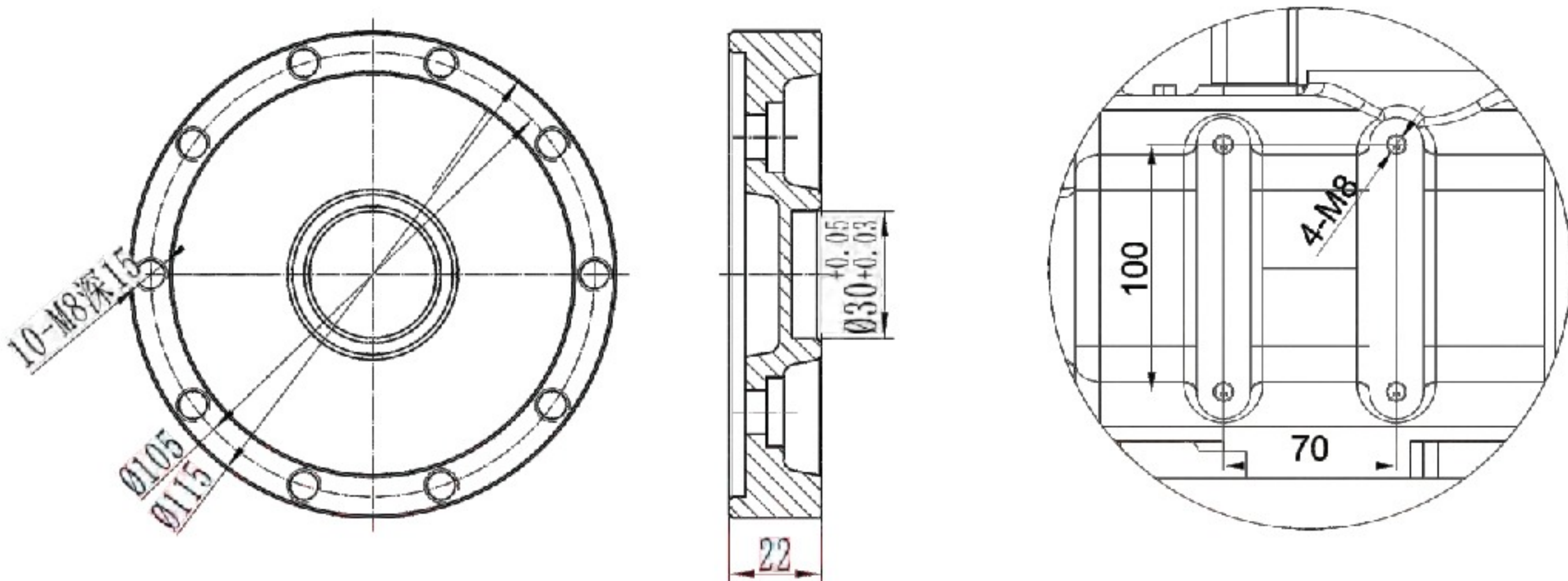
Mài, đánh bóng, gọt bavia

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

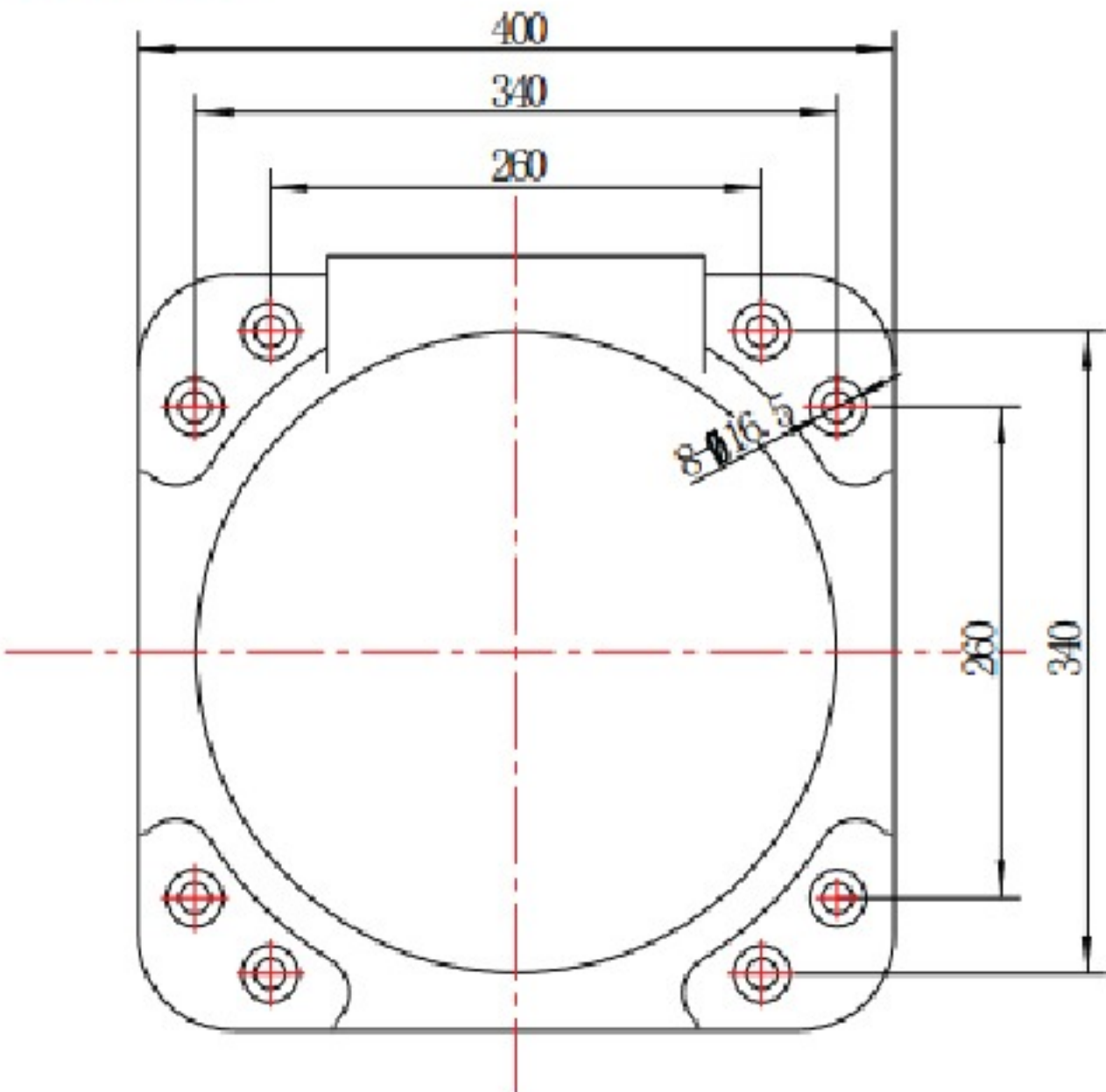
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế

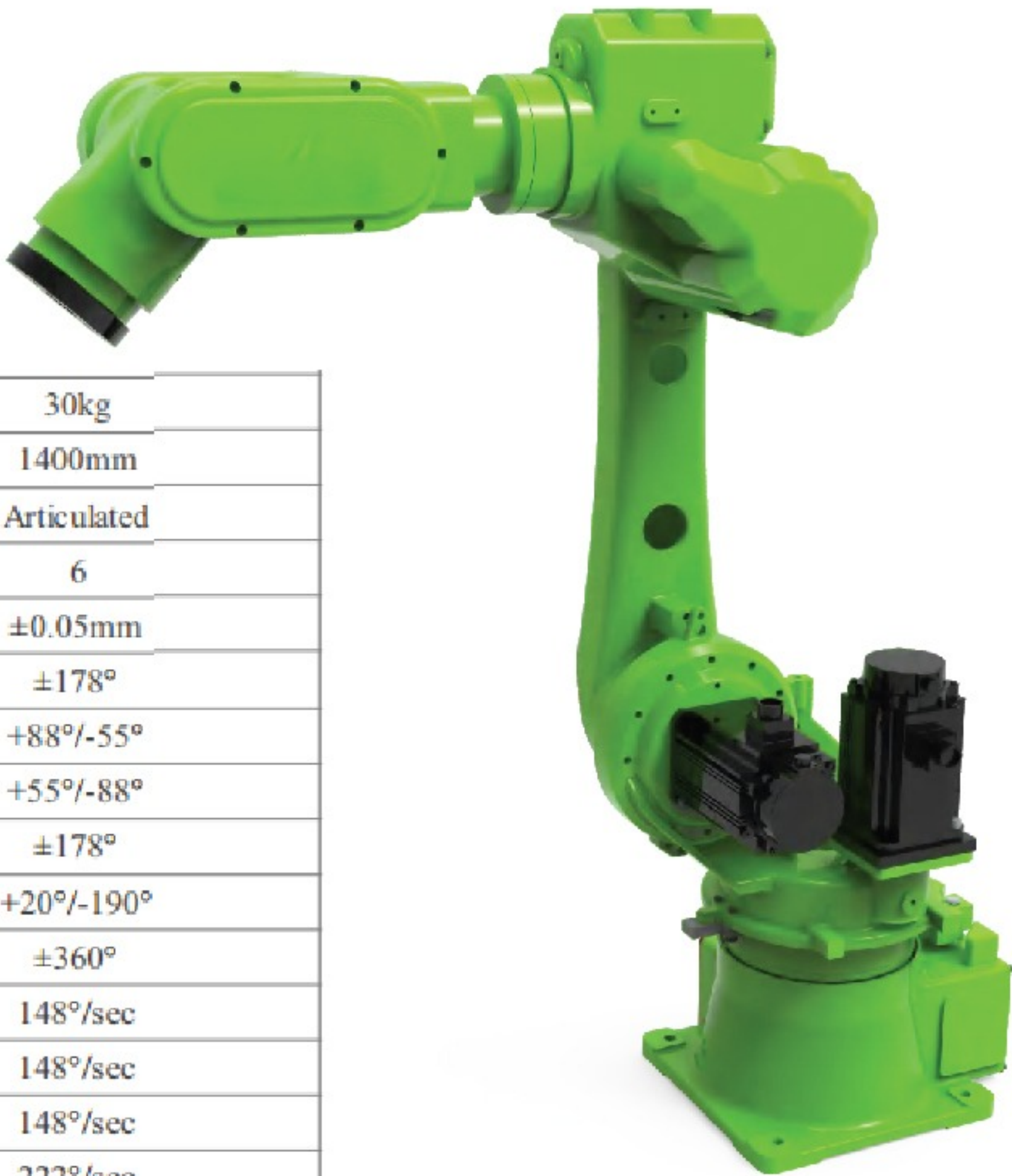


ROBOT NGHIỀN



LM 1 400-3C-6

Thông số kỹ thuật



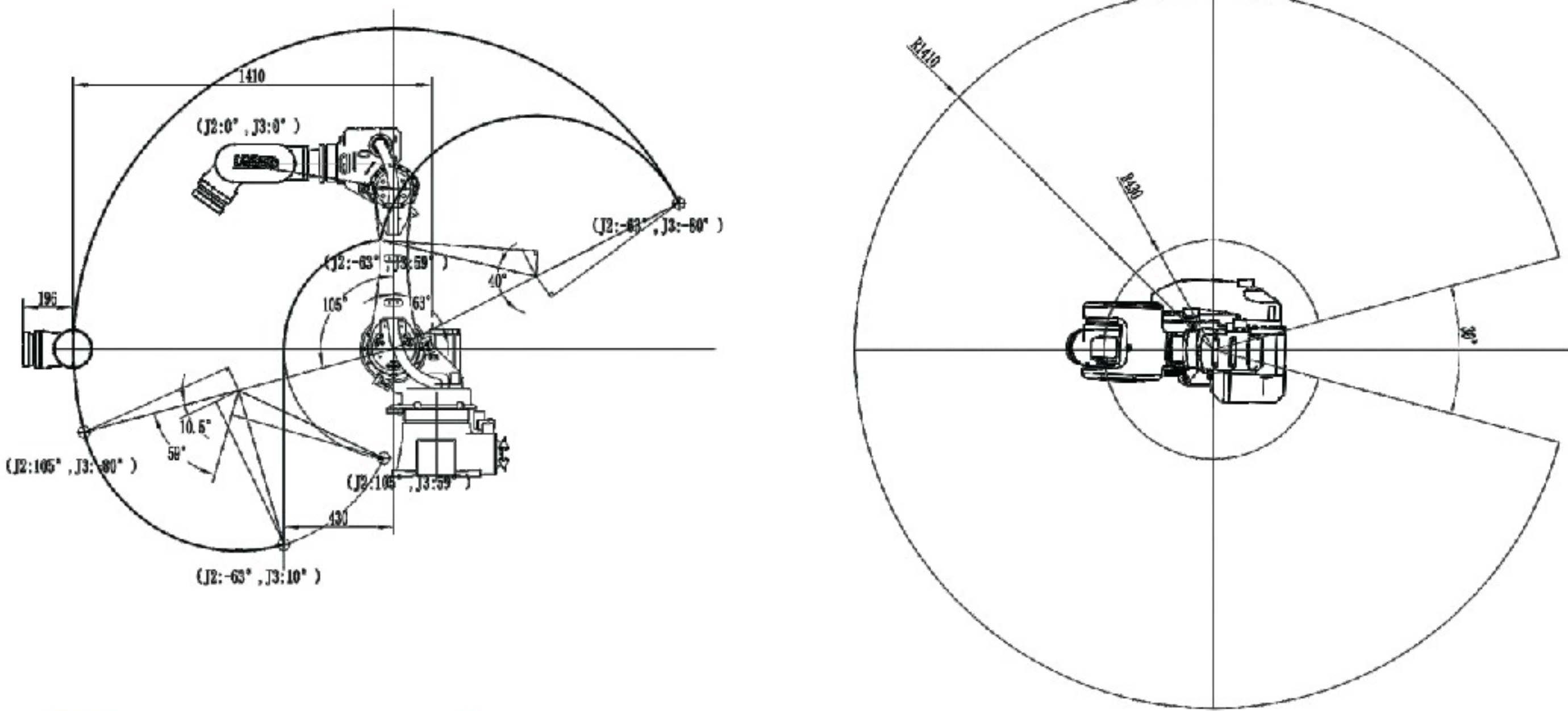
Payload		30kg
Reach		1400mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-55°
	Axis 3	+55°/-88°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+20°/-190°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	148°/sec
Weight		≈185kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

Ứng dụng

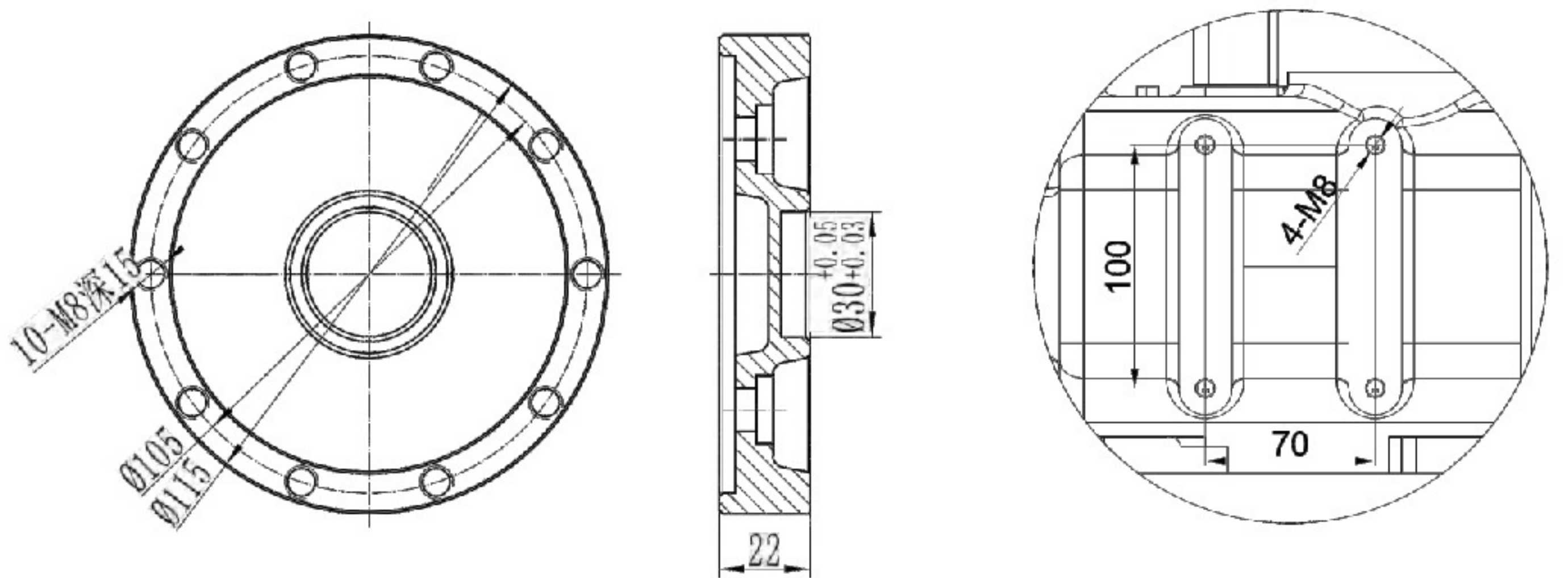
Mài, đánh bóng, gọt bavia

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

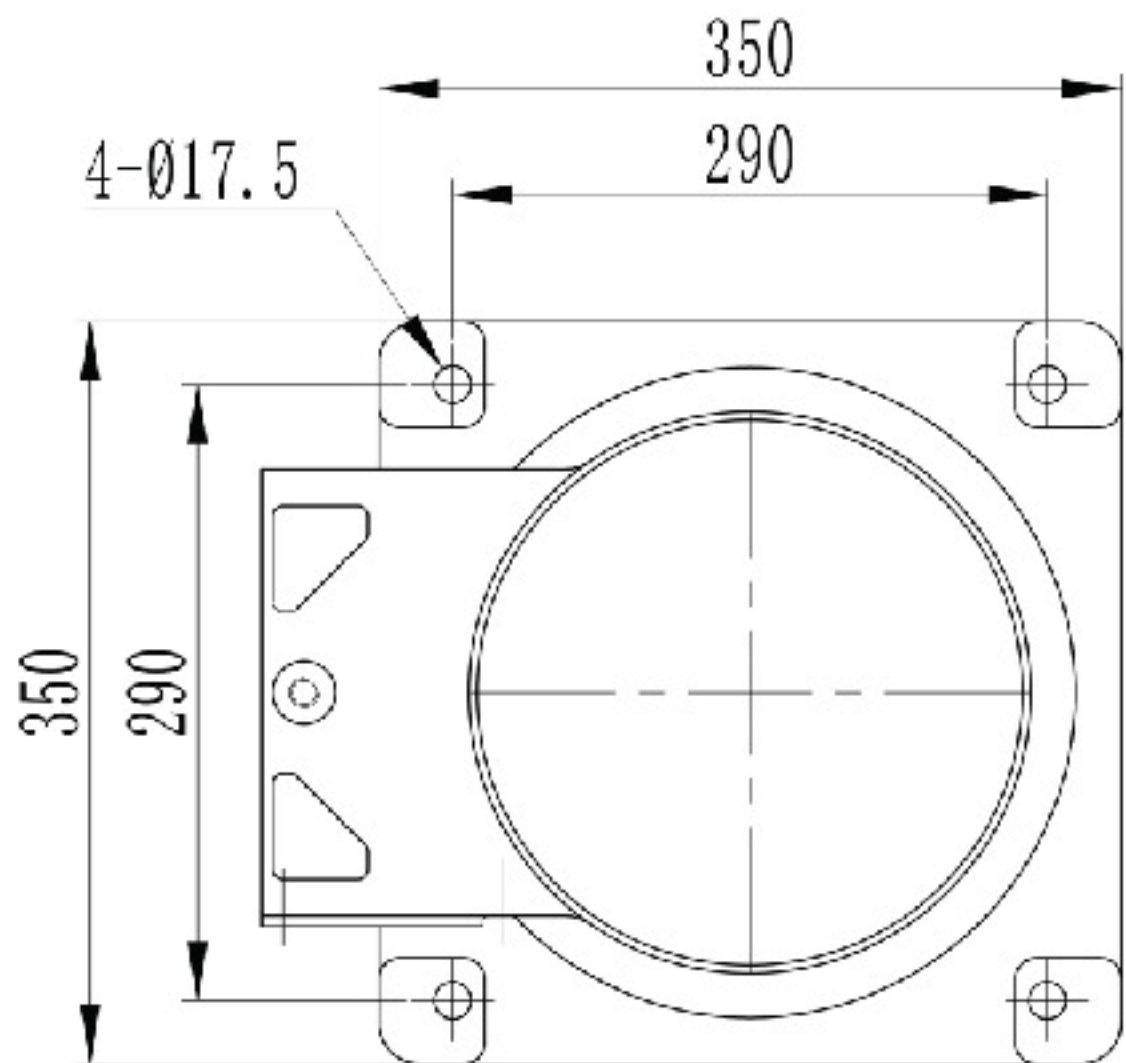
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT NGHIỀN



Bamboo Robot

LM1850-3C-6

Thông số kỹ thuật



Payload		30kg
Reach		1850mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-55°
	Axis 3	+55°/-88°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+20°/-190°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	148°/sec
Weight		≈270kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

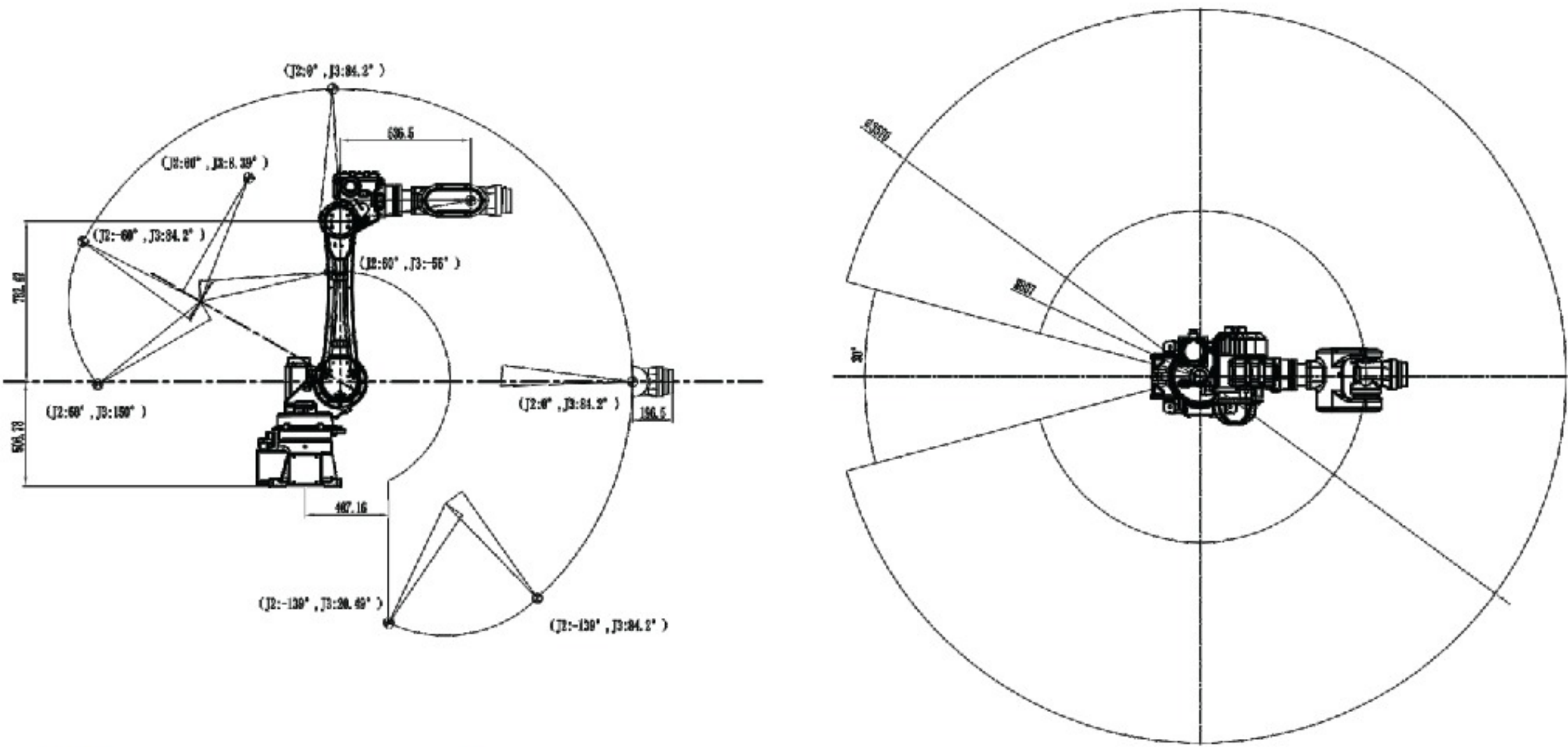
Ứng dụng

Mài, đánh bóng, gọt bavia

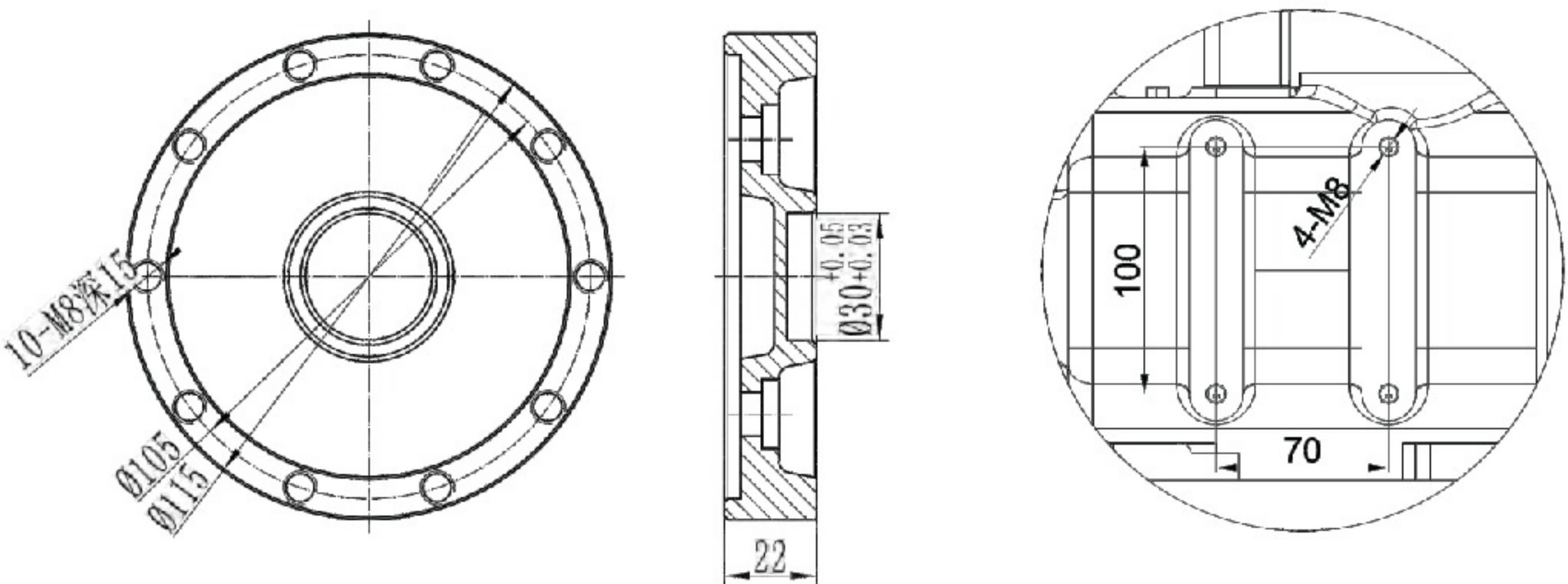
Đây là máy tập cơ khí nặng 30kg mới được công ty chúng tôi phát triển, có phạm vi chuyển động rộng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

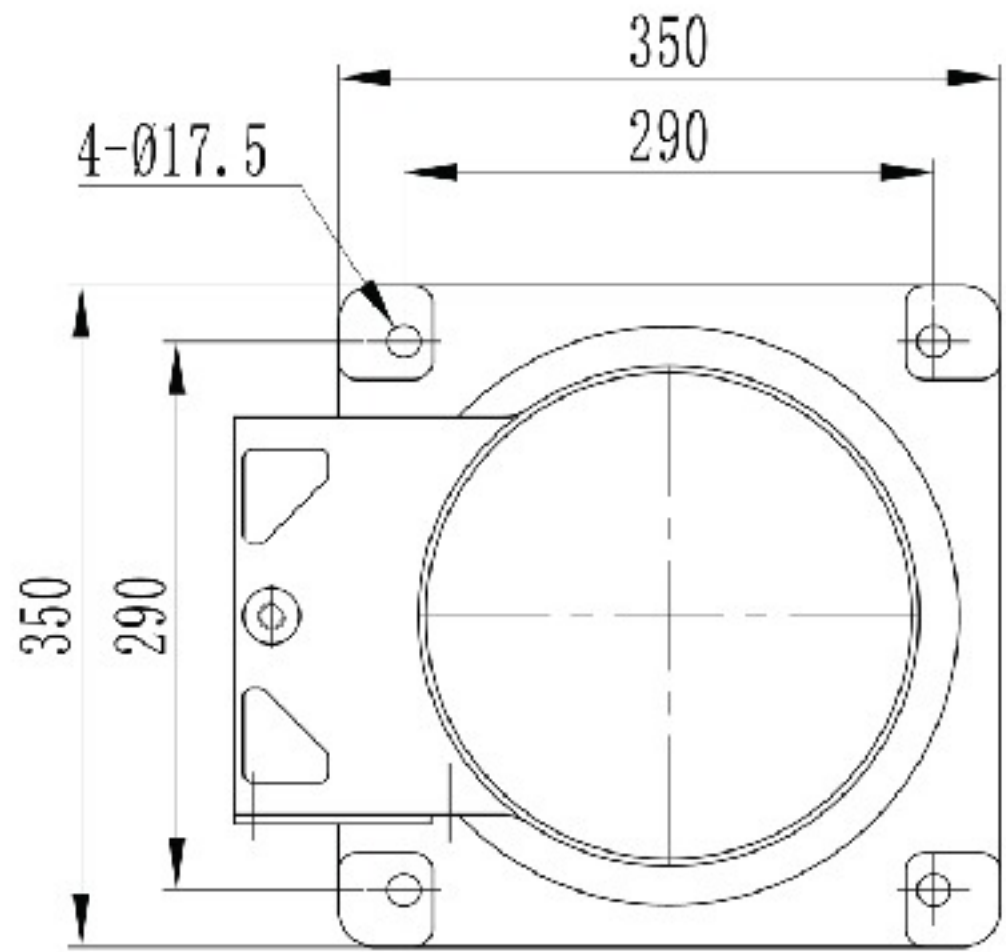
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT BỐC XẾP PALLET

bamboo
Robot

LBG 1000-B-4

Thông số kỹ thuật

Payload		6kg
Reach		1000mm
Structure		Articulated
Number of axes		4
Repeatability		±0.2mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+80°/-35°
	Axis 3	+80°/-35°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	_____
	Axis 6	_____
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	222°/sec
	Axis 4	360°/sec
	Axis 5	_____
	Axis 6	_____
Weight		≈ 60KG
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C
Ambient humidity		5% ~ 45% No condensation



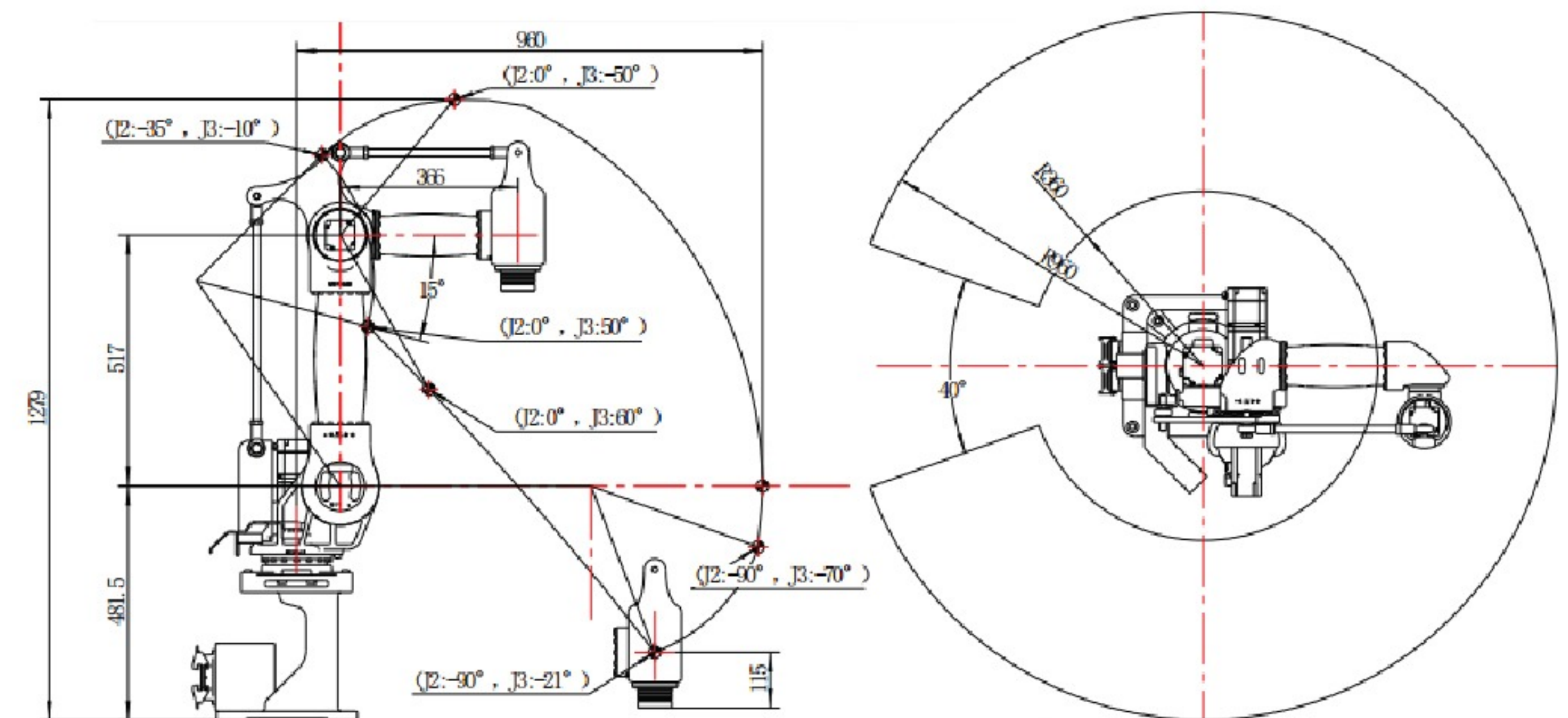
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải linh kiện, quản lý máy móc, xếp chồng, đóng gói và thử nghiệm

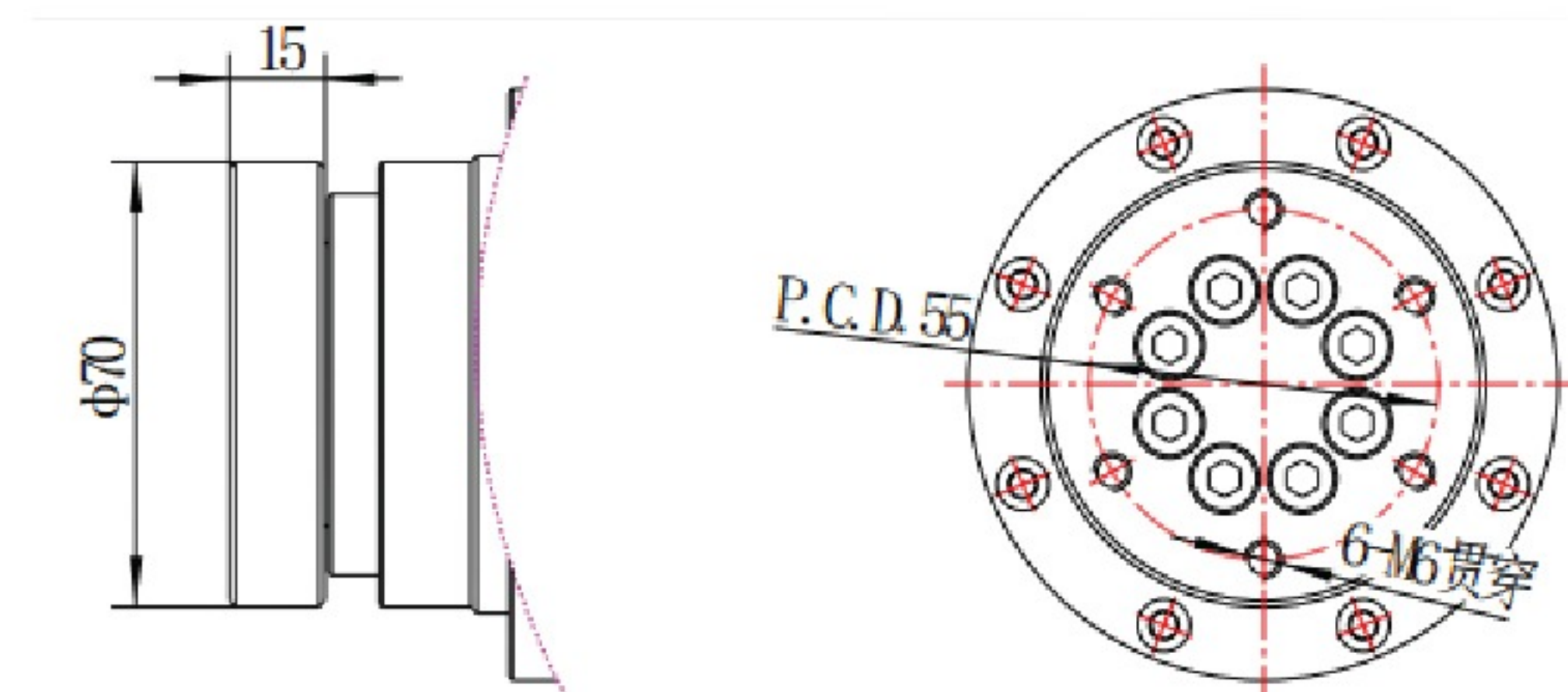
Robot này là máy đập nhẹ 6kg mới được công ty chúng tôi phát triển, với phạm vi chuyển động rộng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

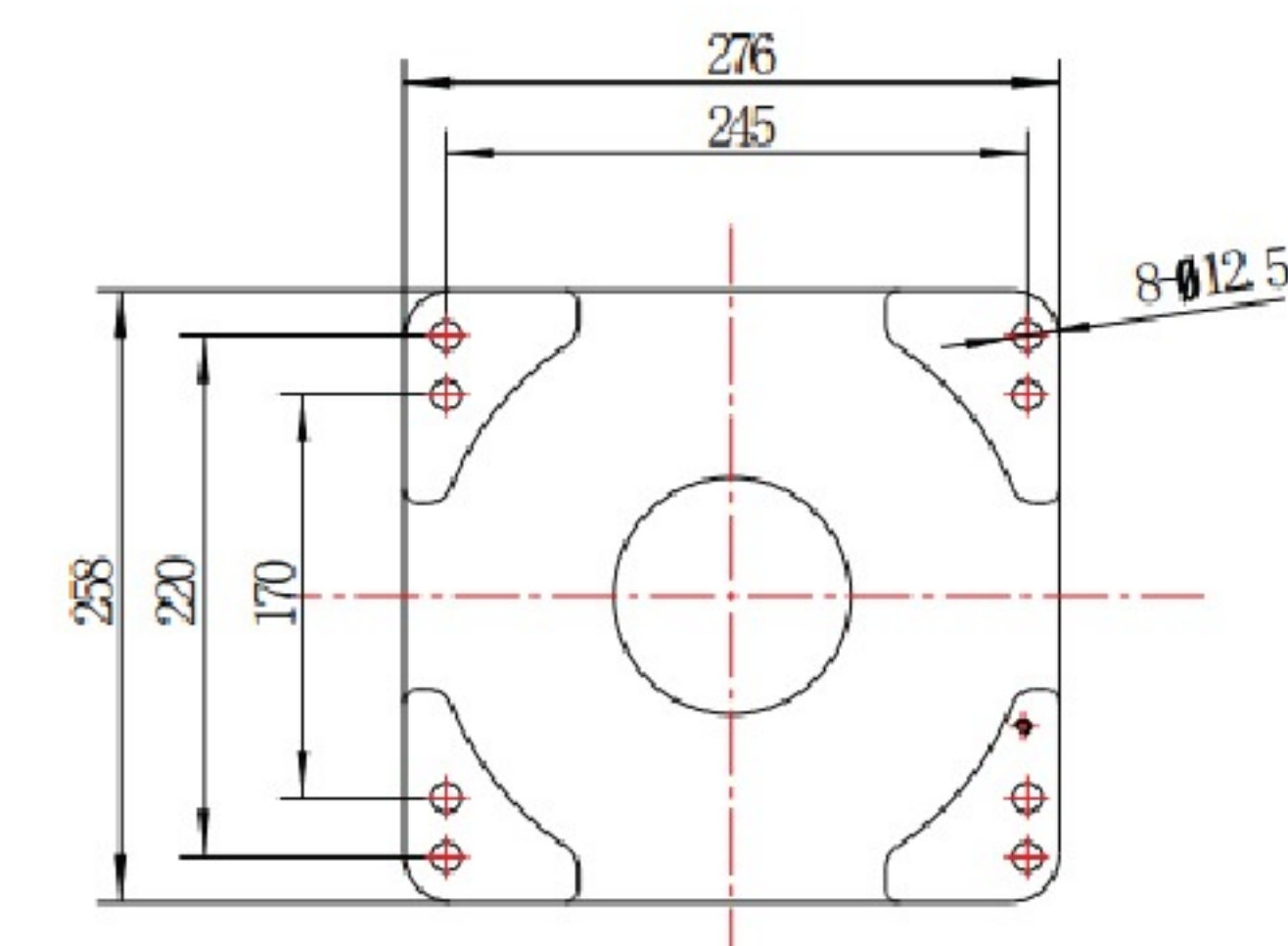
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT TAY ĐÒN



LB 1500-C-4

▶ Thông số kỹ thuật

Payload		10kg
Reach		1500mm
Structure		Articulated
Number of axes		4
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+80°/-35°
	Axis 3	+65°/-60°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Weight		≈140KG
Mounting type		Horizontal
Ambient temperature		5°C ~ 45°C


Ứng dụng

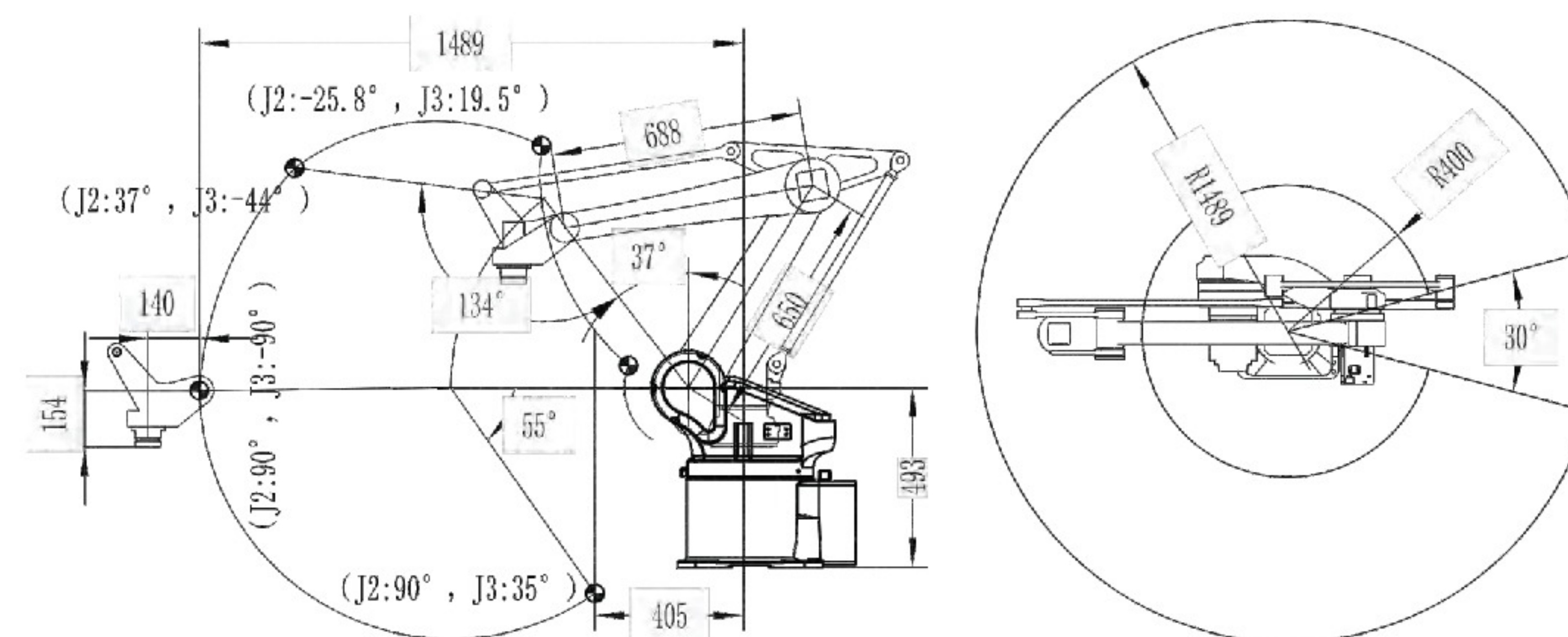
Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavaria, cắt

Robot này có tải trọng 10kg, chủ yếu được sử dụng cho công việc đập trên dây chuyền lắp ráp.

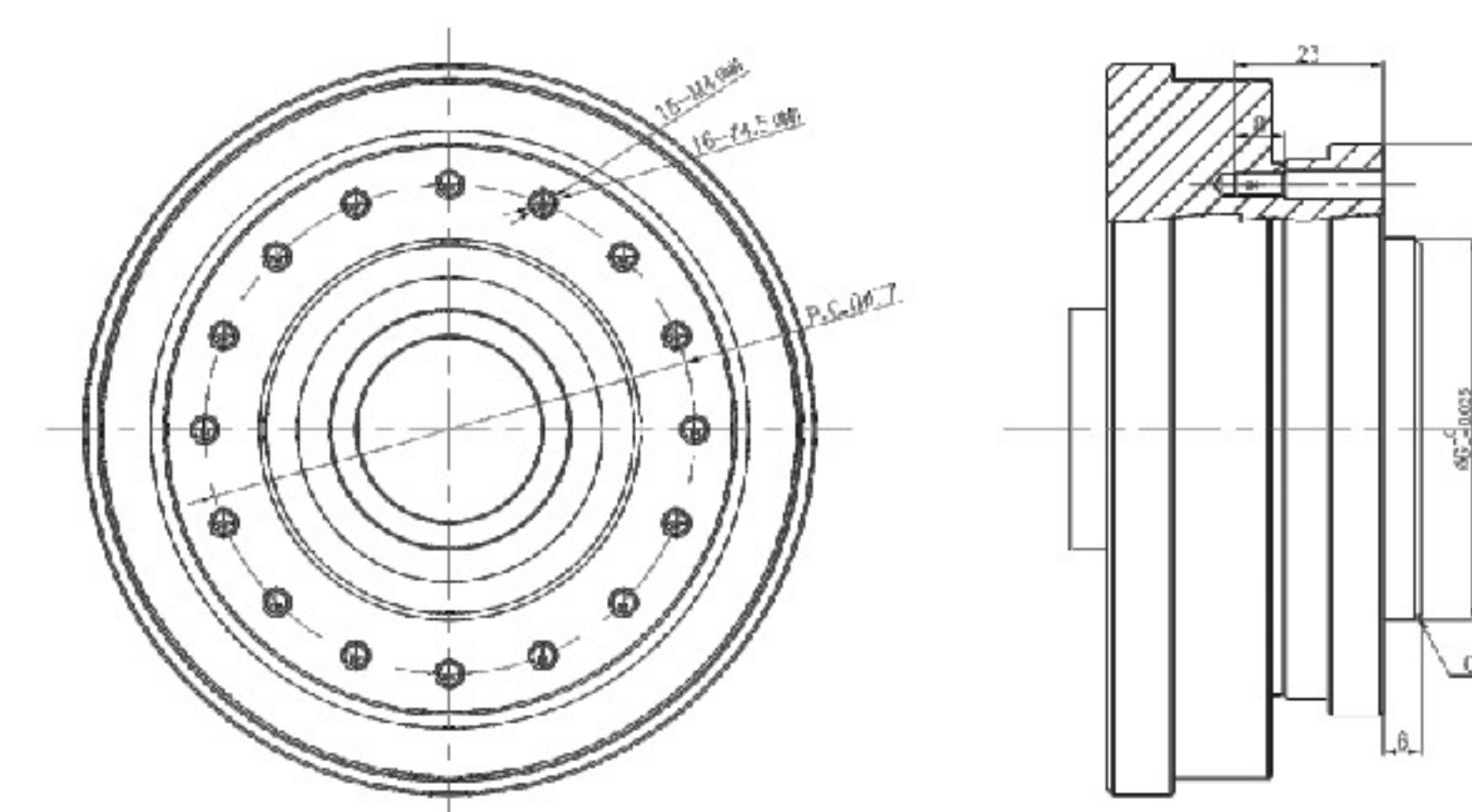
Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

Bamboo Robot

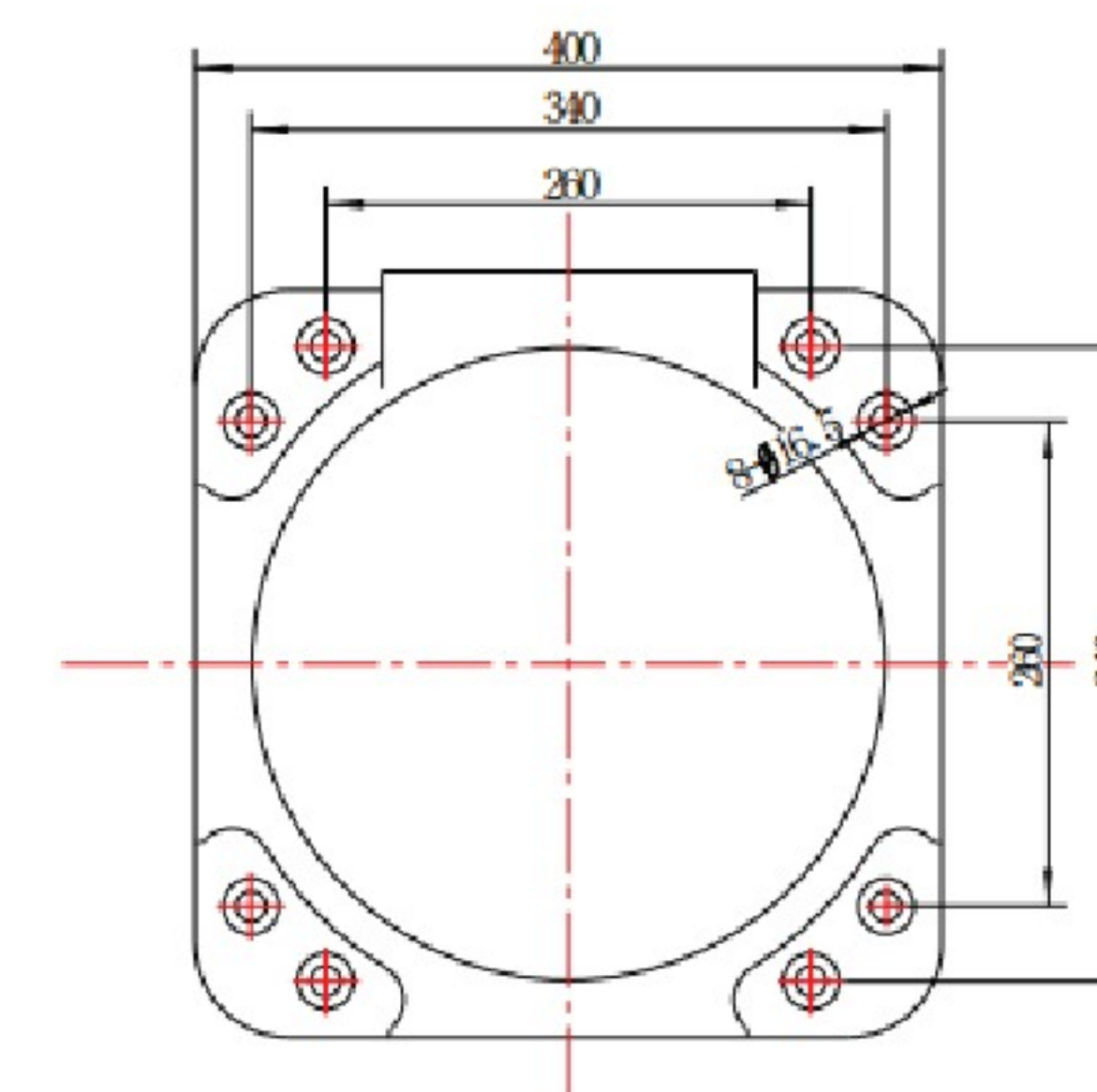
▶ Phạm vi chuyển động



 Kích thước lắp ghép



 Kích thước chân đế



ROBOT TAY ĐÒN

bamboo
Robot

LB1850-3C-4

Thông số kỹ thuật

Payload		30kg
Reach		1850mm
Structure		Articulated
Number of axes		4
Repeatability		±0.05mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-45°
	Axis 3	+60°/-60°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Weight		≈230KG
Mounting type		Horizontal
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



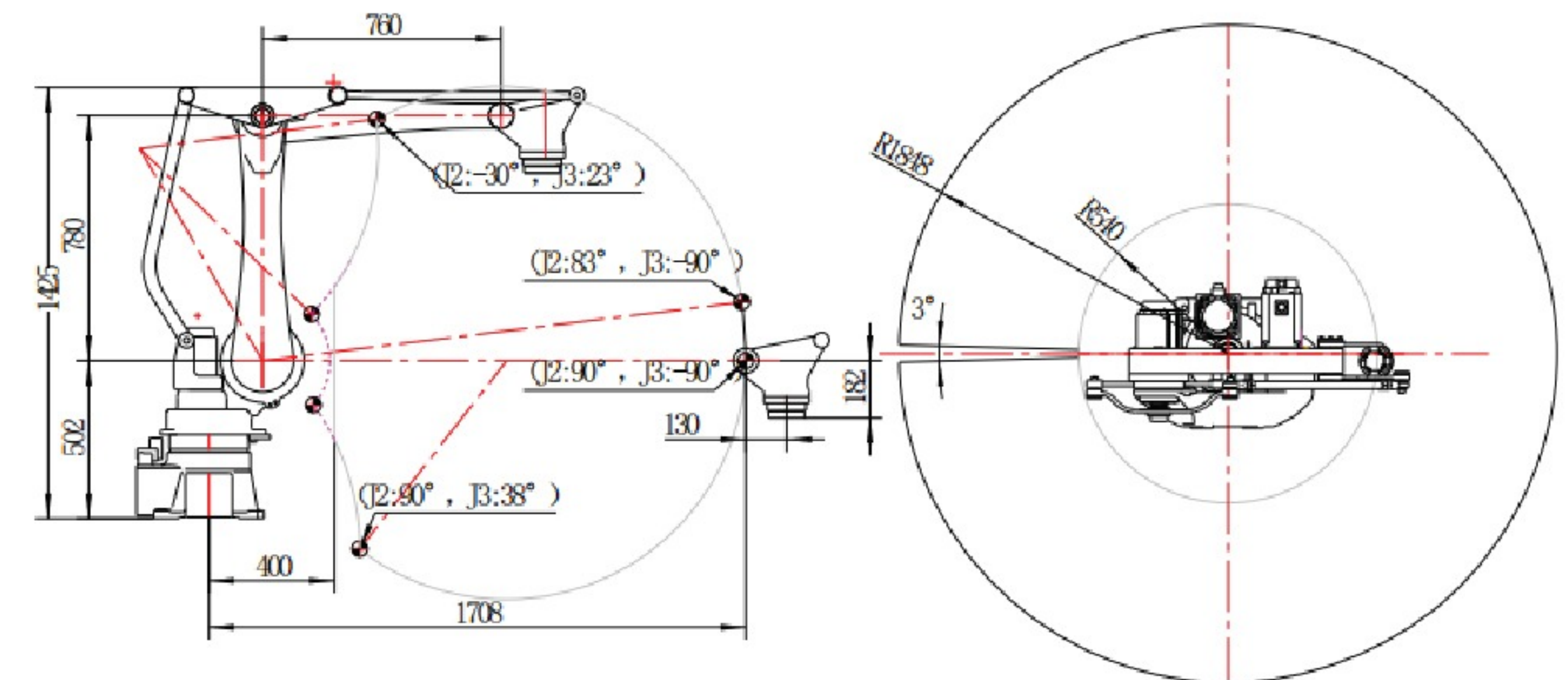
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavia, cắt

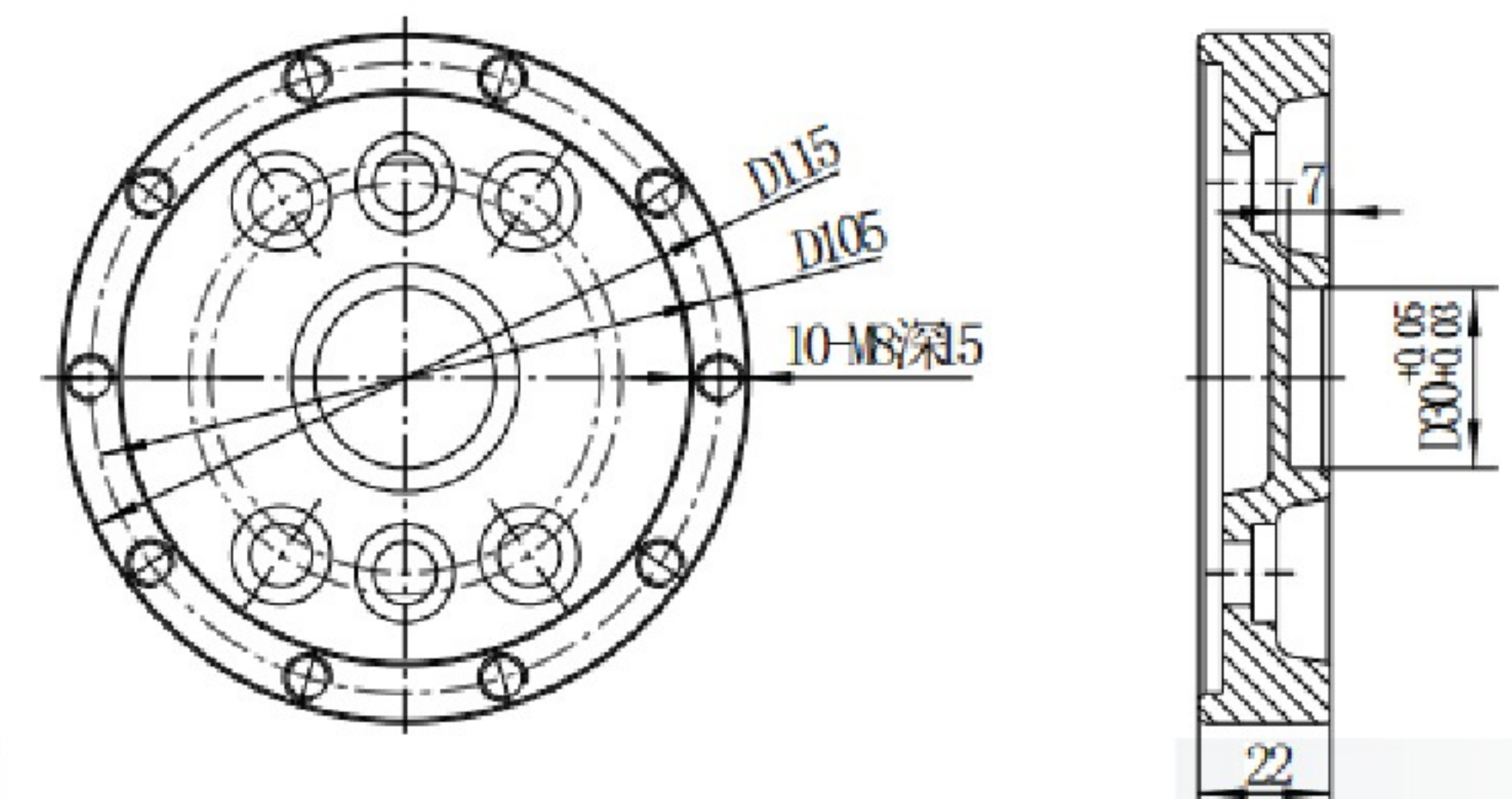
Robot này có tải trọng 30kg, có thể được sử dụng để xếp dỡ một máy ép đơn lẻ, hoặc để xếp dỡ nhiều máy ép để thực hiện thao tác đập trên dây chuyền lắp ráp.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

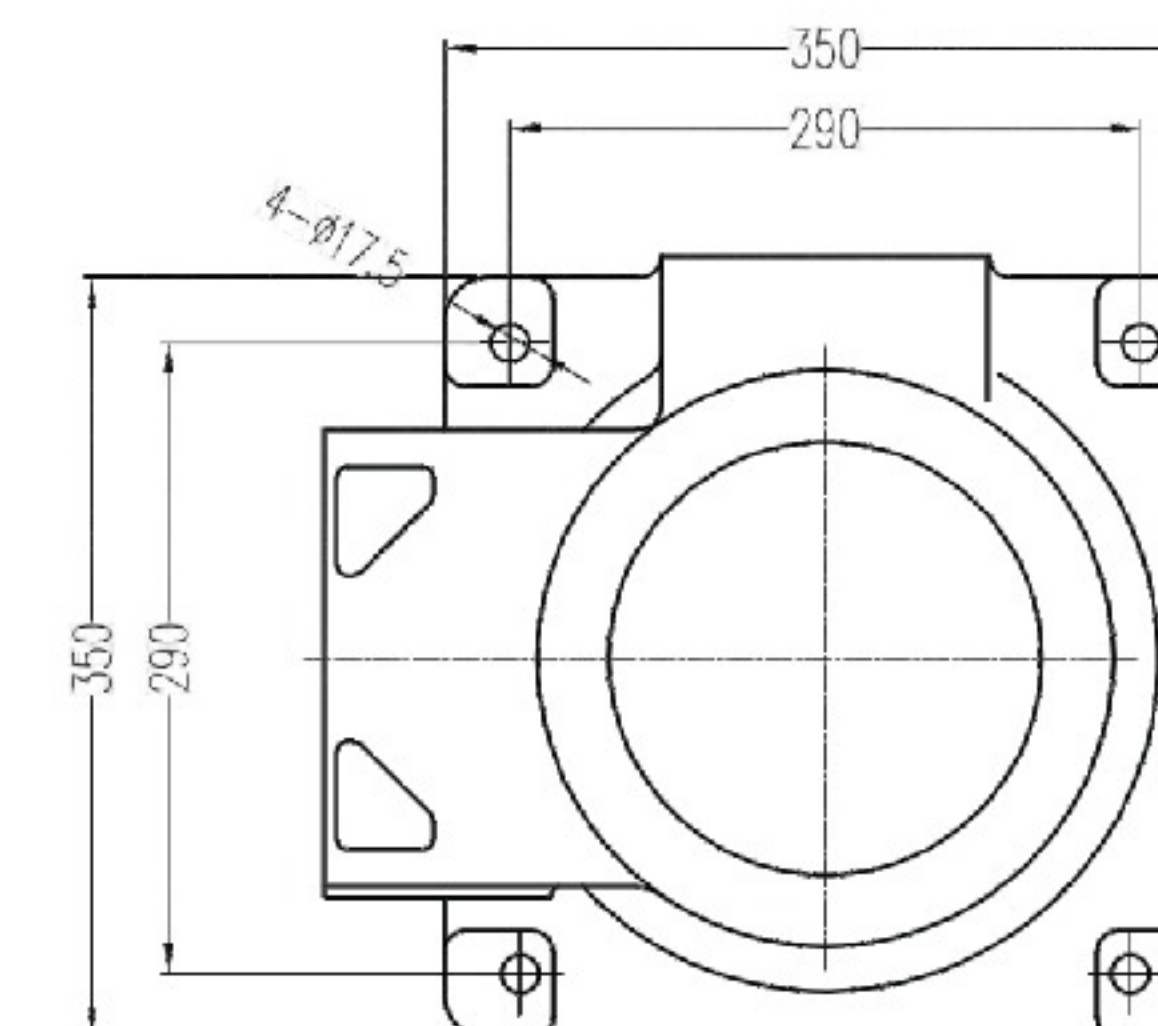
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT TAY ĐÒN

bamboo
Robot

LB2100-F-4

Thông số kỹ thuật

Payload		100kg
Reach		2100mm
Structure		Articulated
Number of axes		4
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-45°
	Axis 3	+60°/-60°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	148°/sec
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Weight		≈650kg
Mounting type		Horizontal
Applicable industries		Handling, loading and unloading, palletizing
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



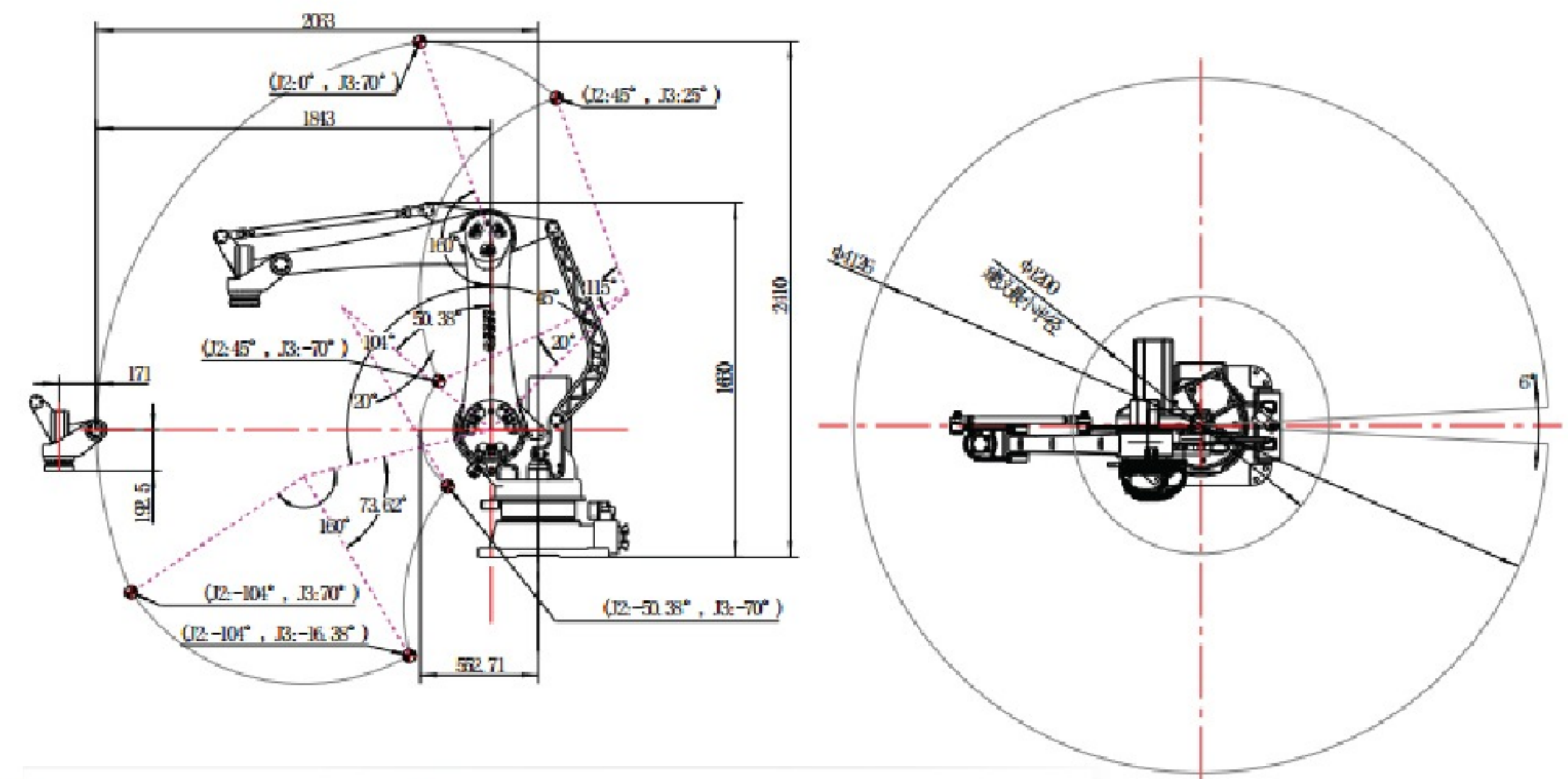
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavaria, cắt

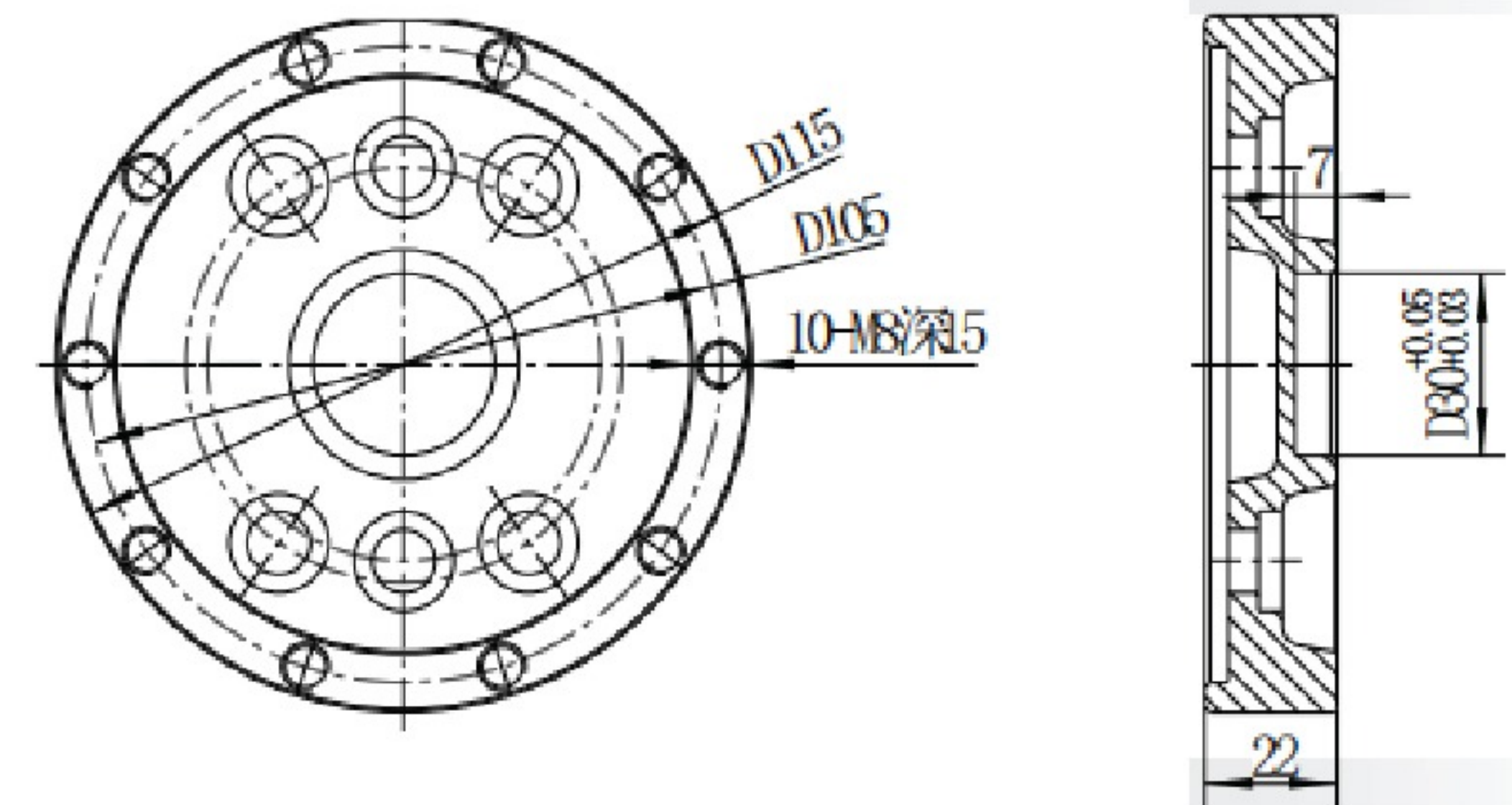
Robot này có tải trọng 100kg. Đây là robot xếp pallet hạng nặng, được sử dụng rộng rãi trong nhiều ứng dụng như bốc dỡ hóa chất, xếp pallet dây chuyền lắp ráp và các ứng dụng khác.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

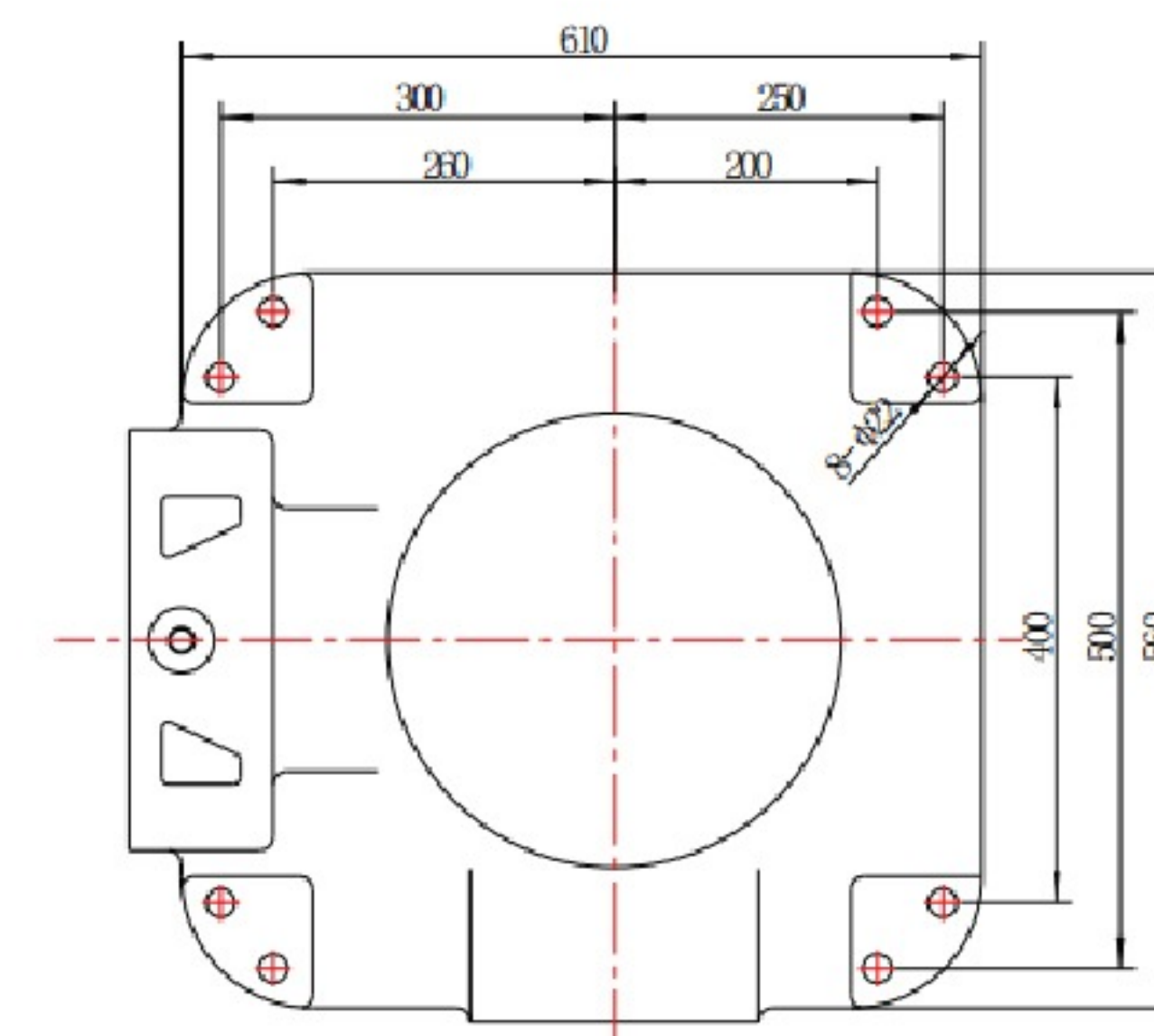
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



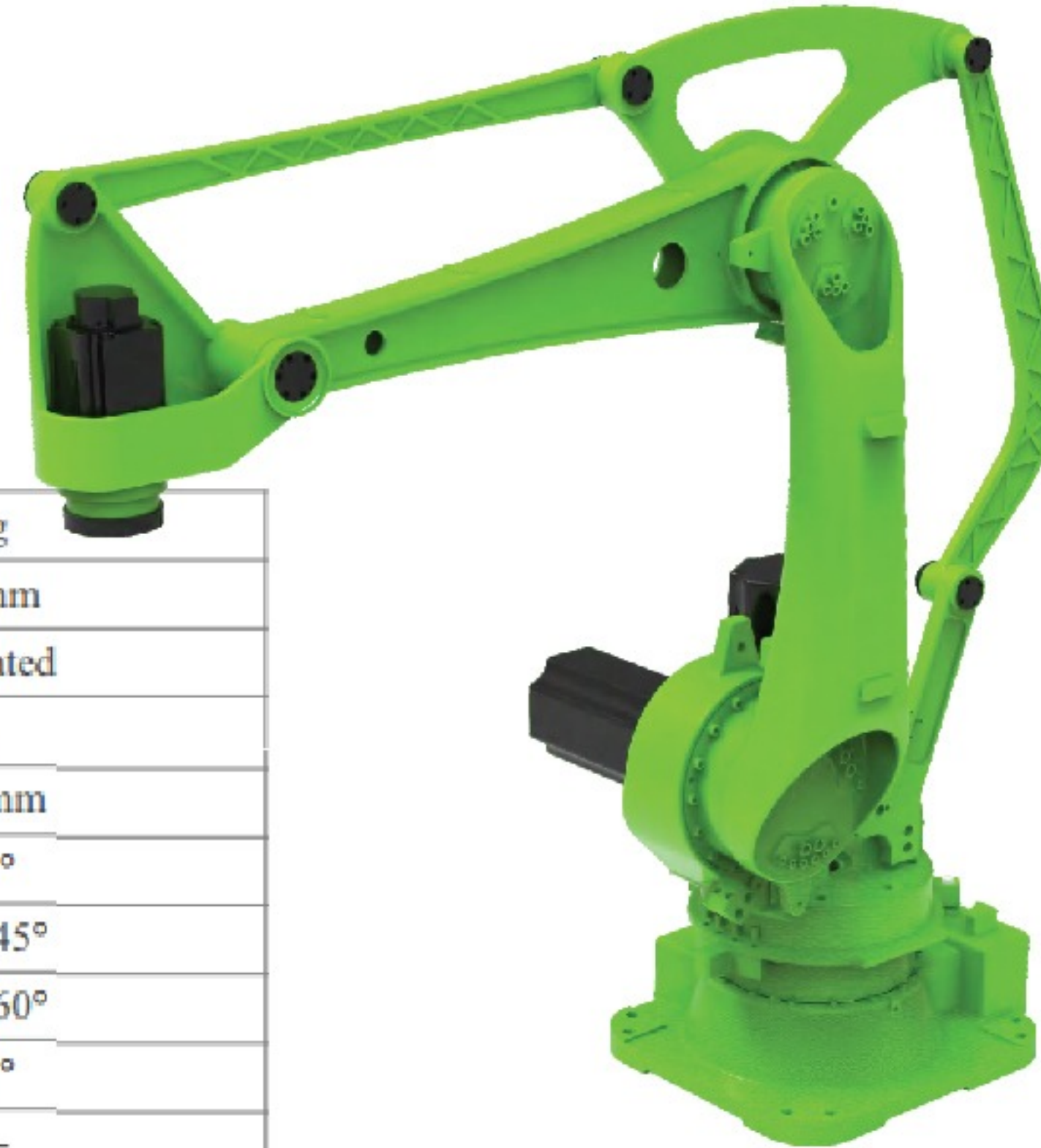
ROBOT TAY ĐÒN

bamboo
Robot

LB2300-E-4

Thông số kỹ thuật

Payload		50kg
Reach		2300mm
Structure		Articulated
Number of axes		4
Repeatability		±0.08mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+88°/-45°
	Axis 3	+60°/-60°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	148°/sec
	Axis 5	-----
	Axis 6	-----
Weight		≈660kg
Mounting type		Horizontal
Applicable industries		Handling, loading and unloading, palletizing
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



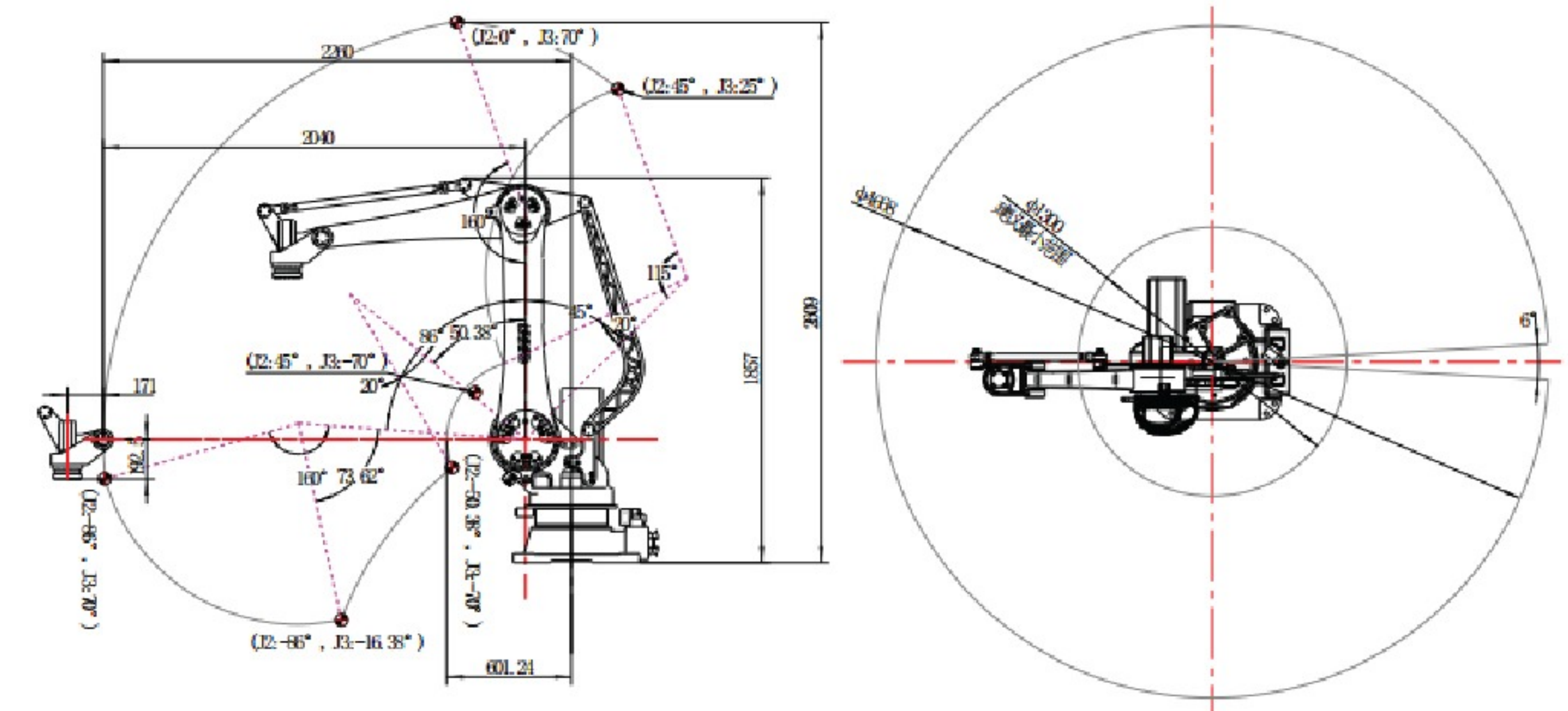
Ứng dụng

Xử lý vật liệu, truyền tải các bộ phận, xếp chồng, loại bỏ bavia, cắt

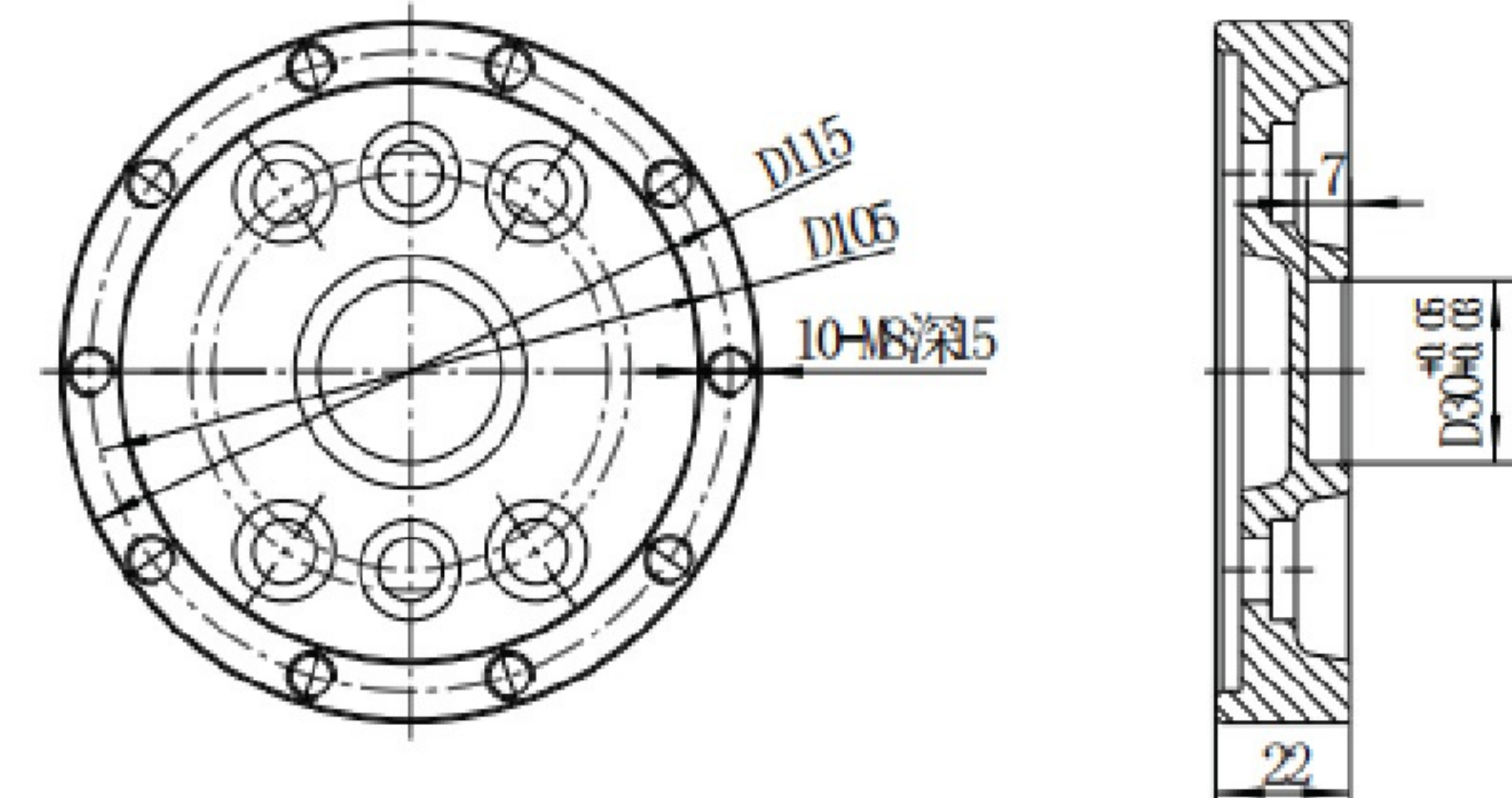
Robot này với tải trọng 50 kg là robot xếp pallet hạng trung. So với các robot khác, robot này có tải trọng vừa phải và có một số ưu điểm về chiều cao và phạm vi xếp pallet.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

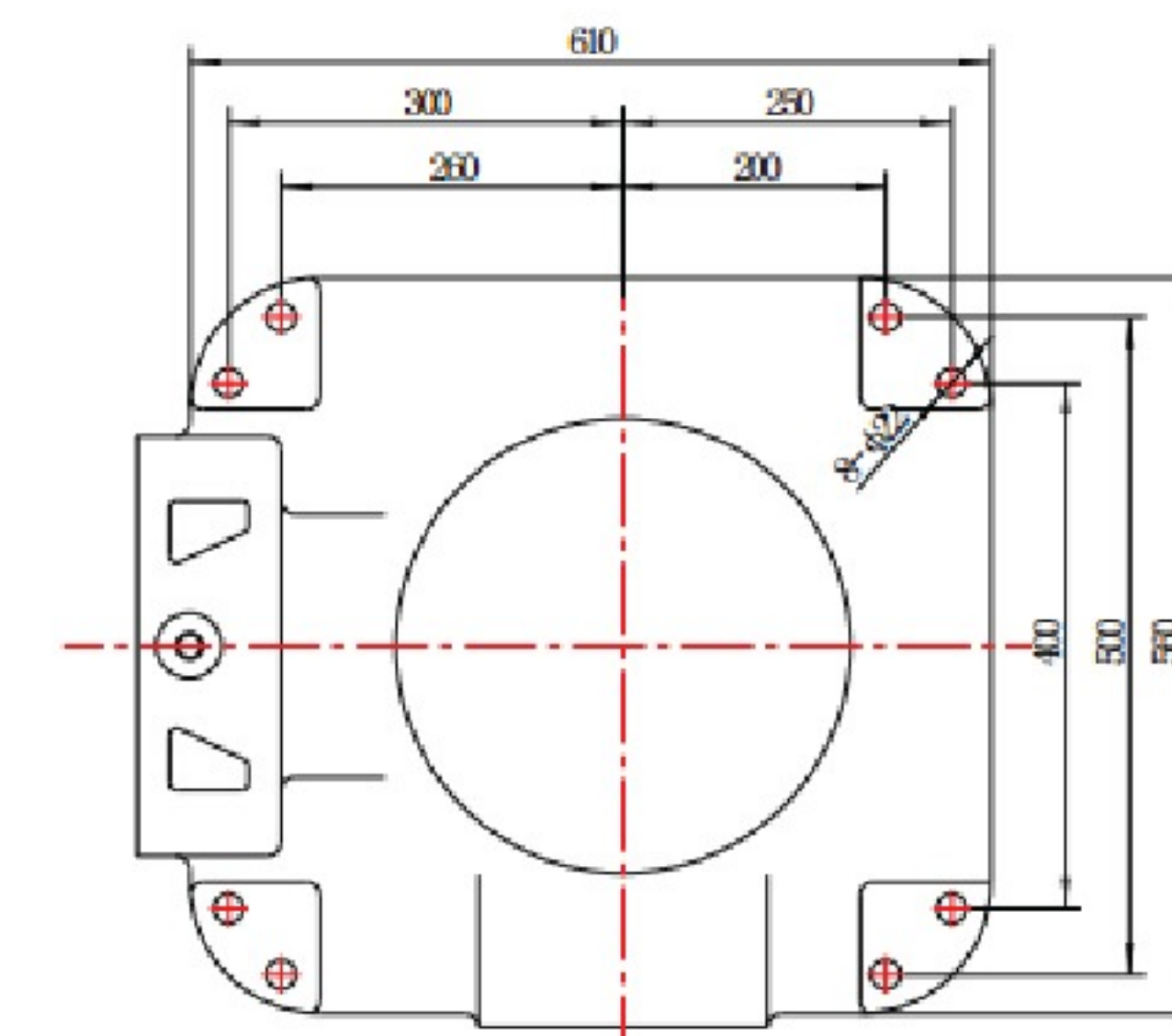
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



LP 1500-B-6

▶ Thông số kỹ thuật



Payload		6KG	
Reach		1500mm	
Structure		Articulated	
Number of axes		6	
Repeatability		±0.03mm	
Max. motion range	Axis 1	±165°	
	Axis 2	+60°/-50°	
	Axis 3	+60°/-80°	
	Axis 4	±178°	
	Axis 5	+30°/-220°	
	Axis 6	±360°	
Max. speed	Axis 1	148°/sec	
	Axis 2	148°/sec	
	Axis 3	148°/sec	
	Axis 4	222°/sec	
	Axis 5	222°/sec	
	Axis 6	360°/sec	
Weight		≈150kg	
Mounting type		Ground, bracket, ceiling	
Applicable industries		Handling, loading and unloading, palletizing, painting	
Ambient temperature		5°C ~ 45°C	

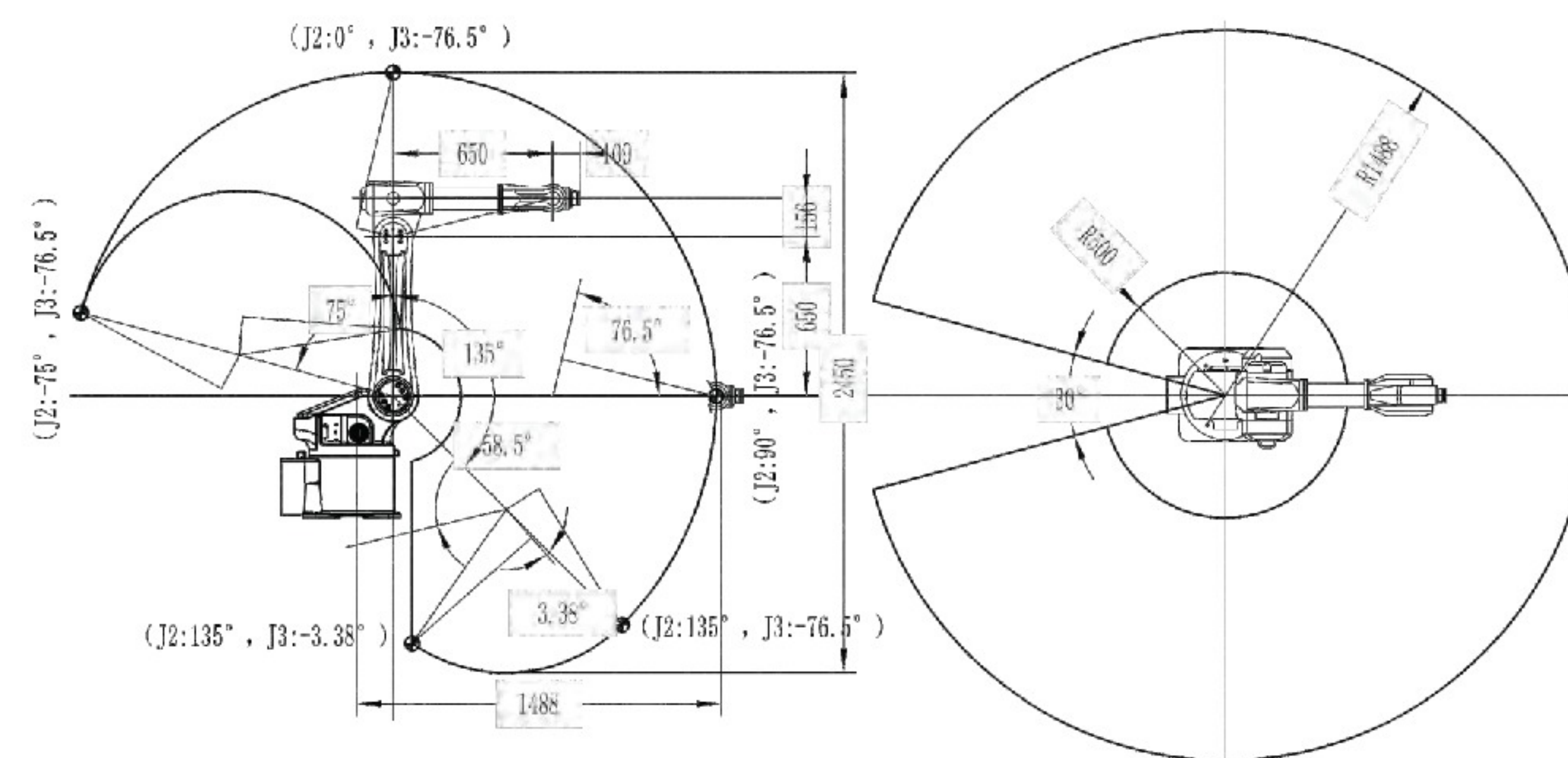
Ứng dụng

Robot được dùng trong ngành Sơn

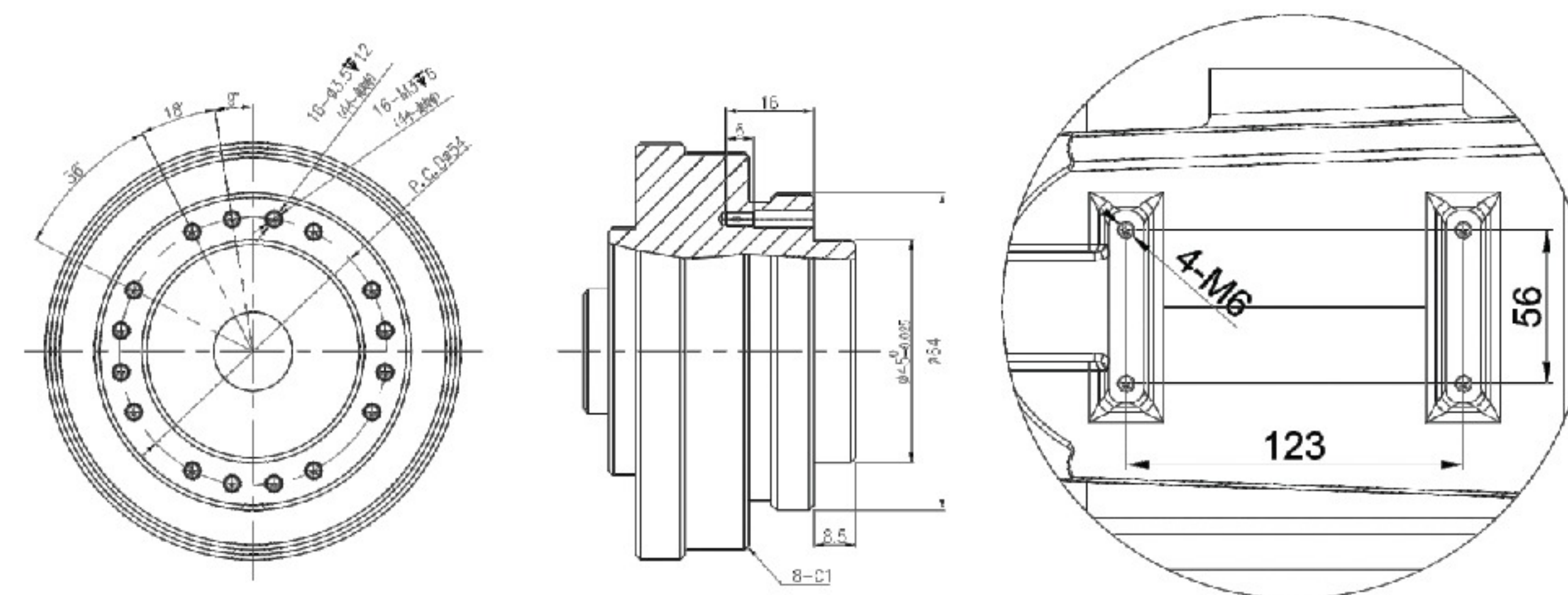
Với tải trọng 6 kg và tầm với 1500 mm, robot này thường được tích hợp với nhiều loại bàn xoay hoặc thiết bị treo không chuẩn để tạo thành trạm làm việc.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

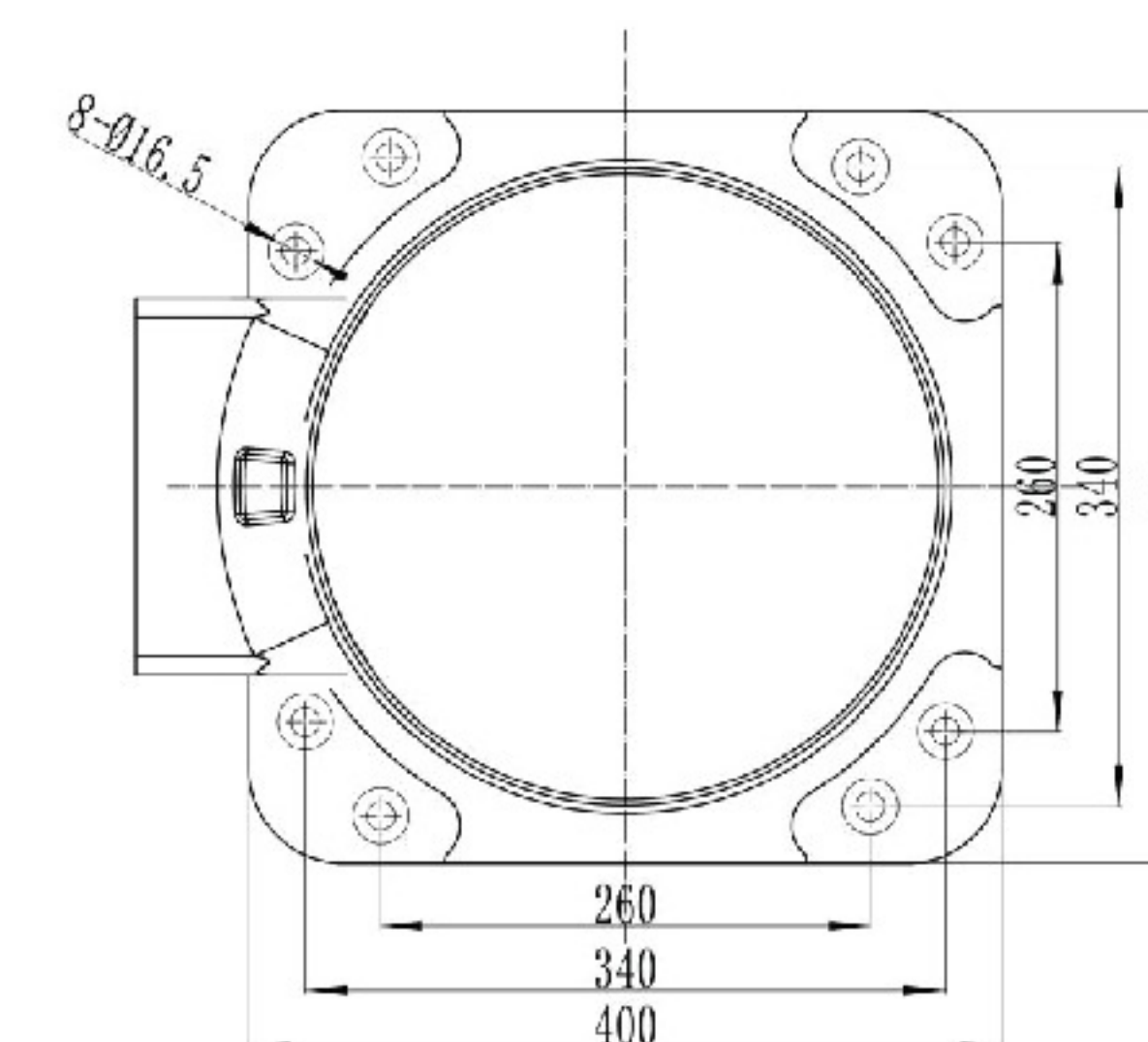
▶ Phạm vi chuyển động



 Kích thước lắp ghép

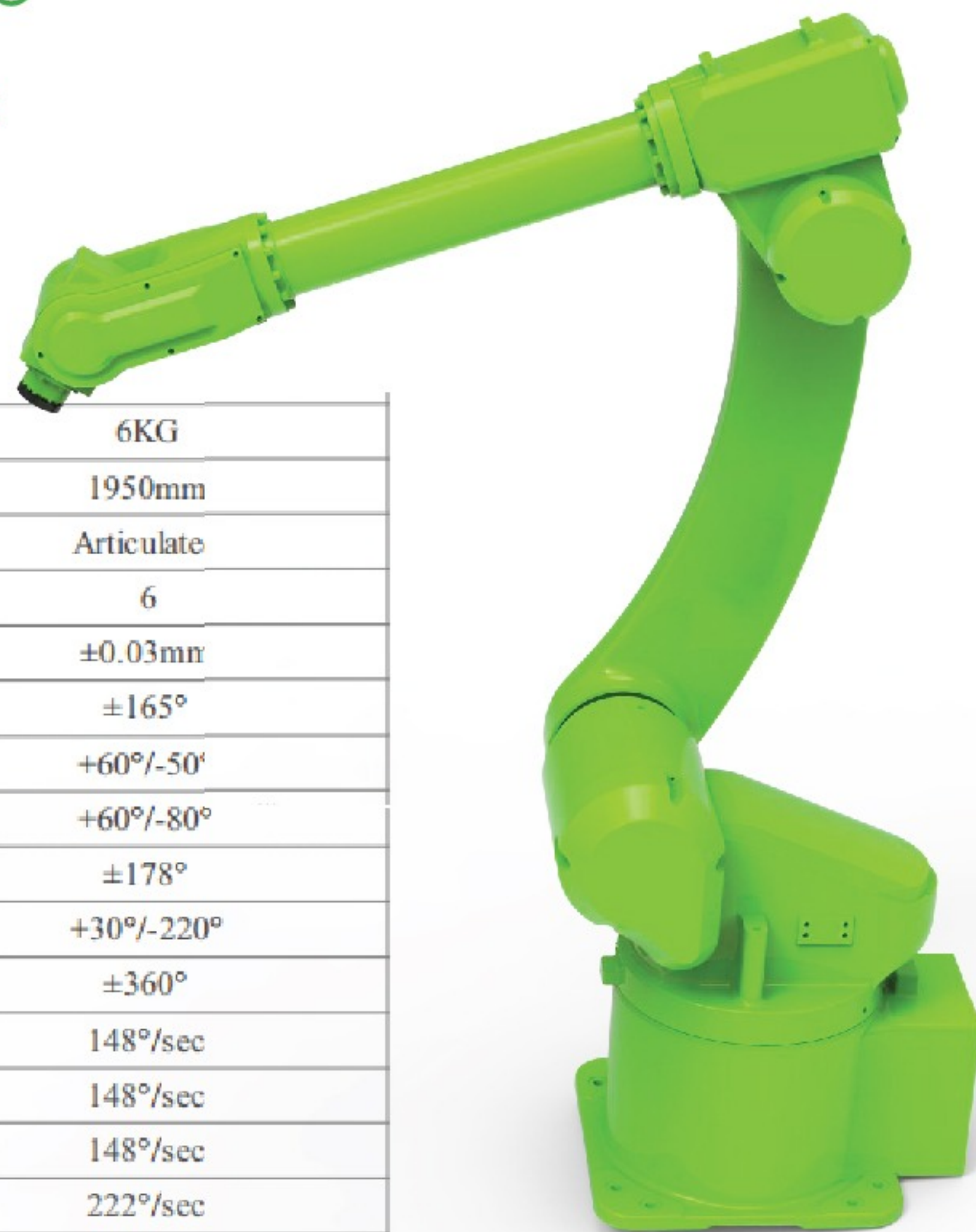


 Kích thước chân đế



LP 1950-B-6

▶ Thông số kỹ thuật



Payload		6KG
Reach		1950mm
Structure		Articulate
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+60°/-50°
	Axis 3	+60°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈170kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Applicable industries		Handling, loading and unloading, palletizing, painting
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

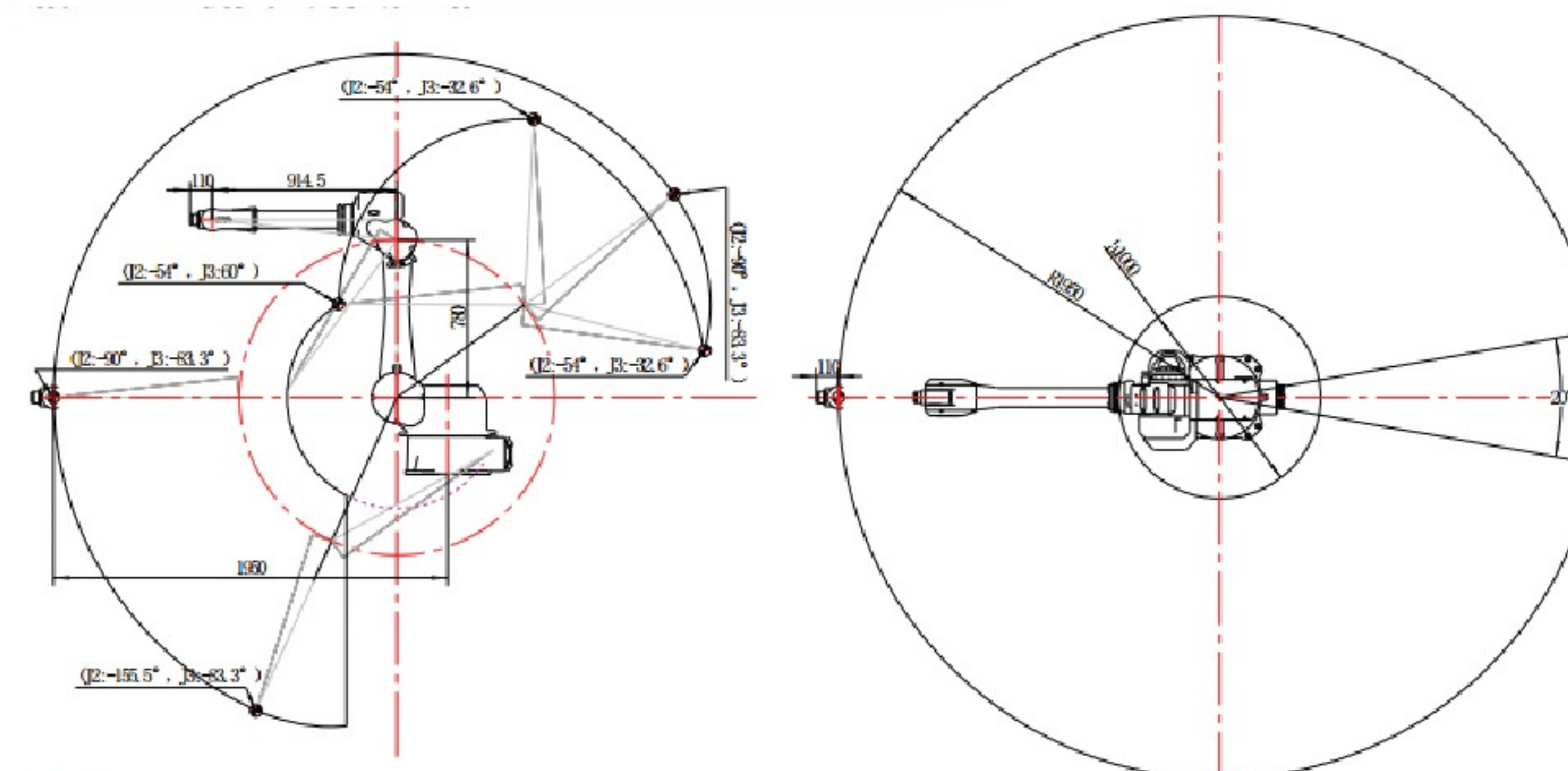
Ứng dụng

Sơn quay các bộ phận đúc phun

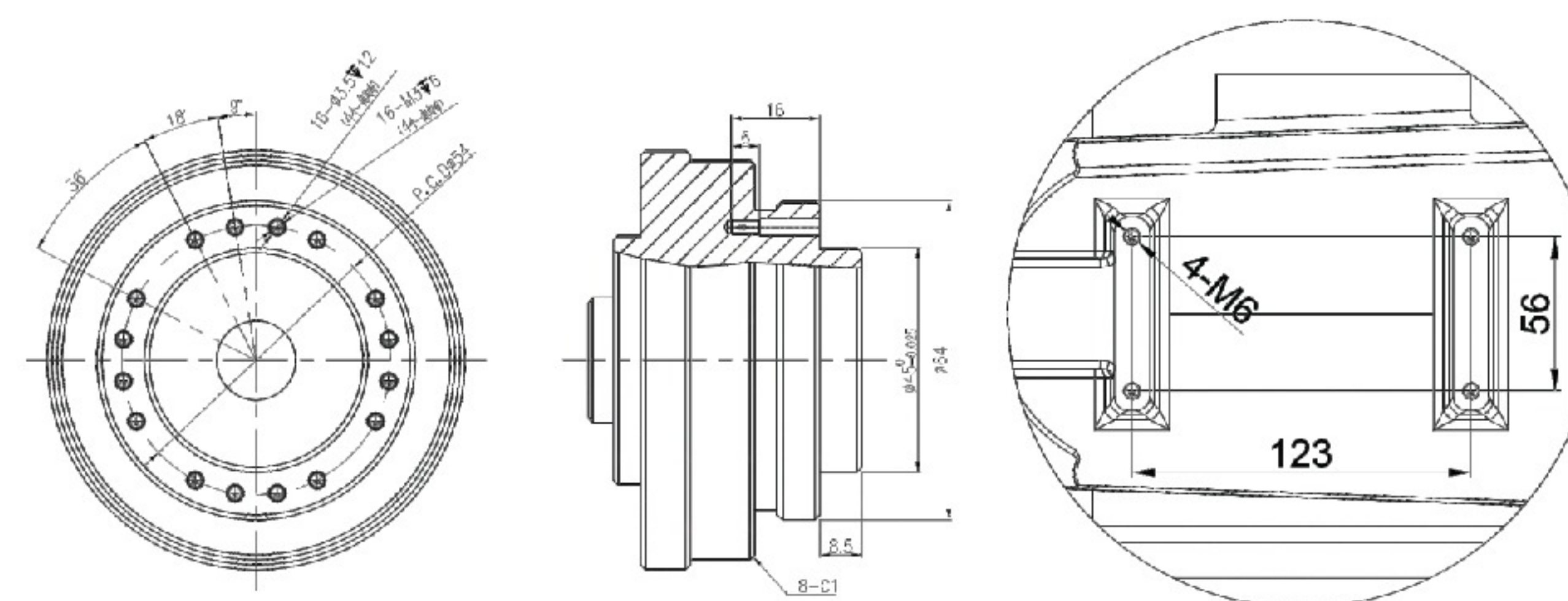
Với khả năng chống bụi, chống nước và một số ưu điểm về phạm vi di chuyển, robot này thường được sử dụng trong các ứng dụng sơn có môi trường khắc nghiệt, giúp cải thiện đáng kể môi trường làm việc và năng suất lao động của doanh nghiệp.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

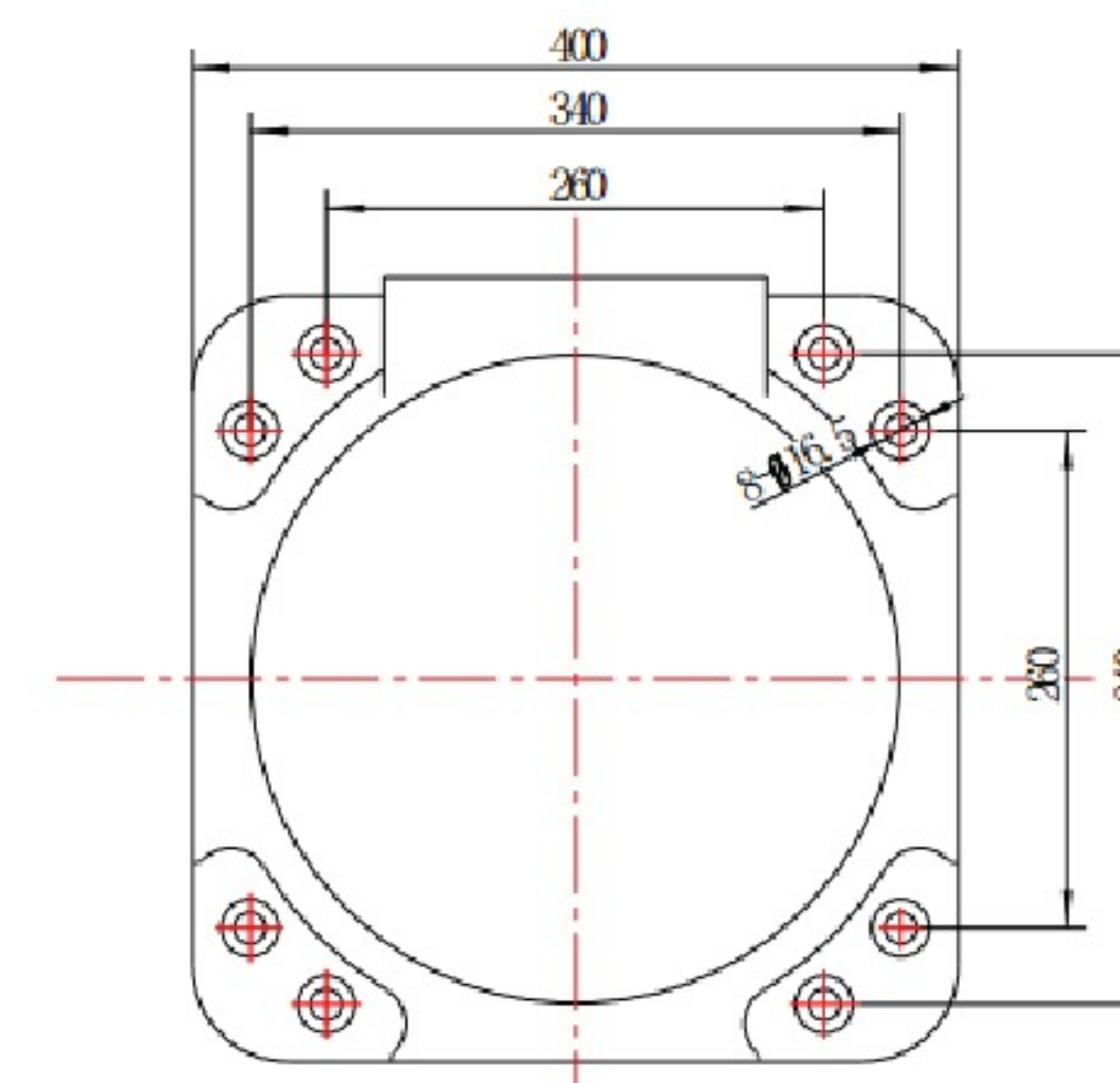
▶ Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



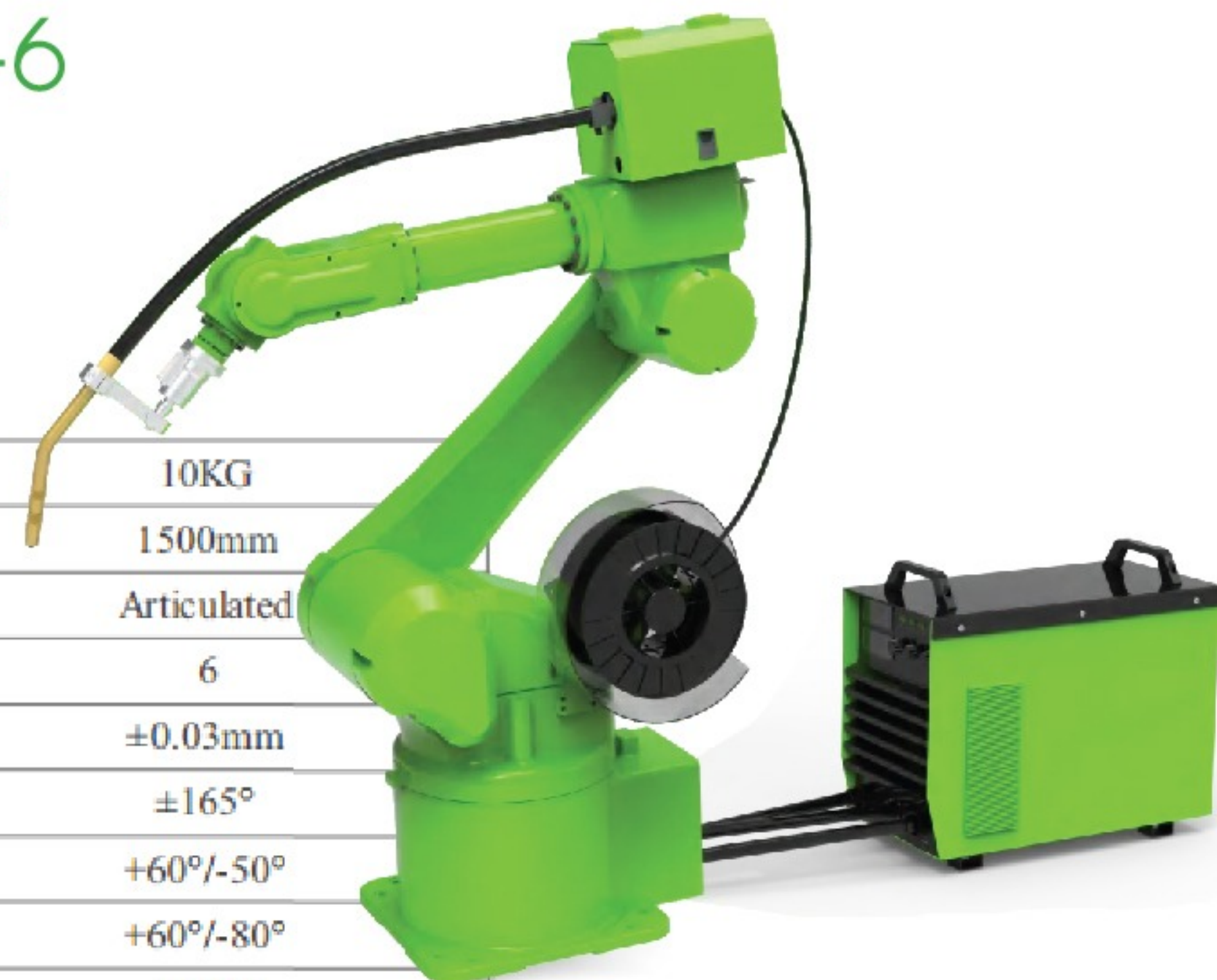
 Kích thước chân đế



LH 1500-C-6

▶ Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		1500mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		$\pm 0.03\text{mm}$
Max. motion range	Axis 1	$\pm 165^\circ$
	Axis 2	$+60^\circ/-50^\circ$
	Axis 3	$+60^\circ/-80^\circ$
	Axis 4	$\pm 178^\circ$
	Axis 5	$+30^\circ/-220^\circ$
	Axis 6	$\pm 360^\circ$
Max. speed	Axis 1	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 2	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 3	$148^\circ/\text{sec}$
	Axis 4	$222^\circ/\text{sec}$
	Axis 5	$222^\circ/\text{sec}$
	Axis 6	$360^\circ/\text{sec}$
Weight		$\approx 150\text{kg}$
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		$5^\circ\text{C} \sim 45^\circ\text{C}$

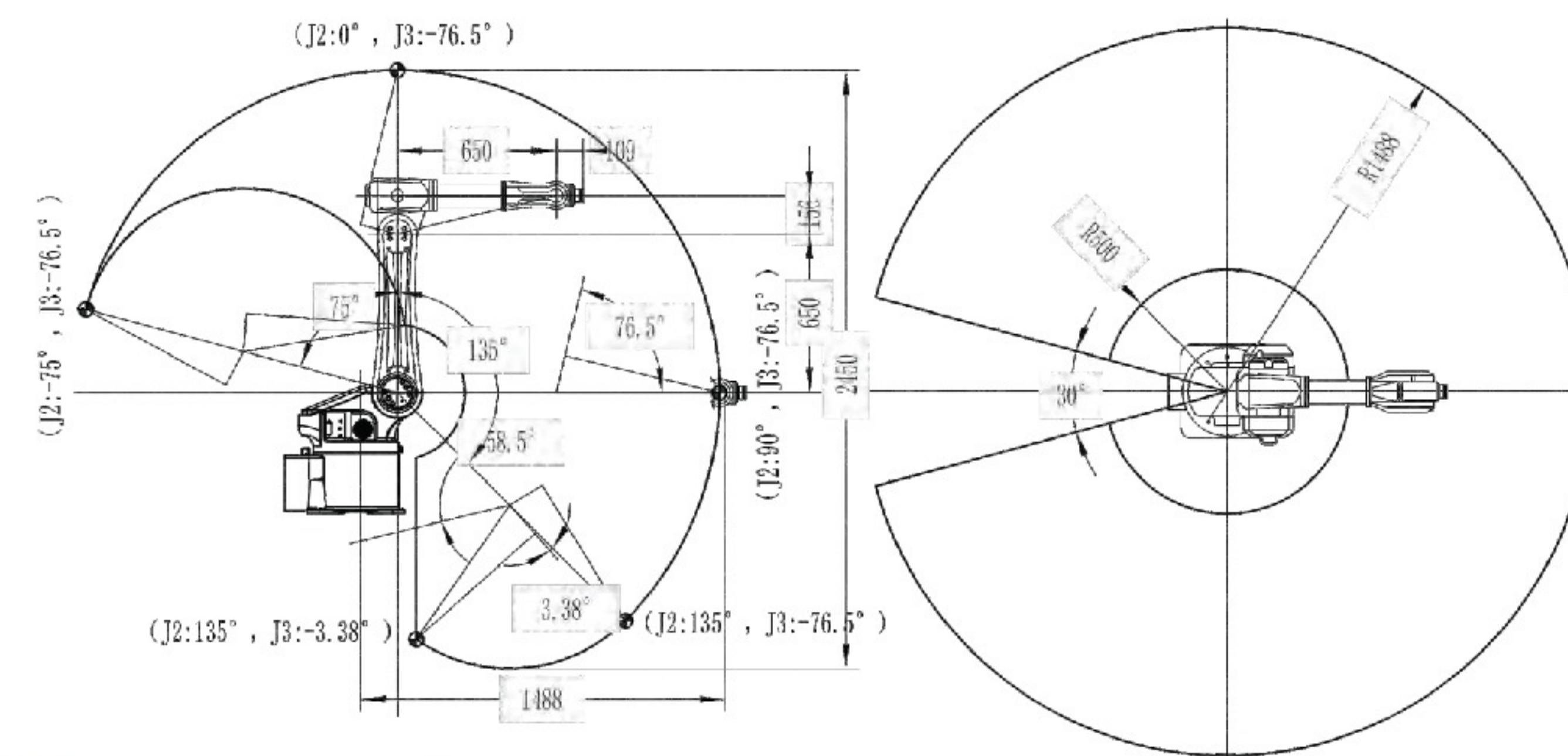

Ứng dụng

Ô tô, cửa sổ và cửa kim loại, máy móc kỹ thuật, máy móc khai thác mỏ, đầu máy xe lửa, thiết bị điện, đồ nội thất và các ngành công nghiệp khác

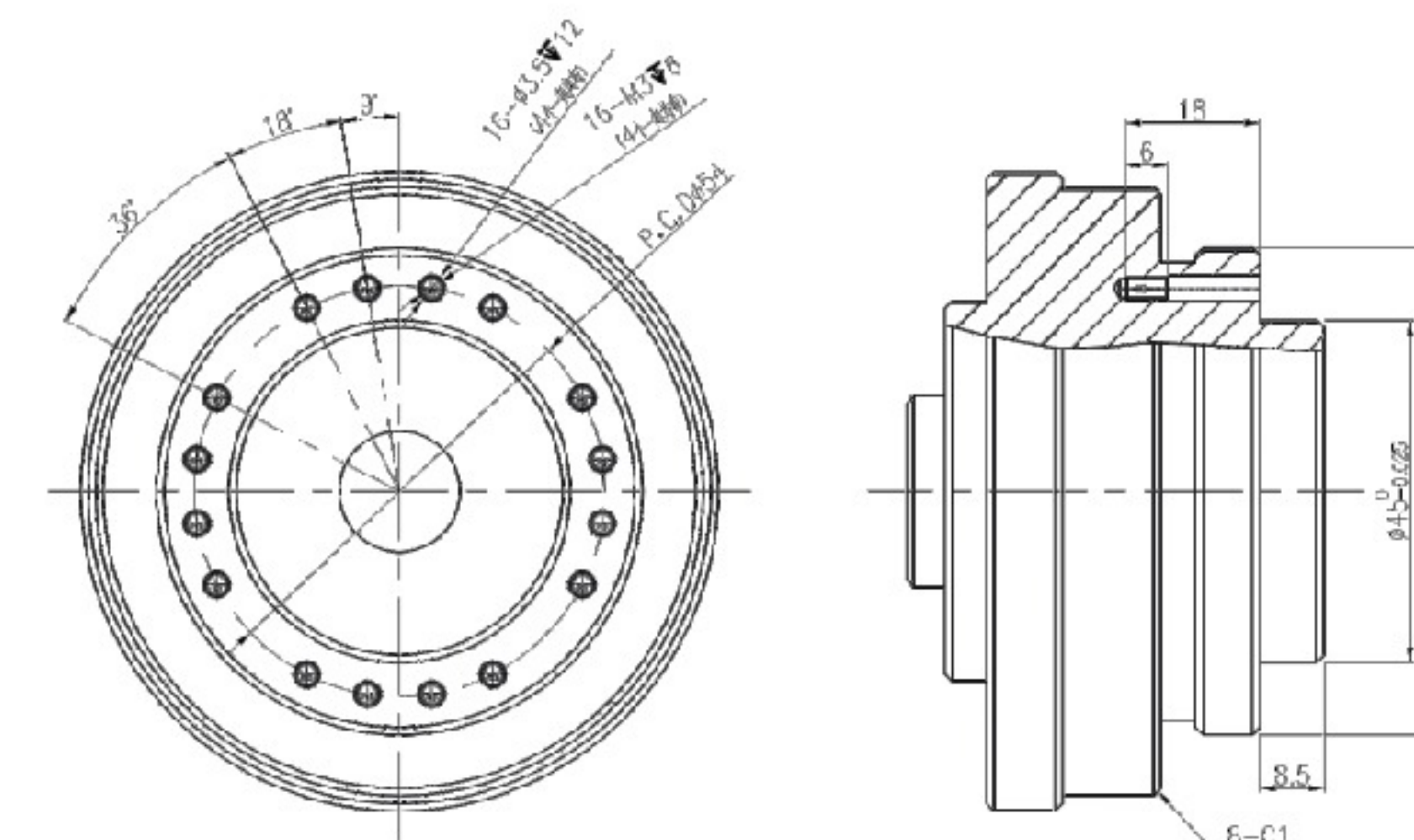
Robot này chuyên dụng cho hàn. So với mẫu trước, sản phẩm này có diện tích sàn lớn hơn và kết cấu ổn định hơn; hơn nữa, trục robot được thiết kế khép kín hoàn toàn, giúp ngăn ngừa hiệu quả các tia hàn bắn ra làm hỏng dây cáp của robot.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

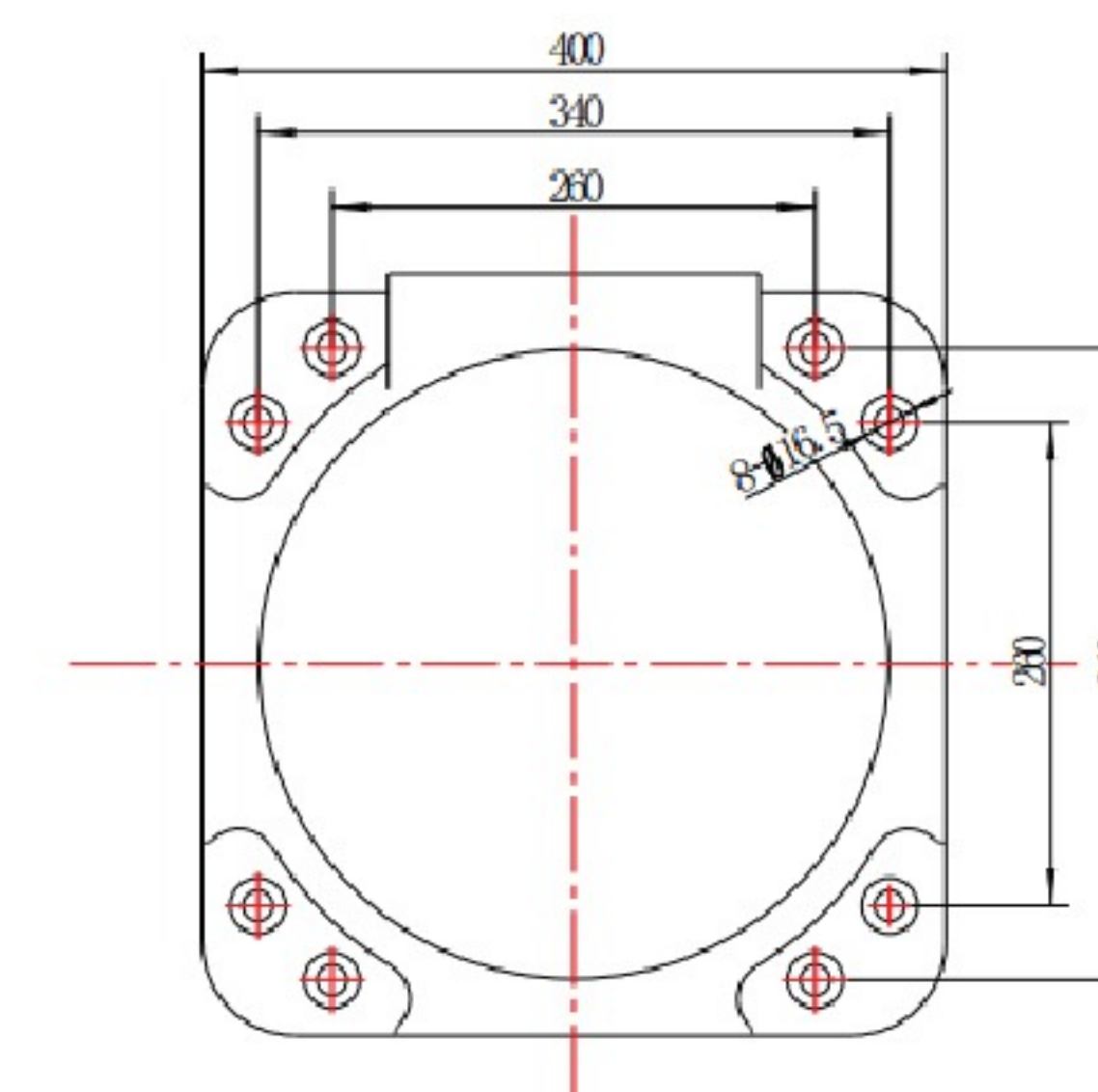
▶ Phạm vi chuyển động



 Kích thước lắp ghép



 Kích thước chân đế



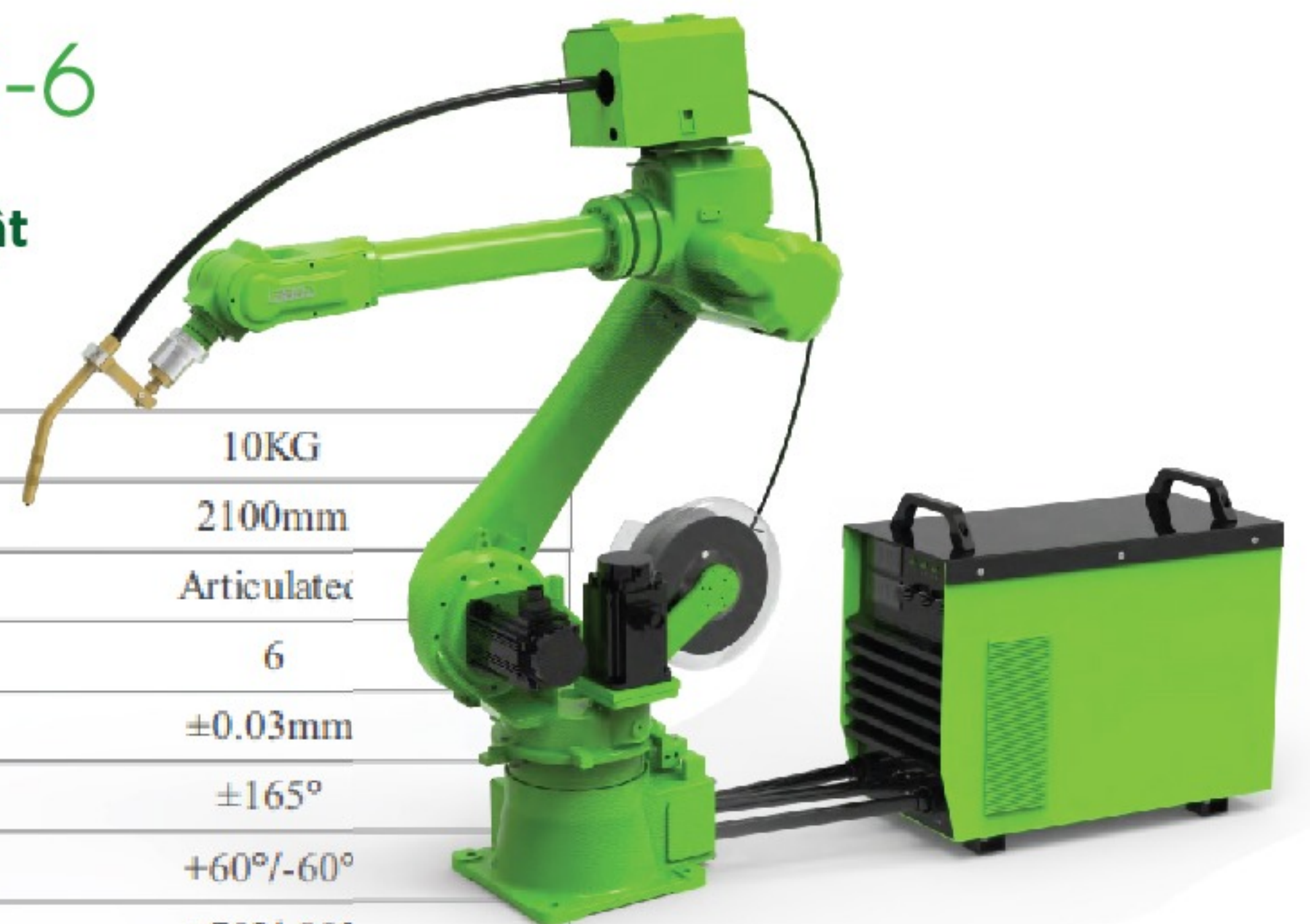
ROBOT SƠN

bamboo
Robot

LH2100-C-6

Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		2100mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+60°/-60°
	Axis 3	+70°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-220°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈235kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



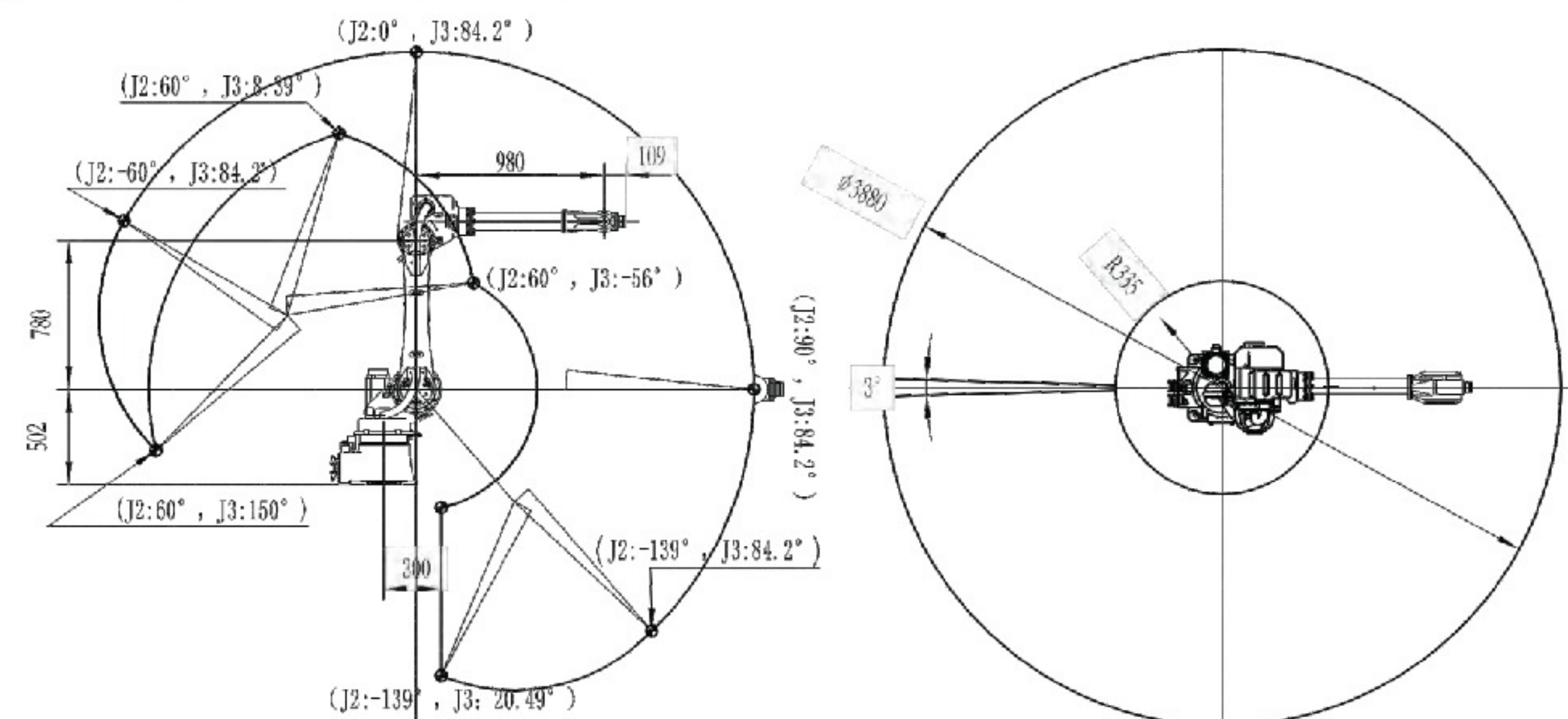
Ứng dụng

Ô tô, cửa sổ và cửa kim loại, máy móc kỹ thuật, máy móc khai thác mỏ, đầu máy xe lửa, thiết bị điện, đồ nội thất và các ngành công nghiệp khác

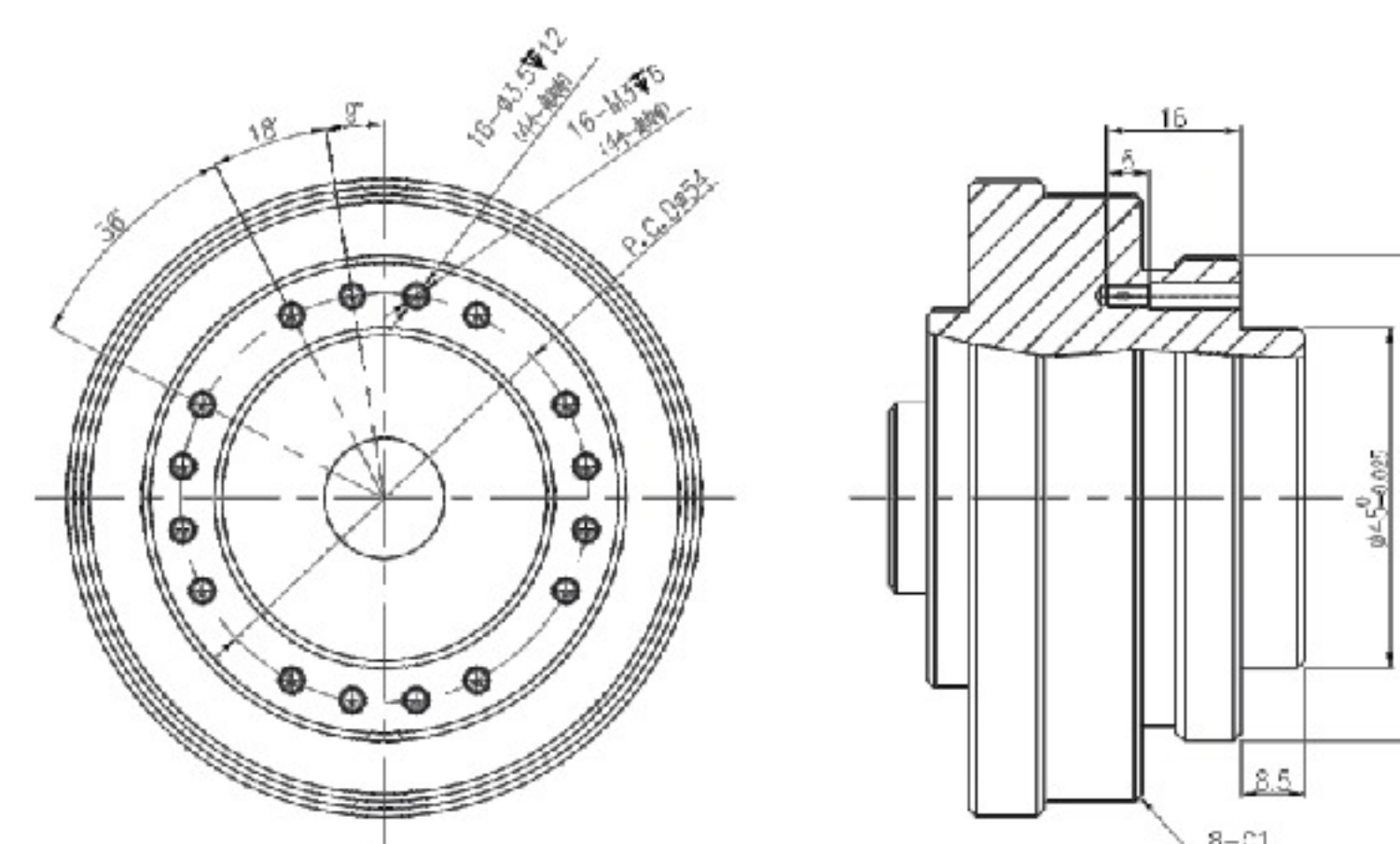
Robot này được thiết kế chuyên dụng cho lĩnh vực hàn. So với các sản phẩm trước đây, sản phẩm này có diện tích lắp đặt lớn hơn, cấu trúc ổn định, cùng với cấu trúc làm kín toàn bộ trục, giúp ngăn ngừa hiệu quả tình trạng xỉ hàn bắn vào dây robot.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

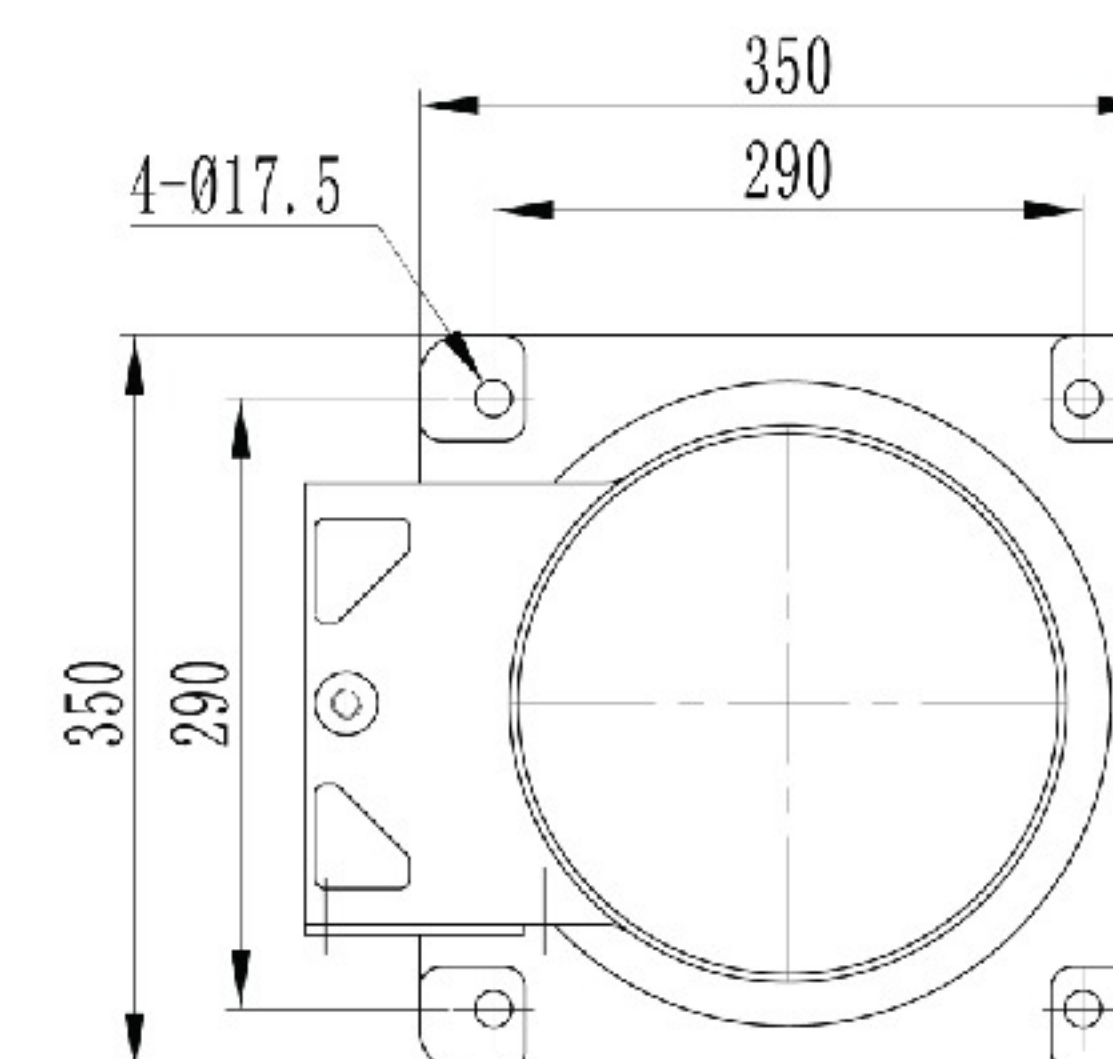
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



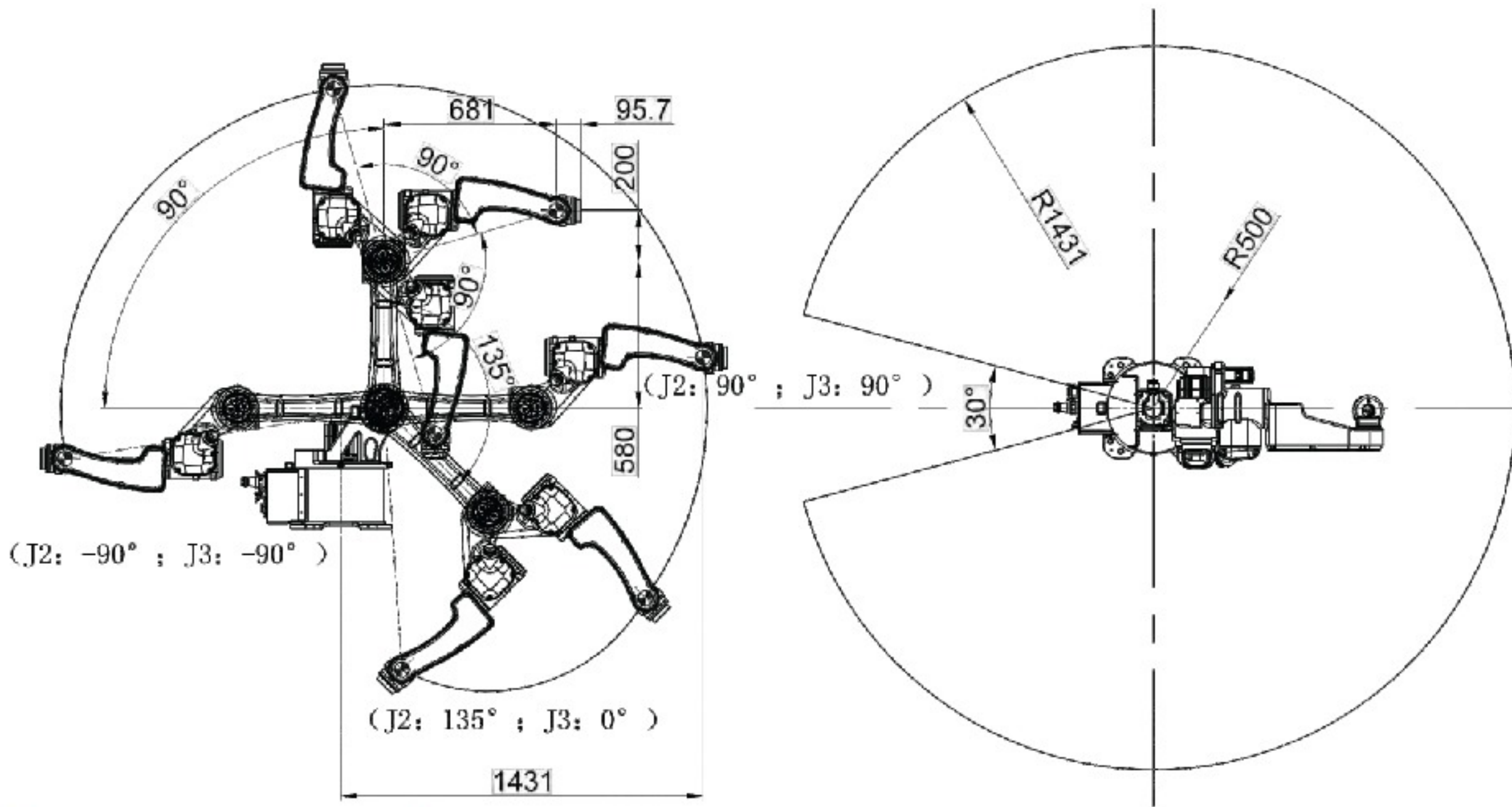
LHZ 1450-C-6

Thông số kỹ thuật

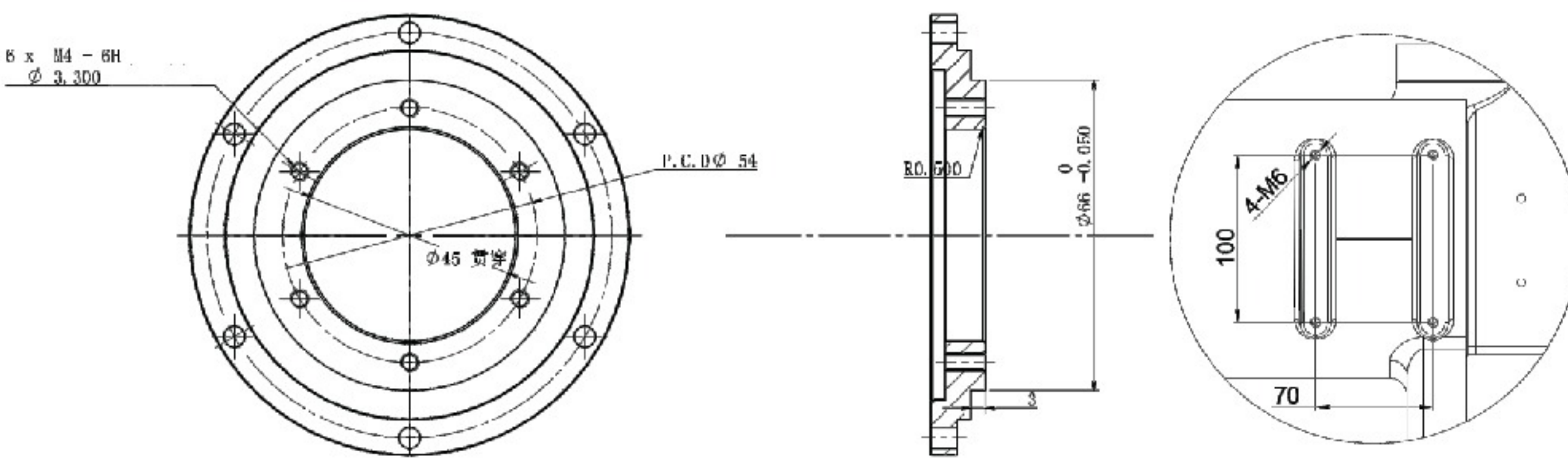
Payload		10KG
Reach		1450mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-80°
	Axis 3	+85°/-85°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-210°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈150kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C



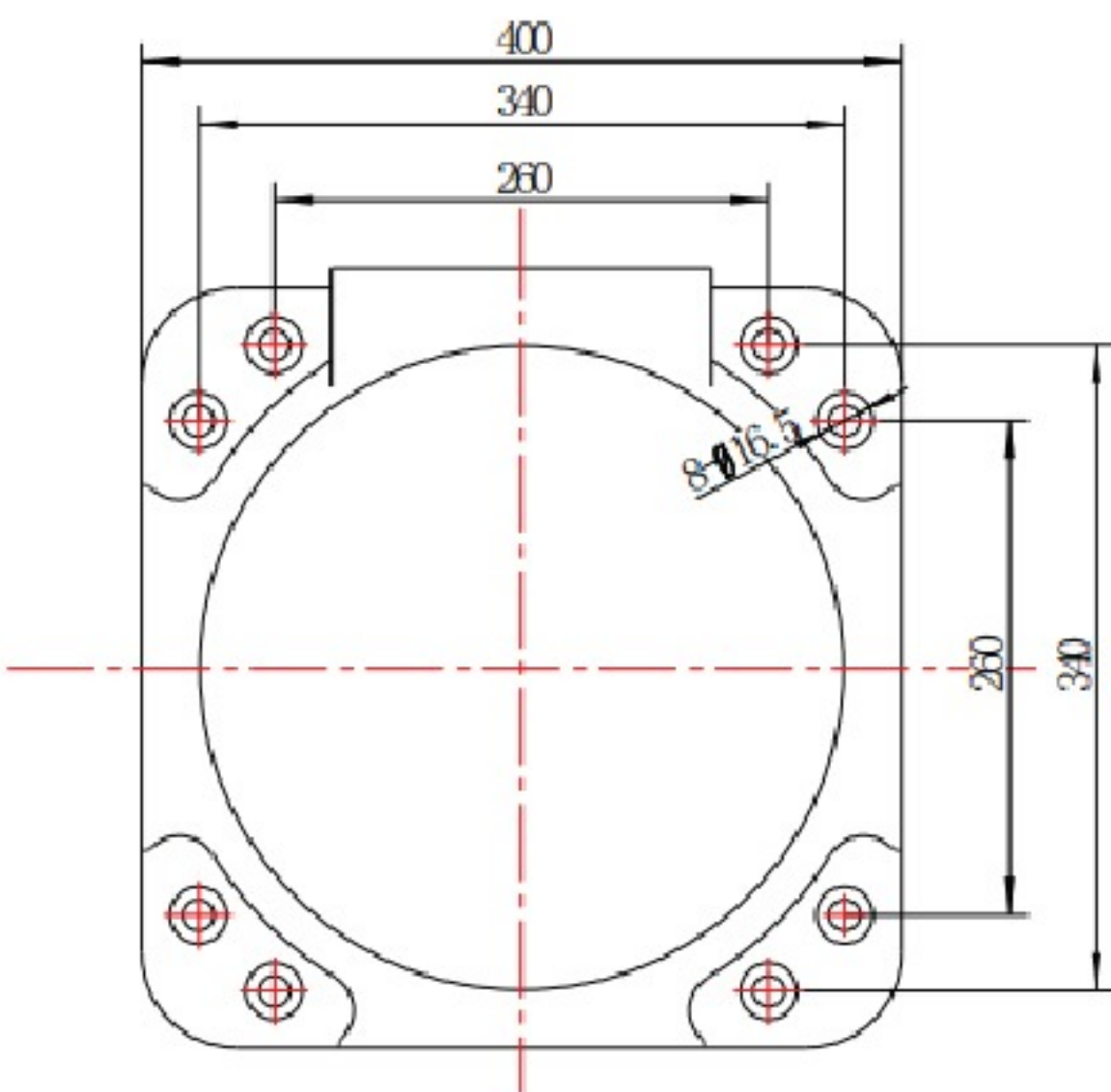
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



Ứng dụng

Ô tô, cửa sổ và cửa kim loại, máy móc kỹ thuật, máy móc khai thác mỏ, đầu máy xe lửa, thiết bị điện, đồ nội thất và các ngành công nghiệp khác

Robot này i chuyên dụng cho hàn. Đây là robot được phát triển để hoạt động trong môi trường khắc nghiệt hơn tại hiện trường. Sản phẩm này có diện tích sàn lớn hơn và kết cấu ổn định hơn bao giờ hết, đồng thời có trục kín hoàn toàn giúp ngăn ngừa hiệu quả các tia hàn bắn ra làm hỏng dây cáp của robot.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

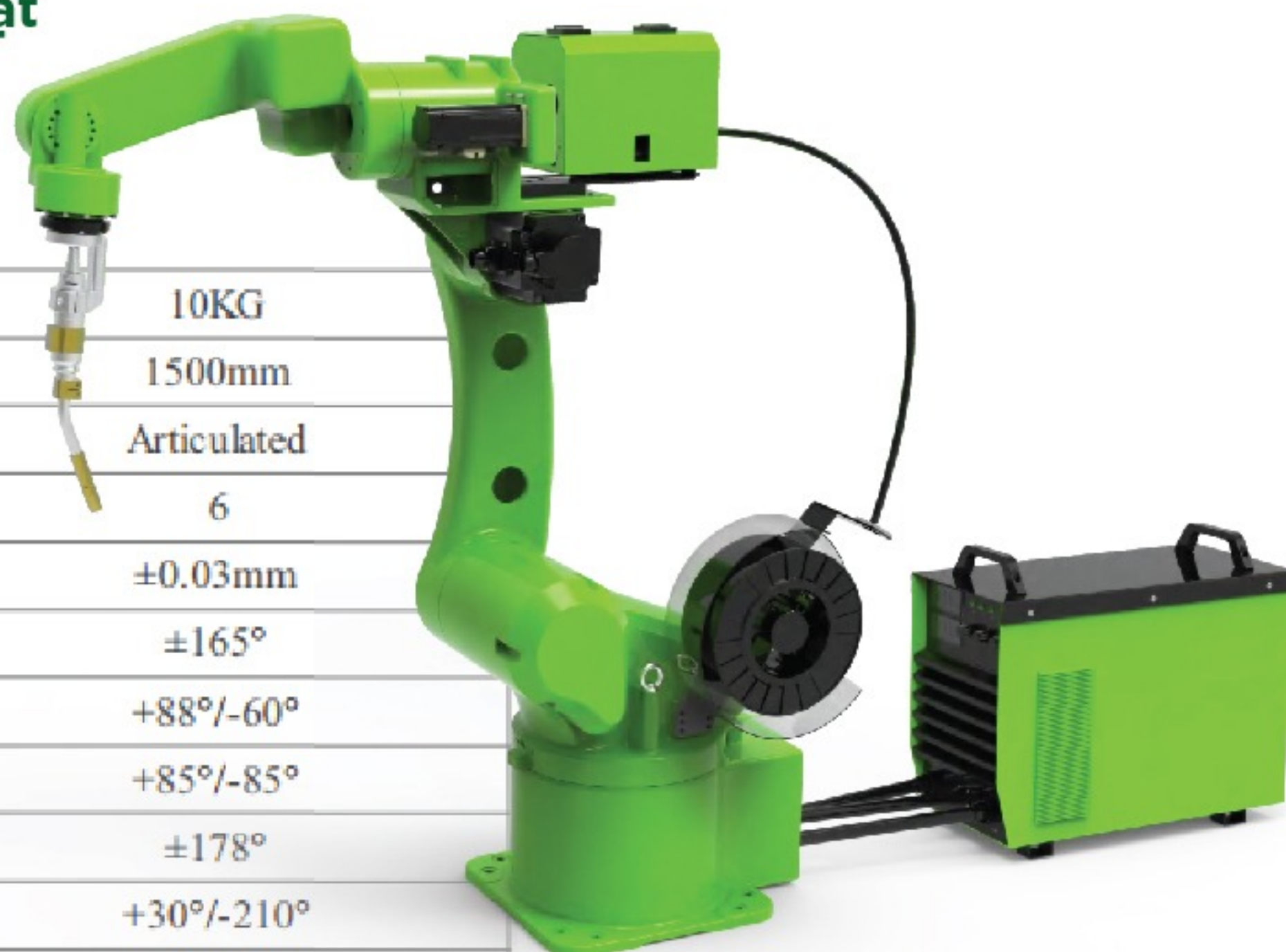
ROBOT SƠN

bamboo
Robot

LHZ 1500-C-6

Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		1500mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-60°
	Axis 3	+85°/-85°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-210°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈150kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5℃ ~ 45℃



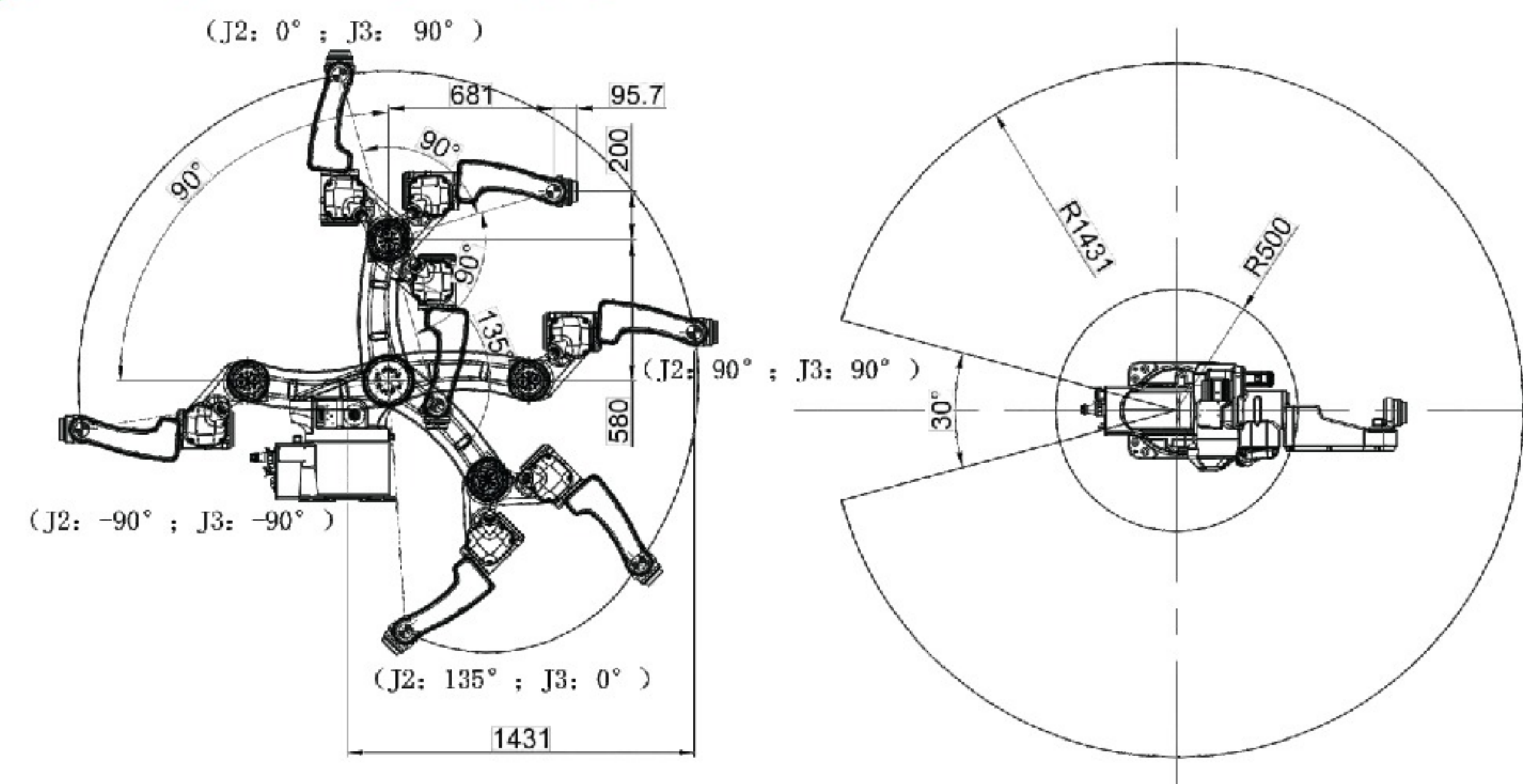
Ứng dụng

Ô tô, cửa sổ và cửa kim loại, máy móc kỹ thuật, máy móc khai thác mỏ, đầu máy xe lửa, thiết bị điện, đồ nội thất và các ngành công nghiệp khác

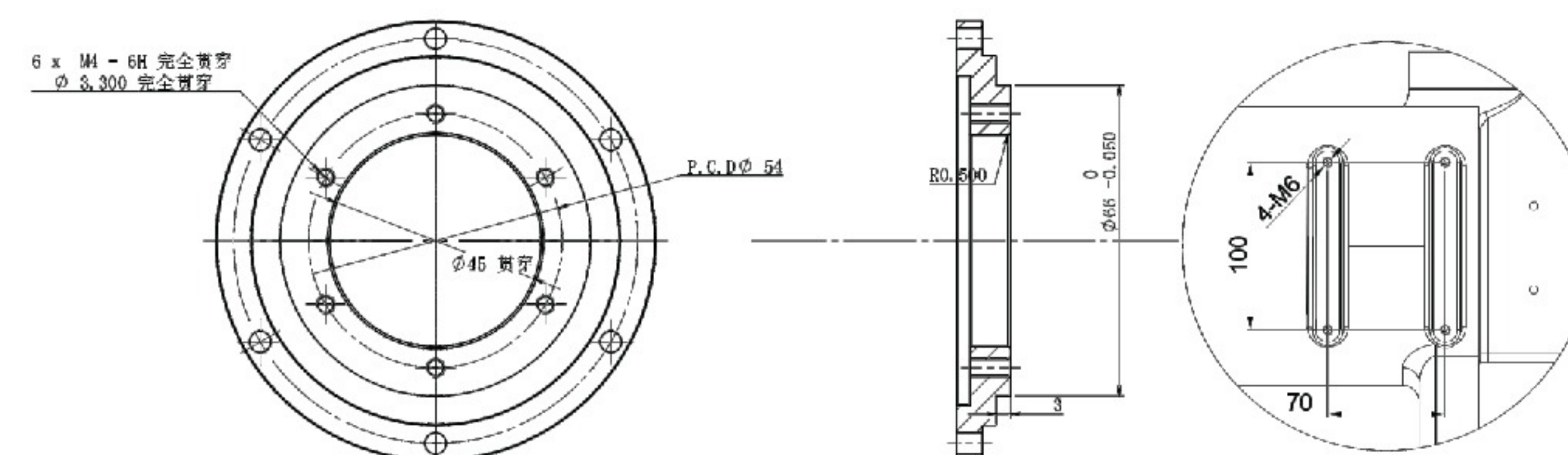
Robot này chuyên dụng cho hàn. Đây là một robot được phát triển để hoạt động trong môi trường khắc nghiệt hơn tại hiện trường. Sản phẩm này có diện tích sàn lớn hơn và kết cấu ổn định hơn bao giờ hết, đồng thời có trục được bao bọc hoàn toàn, giúp ngăn ngừa hiệu quả các tia hàn bắn ra làm hỏng dây cáp của robot.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

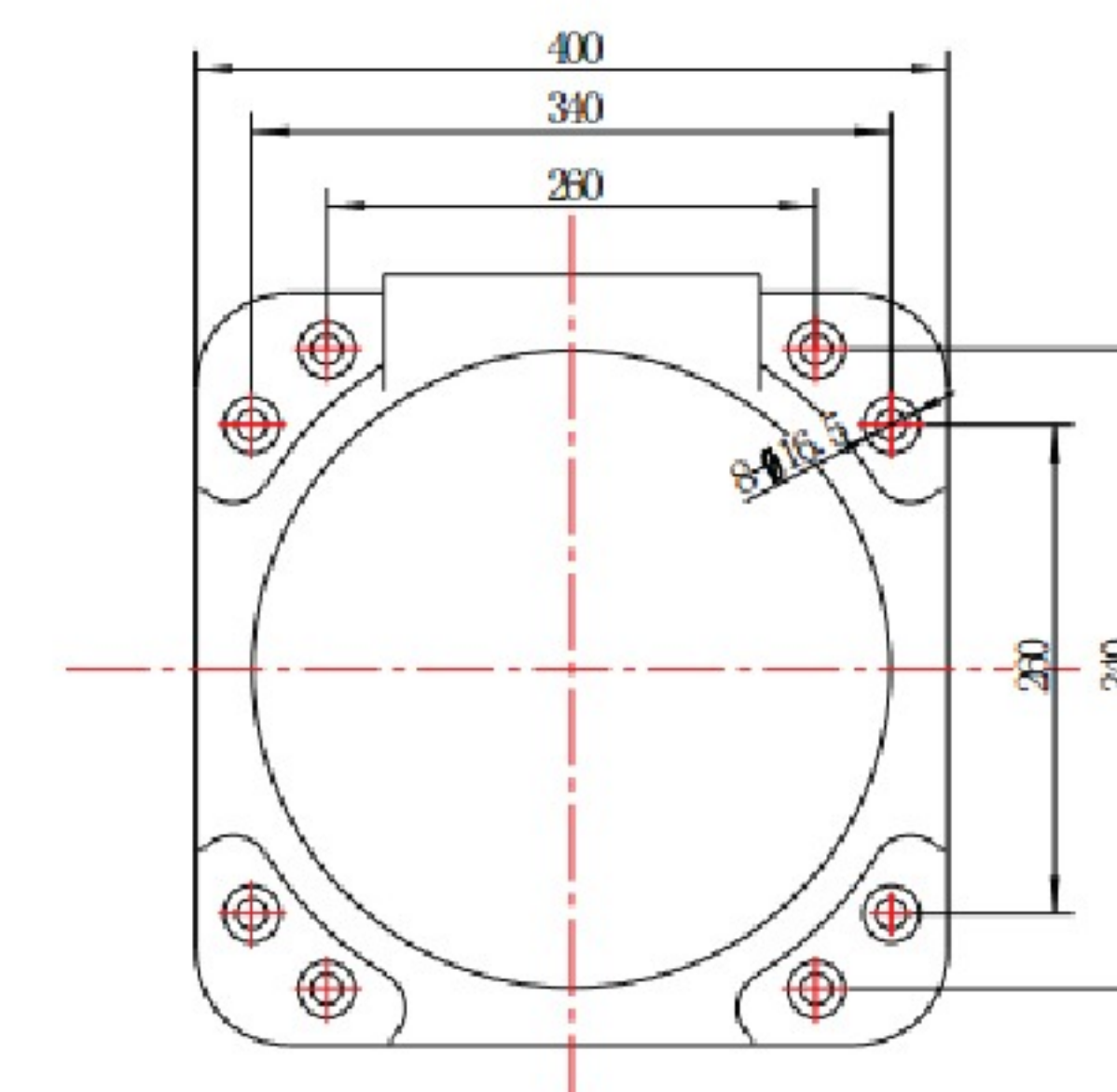
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



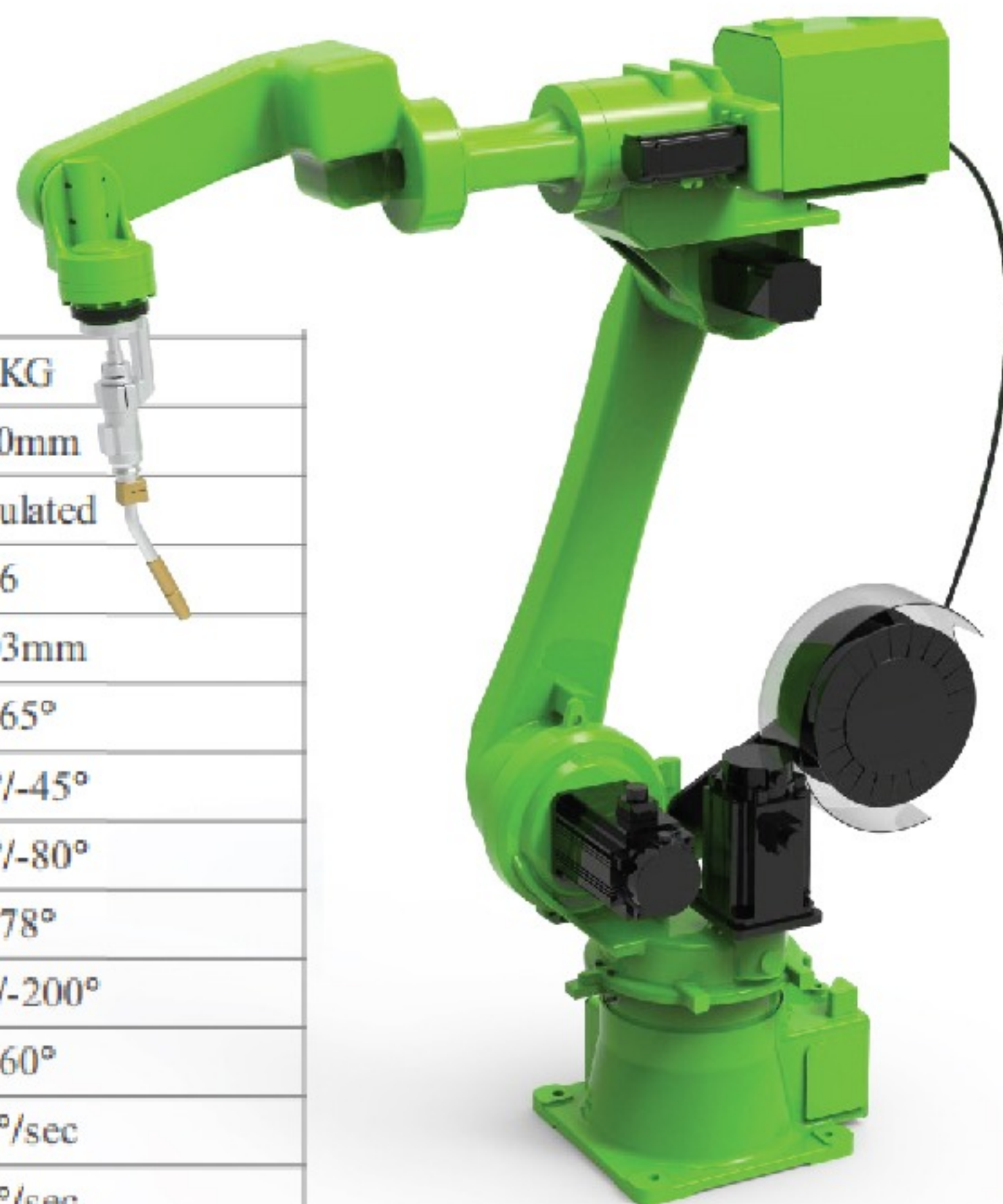
ROBOT SƠN

bamboo
Robot

LHZ2000-C-6

Thông số kỹ thuật

Payload		10KG
Reach		2000mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+88°/-45°
	Axis 3	+60°/-80°
	Axis 4	±178°
	Axis 5	+30°/-200°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	148°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		≈170kg
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5℃ ~ 45℃



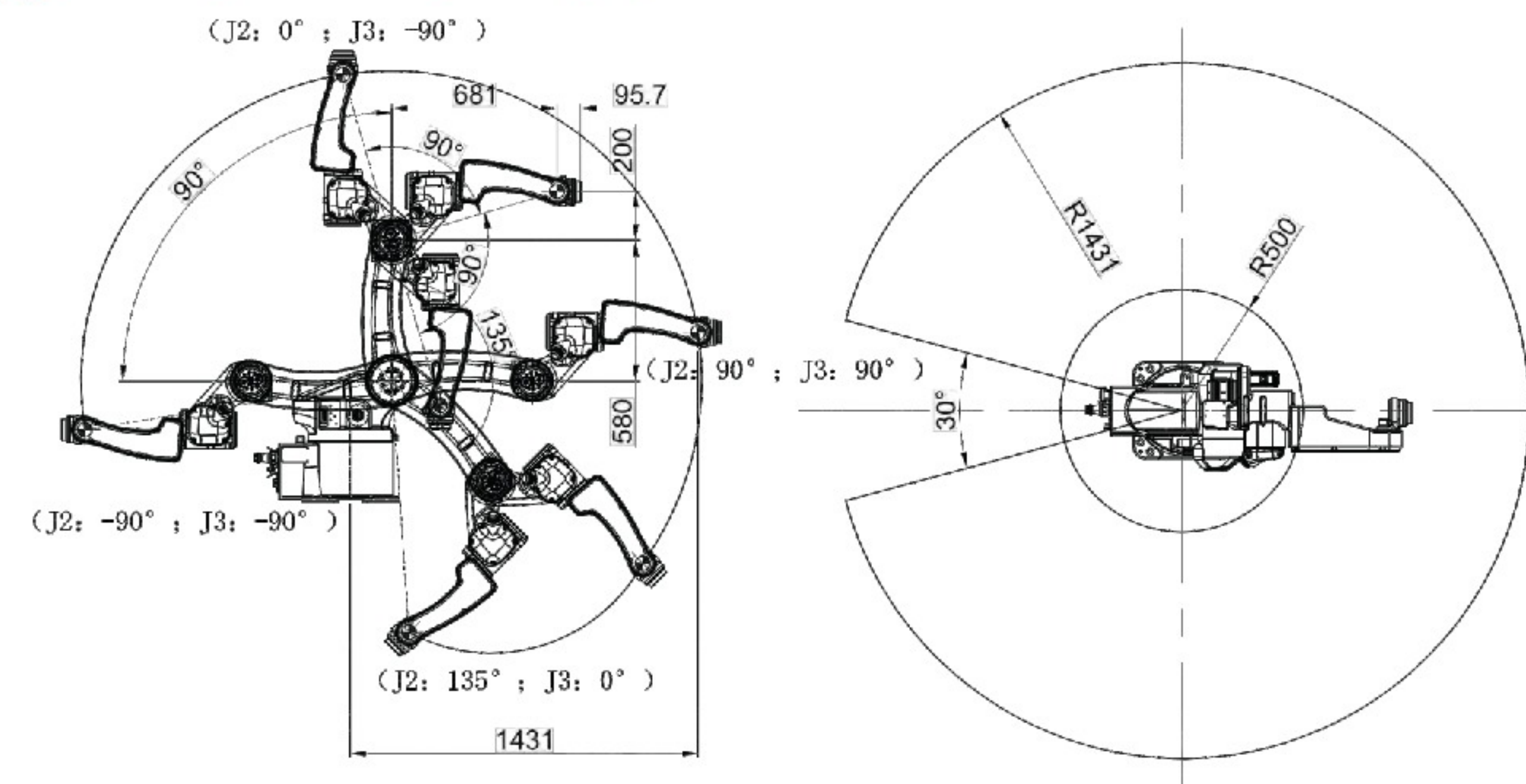
Ứng dụng

Ô tô, cửa sổ và cửa kim loại, máy móc kỹ thuật, máy móc khai thác mỏ, đầu máy xe lửa, thiết bị điện, đồ nội thất và các ngành công nghiệp khác

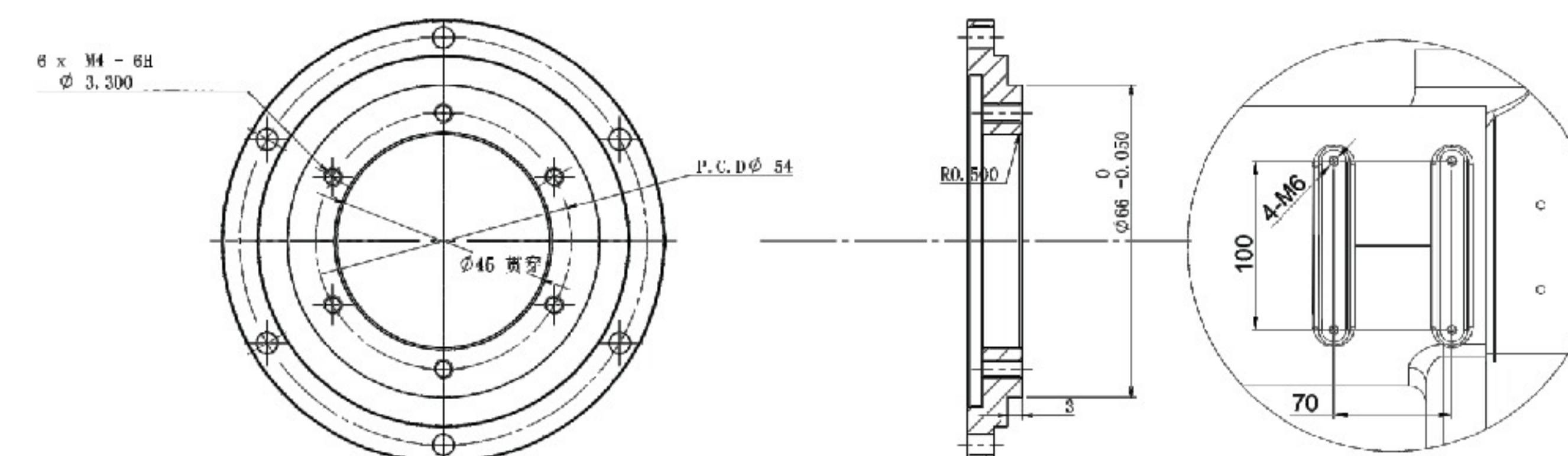
Robot này chuyên dụng cho hàn. Đây là robot được phát triển để hoạt động trong môi trường khắc nghiệt hơn tại hiện trường. Sản phẩm này có diện tích sàn lớn hơn và kết cấu ổn định hơn bao giờ hết, đồng thời có trục kín hoàn toàn giúp ngăn ngừa hiệu quả các tia hàn bắn ra làm hỏng dây cáp của robot.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

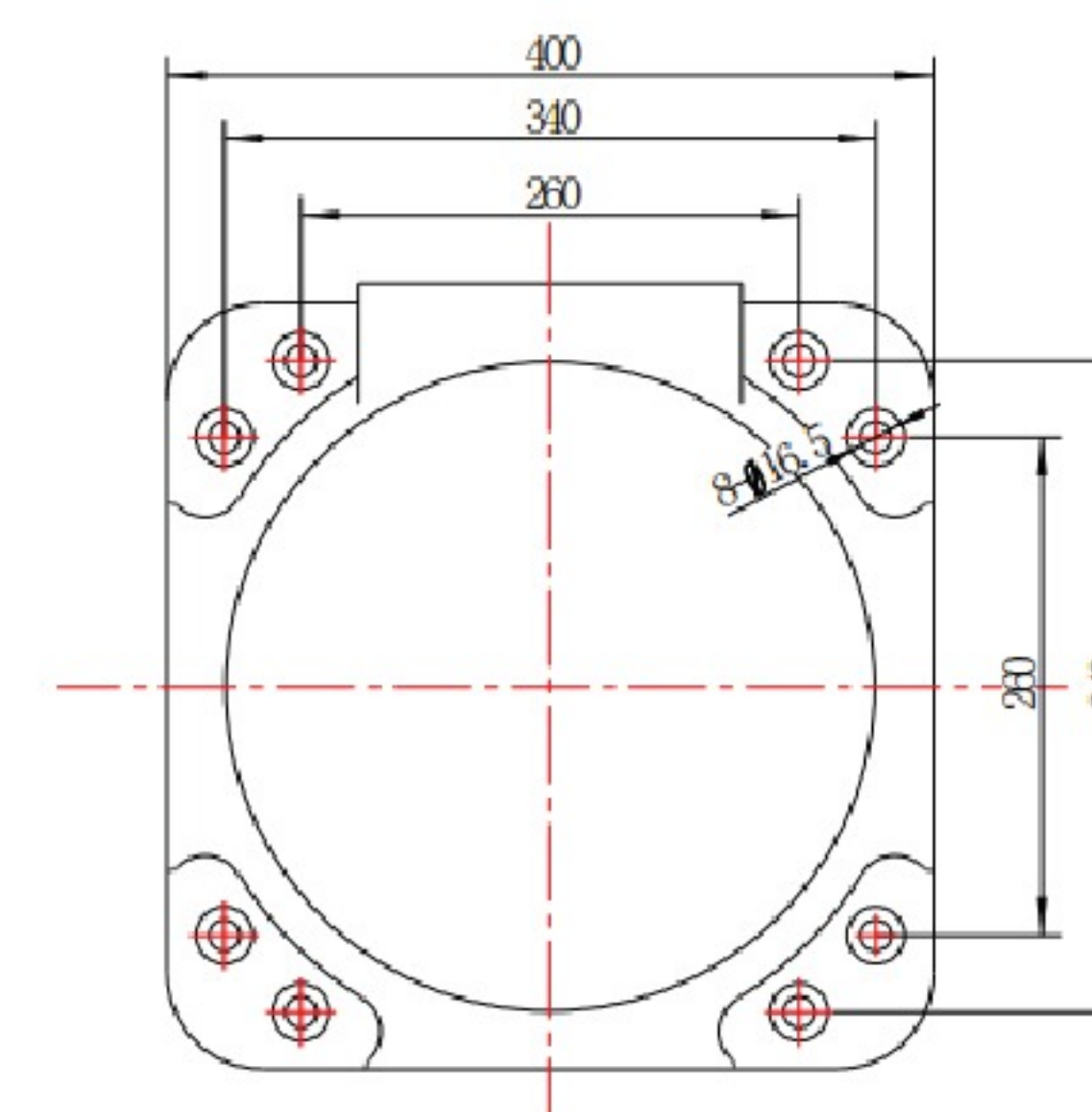
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT CỘNG TÁC

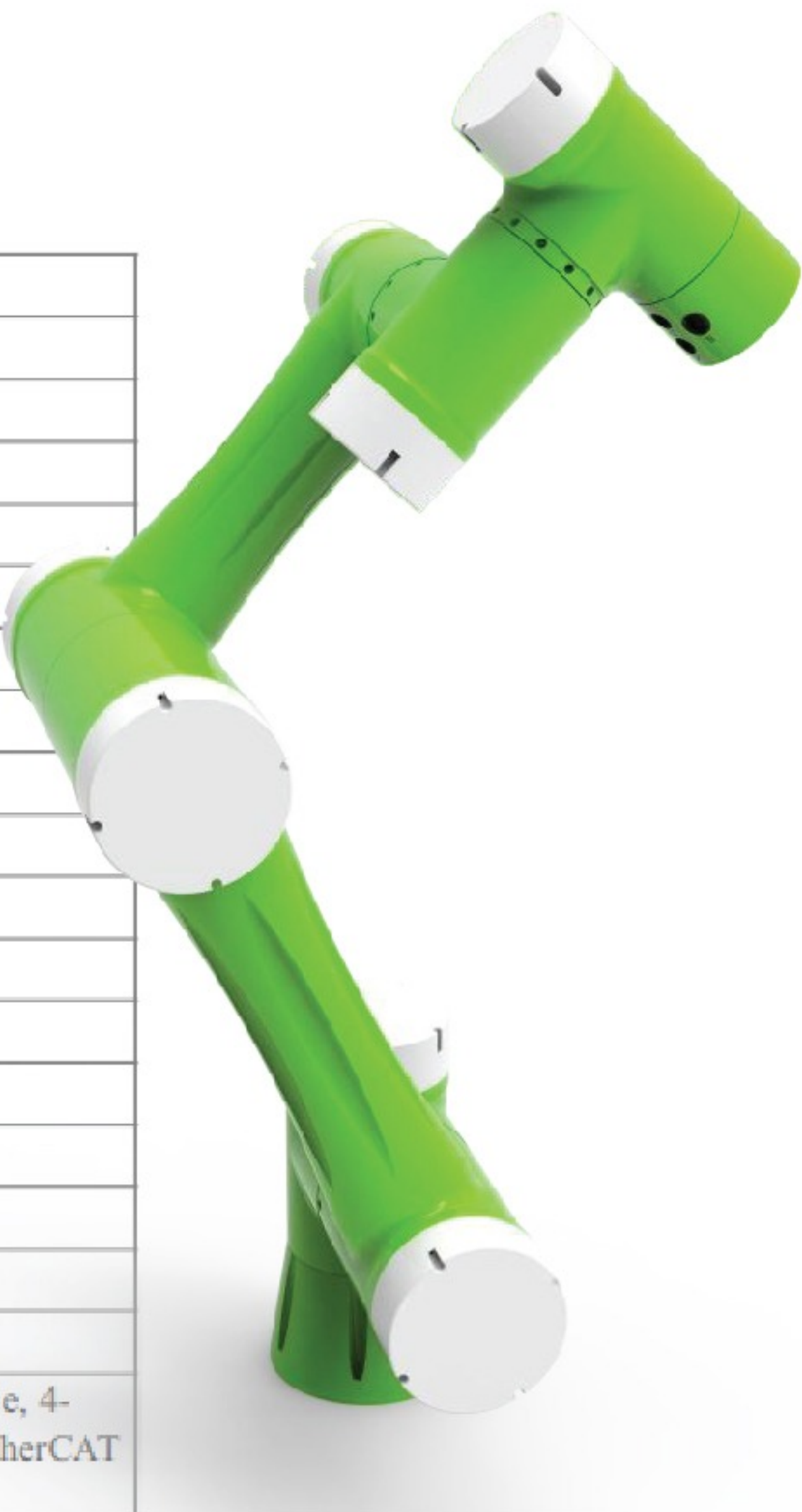


Bamboo Robot

BC900

Thông số kỹ thuật

Payload		6KG
Reach		900mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+ 88°/ - 88°
	Axis 3	+ 70°/ - 88°
	Axis 4	+ 130°/ - 190°
	Axis 5	±360°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	180°/sec
	Axis 2	180°/sec
	Axis 3	180°/sec
	Axis 4	180°/sec
	Axis 5	180°/sec
	Axis 6	180°/sec
Weight		≈19kg
Main parameters		40 channel I / O interface, 4-channel analog interface, EtherCAT communication
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

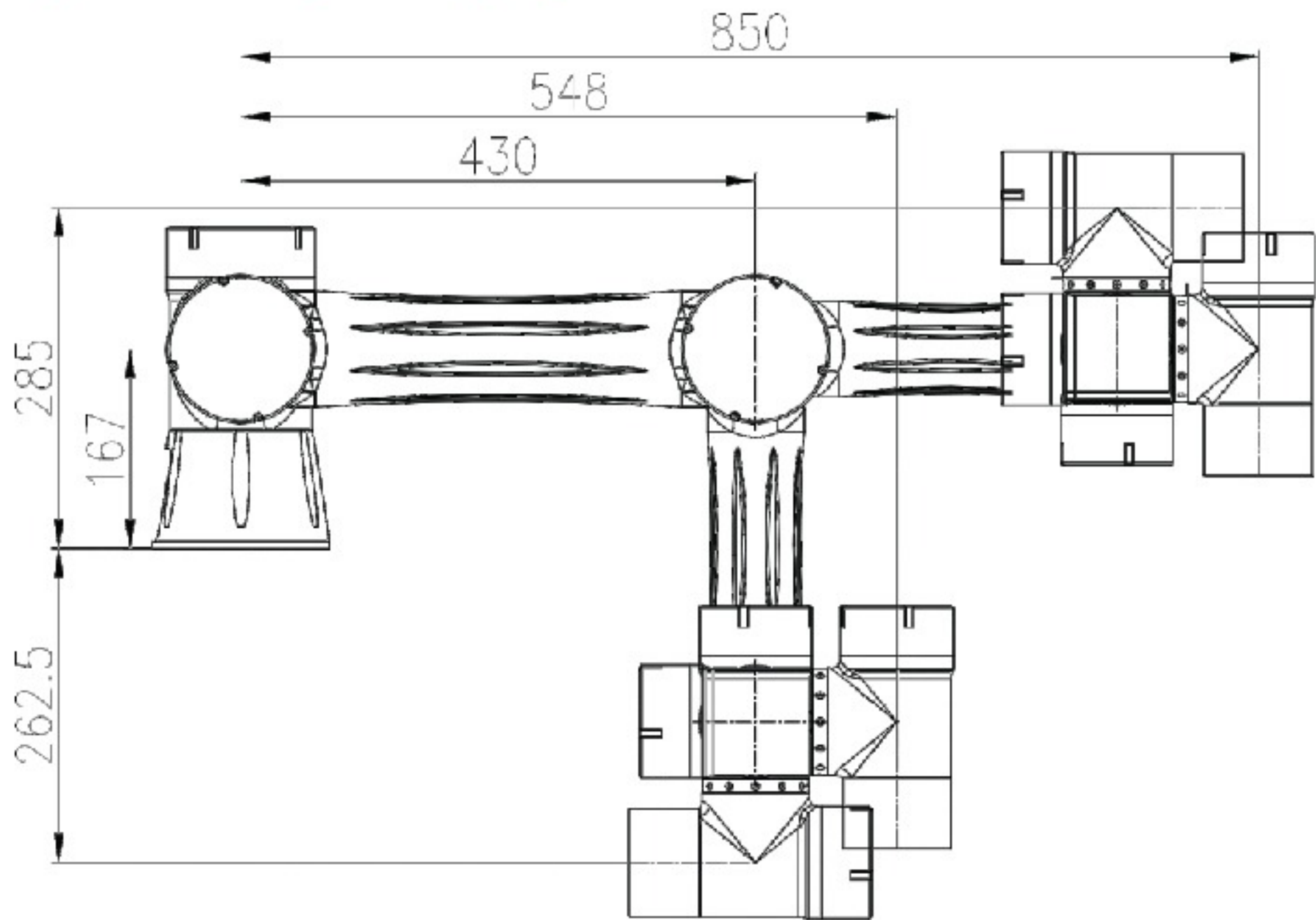


Ứng dụng

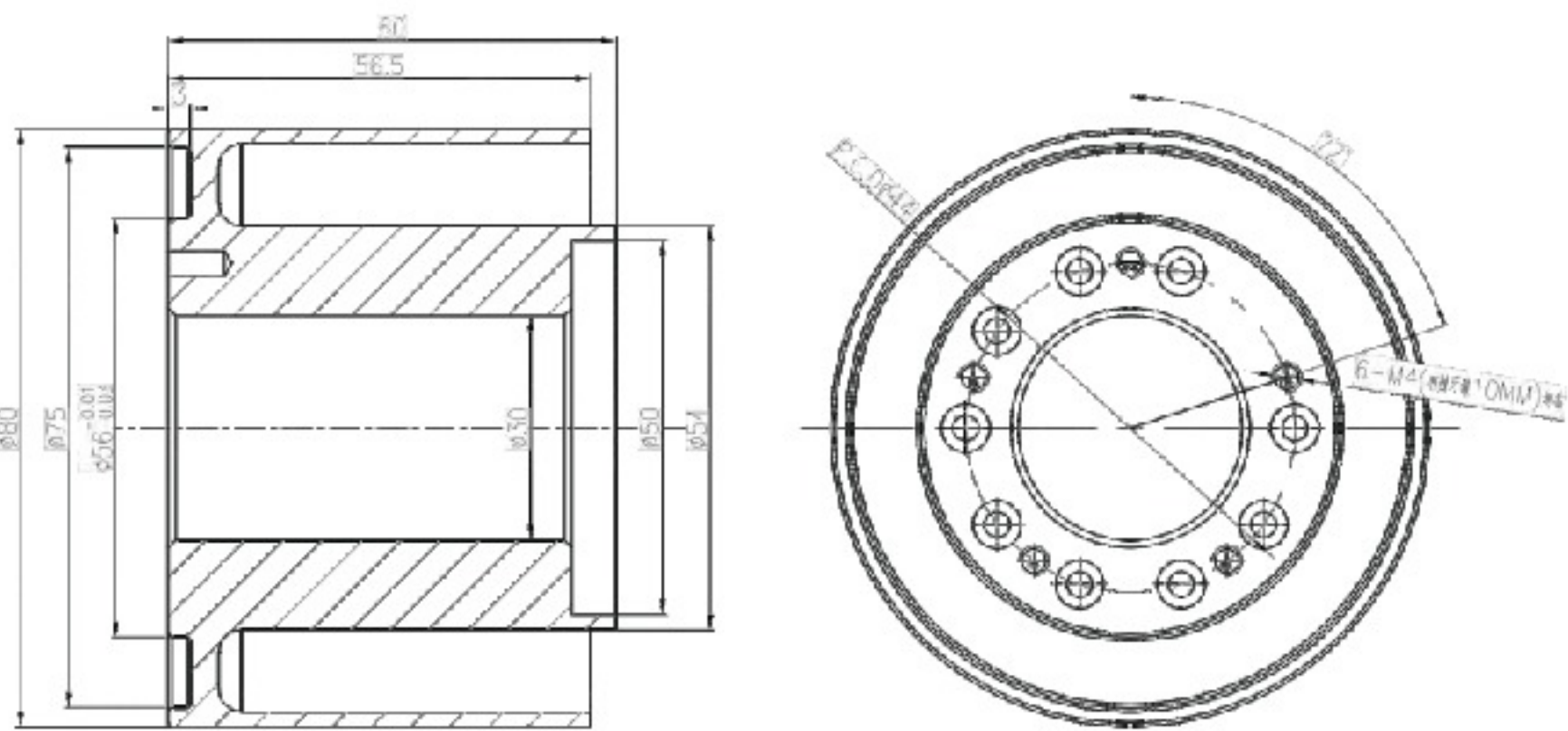
Robot cộng tác BC được ứng dụng trong các ngành điện tử 3C, y tế, đóng gói, xếp chồng, lắp ráp, v.v. Nhờ cấu trúc nhẹ và tốc độ nhanh, robot hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu về nhịp điệu và vị trí của máy, giúp cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

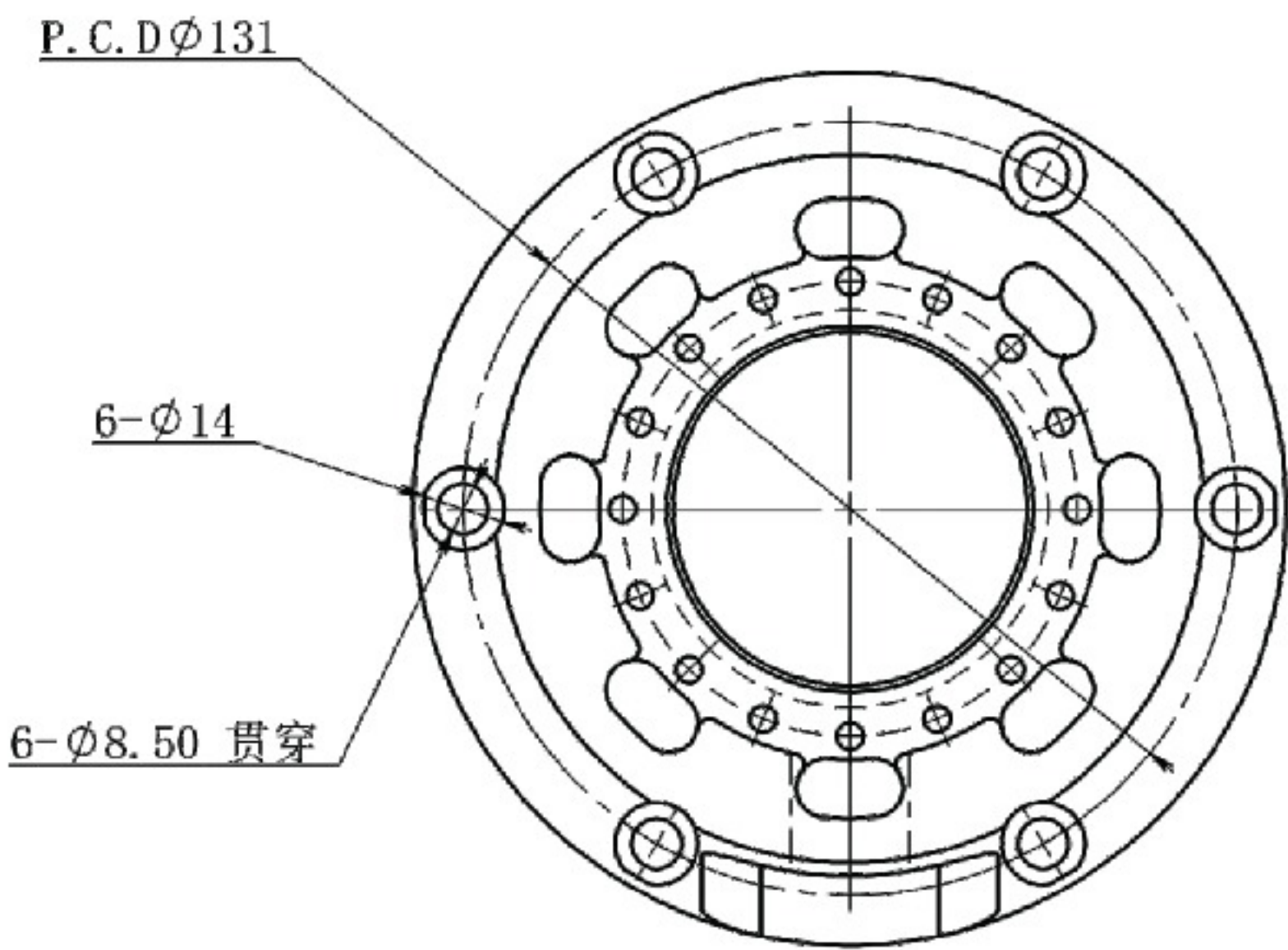
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



Bc900 PRO

▶ Thông số kỹ thuật

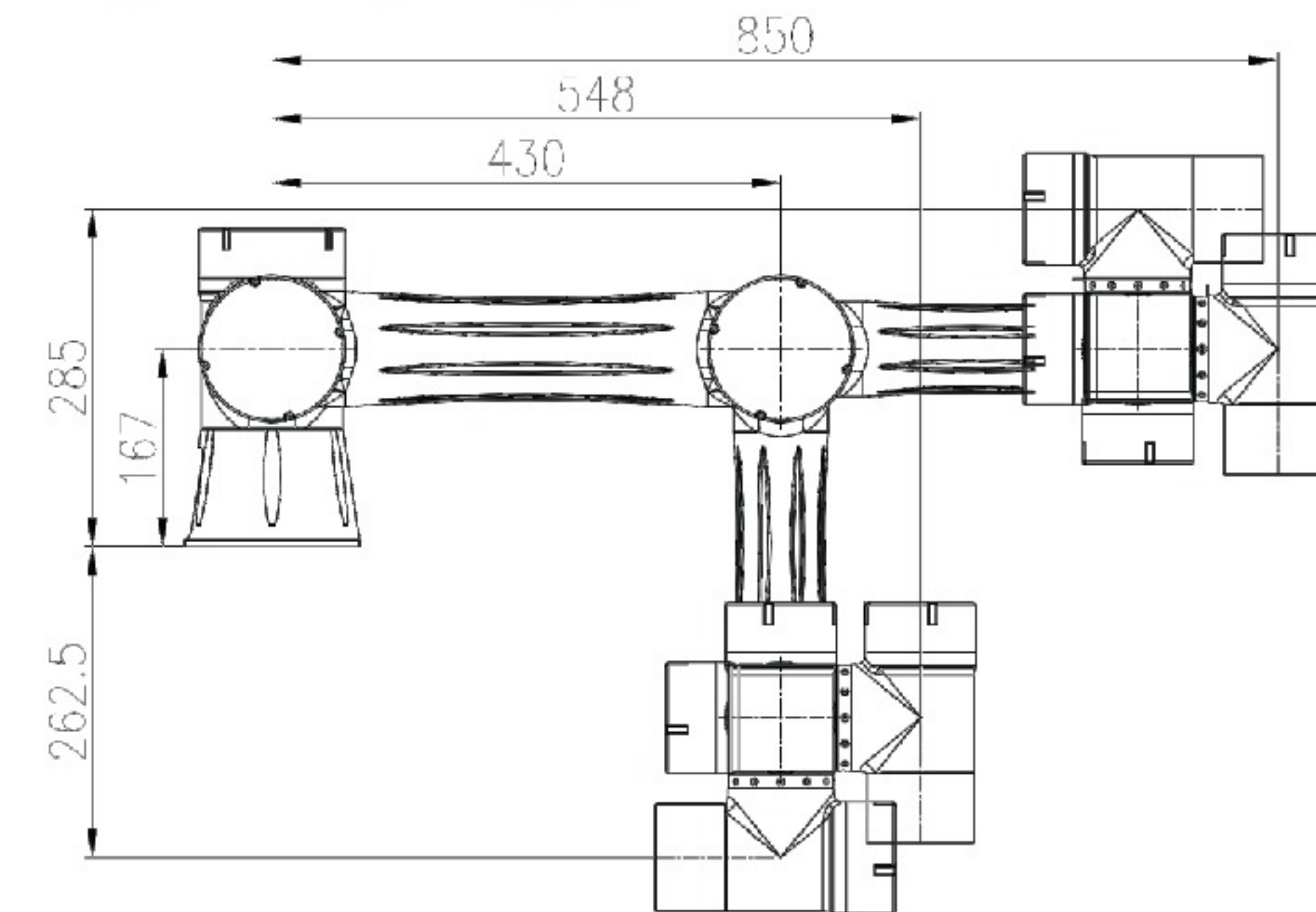
Payload		6KG
Reach		900mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+ 88°/ - 88°
	Axis 3	+ 70°/ - 88°
	Axis 4	+ 130°/ - 190°
	Axis 5	±360°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	180°/sec
	Axis 2	180°/sec
	Axis 3	180°/sec
	Axis 4	180°/sec
	Axis 5	180°/sec
	Axis 6	180°/sec
Weight		≈19kg
Main parameters		CCD vision system, 1.3 million industrial phase Machine, LED light source, 40 channel I / O interface, 4 Channel analog interface, EtherCAT communication
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C


Ứng dụng

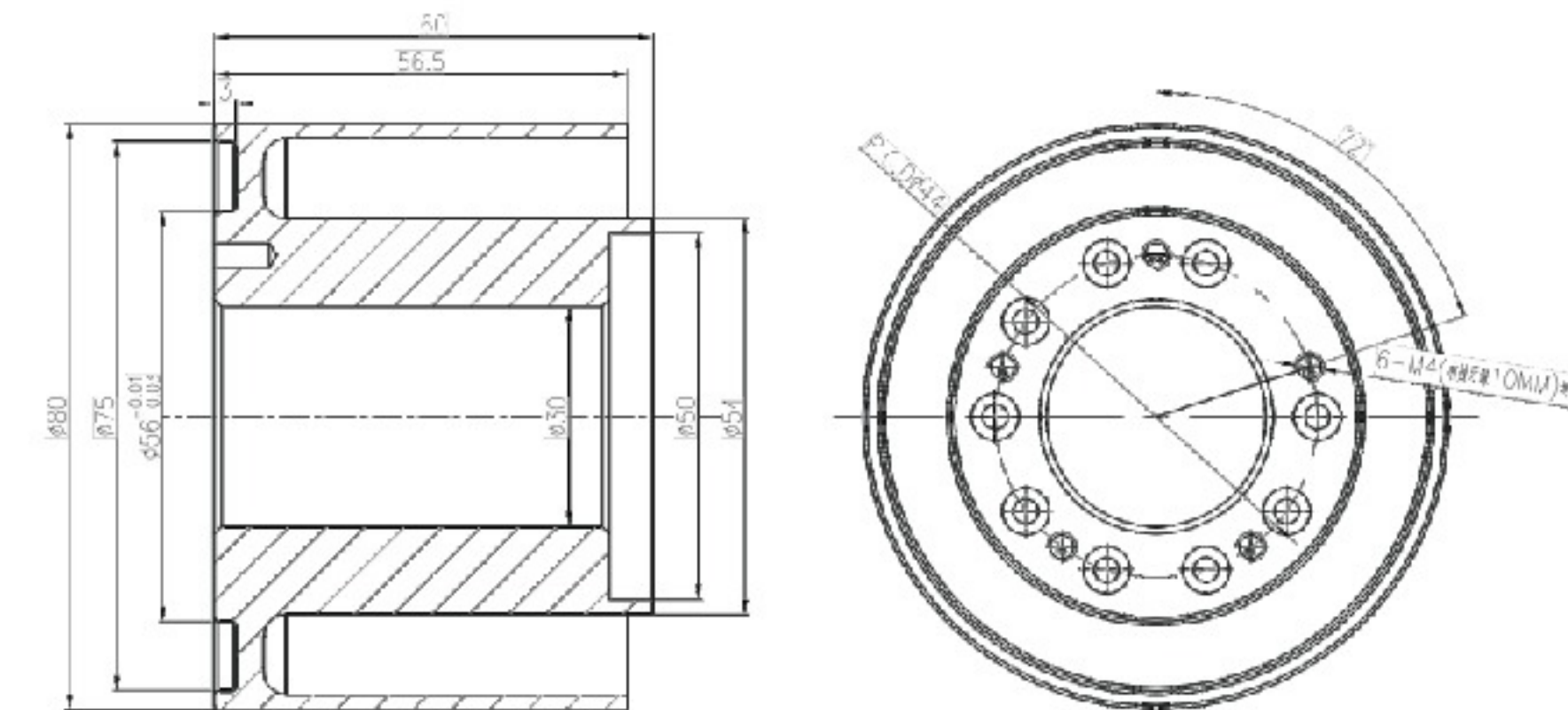
Robot cộng tác BC được ứng dụng trong các ngành điện tử 3C, y tế, đóng gói, xếp chồng, lắp ráp, v.v. Nhờ cấu trúc nhẹ và tốc độ nhanh, robot hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu về nhịp điệu và vị trí của máy, giúp cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

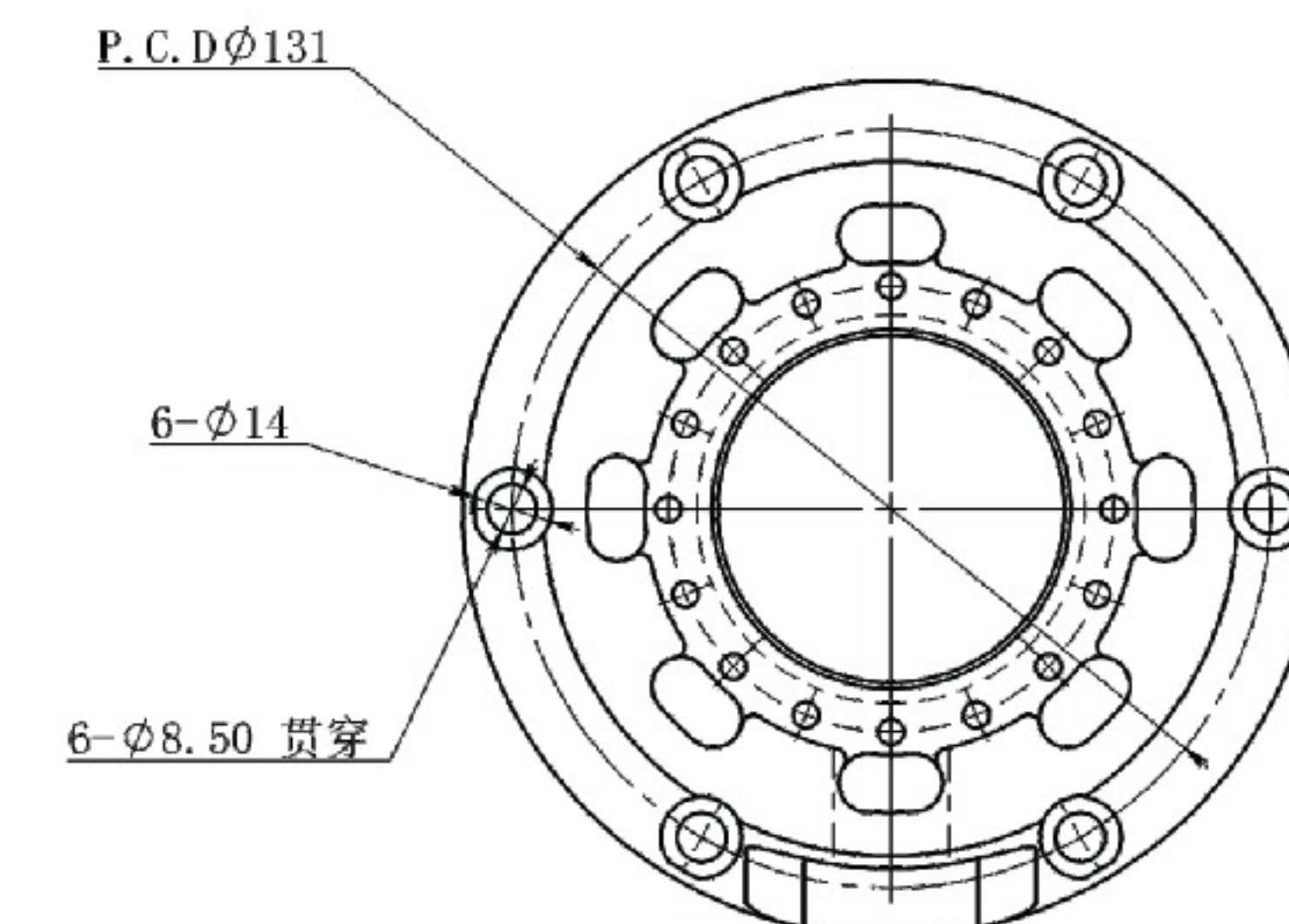
Phạm vi chuyển động



 Kích thước lắp ghép



 Kích thước chân đế



ROBOT CỘNG TÁC



Bamboo Robot

BC I 600-D-6

Thông số kỹ thuật

Payload		20KG
Reach		1600mm
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.03mm
Max. motion range	Axis 1	±178°
	Axis 2	+ 88°/ - 88°
	Axis 3	+ 70°/ - 88°
	Axis 4	+ 130°/ - 190°
	Axis 5	±360°
	Axis 6	±360°
Max. speed	Axis 1	180°/sec
	Axis 2	180°/sec
	Axis 3	180°/sec
	Axis 4	180°/sec
	Axis 5	180°/sec
	Axis 6	180°/sec
Weight		≈47kg
Main parameters		
Mounting type		Ground, bracket, ceiling
Ambient temperature		5°C ~ 45°C

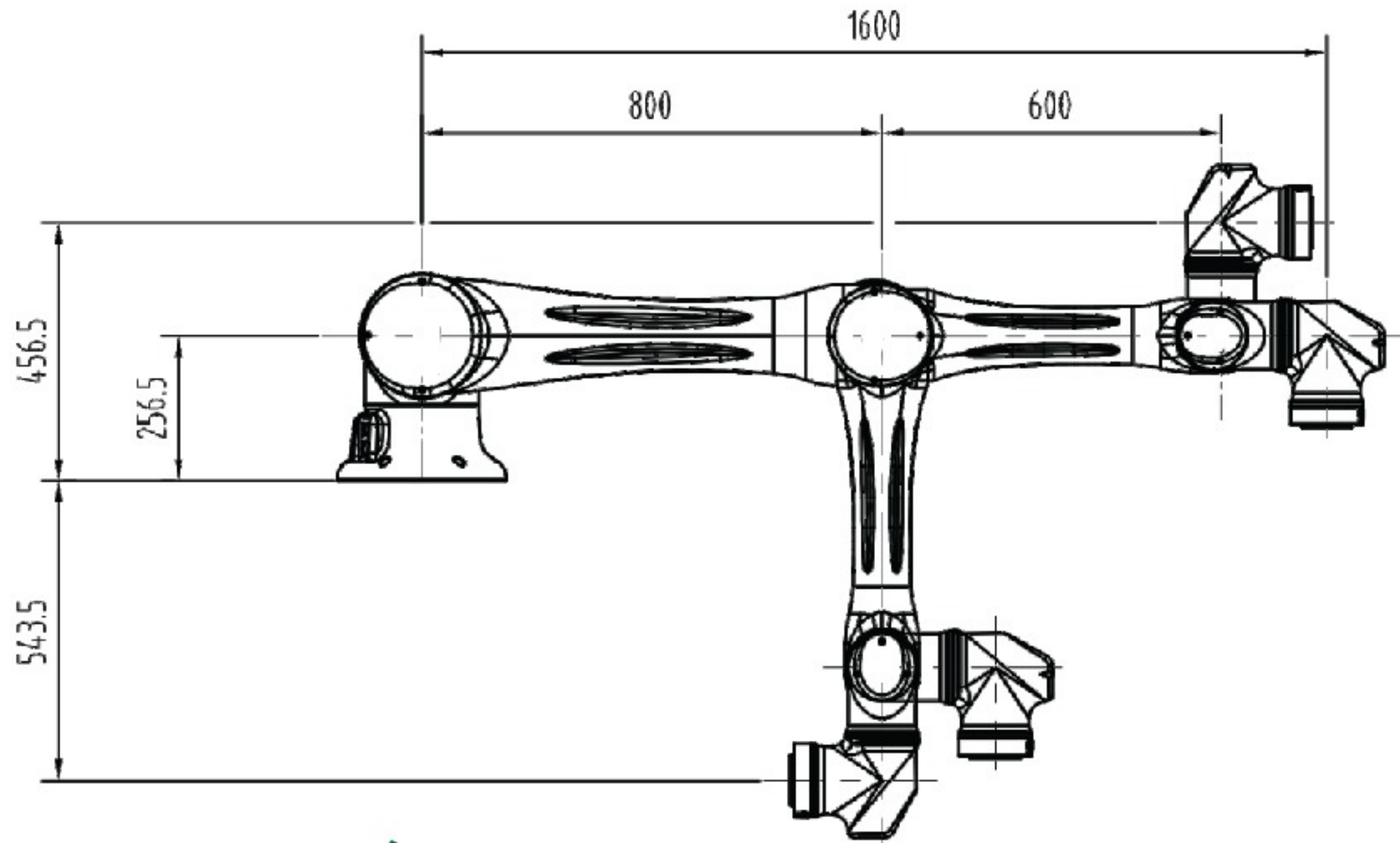


Ứng dụng

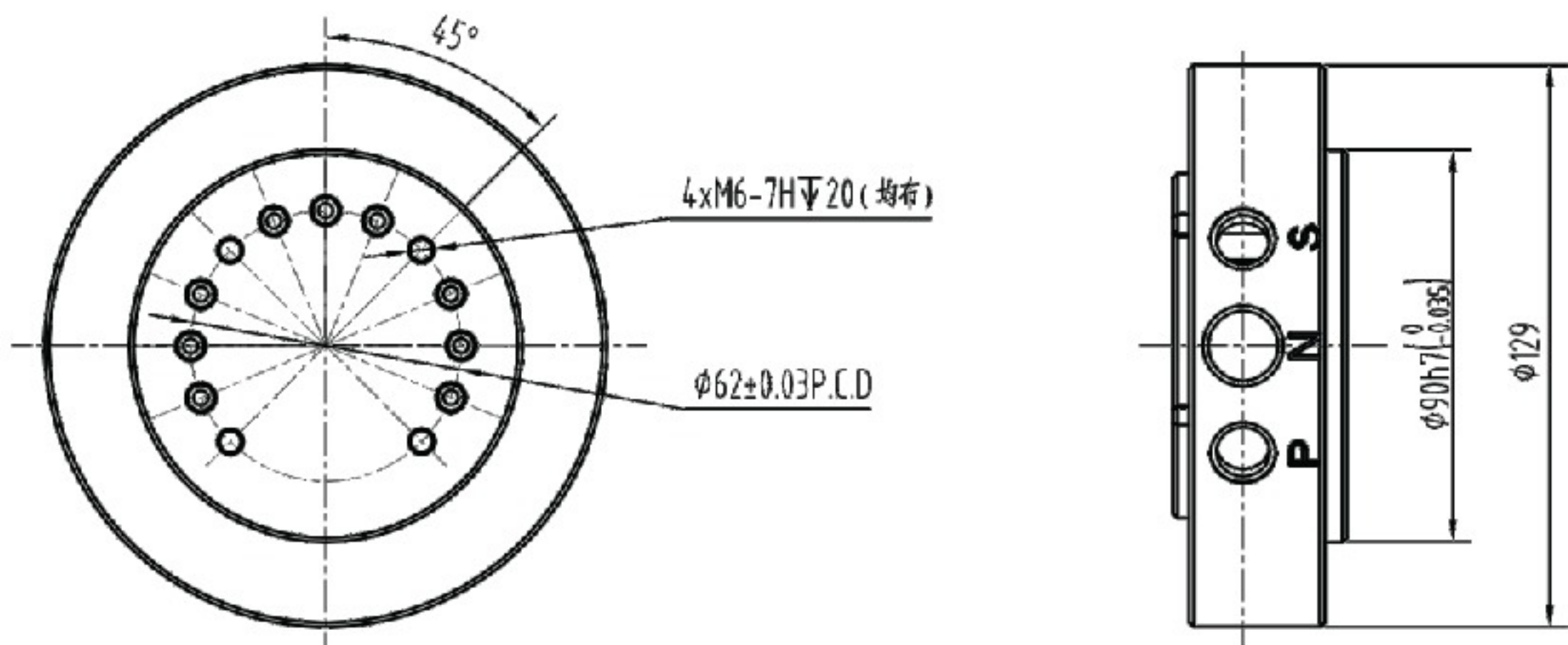
Robot hợp tác BC được ứng dụng trong các ngành điện tử 3C, y tế, đóng gói, xếp chồng, lắp ráp, v.v. Nhờ cấu trúc nhẹ và tốc độ nhanh, robot hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu về nhịp điệu và vị trí của máy giúp cải thiện đáng kể hiệu quả sản xuất.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

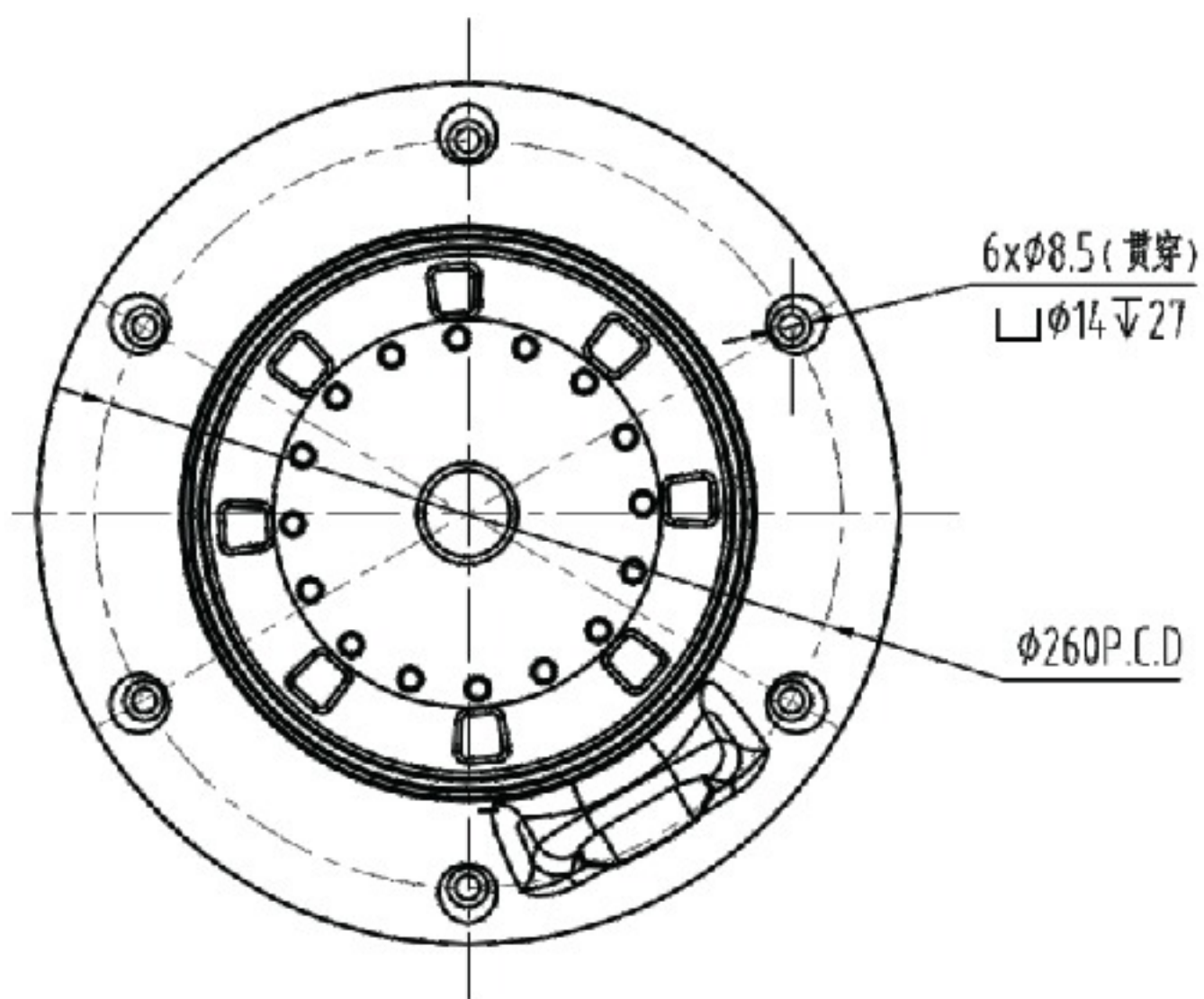
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT SCARA

bamboo
Robot

LS450-B-4

Thông số kỹ thuật

Type	LS450-B-4		
Payload	5KG		
Reach	450mm		
Position detection	Absolute value servo encoder		
Supply voltage	220V 50/60HZ		
Mounting type	Horizontal		
Body weight	29KG		
Max. motion range	Axis 1	±125	Deg
	Axis 2	±145	Deg
	Axis 3	±360	Deg
	Axis 4	+100/-80	mm
Max. speed (rated state)	Axis 1	360°/s	
	Axis 2	360°/s	
	Axis 3	720°/s	
	Axis 4	800mm/s	
Repeatability	±0.03		mm
Max. input of air pipe value	Positive pressure	8kg/cm ²	
	Negative pressure	1kg/cm ²	
Environmental requirements	Temperature	5℃ ~ 45℃	
	Humidity	Within 10% ~ 80% (no condensation)	
Arm weight (excluding electric cabinet and extension cable)		≈15KG	
I/O line of arm body		0.2 * 5 core	
Tracheal interface of arm body		6*2	

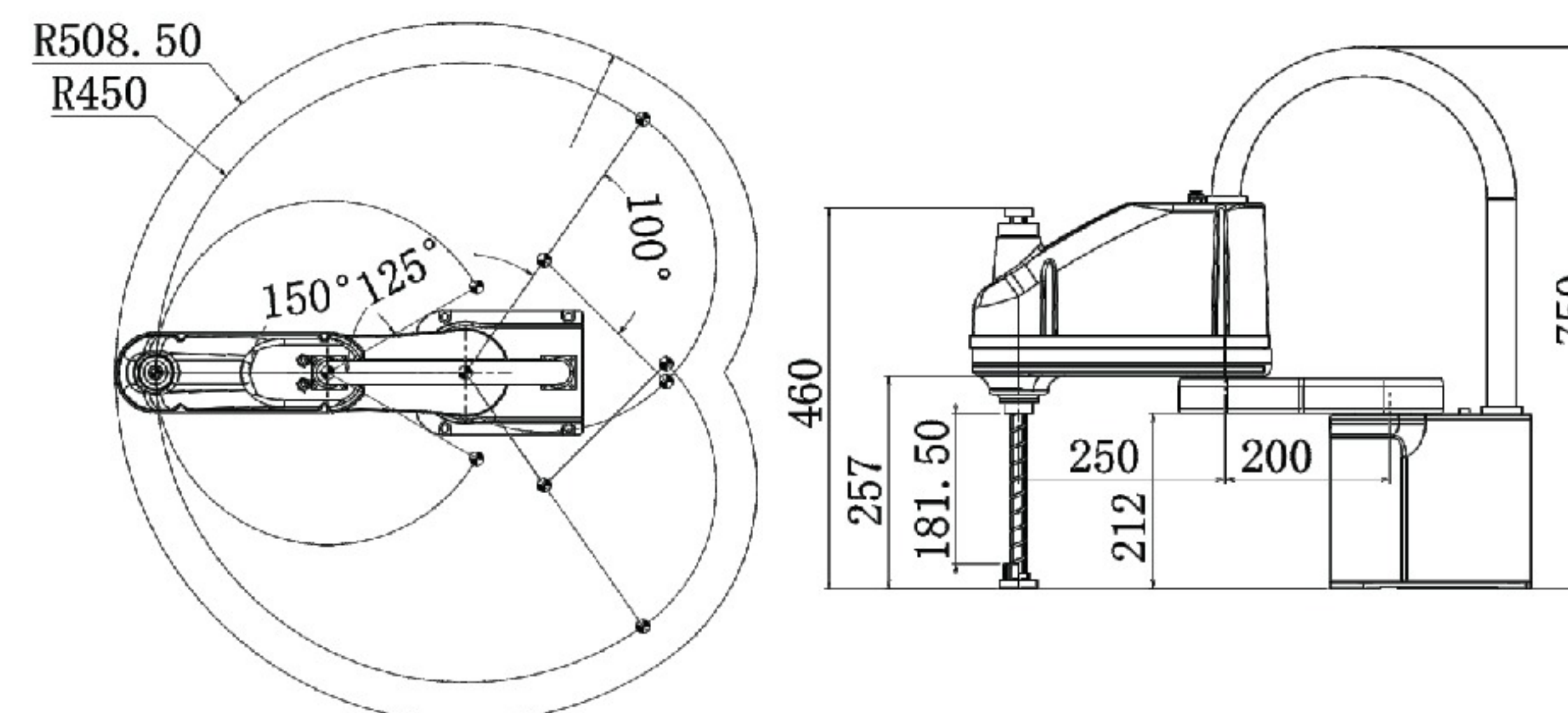


Ứng dụng

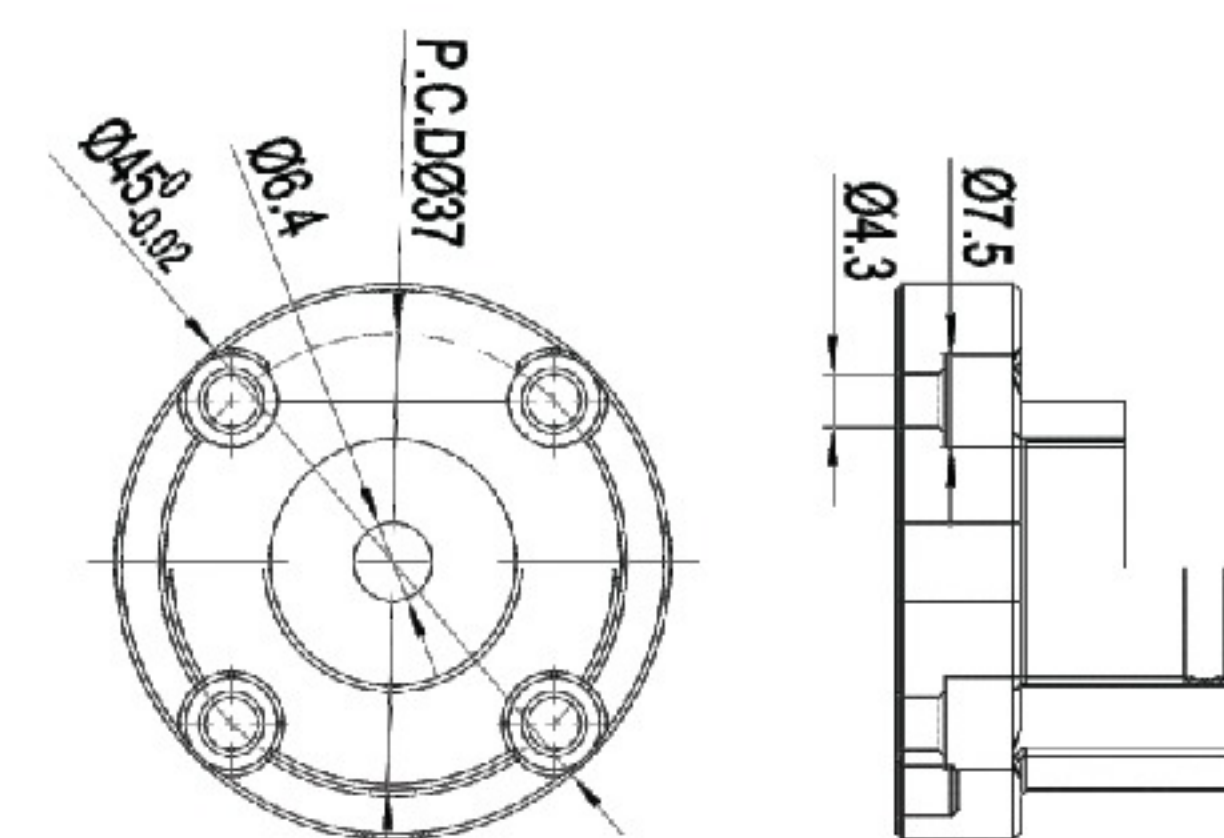
Xử lý vật liệu, truyền tải bộ phận, xếp chồng và phân phối

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không để nước, dầu hoặc bột tràn ra ngoài; tránh xa nguồn điện nguồn tiếng ồn của thiết bị (plasma).

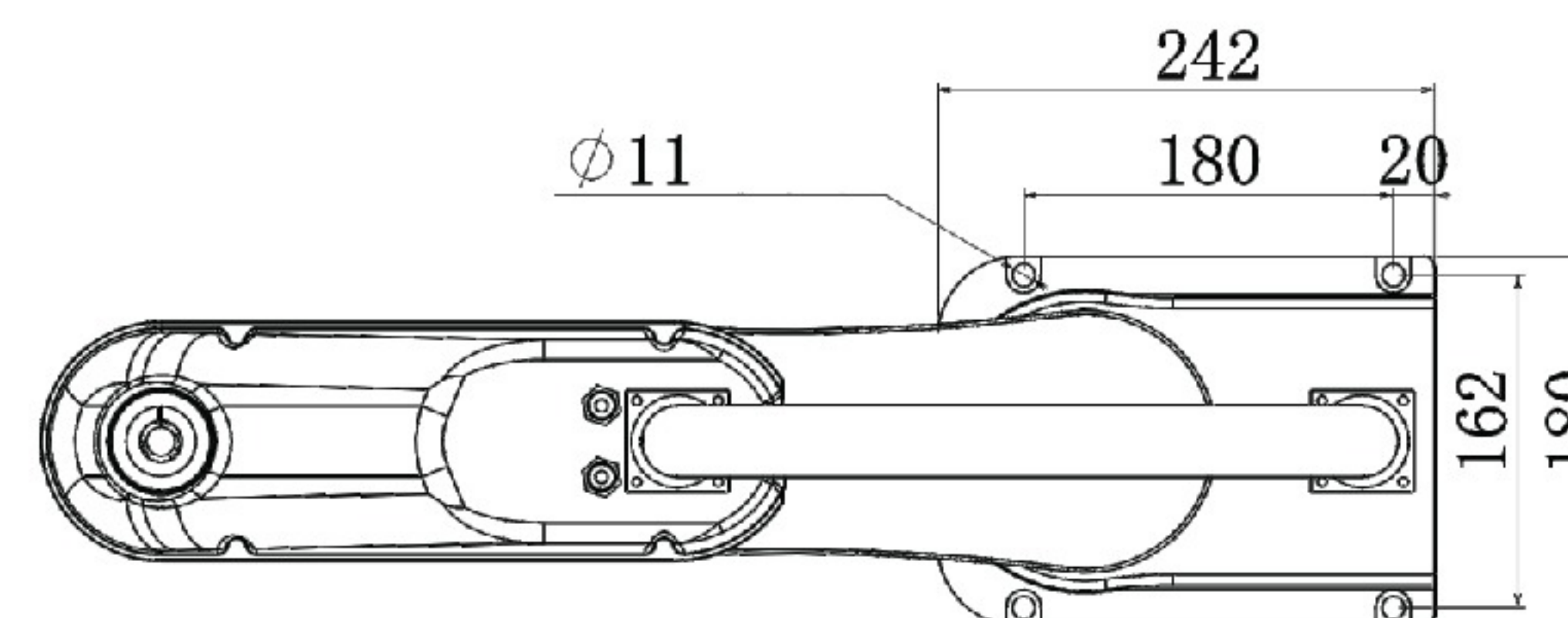
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT SCARA

bamboo
Robot

LS600-B-4

Thông số kỹ thuật

Type	LS600-B-4		
Payload	5KG		
Reach	600mm		
Position detection	Absolute value servo encoder		
Supply voltage	220V 50/60HZ		
Mounting type	Horizontal		
Body weight	29KG		
Max. motion range	Axis 1	±125	Deg
	Axis 2	±145	Deg
	Axis 3	±360	Deg
	Axis 4	+100/-80	mm
Max. speed (rated state)	Axis 1		360°/s
	Axis 2		360°/s
	Axis 3		720°/s
	Axis 4		800mm/s
Repeatability	±0.03		mm
Max. input of air pipe value	Positive pressure		8kg/cm ²
	Negative pressure		1kg/cm ²
Environmental requirements	Temperature		5°C ~ 45°C
	Humidity		Within 10% ~ 80% (no condensation)
Arm weight (excluding electric cabinet and extension cable)			≈20KG
I/O line of arm body			0.2*5 core
Tracheal interface of arm body			6*2

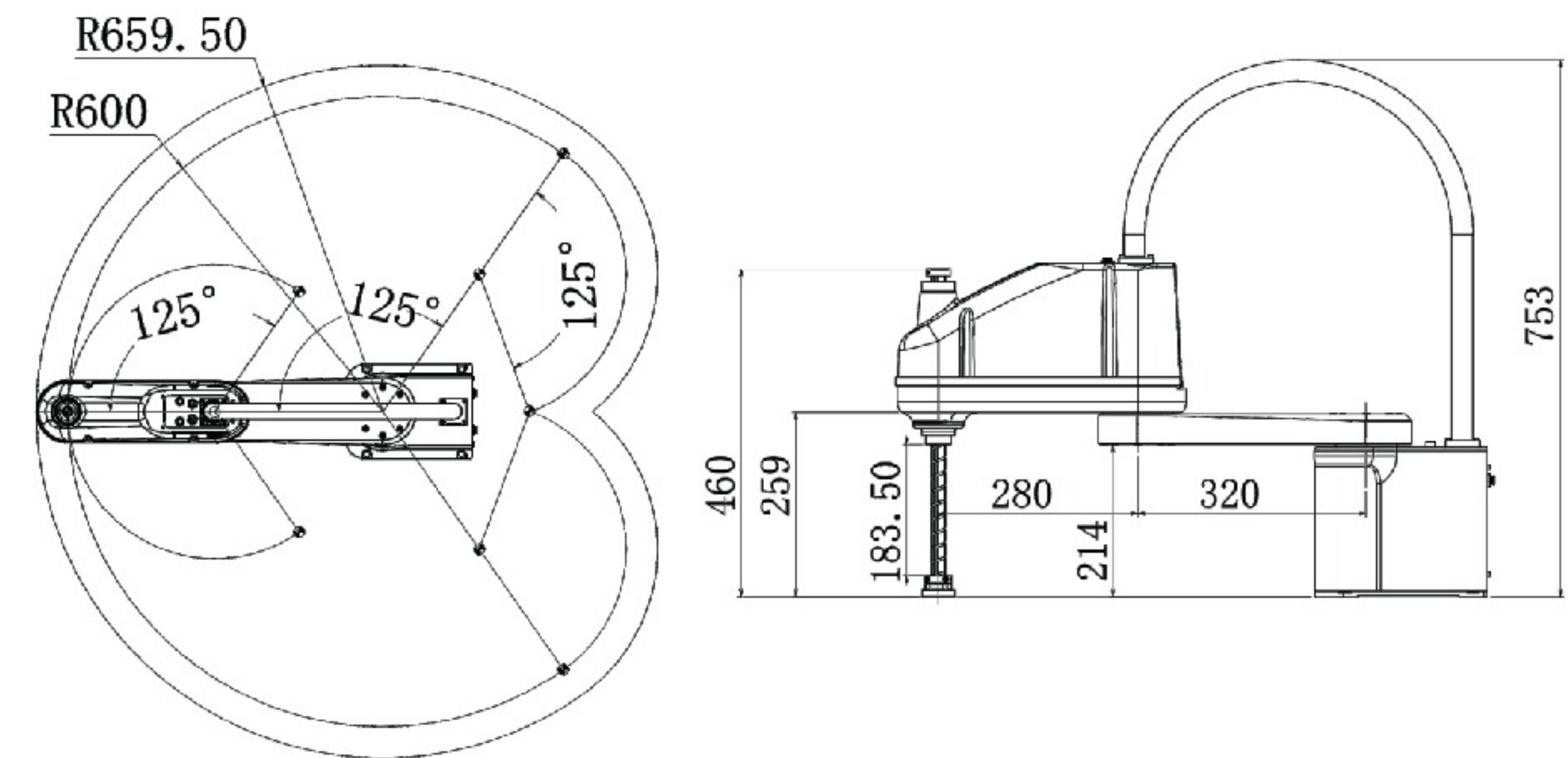


Ứng dụng

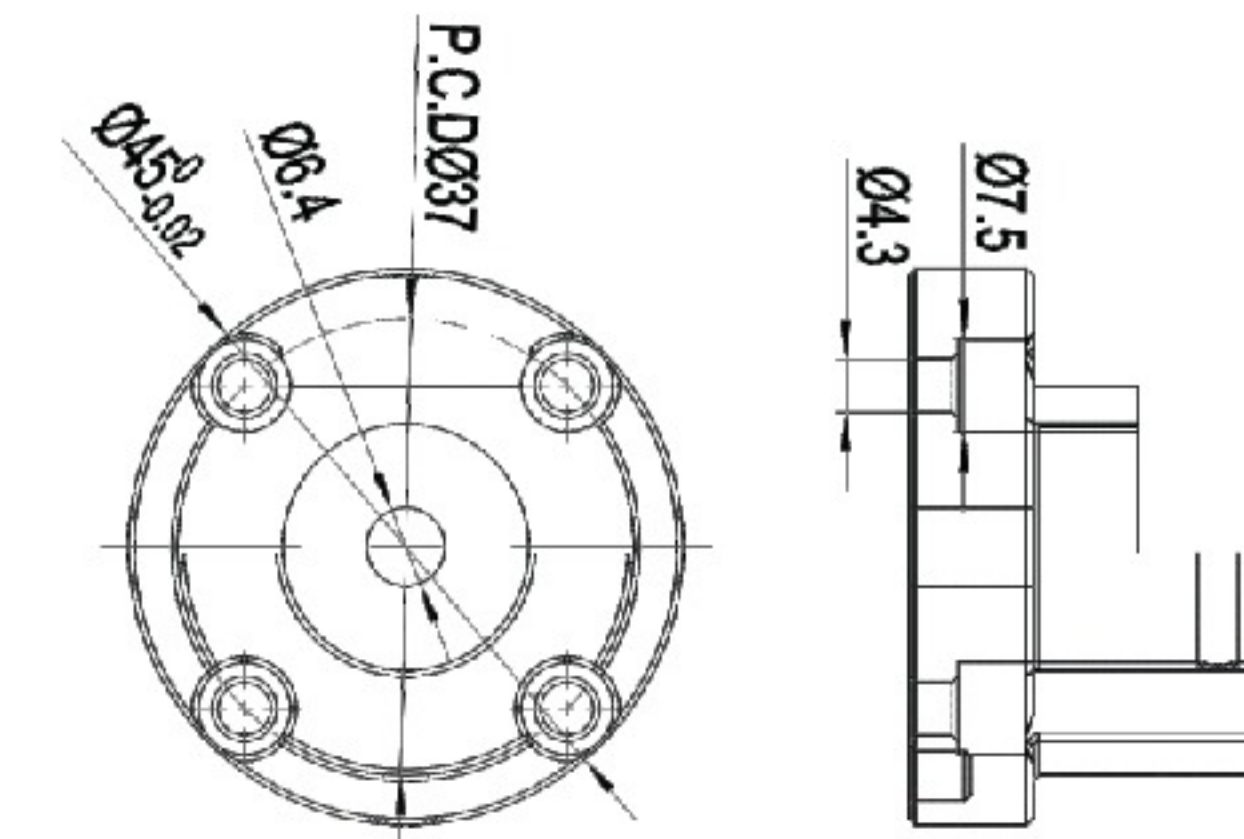
Xử lý vật liệu, truyền tải bộ phận, xếp chồng và phân phối

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không để nước, dầu hoặc bột tràn ra ngoài; tránh xa nguồn điện nguồn tiếng ồn của thiết bị (plasma).

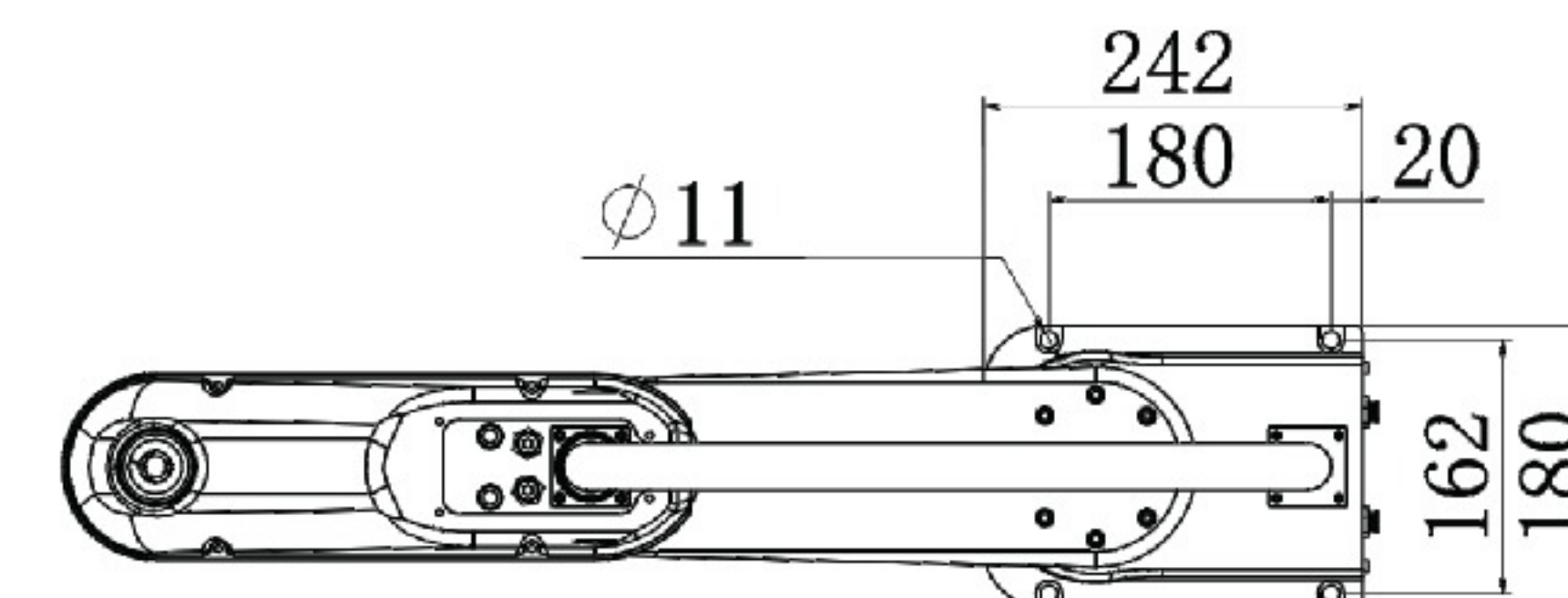
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép



Kích thước chân đế



ROBOT SCARA



Bamboo Robot

LS800-B-4

Thông số kỹ thuật

Type	LS800-B-4		
Payload	8KG		
Reach	800mm		
Position detection	Absolute value servo encoder		
Supply voltage	220V 50/60HZ		
Mounting type	Horizontal		
Body weight	29KG		
Max. motion range	Axis 1	±125	Deg
	Axis 2	±145	Deg
	Axis 3	±360	Deg
	Axis 4	+100/-80	mm
Max. speed (rated state)	Axis 1	360°/s	
	Axis 2	360°/s	
	Axis 3	720°/s	
	Axis 4	800mm/s	
Repeatability	±0.03		mm
Max. input of air pipe value	Positive pressure	8kg/cm2	
	Negative pressure	1kg/cm2	
Environmental requirements	Temperature	5℃~45℃	
	Humidity	Within 10% ~ 80% (no condensation)	
Arm weight (excluding electric cabinet and extension cable)		≈20KG	
I / O line of arm body		0.2*5 core	
Tracheal interface of arm body		6*2	

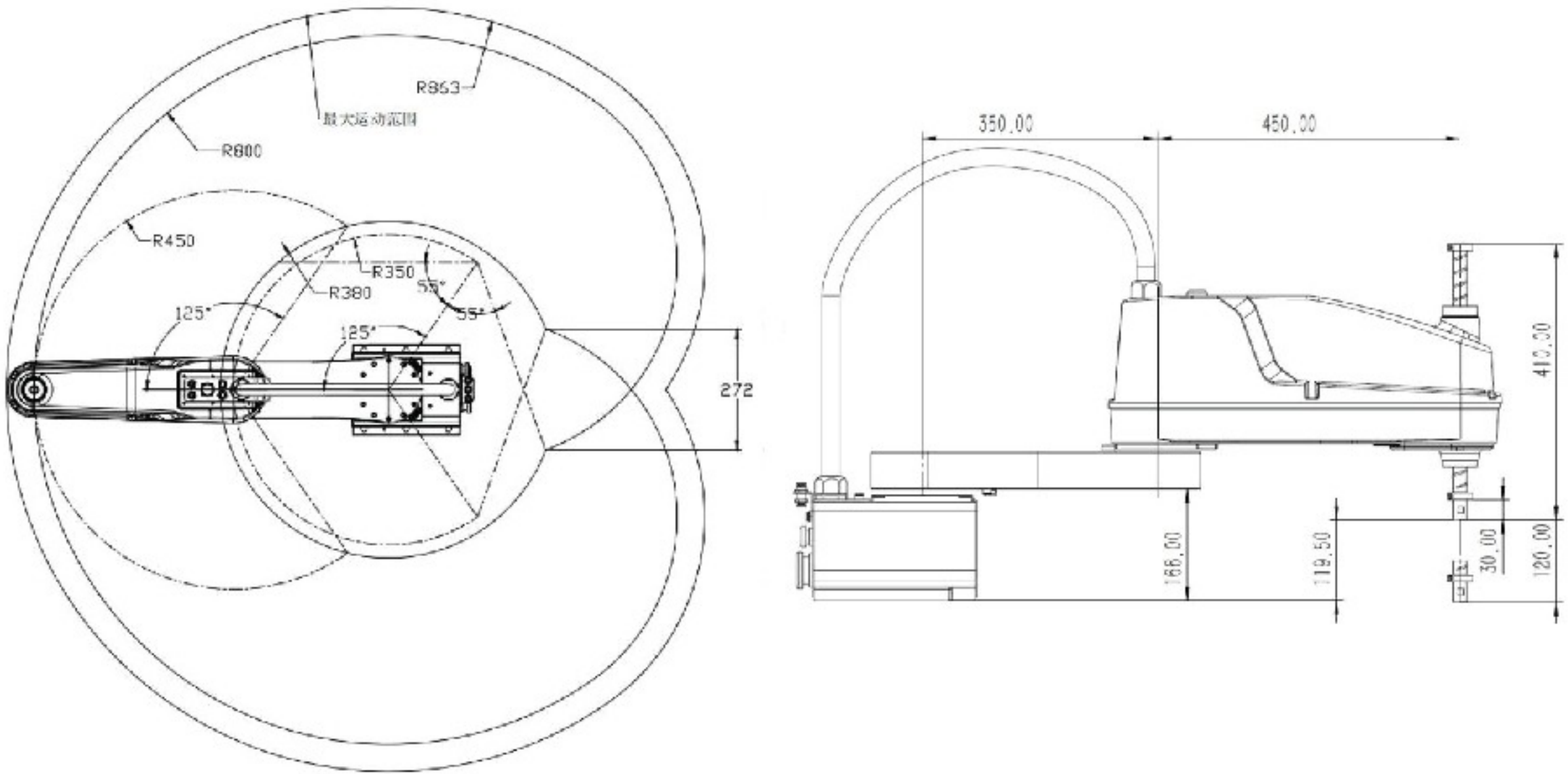


Ứng dụng

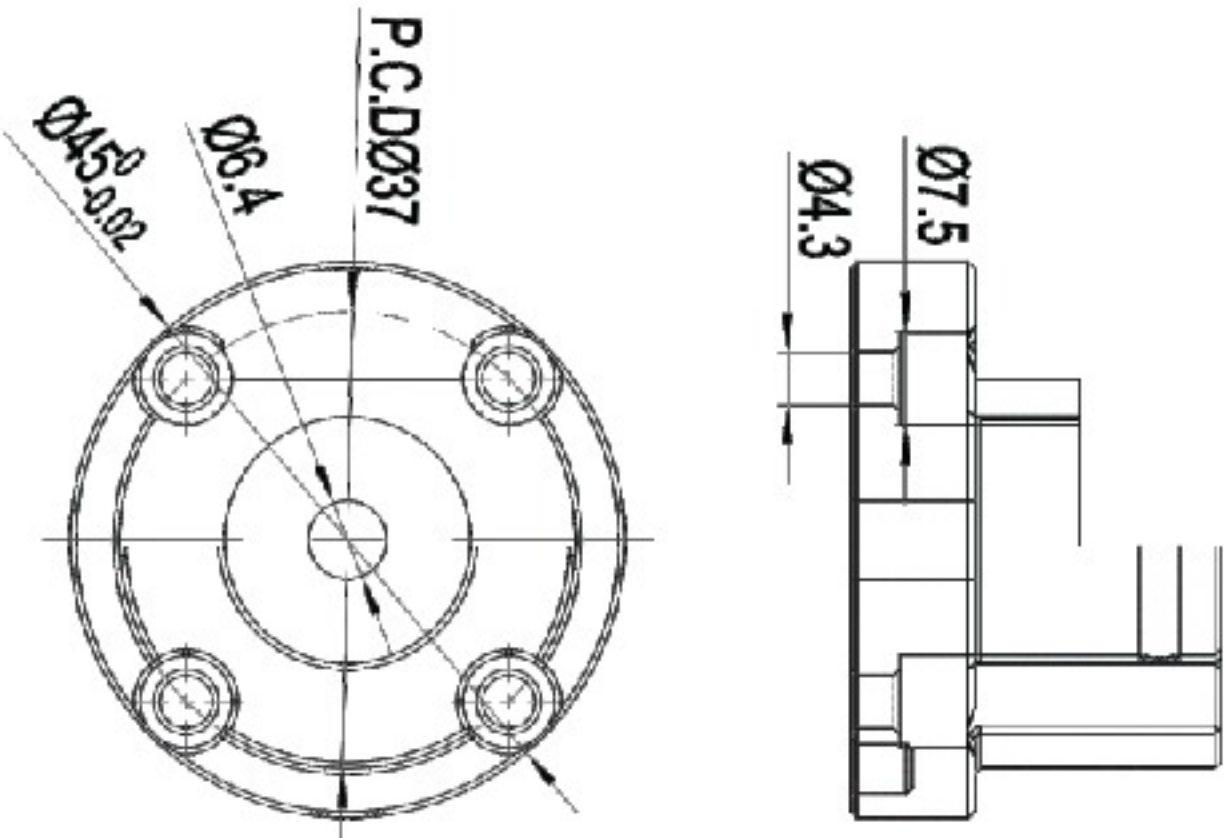
Xử lý vật liệu, truyền tải bộ phận, xếp chồng và phân phối

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không để nước, dầu hoặc bột tràn ra ngoài; tránh xa nguồn điện nguồn tiếng ồn của thiết bị (plasma).

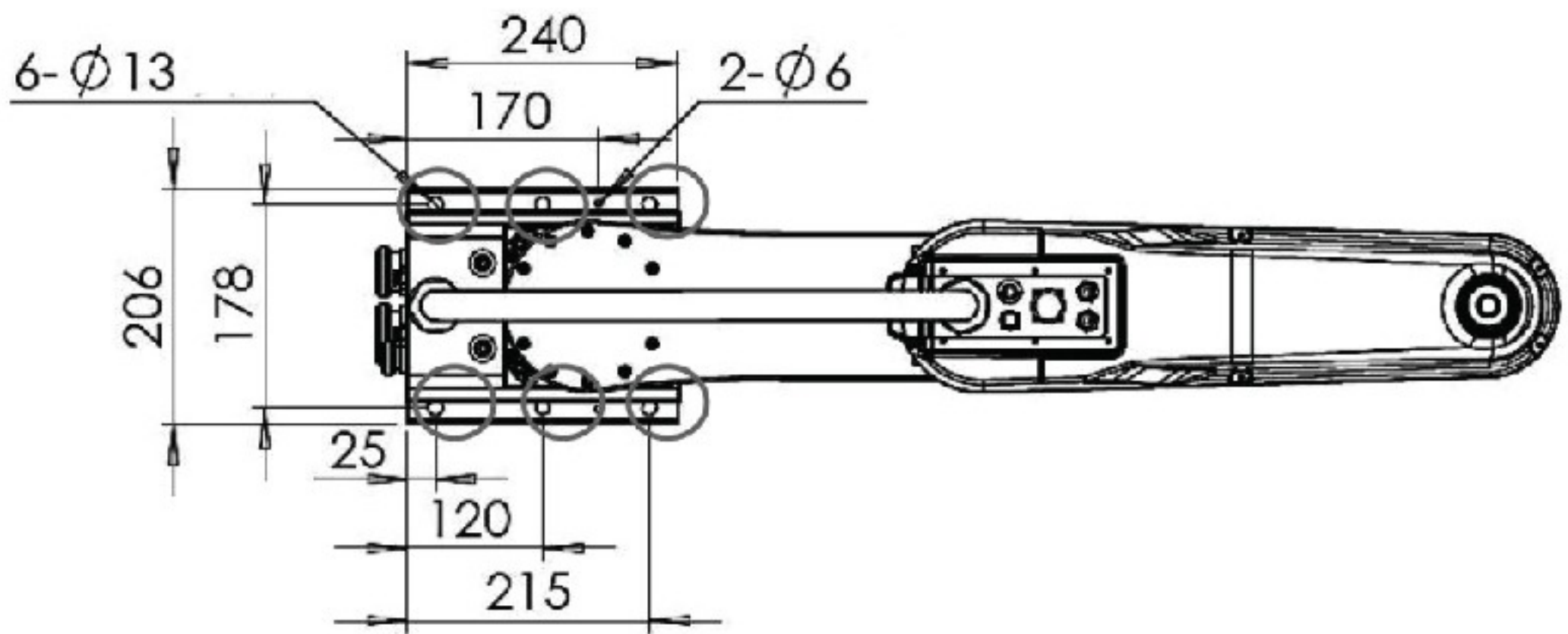
Phạm vi chuyển động



Kích thước lắp ghép

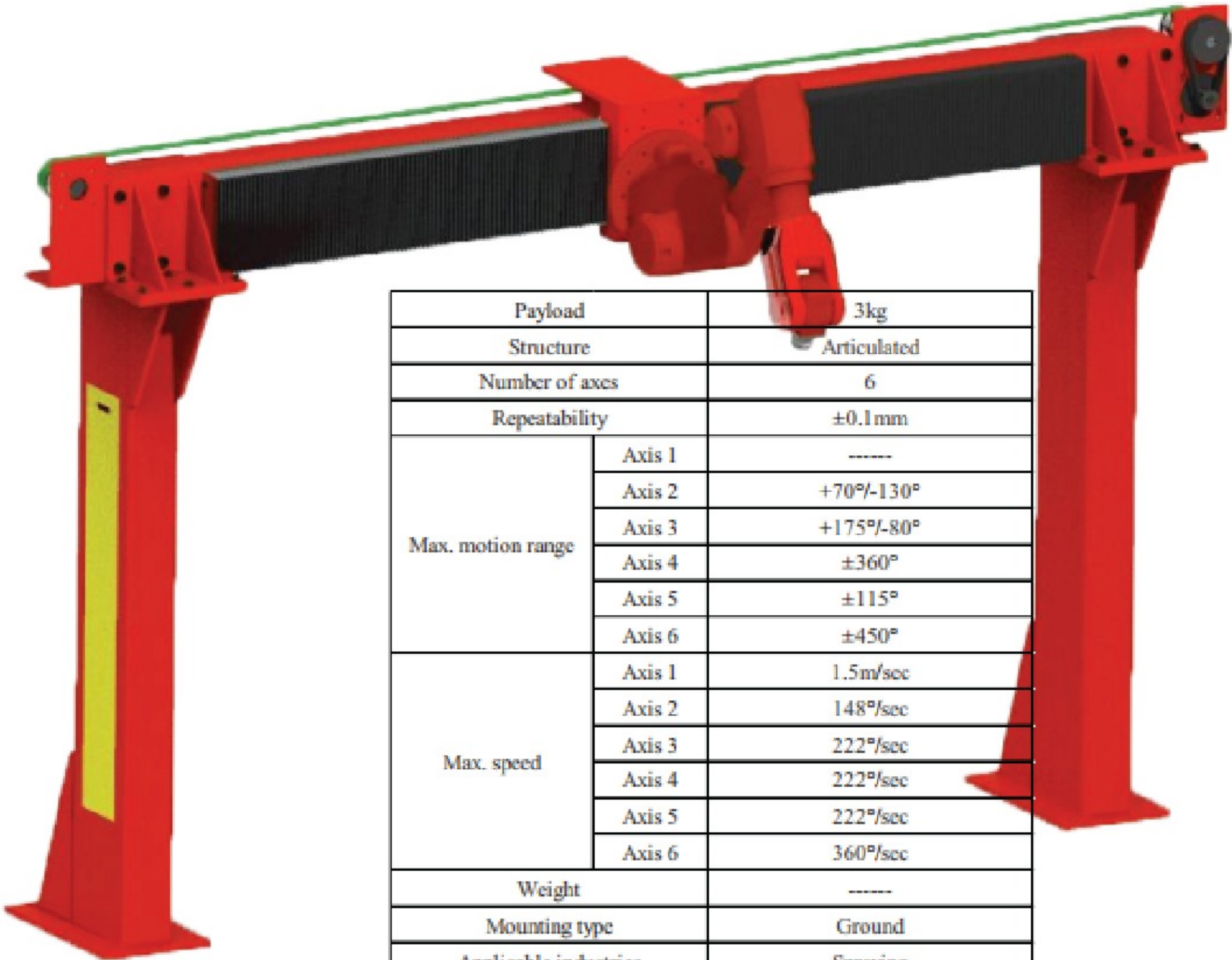


Kích thước chân đế



LP950-A-6

Thông số kỹ thuật



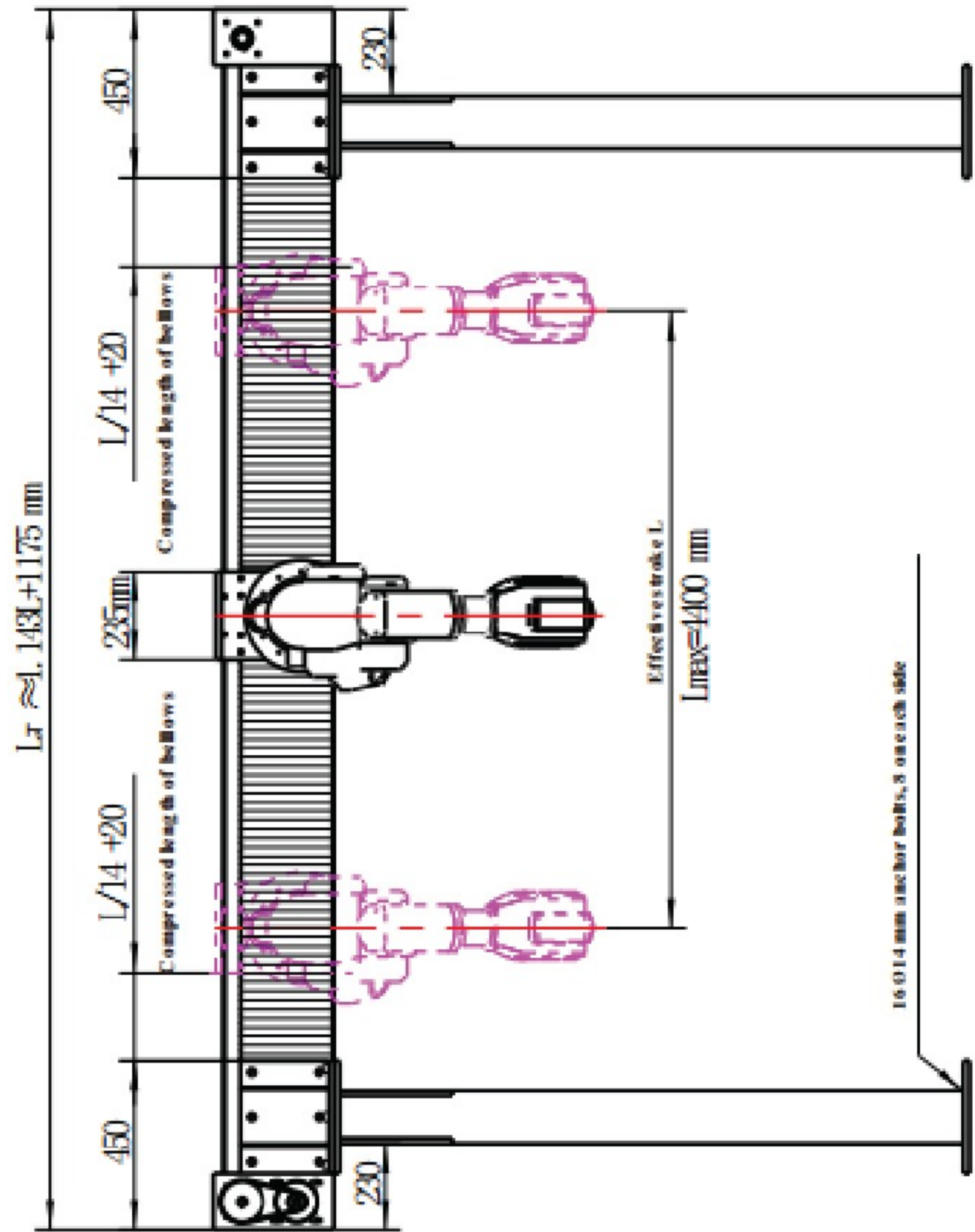
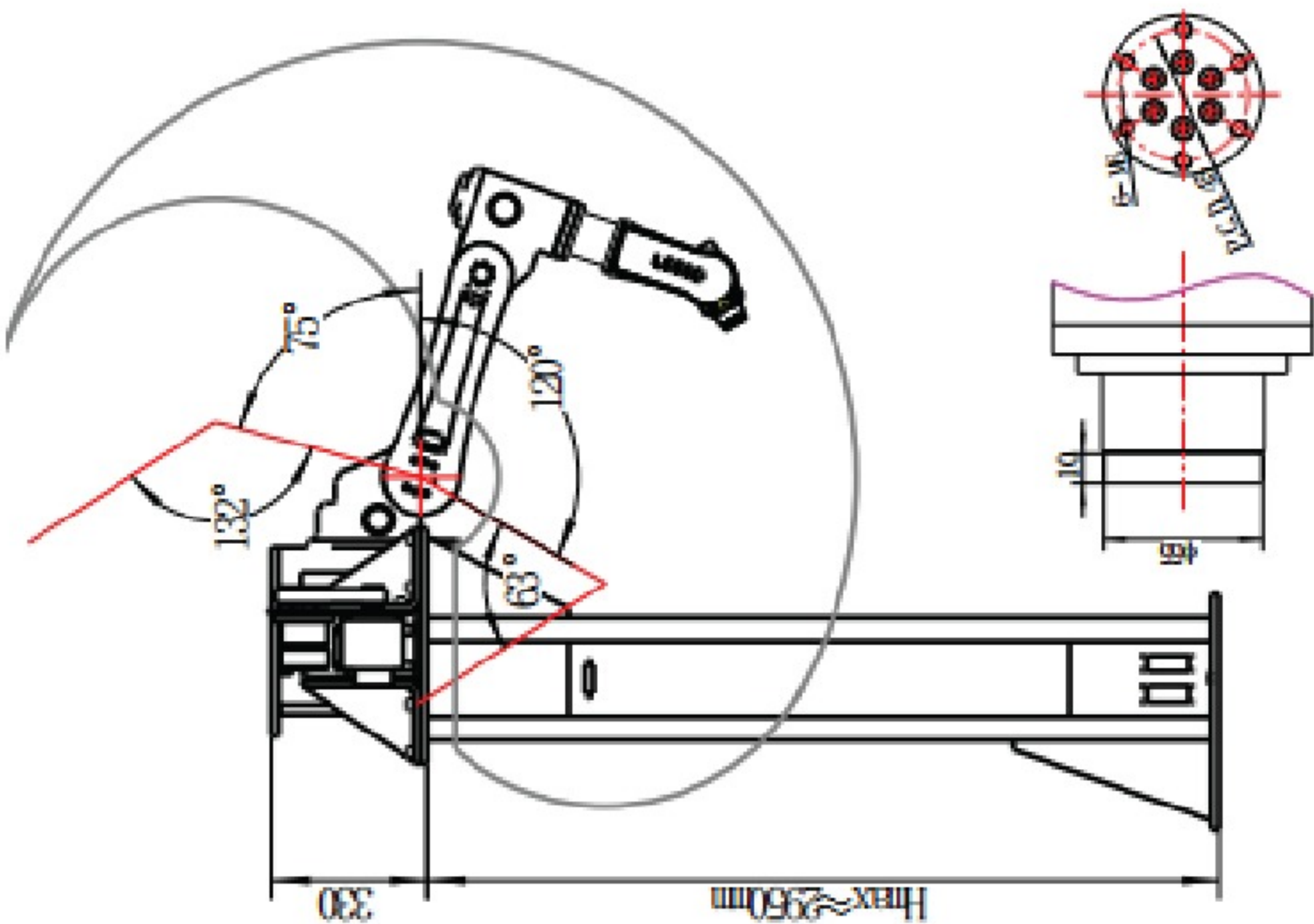
Payload		3kg
Structure		Articulated
Number of axes		6
Repeatability		±0.1mm
Max. motion range	Axis 1	-----
	Axis 2	+70°/-130°
	Axis 3	+175°/-80°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	±115°
	Axis 6	±450°
Max. speed	Axis 1	1.5m/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	222°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
Weight		-----
Mounting type		Ground
Applicable industries		Spraying
Protection grade		Body IP50/electric cabinet IP43
Ambient temperature		5℃～45℃

Ứng dụng

Robot này chuyên dùng để phun các chi tiết dài như cần xe, cửa ra vào và cửa sổ lớn, v.v. Kết hợp với bộ chuyển hai trạm do công ty tự phát triển, robot cũng có thể tự động nạp và tháo dỡ hoặc phun hàng loạt các chi tiết kim loại nhỏ khác. Chiều cao và chiều dài của công phun có thể được tùy chỉnh theo địa điểm của khách hàng.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

Phạm vi chuyển động

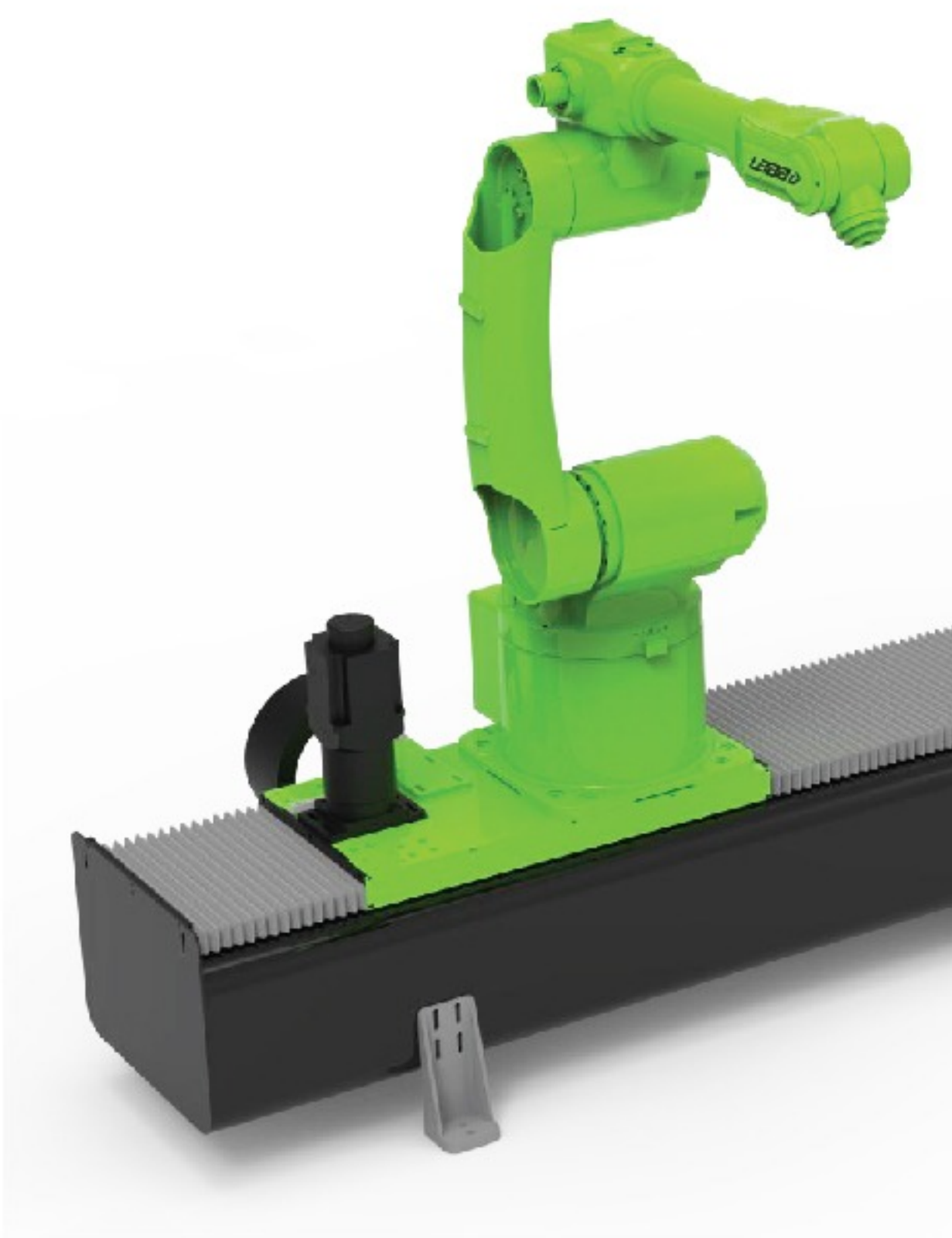


ROBOT 7 TRỤC



LT1500-B-7

Thông số kỹ thuật



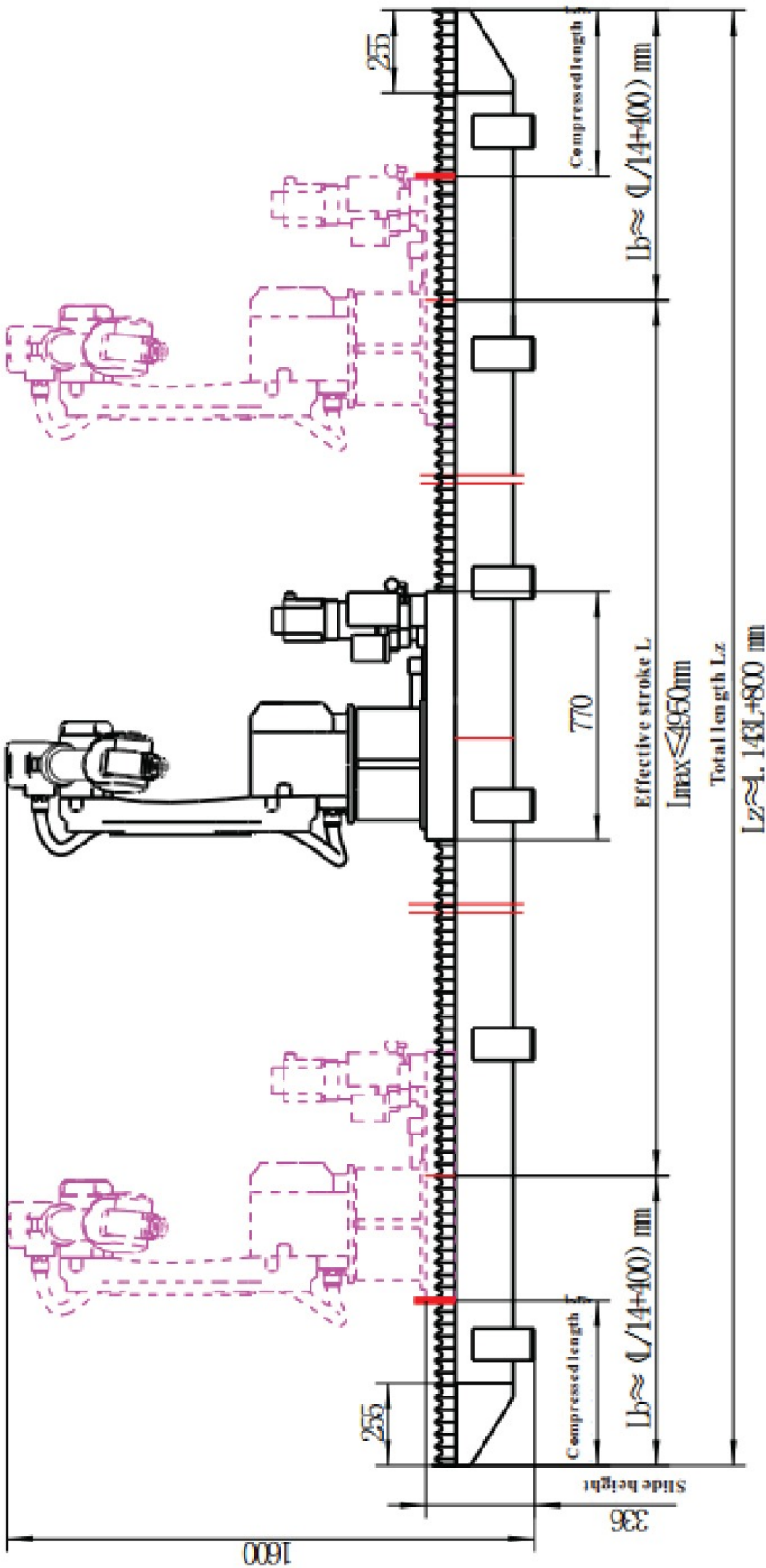
Payload		6KG
Structure		Articulated
Number of axes		7
Repeatability		±0.1mm
Max. motion range	Axis 1	±165°
	Axis 2	+75°/-135°
	Axis 3	+175°/-80°
	Axis 4	±360°
	Axis 5	±115°
	Axis 6	±450
	Axis 7	-----
Max. speed	Axis 1	148°/sec
	Axis 2	148°/sec
	Axis 3	150°/sec
	Axis 4	222°/sec
	Axis 5	222°/sec
	Axis 6	360°/sec
	Axis 7	1m/sec
Weight		-----
Mounting type		Ground
Applicable industries		Spraying, loading and unloading, welding
Ambient temperature		0°C ~ 45°C

Ứng dụng

Robot đa năng hiệu suất cao quy mô nhỏ đa chức năng này có tốc độ phản ứng nhanh. Thân robot được bổ sung thêm thanh trượt di chuyển, có thể theo dõi và phun sản phẩm trên đường ống nước, đạt hiệu suất gấp đôi so với các thao tác thông thường.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

Phạm vi chuyển động



ROBOT SƠN 9 TRỤC

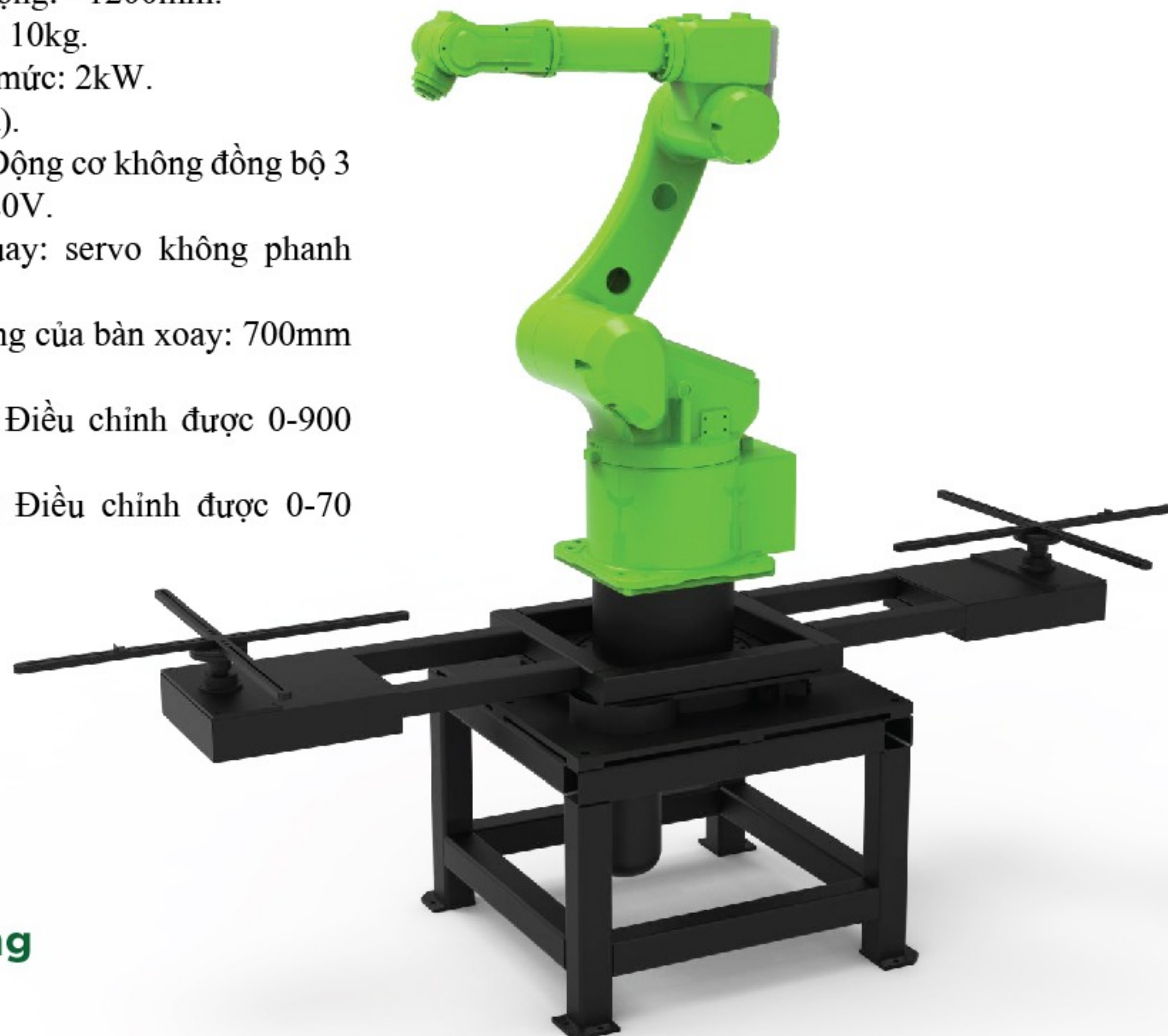
bamboo
Robot

LP1500-B-9

Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật chính của khung xoay:

1. Số lượng trục: 3.
2. Phương pháp lắp đặt: Loại sàn.
3. Bán kính hoạt động: ~1200mm.
4. Tải trọng tối đa: 10kg.
5. Công suất định mức: 2kW.
6. Độ ồn: ~60dB(a).
7. Động cơ quay: Động cơ không đồng bộ 3 pha 750kW, AC220V.
8. Động cơ tự quay: servo không phanh 400W, AC220V.
9. Kích thước ngang của bàn xoay: 700mm * 700mm.
10. Tốc độ quay: Điều chỉnh được 0-900 độ/giây.
11. Tốc độ quay: Điều chỉnh được 0-70 độ/giây.

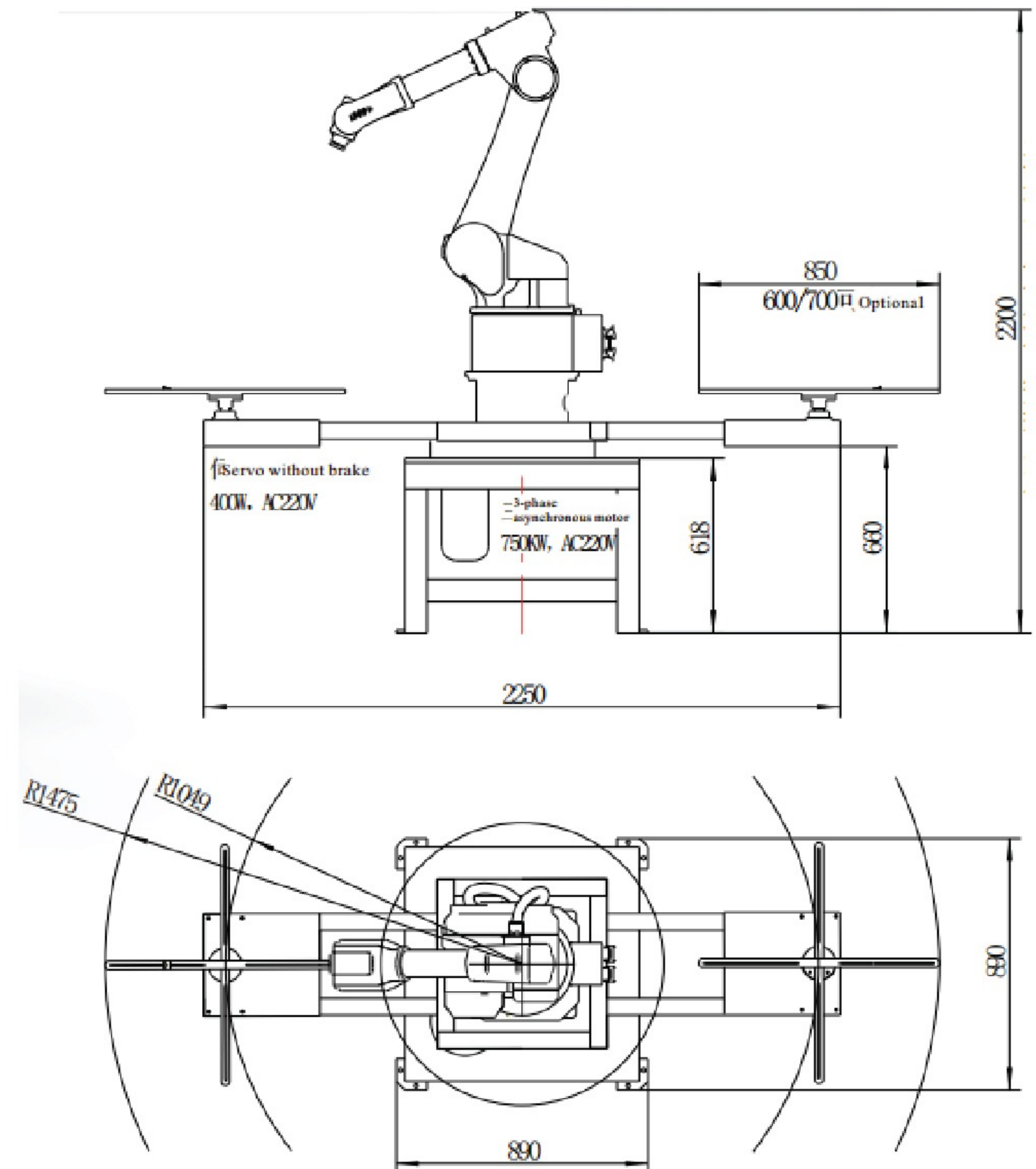


Ứng dụng

Mô hình này bao gồm một robot công nghiệp sáu trục và một khung xoay ba trục, tổng cộng chín trục.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).

Phạm vi chuyển động



BỘ ĐỊNH VỊ TRỤC ĐƠN
BWJ-E/BWJ-F



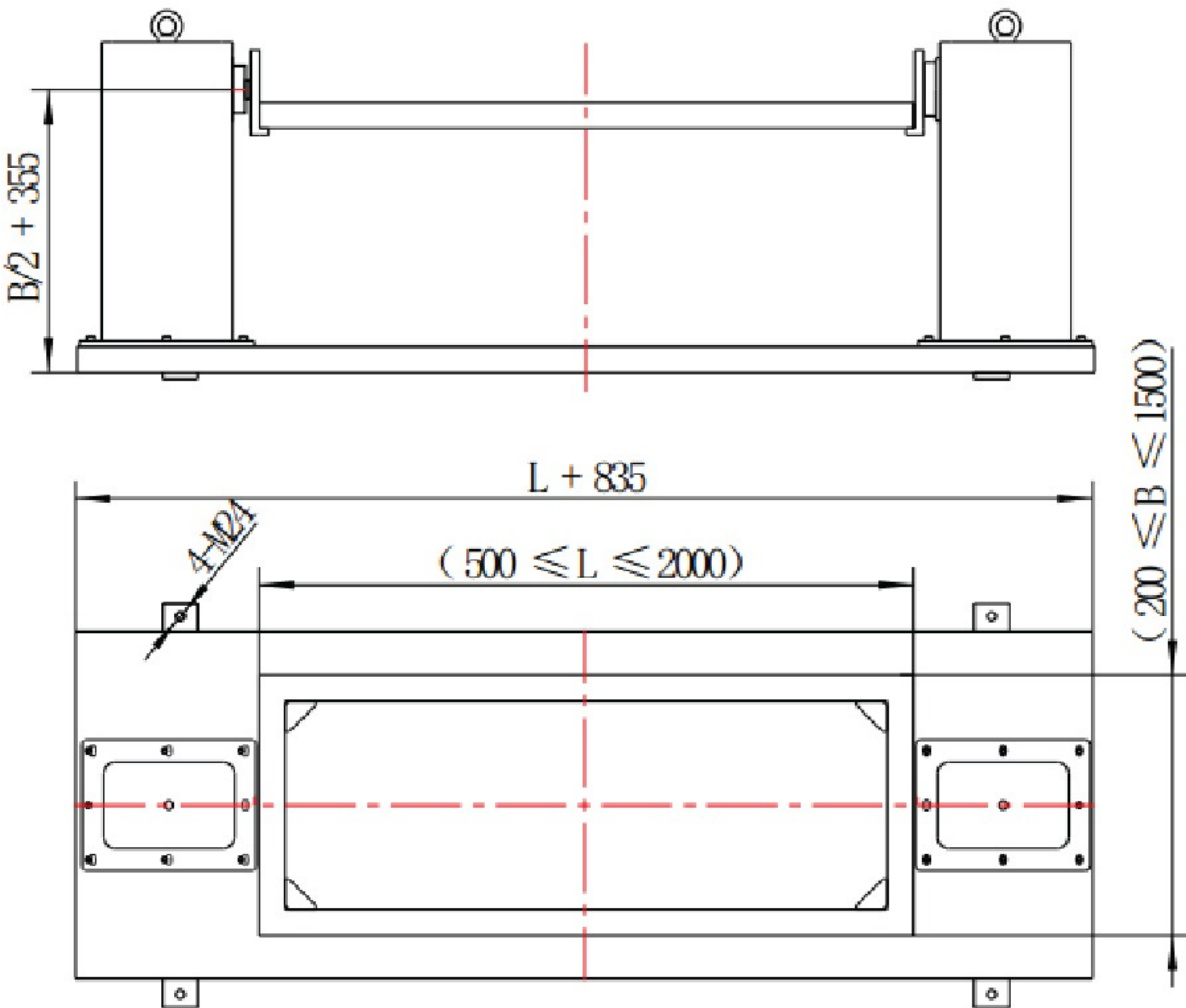
Thông số kỹ thuật

Product name		Single-axis positioner	
Max. payload		BWJ-F	100 kg
		BWJ-G	200 kg
Rated power		BWJ-F	750 W
		BWJ-G	1500 W
Drive mode		Servo drive	
Rated speed		15 r/min	
Noise level		≤60 dB	
Output torque	Speed	BWJ-F	BWJ-G
	5 r/min	235 Nm	575 Nm
	10 r/min	190 Nm	465 Nm
	15 r/min	170 Nm	415 Nm
	20 r/min	155 Nm	380 Nm
	25 r/min	145 Nm	353 Nm
	30 r/min	135 Nm	335 Nm
	40 r/min	125 Nm	310 Nm
Mounting type		Floor	
Ambient temperature		-20 ℃~80 ℃	

Note:
1. The output torque (Nm) determines a constant life at whichever speed.
2. The rated torque refers to the torque at an output speed of 15 r/min and it is the basis for the calculation of life.



Phạm vi chuyển động



Ứng dụng

Bộ định vị trục đơn là thiết bị phụ trợ chuyên dụng cho hàn. Nó thường được sử dụng để hàn các chi tiết phức tạp. Bộ định vị có thể xoay ±180° theo phương ngang và hoạt động kết hợp với robot hàn, do đó mở rộng đáng kể các loại chi tiết mà robot có thể hàn. Hình minh họa một xưởng của khách hàng, nơi bộ định vị trục đơn được sử dụng cùng với robot hàn của chúng tôi để hàn ống tròn.

Lưu ý: Tránh tiếp xúc với khí và chất lỏng dễ cháy, nổ và ăn mòn; không đổ nước, dầu hoặc bột; tránh xa nguồn gây tiếng ồn của thiết bị điện (plasma).